

Viết & Đọc



**Đ
ă
c**

**S
a
n**

**2
0
1
6**

Viết & Đọc
Đặc San 2016



Năm thứ 17

Thực hiện

Đinh Ngọc Càn
Dương Kim
Nguyễn Văn Thục
Thanh Hiệp
Đặng Bản

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh,
Khánh Hà, Cỏ Ngư, Mạch Nha
Cung Vĩnh Viễn, Dương Kim,
Đoàn Mai Tâm, Dương Kiên,
Phạm Tín An Ninh, Lê Nguyên,
Phụng Long, Vũ Thanh Thủy,
Nguyệt Minh, Nguyễn Văn Thà,
Uyên Giang, Đặng Trình
Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Tiên
Thành, Lê Văn Tình, Thi Hạnh,
Phan Thị Ngôn Ngừ, Phạm Gia
Lộc, Nguyễn Phạm Thy Hào

Bìa

Họa Sĩ Tú Anh

Bìa Sau

Về Đây Với Nhau
Thơ: Dương Kiên
Nhạc: Trần Thụy Minh

Liên lạc

vietdoc.nauy@gmail.com
hoặc
Đinh Ngọc Càn
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không phải
là tiếng nói của đoàn thể hay bất
kỳ tổ chức nào. Mọi chi phí ấn
loát do sự đóng góp của quý thân
hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngô	Ban Thực Hiện	3
2016 - Bình Thân về, lai rai chuyện KHI!	Hoài Mỹ	4
Thơ: Vui	Cỏ Ngư	11
Thơ: Paris ngày mai	Nguyệt Minh	16
Thơ: Nghẹn	Cỏ Ngư	17
Thơ: Biếm Họa	Nguyệt Minh	17
Xuân đó xuân đây	Thi Hạnh	18
Thơ: Tôi Đi Nhặt Nắng Lạc Mùa	Thi Hạnh	19
Thơ Gửi Con	Lê Nguyên	19
Rong chơi	Đoàn Mai Tâm	20
Nỗi nhớ	Phan Thị Ngôn Ngừ	22
Tết Năm Nào	Phạm Gia Lộc	23
Đi Tìm	Tâm Thanh	24
Gửi bạn phương xa	Cung Vĩnh Viễn	28
Lần	Cỏ Ngư	29
Thơ: Hương xưa, Trăng	Uyên Giang	29
Con Mộng Dữ	Dương Kim dịch	30
Thơ: Mai người đi, Thơ thần, Trở về	Khánh Hà	33
Vương Quốc của Hoàng Gia Hoa	Nguyễn Văn Thà	34
Thơ: Em là khối mộng	Phụng Long	38
Thơ: Làm sao	Phụng Long	41
Chiếc Ghế Ngồi Bỏ Trống	Lê Văn Tình	42
Lời từ biệt	Ngô Thanh Tâm	43
Tiền Biệt	Nguyệt Minh	44
Biệt	Cung Vĩnh Viễn	45
Thiên nga không còn giữa cõi người	Phạm Tín An Ninh	46
Thơ: Lên núi thăm bạn	Uyên Giang	49
Vĩnh Biệt Dương Kiên	Ngô Tăng Giao	50
Tiền Dương Kiên	nhiều tác giả	54
Nhạc sĩ DZŨNG CHINH	Phạm Tín An Ninh	57
Thơ: Bốn mươi năm	Nguyễn Văn Thà	59
Thơ: Mắt cười	Dương Kiên	59
Sau Cuộc Biền Dâu	Phạm Tín An Ninh	60
Văn tế anh linh từ sỹ Việt Nam	Nguyễn Tiên Thành	64
Ái khắc nghìn năm những dấu than!	Đặng Trình	65
Cỏ Bông Lúa Góc	Nguyễn Thị Vinh	66
Một góc thơ và tôi	Phan Thị Ngôn Ngừ	68
Thơ: Mẹ ơi bốn mươi năm...	Phụng Long	69
Thơ: Sẽ có một ngày	Lê Nguyên	69
Một buổi sáng ở Boston	Vũ Thanh Thủy	70
Bình và Tật	Nguyễn Phạm Thy Hào	72
Cuối Đường Chưa Đến	Dương Kiên	77

Ngỏ

Bạn thân mến!



Năm vừa qua, Tâm Thanh và Dương Kiên đã bỏ chúng ta ra đi. Viết & Đọc đã mất đi hai người bạn đồng hành, gắn bó với Viết&Đọc từ những ngày đầu tiên, và luôn là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho anh em Viết & Đọc. Đặc san này sẽ có nhiều bài vở viết về hai nhà văn đã khuất núi như một lời cảm tạ với những gì họ đã để lại cho đời, cho chúng ta.

Bạn văn Đoàn Mai Tâm, Lê Văn Tình, Nguyệt Minh...viết về những kỷ niệm với nhà văn Tâm Thanh trong sự thương tiếc bùi ngùi. Nhớ về ông, trong đầu họ hiện ra một người đàn ông từ tốn, nhỏ nhẹ, dễ tạo sự gần gũi cho người đối diện. Trong *Thiên nga không còn ở giữa cõi người*, Phạm Tín An Ninh đã kể về những kỷ niệm với người mà ông xem là thầy lúc ông mới bắt đầu tập tành sáng tác từ những ký ức trong cuộc đời binh nghiệp. Ông cũng kể về giai thoại ra đời thú vị của truyện ngắn *C. Thành* của Tâm Thanh. Nhà thơ Cung Vĩnh Viễn tiễn bạn mình với bài thơ *Biệt: Thôi thế từ nay không ngóng đợi/ dù thấy đời như trống trải hơn/*. Khánh Hà trải lòng nhớ tới người bạn đời qua những vần thơ đầy xúc cảm: *Gió vờn khóm lá băng khuôn/ Ai người thiên cổ có lần ngồi đây.*

Vĩnh Biệt Dương Kiên của Ngô Tăng Giao là một cuốn phim nhanh lướt qua cuộc đời nhiều biến cố và sự nghiệp văn chương của nhà văn đa tài Dương Kiên. Sự ra đi vĩnh viễn của ông để lại nhiều thương tiếc. Cổ Ngư, Mạch Nha, Cung Vĩnh Viễn... có những lời thơ lắng đọng tiễn ông về cõi vĩnh hằng. Đăng Trình đã mượn hai câu thơ trong bài *Khóc Bạn* của Nguyễn Khuyến để nói lên tâm sự: *Bác Dương thôi đã thôi rồi !/Nước mây man mát ngậm ngùi lòng tôi.../*

Trong số này, bạn đọc sẽ được thưởng thức một những sáng tác chưa trình làng của Tâm Thanh và Dương Kiên. Truyện ngắn *Đi Tìm* của Tâm Thanh lấy bối cảnh từ một cảnh đời rất thường: Giáo đường trước giờ cha làm lễ thành hôn. Câu chuyện xoay quanh chàng rề loay hoay tìm chiếc nhẫn cưới với lời kể chuyện lôi cuốn và một kết thúc rất "Tâm Thanh"- bất ngờ, nhẹ nhàng và hóm hỉnh. Đoạn trích từ truyện dài *Cuối Đường Chưa Đến* chưa xuất bản của Dương Kiên đưa ta ngược dòng thời gian trở về với làn sóng di cư từ Bắc vào Nam lánh nạn Cộng sản năm 54 hứa hẹn diễn biến thú vị theo sát dòng lịch sử.

Ngoài ra, Đặc san 2016 còn giới thiệu đến độc giả sáng tác của những bạn văn quen thuộc từ nhiều năm qua: Nguyễn Văn Thà, Nguyễn Phạm Thy Hào, Phạm Tín An Ninh, Cổ Ngư, Phụng Long, Thi Hạnh, v.v... và dĩ nhiên không thể thiếu bài viết có tính cách biên khảo giá trị, nhưng không kém phần hài hước về con giáp năm nay là con Khỉ của Hoài Mỹ.

Cuối cùng Ban Thực Hiện Viết & Đọc kính chúc tất cả các bạn đọc, tác giả và các ân nhân một năm mới an khang thịnh vượng.

Ban Thực Hiện

2016 - Bính Thân về, lai rai chuyện KHỈ!



Hoài Mỹ

Khỉ bởi đâu mà ra? Cổ nhân dạy: “Chẳng ai ở lỗ nè chui lên”, ý nói về nguồn gốc. Năm nay đến phiên Khỉ “quản lý” thế gian nên việc tìm hiểu xuất xứ của Khỉ, thiết tưởng cũng quan trọng không kém gì so với 11 con giáp khác, kéo bị vạ “bên khinh bên trọng” chỉ vì sơ suất “bất tri bất kính”.

Khỉ bởi đâu mà... ra?

Sự tích 1: Thật sự vào thời gian nào, sử sách không ghi rõ, chỉ biết nhân gian truyền khẩu rằng ngày xưa ngày xưa, có một cô gái mồ côi với nhan sắc rất “khiêm nhường” phải đi làm “ô sin” cho một đại gia. Hàng ngày cô phải làm lụng vất vả lại không được trả lương bổng, chỉ được ngày hai bữa nhưng toàn những thứ cơm thừa canh cặn.

Một ngày nọ, gia đình trưởng giả có giỗ, cỗ bàn linh đình và khách khứa, họ hàng toàn hạng giàu sang đến ăn uống từ sáng sớm. Trong khi đó cô gái vẫn phải gánh nước từ một giếng khơi ở mé rừng. Tuy gọi là giếng vì là nơi chứa nước ăn cho cả làng nhưng thật sự nó rộng như một cái hồ nhỏ. Cô phải gánh liên tục, hết gánh nọ đến quầy khác. Tới lần thứ mười thì cô không còn sức, bèn ngồi ở bờ giếng định nghỉ một lúc. Cô chợt nghĩ tủi thân, bật khóc nức nở. Chợt lúc đó có một cụ già đi tới với dáng vẻ mệt mỏi, xin cô nước uống. Cô gái vội vàng lau mắt, múc nước từ giếng lên cho ông già giải khát. Uống nước xong, ông già lại đòi ăn. Chợt nhớ phần ăn của mình ở nhà, cô bảo cụ chờ rồi vội gánh nước về. Khi trở ra giếng, cô đưa cơm cho ông già, ngập ngừng nói:

-Xin cụ xoi tạm cho đỡ đói. Họ chỉ dành cho con toàn cơm cháy.

Ăn xong, ông cụ hỏi nàng: “Sao lúc nãy con khóc?” Cô gái chỉ cúi mặt xuống, không trả lời. Bằng một giọng ôn tồn, ông

già nói tiếp:

-Ta là Thần, thấy con có lòng tốt, ta thương. Bây giờ con muốn bắt cứ điều gì, ta hứa sẽ làm cho con hài lòng.

Cô gái vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ, bèn kể hết nỗi lòng cho vị Thần. Điều ao ước của cô gái chỉ đơn giản là bớt xấu xí nên Thần bảo cô lội xuống giếng, thấy bông hoa nào đẹp thì hít vào mũi ắt sẽ được như ý nguyện. Cô gái vâng lời nhưng cô chỉ kể mũi trên mấy bông hoa trắng mà hít những hương thơm. Khi bước lên bờ, cô trở nên xinh xắn vô cùng; quần áo cũ rách của cô đồng thời cũng biến thành những thứ tốt đẹp. Cô quì sụp xuống lạy Thần để cảm ơn.

Khi cô quẩy nước về đến nhà, từ ông bà chủ trưởng giả cho đến khách khứa, ai cũng kinh ngạc. Họ hỏi nguyên nhân, cô gái cứ thành thật mà kể lại. Tức thì mọi người bỏ hết cuộc vui mà chạy vội ra giếng. Ông cụ vẫn ngồi đó. Họ tíu tít mời ông ăn xôi thịt:

-Cụ xoi đã đòi đi rồi làm làm phúc cho chúng tôi được như ý.

Ông cụ cũng chỉ bảo họ như đã nói với cô gái. Đám đông thi nhau mà lao người xuống nước. Họ cũng thấy hai loại hoa, đỏ và trắng nhưng ai cũng chỉ chọn hoa đỏ mà hít hương vì cho là màu đỏ ắt đẹp hơn vì sắc mùi rực rỡ. Thế nhưng khi lên bờ, không ai trẻ ra, trái lại mặt mũi người nào cũng nhăn nhoe; thân hình quắt lại, mọc đầy lông, đặc biệt là có cái đuôi phía sau mông. Khi họ mở miệng định nói gì thì chỉ phát ra những âm thanh “khếch, khếch...”

Chợt lúc đó một đám đông dân làng ra giếng gánh nước. Họ kinh ngạc khi thấy một đàn thú kỳ dị, bèn lấy đòn gánh đánh đuôi. Các con thú này, đúng hơn là gia đình và họ hàng nhà trưởng giả, vội chạy lên rừng.

Từ đó, cô gái và các đầy tớ cũ trong

nhà được hưởng trọn của cải, ruộng vườn do đại gia để lại. Trong khi đó, đám thú lạ ngày ngày chỉ hái trái cây trên rừng mà ăn cho đỡ đói. Tuy vậy, vì tiếc của nên đêm đêm chúng vẫn mò về nhà cũ, kêu “khếch... khếch” như muốn đòi lại. Khi mặt trời ló dạng, chúng lại vội trở về rừng.

Cô gái và dân làng sợ lắm, nhất là khi thấy đám thú này phá phách. Họ bàn nhau tìm cách đánh đuổi. Theo sự chỉ dẫn của những người cao niên, dân chúng bôi mỡ vào các cánh cửa đồng thời nung đỏ các lưỡi cày rồi để rải rác ở sân nhà. Quả đúng, bọn thú vốn xưa kia khi còn là người vốn chỉ ăn toàn những cao lương mỹ vị, nay khi đụng tay vào mỡ thì lại vậy khắp người, chúng cảm thấy hơi hám khùng khiếp. Khi ra sân tính ngồi thì móng vuốt chạm vào những lưỡi cày nung đỏ, chúng đã nhảy cẫng lên, kêu la oai oái vì lông cháy hết, để lộ một mảng thịt đỏ lôm ở đít. Thế là từ đó chúng không còn dám bén mảng về làng quấy phá nữa...

Sự tích 2: So với giả thuyết 1 trên đây về nguồn gốc của Khi, sự tích 2 này chỉ khác biệt về một vài chi tiết tương đối không quan trọng lắm, chẳng hạn thay vì cô gái đầy tớ phải ra giếng gánh nước trong ngày chủ nhà trưởng giả làm cỗ giỗ để rồi gặp vị Thần giả dạng một cụ già đói khát, thì ở đây là nhân một bữa cơm chiều, vợ chồng phú hộ đang ăn thì có một bà lão ăn mày gầy yếu trong lớp quần áo rách tả tơi đến van xin ít cơm vì bà chẳng có gì bỏ bụng mấy hôm rồi. Vợ chồng phú hộ sai đưa ở đuôi bà lão đi, nhưng người tớ gái này tuy mặt mũi xấu xí nhưng rất tốt bụng, đã miên cưỡng vâng lời chủ tuy nhiên dẫn nhỏ bà ra đợi ở gốc cây bên đường. Một lúc sau, đợi chủ ăn uống xong, đưa tớ gái lên ra cho bà lão một gói lá chuối bọc cơm và cá. Đoạn cô toan chạy về thì bà lão đã níu lại cảm ơn và bảo nó hôm nào vào rừng lấy củi, hãy đến tắm ở dòng suối cách đó hai dặm, tức khắc người sẽ đẹp ra.

Vài hôm sau, củi hết, bà phú hộ sai con ở vào rừng kiếm về. Đứa tớ gái nhớ lời bà lão ăn mày dặn, tìm đến dòng suối rồi xuống tắm một lúc, sau đó lên lượm củi vác về nhà. Từ đó, nó cảm thấy có sự đổi khác trong người để rồi trở thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần. Vợ chồng phú hộ dĩ nhiên cũng nhận ra nhưng lại ngấm một mưu định khác là muốn nhận nó làm con nuôi để hy vọng có rể làm quan lớn, nhờ vậy sẽ vừa giàu có hơn nữa lại có thêm danh vọng. Đứa

ở gái vốn mồ côi cha mẹ từ thuở bé lại không có ai họ hàng nên ưng thuận làm con nuôi của vợ chồng chủ nhà.

Một hôm, bà phú hộ dò hỏi con gái nuôi nhờ đâu mà có nhan sắc xinh đẹp như vậy. Cô gái thành thật kể lại tất cả đầu đuôi câu chuyện. Thế là ngay sáng sớm hôm sau, vợ chồng chủ nhà vội vàng tìm đến dòng suối nhiệm màu để tắm, hy vọng chẳng những sẽ cải lão hoàn đồng mà còn đẹp để bội phần nữa. Thế nhưng, trong lúc hai người đang ngâm mình thì nước bỗng sôi lên. Cả hai vợ chồng vội nhảy lên bờ nhưng thấy da thịt ngứa ngáy, lại tin là nước thần tiên bắt đầu hiệu nghiệm. Nào ngờ da dẻ của họ mỗi lúc một ngứa hơn khiến họ phải gãi khắp mình mẩy, tuy nhiên gãi đến đâu thì lông mọc đến đó. Hai vợ chồng cuống cuống lên, quên cả áo quần rồi cứ thế chạy thẳng về nhà đồng thời thốt ra những tiếng kêu thét.

Cô con gái nuôi thấy hai con vật lông lá lại dữ tợn muốn xông vào nhà thì sợ hãi quá. Lúc đó bà lão ăn mày độ nào bỗng hiện ra, nhưng lần này xưng danh là Phật Quan Âm rồi bảo cô gái rằng: “Con đừng sợ. Hai con vật này chính là vợ chồng phú hộ ác nghiệt lại tham lam nên bị Trời phạt hóa kiếp đó”.

Sau đó Phật Quan Âm dạy cô gái nung đỏ hai hòn đá mà đặt trước cửa nhà, phòng khi loài thú này đến quấy phá. Cô gái tuy thương tâm nhưng cũng vâng theo lời đức Phật. Thế rồi một đêm kia, vợ chồng phú hộ trở lại kêu những tiếng khếch, khếch đòi của; hai con vật này lòng lộn, gào rú một hồi thì mệt mỏi, bèn ngồi phịch xuống hai hòn đá nung đỏ. Chúng hoảng sợ kêu rú lên vì bị cháy trụi lông ở móng, phỏng đỏ đít rồi chạy bán sống bán chết lên rừng để rồi từ đó không còn dám lặn mò về làng nữa...

Qua cả hai sự tích trên, về phía dân làng vì lần đầu tiên thấy loài thú lạ, không biết gọi là gì nhưng nghe chúng kêu “khếch, khếch...” thì từ thuở ban đầu, họ bèn đặt tên là “con khếch”; sau qua thật nhiều thời gian, vì phong thổ và vì âm giọng địa phương, tiếng “khếch...” đã dần dần đổi thành “khịt... khịt” rồi thành “khỉ” khi nào không hay... Và vì thấy giống Khi này mang vết bông ở móng nên dân chúng cũng gọi chúng là “Khỉ đỏ đít”.

Tên... Khi

Tuy thế, trong tiếng Việt, ngoài “khếch”, “khỉ”... loài này còn được gọi bằng

nhiều từ khác nữa như: Hâu, khởi, khon, khi khon, trầu, bú dù, nôm, đười ươi, vượn... Ngoài các nguyên nhân khởi đầu kể trên, một tên gọi nào khác còn có thể do đặc điểm về hình dáng, sinh hoạt... của con vật ấy hoặc cũng bởi một niềm tin nào đó, chẳng hạn khi thấy “khi” hay tìm về phá phách hoa màu, người bình dân thuở xưa bèn gọi bằng một tên hoàn toàn khác hoặc nói trại đi vì sợ chúng nghe được tiếng người rồi tìm cách trả thù, chẳng hạn từ “khi” thành “khởi”... nhưng cũng có khi để cầu xin một điều tốt lành, thí dụ con “hầu” mà theo âm tiếng Tàu “hầu” vừa có nghĩa là “khi” lại đồng âm với từ “hầu”, một tước vị quyền quý, thí dụ “phong hầu” có nghĩa là “phong chức tước”...

Đó là chưa kể tên “Khi” trong tiếng Việt còn mang một nghĩa bóng để ám chỉ một kẻ hay nghịch ngợm, phá phách hoặc để gọi lên án tượng về tính láu táu, thói phét lác. Hơn nữa, từ “khi” ghép với một từ khác lại càng đặc biệt, rất gợi hình, điển hình như:

-Khi già: Người gầy ốm. Từ dùng để rủa người cao tuổi mà “không nên nết”.

-Khi khon: Lý lắc, hay trững; (trững = chơi giống cách mạnh bạo. “Trững giống” = Chơi giống, chạy la lối (Cái thừng trững giống cả ngày!).

-Khi cùi, khi khô: Chỉ vật không có (Có khi cùi gì đâu! Hay: Có khi khô gì đâu!).

-Khi mốc (hay “mốc xì”): Tiếng khinh thường (Khi mốc, việc gì phải sợ!).

-Khi gió: Tiếng rủa: “Phải gió!” hay “Khi gió” hay “Khí gió”...

Ngoài ra, nếu so sánh với các thú vật khác, kể cả chó và cạp, không con nào có thể “qua mặt” khi về số lượng tên gọi. Chẳng những thế, những lời mắng nhiếc liên quan đến tên “khi” xét ra cũng khá bộn, tuy nhiên hầu hết không có ý nghĩa độc địa, nặng nề, trái lại nghe có vẻ như mắng yêu hoặc thoáng chút đùa cợt, chẳng hạn: “Đồ khi, ăn no trững mỡ!”, “Đồ con trầu!”, “Đồ bú dù!”, “Đồ nôm!”, “Đồ khi đột, thấy mà ghét!”...

Sau hết, trong cuộc thi tuyển chọn 12 loài vật làm “cảnh vệ” ở trần gian tức con giáp, do đức Phật tổ chức, khi cũng dự thi nhưng vì chỉ tài ba leo trèo cây cối chứ khi không giỏi ở dưới nước nên trong cuộc bơi thi qua sông Thiên Giang, Khi về sau Chuột (Tý), Trâu (Sửu), Cạp (Dần), Mèo (Mão), Rong (Thìn), Rắn (Ty), Ngựa (Ngọ) và Dê (Mùi) để rồi từ đó được mang hiệu Thân, tức chữ thứ 9 trong hàng Chi.

Khỉ là loài gì?

Cho tới nay, Khỉ không còn xa lạ với

người, nhưng định nghĩa Khỉ, e có nhiều sự bất đồng, tưởng như mỗi người nhìn Khỉ bằng một cặp mắt... khác nhau; tuy nhiên chọn lọc mãi, cuối cùng người viết bài này cũng tạm thu lượm được những điểm chung chung dưới đây:

-Khỉ là loài thú có vú (Mammalia); 4 chân có bàn trũng, hình giống bàn tay và ngón dài nắm được, trèo cây giỏi, sống bằng trái cây và ngũ cốc; tính hay bắt chước và phá phách.

-Khỉ, bộ Linh trưởng, tức là một bộ loại động vật cao đẳng (animalia); gần giống người.

Theo nhà sinh học Carl Linnaeus, bộ Linh trưởng còn chia thành 28 họ/phân bộ khác nhau; mỗi họ lại chia thành mấy chục loài... khá dĩ một bài báo Xuân không đủ chỗ để phân tích và liệt kê, bởi thế mạn phép chỉ tóm tắt như sau: Các dấu vết hóa thạch cho biết tổ tiên của Linh trưởng đã hiện diện trên vũ trụ này cách nay chừng 65 triệu năm. Chẳng thế mà đã có khoảng 264 loài khỉ bị tuyệt chủng. Các vùng nhiệt đới hay cận nhiệt đới của Châu Mỹ, châu Phi và châu Á là những nơi các loài khỉ thích thú sinh sống nhất...

Họ hàng Khỉ

Mặc dù như trên vừa... tiết lộ, hơn 264 loài khỉ tới nay đã bị “xóa tên khỏi sổ bụi đời”, thì thử hỏi, số họ hàng khỉ hiện tồn tại hẳn nhiên không ít, thành thử người viết cũng lại chỉ xin nhắc đến vài loại quen thuộc mà chúng ta đã từng nhìn thấy hoặc tối thiểu cũng đã “gặp” nhiều lần trong phim ảnh. Điển hình như:

-Khỉ đột (độc) (Gorilla):

Giống khi to lông đen; thân hình đồ sộ mà khi đứng thẳng có thể cao từ 1.7 - 2 mét và trọng lượng từ 180 - 200 kg. Loại khỉ đột núi sống ở những khu rừng nhiệt đới hay bán nhiệt đới của Châu Phi; trong khi loại khỉ đột đồng bằng sống ở những nơi cây cối rậm rạp, đầm lầy và các vùng ngập nước xấp xỉ mực nước biển. Nguồn thực phẩm trọng yếu của khỉ đột là loại cây mọng nước, chồi non...

Khỉ đột sống theo đàn, dưới sự chỉ huy và bảo vệ của một con đực to và khỏe nhất. Chúng thường sống dưới mặt đất, đi bằng bốn chân nhưng khi chuẩn bị đánh nhau, chúng lại chỉ di chuyển bằng hai chân. Tuy có vẻ nặng nề, nhưng khỉ đột có thể chạy khoảng 40km/giờ. Về đêm, chúng có thể... ung dung ngủ trên cây.

-Khỉ tuyết: Tên chuyên môn là Macaque với khuôn mặt “đỏ tung bưng” không

phủ lông; trong khi đó bộ lông thân mình dày nhưng màu nâu nhạt. Loài Macaque có khả năng chịu lạnh cực độ, dưới -20 độ C (âm), thường sống ở những khu vực cực Bắc, nơi băng tuyết bao phủ quanh năm. Khi Macaque đực có trọng lượng trung bình là 11,3 kg trong khi con cái nhỏ hơn, chỉ nặng chừng 8,4kg. Chúng sống thành những đàn nhỏ theo cấu trúc kiểu mẫu hệ với con cái giữ vai trò đầu đàn. Chế độ ăn uống của chúng thay đổi theo khí hậu: Mùa hè, chúng thường ăn các loại lá, trái cây, côn trùng và các động vật nhỏ; tuy nhiên mùa đông, thực phẩm khan hiếm, chúng ăn cả các loài thảo mộc, lá và cả rễ cây... Chúng di chuyển chủ yếu bằng 4 chân nhưng cũng biết nhảy, nhất là bơi thì tuyệt vời!

Tuổi thọ của loài khỉ Macaque tương đối ngắn; con đực có thể sống được khoảng 28 năm, trong khi con cái sống lâu hơn, khoảng 32 năm. Người ta e ngại loài khỉ tuyết có thể bị tuyệt chủng. Hiện ở hai thảo cầm viên tại Nhật, Iwatayama và Kyoto, có 170 khỉ tuyết đáng yêu, hàng ngày thu hút đông đảo khán giả.

-Đười ươi: Đây là một chi thuộc họ Người (Hominidae = khỉ dạng người), loài linh trưởng lông rậm màu vàng sẫm pha trộn với màu xám, sống trên cây nhiều hơn dưới mặt đất, thích nghi với cuộc sống nhiệt đới Đông Nam Á, đặc biệt trên đảo Borneo và Sumatra của Indonesia (Nam Dương). Đười ươi là một trong những loài linh trưởng thông minh nhất, có thói quen làm tổ ngủ mỗi đêm bằng các nhánh và lá cây. Đười ươi có thể sống tới 60 năm.

Người ta “đánh giá” tầm vóc của đười ươi trưởng thành bằng sải tay giang rộng của nó, thường đạt đến 2 mét. Trọng lượng đười ươi đực trung bình trên 75 kg; con cái từ 30 - 50 kg. Chân và tay đười ươi rất khỏe mạnh khả dĩ chúng có thể bám chắc chắn để đánh đu, bởi vì 90% thời gian trong đời, chúng sống ở trên cây.

Cách nay một thế kỷ, trên đảo Borneo có khoảng 300,000 con đười ươi, nhưng nay chỉ còn khoảng gần 40,000 con. Người ta lo ngại nếu tốc độ phá rừng không được kiểm soát, e rằng loài đười ươi cũng sẽ bị tuyệt chủng.

-Vượn: Các loài vượn còn sinh tồn thì ngày nay sống trong các rừng già nhiệt đới và cận nhiệt đới từ Đông Bắc Ấn Độ tới Nam Indonesia và về phía Bắc tới miền Hoa Nam. Chúng sống thành đàn; mỗi đàn chiếm cứ một khu vực và sẵn sàng bảo vệ lãnh thổ

bằng cách kêu hú hay hành động. Tiếng hú của vượn vang vọng đến cả cây số, không chỉ để báo động khu vực bị chiếm cứ mà còn để tìm bạn hay giao tình.

Tùy từng loài và giới tính, bộ lông của vượn có thể thay đổi từ màu nâu sẫm tới nâu nhạt hay xám, có khi đốm loang màu đen hay đốm trắng. Vượn trắng tuyền rất hiếm. Người Việt còn dùng từ “Lọ Nồi” để gọi giống vượn lông ở mặt đen; lông mình và đầu thì trắng.

Loài vượn di chuyển bằng cách chuyền cành bằng hai tay với vận tốc 56 km/giờ; chúng cũng có thể nhảy xa tới 8 mét. Chỉ tiếc vượn không biết... bay dù chúng rất nhanh nhẹn và uyển chuyển nhất trong số loài thú trên cây cao.

Khỉ là tổ tiên của loài người?

Năm Thân, nói về khỉ mà không nói về vượn “khỉ có phải là tổ tiên loài người không”, e là một thiếu sót... nhón, bất khả tha thứ. Thú thật tôi chẳng hứng thú chút nào với tiêu đề này. Nhớ lại thuở nhỏ học tiếng Pháp, mỗi lần phải đọc hay phải nói câu “Nos ancêtres sont des Gaulois”, bọn học sinh Việt Nam chúng tôi tuy còn rất nhóc nhưng cũng đã giàu tự ái dân tộc nên tuy miệng miên cưỡng phát ngôn nhưng trong bụng... văng tục. Thử hỏi như vậy, đã làm người, ai lại có thể tự hào nhận “nos ancêtres sont des signes”, tức “tổ tiên chúng tôi là khỉ!”. Ấy vậy mà những kẻ theo chủ nghĩa duy vật vốn do Karl Marx dựa trên thuyết tiến hóa mà đề ra, lại tin chắc như “đinh đóng cột”. Đúng lý trên “bàn thờ”, người cộng sản vô thần phải “vô tư” treo song song chân dung một con khỉ đột với ảnh các lãnh tụ như Karl Marx, Friedrich Engels, Lenin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh...

Tuy nhiên “chạy trời không khỏi nắng” vì tôi đã lỡ “leo lưng cọp”, nghĩa là đã chót đại mở miệng lai rai chuyện khỉ nên “phải cưới cọp” luôn. Thế nhưng vì “dốt đặc cán mai” về những lý thuyết siêu hình lẫn khoa học đồng thời lại không muốn làm nhưc đầu độc giả nhân đầu Xuân mới, tôi mạn phép chỉ trình bày “qua loa rờ mắng” mà thôi:

Vâng, nói đến nguồn gốc con người, thiên hạ thường nhắc đến thuyết Tiến Hóa (Evolutionary Theory) mà ông tổ là Charles Darwin (1809-1882). Đại khái là khi phân định họ Vượn, khoa học thấy ngoài hình dạng cơ thể giữa con người và vượn còn có những điểm tương đồng như âm thanh tiếng hú, nhím sắc thể và những phân tử di tố.

Mầm sự sống đã có từ khi vũ trụ này hình thành cách nay khoảng 15 tỉ năm, trong khi nhánh loài người - vốn có chung một cơ chế vận hành căn bản về di truyền với tất cả các chủng tộc khác như khi không đuôi có dạng giống người (ape)... - mới chỉ khoảng 5 triệu năm trước. Thế rồi bởi những động lực tiến hóa, nhánh loài người đã tách ra khỏi những nhánh khi không đuôi để dần dần thành động vật đi hai chân, mất đi lông trên cơ thể và bộ óc lớn dần đến kích thước ngày nay...

Thế nhưng mới đây, ngày 09-09-2015, nhà Cổ Sinh Vật Học Lee Burger, Giáo Sư của University of Witwatersrang, ở thành phố Johannesburg, Nam Phi, đã “trình làng” cả thảy 1,500 mảnh xương của tối thiểu 15 “người”, cả nam lẫn nữ. Đây là kết quả việc khảo cổ dưới một cái hang gọi là Rising Star, nơi chỉ cách Johannesburg có 50 cây số. Giáo Sư Burger trình bày rằng “những khám phá này chứng minh một loài mới trên đường tiến hóa đến loài người tiên bộ và đã được đặt tên là Homo Naledi” (Homo = người; Naledi = Ngôi sao). Theo ông Burger, “loài người này đã sống ở Phi Châu cách nay khoảng 3 triệu năm”, có một số tập tục, đặc biệt biết chôn người chết.

Kết quả khám phá mới trên đây có thể đánh đổ thuyết Tiến Hóa, bởi vì “Homo Naledi biết chôn người chết”, trong lúc khi không hề có khả năng này!

Thành ngữ, tục ngữ liên quan đến “khi”

Khi cũng như 11 con giáp khác vì sống gần gũi với loài người nên như thế muốn... đền ơn bằng cách đóng góp vào sự phong phú cho nền văn học nhân loại, đặc biệt nền văn chương dân gian hay còn gọi là văn chương truyền khẩu hoặc văn chương bình dân. Cũng có thể nói ngược lại, 12 con giáp đã và vẫn luôn là chủ đề cho các tác phẩm nghệ thuật của loài người hoặc mang lại cảm hứng cho cho các văn thi sĩ và kiến thức lẫn kinh nghiệm cho người đời... Riêng với khi, người ta có thể nêu một số thành ngữ sau đây để chứng minh.

-“Dạy khi leo cây” có nghĩa là vẽ chuyện, dạy bảo người thông thạo hơn mình; việc làm thừa thãi, không cần thiết.

-“Gắt như cút khi” ý miêu tả mùi thật gắt, chẳng hạn mắm thối.

-“Khi chê khi đố đố”: Minh cũng xấu, kém... lại chê bai người khác.

-“Khi ho cò gáy” nhằm miêu tả nơi vắng vẻ xa xôi, không người lui tới.

-“Khi ướt đội mào” do câu chữ Hán “Mộc hầu nhi quan”, bởi tích: Sở Bá Vương nghe lời xua nịnh, hạ lệnh đòi đô từ Hàm Dương qua Bành Thành. Gián quan (trương chức cố vấn) là Hàng Sanh can ngăn không được, bèn than rằng: “Người ta nói người nước Sở là ‘mộc hầu nhi quan’, quả không sai tí nào”. Bá Vương không hiểu, hỏi Trần Bình. Vị quan này giải nghĩa: “Ấy là lời chế nhạo, muốn đem con khi mà sánh với bệ hạ; giống khi đội mào, mặc áo lâu không được; tạnh nó nóng nẩy, áo mào chưa hư, nó cũng bứt xé cho hư”. Bá Vương tức giận, truyền nấu dầu Hàng Sanh.

-“Làm khi làm khẹn”, tức là lý lắc, trưng giỡn; lời rầy trách trẻ con. Ngược lại là lời phê bình người lớn: Làm lều, làm việc quá sức không ra trò.

-“Nhấn nhó như khi ăn gừng” (hay “... như khi ăn mắm tôm”) miêu tả phản ứng nhấn nhúm mặt lại.

-“Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà”: Chứa chấp, nuôi nấng những kẻ không biết điều, thường bị chúng lấy ân làm oán mà hại mình; một khi chúng manh tâm hại mình, mình khó tránh được, nhất là cái hại không nhỏ, vì chúng ở trong nhà mình, biết rõ hết việc kín hay chỗ yếu của mình.

-“Rung cây nhát khi” ý nói dọa không phải lối, không có tác dụng. (Phan văn Trị: “Đùng cây oai hùm rung cây nhát khi. Lòng ta sắt đá há lung lay!”)

-“Cười như đười ươi” miêu tả hình ảnh nhắm mắt há miệng cười luôn không dứt.

-“Đười ươi giữ ông”: Câu nệ, khư khư một ý dầu hư hỏng cũng không biết; như con đười ươi bắt người, khi nắm được hai cườm (cổ) tay thì mừng, cứ nhắm mắt nhe răng cười rữ rượi, mặc cho người rút tay ra khỏi hai ống tre mà đi mất. (Người đi rừng thường đề phòng nạn đười ươi bắt bằng cách bọc hai cườm tay bằng hai ống tre).

-“Cha hươu mẹ vượn”: Vợ chồng đều lồi thối, không tin được (Thằng cha hươu, con mẹ vượn!)

-“Chỉ hươu chỉ vượn” (hay “nói hươu nói vượn”) tức là chỉ lông bông lộn xộn khiến không ai hiểu được.

-“Tán hươu tán vượn”, tức là tán gẫu, nói chuyện linh tinh.

-“Đoạn trường” - Đứt ruột. Có người bắn chết con vượn con. Vượn mẹ kêu hú mãi cho tới chết. Mổ bụng ra, người ta thấy ruột vượn mẹ đứt từng đoạn ngắn. Truyện Kiều có câu: “Vị đem vào tập đoạn trường; Thì treo giải nhất chẳng nhường cho ai”.

-“Vượn Sờ” do tích con vượn của nước Sở bên Tàu thuở xưa bỏ chạy vào rừng, vua truyền tìm kiếm mãi không được, phải đốt rừng cho nó chạy ra, khiến cây cỏ bị thiêu rụi.

Nghĩa bóng “vượn Sờ” chỉ sự bị vạ lây. “Chín e vượn Sờ lạc rừng - Bận lòng đến cả cây rừng chưa minh” (Quan Âm).

Khỉ và những câu hỏi... “Tại sao?”

Đây, con người tuy không còn xa lạ với loài khỉ, gài bẫy bắt khỉ cũng có, nuôi khỉ trong nhà cũng có, kể cả ôm ấp lẫn... ăn thịt khỉ cũng chuyện thường, vậy mà vẫn chưa “thấu triệt” con giáp này để rồi vẫn không ngừng đặt câu hỏi “tại sao?” mỗi khi nhìn thấy cái gì... là lạ nơi khỉ. Riêng việc thối mắc “tại sao khỉ đồ dốt?” đã được giải đáp sớm sủa trong phần ở trên kể về nguồn gốc của khỉ. Dưới đây gồm một vài “vấn đề” còn sót lại:

-Tại sao khỉ sợ mắ m tôm?

Ngoài giả thuyết thứ nhất vốn đã giúp “gỡ rối” trong “sự tích 1” trên đây, theo đó sau khi vợ chồng đại gia và những thân nhân trưởng giả vì ích kỷ, độc ác lại tham lam nên bị hóa thành khỉ; chúng trở về làng cũ mà phá phách. Dân chúng sợ quá bèn lấy những loại mắ m thối, có mùi thật gắt mà bôi lên tường khiến chúng phải “chạy có cớ”. Lý do đơn giản là, thuở còn làm người, loài khỉ này chỉ ăn những món cao lương mỹ vị thì nay làm sao chịu nổi mùi mắ m tôm, sợ là phải!

Giả thuyết thứ hai dài dòng hơn và như thế này: Ngày xưa một gia đình nọ sống nhờ vào cách bám vào rừng. Hàng ngày trong khi người chồng đốn củi bán để lấy tiền mua gạo, còn người vợ thì ra một lạch nước mò tép, bắt ốc; những lúc đó đứa con gái chưa đầy 10 tuổi ở nhà bầu bạn với một con khỉ nhỏ xíu nhưng rất khôn. Nhờ khéo tay, người vợ đã chế biến những con tép bắt được ở suối thành một món mắ m tuyệt vời mà cả nhà đều thích ăn, kể cả con khỉ.

Thế rồi nhờ biết cách xoay xở làm ăn, hai vợ chồng đã ăn nên làm ra, trở nên giàu có, nhưng cũng từ đó món mắ m biến khỏi mâm cơm, nhường chỗ cho những đĩa gà quay, heo quay mua ở chợ. Tuy nhiên để tránh con mắt dòm ngó và ganh tị của hàng xóm, họ giả vờ gọi “thịt quay” là “mắ m tôm”. Khi sai con đi mua thịt, ông bố lại la lớn: “Con chạy ngay ra chợ mua mắ m tôm về ăn cơm!”

Một hôm, sau khi ăn “mắ m tôm”, cả

nhà đều đau bụng lẫn lộn, kể cả con khỉ, rồi tiếp đến là những con “thượng thổ hạ tả” liên miên. Họ nghi là đã ăn nhầm phải thứ gà toi, lợn bệnh. Tội nghiệp nhất là con khỉ; nó nằm thoi thóp cả tuần lễ, không chịu ăn gì nữa. Đặc biệt mỗi lần nghe nói “mắ m tôm” nó lại rú lên, hoảng hốt... Cho tới một hôm, con khỉ lặng lẽ bỏ vào rừng; không ai biết nó sống chết thế nào... Thế nhưng thời gian sau này, ở khắp nơi, người ta khám phá ra loài khỉ có bản tính rất sợ mắ m tôm nhưng lại ít ai biết được nguyên nhân.

-Tại sao khỉ thường chải lông cho nhau?

Nói chung, người ta thường thấy cảnh khỉ chải lông cho nhau khiến người ta còn gọi là chúng bắt chước (rận) cho nhau. Trong quá trình quan sát loài khỉ vàng Macaque ở Indonesia, các nhà khoa học, đặc biệt chuyên gia Michael Gumert thuộc Đại Học Kỹ Thuật Nanyang của Singapore, nhận thấy việc chải lông này là công tác của khỉ đực nhằm “kích dục” nơi khỉ cái để sau đó chúng có thể giao hoan. Tuy nhiên không phải lần “chải lông” nào khỉ đực cũng được khỉ cái “đền đáp” ân ái, nhưng thống kê cho biết hoạt động tình dục gia tăng gấp đôi nhờ động tác chải lông, bắt rận...

Kết quả của việc khỉ đực chải lông cho khỉ cái thay đổi tùy theo sự hiện diện nhiều hay ít khỉ cái ở chung quanh đó. Một khi “dân số” khỉ cái đông thì số thời gian khỉ đực dành chải lông cho khỉ cái càng ít đi - bởi lý do dễ hiểu là do lòng tham của khỉ đực, muốn “bắt nhiều cá hai tay”, khiến khỉ cái chưa đủ... hưng phấn để tiến tới việc giao hoan.

Theo khoa học gia Michael Gumert, các cuộc nghiên cứu sau này lại cho thấy cả khỉ cái cũng chải lông cho khỉ đực. Tuy nhiên, các chuyên gia nhận thấy việc khỉ cái chải lông đã giảm thiểu sự hưng tình nơi khỉ đực, chẳng thế mà so với “phong tục” cũ, số lượng làm tình của khỉ đực cũng giảm hẳn. Ông Gumert còn cho rằng rất có thể đã có sự thay đổi sinh hoạt trong đời sống của loài động vật linh trưởng. Theo đó, loài khỉ Macaque nói chung dùng hoạt động chải lông cho nhau nhằm duy trì các mối quan hệ xã hội trong đàn, chẳng hạn “công tác” chăm sóc khỉ con hay “dịch vụ” trao đổi thức ăn...

-Tại sao khỉ và cá sấu thù nhau?

Bảo đảm trăm phần trăm là cá sấu mà gặp khỉ ngồi đong đưa ở bờ sông, bờ biển... sẽ táp ngay. Ngược lại, khỉ mà thấy cá sấu lượn lờ dưới nước, lập tức sẽ lấy trái cây ném

vào đầu sấu liền. Tại sao? Thuở xưa, ở một bờ sông nọ có những hàng dừa sai trái mọc. Trên một tàu lá dừa, chú Khi con đang thưởng thức thứ nước thơm mát từ quả dừa mà nó mới hái về. Cuộc sống thật êm đềm nhưng vẫn không làm cho Khi vui vì nó cảm thấy cô độc.

Một hôm, bỗng dưới nước có tiếng quẫy mạnh. Khi giật mình nhìn xuống nước: Một con vật to lớn y chang loài bò sát, thân mình dài mà da sần sùi đen xì và miệng cũng dài lại có răng sắc như răng cưa. Khi ngạc nhiên, tự giới thiệu rồi hỏi tên thì con vật này xưng là Cá Sấu. Chợt thấy nơi mắt của Cá Sấu ươn ướt như đang tràn dòng lệ, Khi hỏi: “Tại sao... anh lại khóc?” Cá Sấu trả lời: “Tại tôi buồn vì chẳng ai chơi với tôi cả”. Vốn cùng tâm trạng cô đơn, thế là Khi con và Cá Sấu kết bạn với nhau. Từ ngày đó, Cá Sấu thường đến chỗ Khi con chơi và được Khi con cho ăn nhiều hoa quả. Vậy mà Cá Sấu thường chẳng có một lời cảm ơn bạn. Cho tới một sáng nọ, Cá Sấu bày tỏ muốn mời Khi con “về thăm nhà tôi”. Khi con trả lời “cảm ơn lòng tốt của bạn, nhưng tôi sợ nước lắm!”. Cá Sấu liền bảo đảm rằng “bạn cứ ngồi trên lưng tôi là chắc ăn”.

Quả thật, Khi con cảm thấy an tâm khi ngồi trên tấm lưng rộng như tàu lá chuối của Cá Sấu. Đi được một lúc, Cá Sấu ngoái cổ bảo Khi con:

“Tôi phải thú thật với bạn điều bí ẩn này: Vua chúng tôi đang bị bệnh thập tử nhất sinh. Thầy thuốc bảo chỉ có tim khi mới cứu sống được vua. Vậy bây giờ bạn phải cho vua chúng tôi quả tim của bạn!”

Lúc đó Khi con mới hiểu ra Cá Sấu bấy lâu vẫn lừa dối mình bằng những lời lẽ ngọt ngào và dòng nước mắt giả dối. Nghĩ đến tình trạng mất tim sẽ chết, Khi con lo sợ nhưng không dám khóc to. Nó nghĩ cách tự cứu mình. Rồi bằng một giọng nói tự nhiên, Khi con đập tay vào lưng Cá Sấu: “Uồng thật! Sao bạn không nói trước. Quả tim thuộc loại quý giá, tôi phải cất kỹ ở đám lá dừa rậm rạp. Hãy đưa tôi trở lại để tôi lấy tim cho bạn”.

Cá Sấu tin lời, bèn bơi quay lui. Khi Cá Sấu vừa ghé vào bờ, Khi con lập tức đu vút lên cành cây cao nhất, quát lớn tiếng: “Đồ Cá Sấu giả dối! Tường lòng gạt được tao hả? Súc mấy! Cút về với lão vua độc ác của mày!” Nói rồi Khi Con ném một lô vỏ dừa khô xuống đầu Cá Sấu. Vừa đau lại xấu hổ, Cá Sấu lặn sâu biến mất xuống nước. Nhưng cũng từ đó mối hận giữa loài khi và cá sấu

không bao giờ phai nhạt.

-Tại sao Khi thông minh, Cọp mạnh mẽ lại thua Cóc?

Trong thành ngữ có câu “gan cóc tía” để chỉ những người không hề biết sợ nguy hiểm hay những kẻ quyền thế. Cùng nghĩa với câu này, người bình dân còn ví von: “To đầu mà dại, bé dái mà khôn”. Chuyện tích kể như sau:

Thuở loài vật còn nói được tiếng người thì ở một bờ suối nọ trong một khu rừng rậm có một con cóc tía nhỏ chỉ bằng quả ổi. Ngày ngày ngồi trên một tảng đá, nó chứng kiến biết bao cảnh những con thú hiền lành, to lớn như voi hay nhỏ nhắn như thỏ, đều bị con cọp bắt nạt. Một hôm, cọp đến gần bờ suối định uống nước, nơi cóc tía ở. Gặp cọp, cóc tía vận hết nội công, quát lớn: “Cọp kia, ai cho mày uống nước ở đây? Mày không biết tao là ai hả? Xéo đi, không tao xé xác bây giờ!”

Cọp nhìn quanh quẩn mãi mới thấy một con vật tí tẹo đứng chưa tới hết móng chân của nó, lại xấu xí, bèn cất giọng cười khiến cây cối chung quanh đều rung chuyển ào ào. Cọp hất hàm hỏi: “Oắt con, mày là ai mà dám hỗn xược với Chúa Sơn Lâm đây?”

Cóc tía cũng không vừa, trả lời: “Thứ mày mà nhằm nhò gì, tao đây chính là Cậu Ông Trời! Nếu mày có giỏi, dám thi tài với tao không?” Dĩ nhiên cọp chịu nhưng nghĩ chỉ cần giơ chân đạp cho nhãi con mày một cú là nó xẹp lép như con tép kho khô. Cọp hỏi cóc muốn tỉ thí gì cọp cũng bắt chấp. Cóc liền ra điều kiện: “Nhảy qua bờ suối bên kia, ai nhảy xa hơn sẽ thắng; thắng thì được quyền ăn thịt kẻ thua”. Cọp lại bật cười nhưng cố gắng nhịn, nghĩ sẽ trị tội nó sau. Cóc lại ra oai: “Tao chấp mày đứng trước, tao đứng sau, nhưng cả hai cùng nhảy một lượt”.

Cọp có thói quen trước khi nhảy bao giờ cũng quật đuôi mấy cái để lấy đà. Cóc bèn ngậm vào đuôi cọp; khi cọp quật đuôi, vô tình đã văng cóc đi xa. Khi cọp nhảy sang bờ suối, nó trợn mắt ngạc nhiên khi thấy cóc đã ở bên đó, lại còn xa hơn mình. Cóc tía quát:

“Gì mà chậm như sên vậy! Tao nhảy sang đây từ lâu rồi. Trong khi chờ mày, nhân thể bụng đói, tao đã xơi lót lòng một con cọp rồi, to cũng cỡ mày. Bây giờ mày thua, nộp mạng đi, tao vẫn còn đói”.

Chưa hết kinh ngạc, cọp lại càng sợ hãi, bởi nó nhận ra nơi miệng cóc quả thật vẫn còn dính mấy sợi lông cọp mà nó đâu

ngờ đó chính là lông đuôi của nó. Cọp sợ quá, bèn quay đầu bỏ chạy. Giữa đường, cọp gặp một con khi đang ngồi vắt vẻo trên cành cây. Khi lên tiếng trước:

“Có gì mà Ông Ba Mươi chạy dữ vậy?”

Cọp vừa thở vừa trả lời: “Mày cũng phải trốn đi, khi! Con cóc tía đáng sợ lắm. Tao vừa thua cuộc nó nên bây giờ phải chạy, không thì phải thí mạng cùi cho nó xơi!”

Khi nghe nguyên bộ răng trắng hếu ra cười: “Tuồng gì, thằng cóc tía đó; nói thật với Ông Ba Mươi, nó không đáng cho con xia răng. Không tin, ông với con bây giờ cứ quay trở lại, con sẽ biểu diễn ông xem”. Cọp vẫn sợ nhưng nghe khi quả quyết cũng xiêu lòng nhưng ra điều kiện: “Mày phải đề tao trói mày vào người tao, kéo mày lại leo cây chạy mất thì... tiêu đời tao”.

Khi đồng ý đề cọp buộc vào lưng rồi cả hai cùng trở lại bờ suối. Vừa thấy cọp và khi, cóc đã đồng đặc quát: “Thằng khi kia, sao mày cà chớn thế! Mày còn nợ tao hai con cọp mà bây giờ đem nộp trả cho tao có một con, làm sao tao ăn đủ?”

Vừa nghe vậy, cọp hoảng hồn, ngỡ mình đã bị khi đánh lừa, bèn quay đầu chạy bán sống bán chết. Khi bị đập đầu vào các tảng đá, chết tươi lúc nào không hay. Mãi lúc sau, không còn đủ sức chạy tiếp, cọp dừng lại thở. Thấy khi chết nhẹ răng nhưng cọp lại nghĩ khi cười nhạo mình, tức quá lại sẵn đang đói, xé khi ra ăn... trước khi biến vào rừng sâu nhưng mãi mãi không quên tài danh của “Con Cóc là Cậu Ông Trời”!

-Tại sao lại có “Khi đá phong thủy”?

Do một sự tích mà người Việt mình lưu truyền về “con khi nhân từ” như sau: Thuở xa xưa kia, có một con khi rất lớn, rất khỏe lại thông minh; đặc biệt hơn cả là nó có lòng nhân từ khả dĩ người ta khó sánh kịp. Ngày ngày nó len lỏi hết rừng nọ, núi kia để cứu giúp những kẻ gặp nạn.

Một hôm, đang ngồi thưởng thức trái cây trên một cành cao, khi bỗng nghe tiếng than khóc vọng lên từ một hang sâu. Khi ngạc nhiên, vội bỏ miếng ăn rồi len mình ra bờ vực. Thì ra có người rơi xuống hang mà không biết cách nào thoát thân. Khi nói vọng xuống: “Đừng sợ! Tôi sẽ xuống cứu!” Tiếng nó vang vọng khắp khu rừng.

Một lúc sau, khi tìm được đường xuống hang. Người đàn ông bị nạn thấy con khi lớn thì lại càng sợ hãi lắm nhưng giọng khi đầy hiền từ: “Anh an tâm! Anh cứ leo lên lưng tôi để tôi cõng anh lên”. Do dự một lúc, người bị

nạn đành làm theo lời con khi.

Đường đi lên mới càng khó khăn, hiểm trở. Với khối nặng trên lưng, khi hết bám vào vách đá lại đánh đu từng cành cây; thân thể mỏi rã rời nhưng nó vẫn dùng hết sức lực chịu đựng. Cuối cùng cả hai đã thoát khỏi hang sâu, lên bình an tới bờ. Khi mệt mỏi quá phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, trong khi người vừa thoát nạn ngồi dựa lưng vào một gốc cây.

Khi đã hoàn toàn tỉnh trí, người này nghĩ thầm: “Từ đây về đến nhà đường còn quá xa, đi bộ cũng phải mất ít nhất hai, ba ngày mà ta từ sáng đến giờ chưa có gì vào bụng. Hay là... hay là... lợi dụng khi đang ngủ, ta... giết quách lấy thịt làm lương thực dọc đường”. Rồi không chút do dự, người vừa được thoát nạn liền lấy một tảng đá đập

Vui

Áo tứ thân gọi mùa xuân trẩy hội
Mớ bảy mớ ba tủa vạn sắc cầu vòng
Em rạng rỡ, mắt môi ngời hàm tiếu
Tay với trăng sao, da nồn, tóc bông

Đêm đầy ánh sáng
Bóng tối cũng cười tròn nụ
Lòng bùng hoa
Mùa xuân từ đây, bước ra
Tôi bỗng thấy: già nua dường quên băng
Bước xuống thêm nhà
Miệng rộn điệu hoan ca

Cổ Ngư



vào đầu khi. Thế nhưng khi chỉ bị thương; máu chảy lai láng. Khi nhảy vọt lên cây. Nó không hề hờn giận, chỉ ngao ngán và đau đớn đưa mắt nhìn người mà nó vừa cứu sống. Khi mang vết thương mà lặng lẽ chuyển cành cây vào rừng sâu. Nước mắt cùng với những giọt máu đỏ của nó tiếp tục rơi xuống thảm cỏ xanh.

... Một thời gian sau, câu chuyện khi cứu người được truyền tục. Người đời đã tạc tượng con khi nhân từ này và gọi là “khi đá phong thủy”. Nhưng theo thời gian, tuy vẫn mang ý nghĩa cát tường nhưng hình tượng khi được làm bằng các chất liệu khác nhau từ gỗ, đá phong thủy đến ngọc, pha lê, từ đồng, mạ vàng đến vàng nguyên chất... đồng thời biểu tượng khi cũng được thực hiện với các tư thế khác nhau, chẳng hạn:

-Hình tượng khi leo cây phong thì biểu tượng mang ý nghĩa “phong hầu quải ấn” (đeo ấn mang chức tước).

-Hình tượng khi cưỡi trên lưng ngựa có nghĩa là “mã thượng phong hầu” (cưỡi ngựa mang chức tước).

-Hình tượng hai khi ngồi trên cây tùng hay khi này cưỡi trên lưng khi kia: “Bồi bồi phong hầu” (đời đời mang chức tước).

Theo phép phong thủy, việc đặt biểu tượng khi cũng rất quan trọng; nếu ở vào vị trí thích hợp, biểu tượng khi sẽ mang lại những điều tốt đẹp cho gia chủ. Ngoài ra, biểu tượng khi còn được làm thành vật trang sức đeo trên người với niềm hy vọng được may mắn, bình an...

Vua loài khi: Tôn Ngộ Không!

Tôn, một từ Hán cổ có nghĩa là “khi”; Ngộ Không là “giác ngộ được tính không”.

Chẳng như hầu hết sinh vật khác từ “lỗ nè chui lên”, Tôn Ngộ Không chào đời từ một tảng đá nứt nên còn được gọi là Thạch Hầu; tuy nhiên chẳng hiểu dung nhan ra sao mà được phong là Mỹ Hầu Vương (vua khi đẹp)... Ngoài ra Tôn Ngộ Không còn có nhiều tước hiệu khác, điển hình như Bát Mã Ôn (chức giữ ngựa ở thiên đình), Tề Thiên Đại Thánh (Thánh lớn bằng trời) hay Tề Thiên, Tôn Hành Giả hay Giả Hành Tôn hoặc Hành Giả Tôn (nói chung là người tu hành họ Tôn)...

“Bộ vó” và tính tình của Tôn Ngộ Không được mô tả như sau: “Trán dô mắt thau sáng quắc - Đầu tròn lông tóc bờm xồm - Mồm nhọn răng thưa tính nóng - Thiên lôi dữ tợn kinh hoàng - Quen sử một cây gậy sắt - Cửa trời từng phá vỡ toang...”

Tôn Ngộ Không biết được 72 phép biến

hóa, gấp đôi số phép của “người bạn đồng hành” Trư Bát Giới, con heo (lợn). Cả hai đều là đệ tử của Tam Tạng nhân chuyển đi thỉnh kinh Phật của ngài tại Tây Thiên, Ấn Độ.: “... Theo Đường Tăng hộ giá - Cứu trừ tai nạn nhân gian”. Tuy nhiên cuối cùng, chỉ có Tôn Ngộ Không do có tài phép đánh yêu tinh, lại có công phò tá Đường Tăng nên được phong làm Đẩu Chiến Thắng Phật (thành chánh quả; tên được người thờ phụng). Còn Trư Bát Giới không có tâm tu hành, dục tâm đầy tràn tham, sân, si nên không được làm Phật, nhưng vì có công phò Đường Tăng nên được khôi phục tướng người và nhận chức Tịnh Đàn Sứ Giả.

Thật sự thì Tôn Ngộ Không hay Tề Thiên Đại Thánh vốn là một nhân vật giả tưởng trong nền văn học cổ xưa Trung Hoa. Truyền thuyết về Tôn Ngộ Không thay đổi theo quá trình văn hóa của dân tộc này hoặc thay đổi theo tôn giáo phổ thông nhất vào mỗi thời đại. Thế nhưng, theo một số học giả, Tôn Ngộ Không chẳng phải thuần túy của Trung Hoa nhưng được phỏng theo truyền thuyết Hanuman, một anh hùng Khi Ấn Độ trong thiên sử thi tập Ramayana.

Khi “hy sinh” về mục tiêu giúp ích được lý

Cũng như khi nói về lãnh vực được lý của toàn thể con vật nói chung, cách riêng 12 con giáp, người ta thường nhắc đến trước hết “cốt” của chúng. Năm nay, đến lượt khi, âu là chính thống cũng vậy thôi.

Vâng, cốt là xương. Cách nay hàng nghìn năm, bộ tộc Zo'é sinh sống trong khu rừng Amazon, Ba Tây, không hề biết đến thế giới bên ngoài. Cuộc sống của họ vô cùng đơn giản, không cần bất cứ thứ gì để che thân; thế nhưng người Zo'é cũng đã biết làm đẹp cho dù bằng những cách thức kỳ quái hay đau đớn, điển hình nhất là xỏ khuyên môi cho cả bé nữ khi vừa 7 tuổi lẫn bé nam lúc lên 9. Những chiếc khuyên này được làm bằng xương khi, gọi là “m'berpots”. Kích thước của chiếc khuyên xương khi thay đổi, nghĩa là dần dần lớn hơn theo thời gian đưa bé lớn lên, trưởng thành và lập gia đình.

Ngày nay, người ta không dùng xương khi để làm vật trang sức nữa nhưng nấu làm cao hay thuốc. Thế nhưng xin nói ngay rằng xương khi không được chính thức nâng lên hàng “thần dược”, bởi vì kém tác dụng trong cuộc chiến “lừa dục càng dập càng khêu... nổi thêm”, ít hiệu năng hỗ trợ cường dương, kích âm so với các “của quý” của các con giáp khác như Dần (hổ), Ngọ (ngựa). Ngoài ra,

người ta cũng lấy xương khỉ để ngâm rượu nhưng không nhằm thuần túy cho “ông uống bà khen hay” như Mùi (dê), Ty (rắn). Nói cách tổng quát khác, khỉ dù sao cũng vẫn hữu ích cho sinh hoạt tình dục của người tuy không mãnh liệt, không phong phú lắm, bởi chính bản thân khỉ về lãnh vực này cũng chỉ “thường thường bậc trung” thôi.

Sau nữa, nên nhớ rằng không phải vớ được khỉ nào cũng... đẻ ra mà pha biến, tái chế làm cao, làm thuốc, nhưng chỉ loại khỉ độc (đột) và khỉ đàn là hội đủ tiêu chuẩn mà thôi. Vượn, đười ươi, tinh tinh là những giống cùng lắm chỉ cung cấp thịt cho dân chuyên nghề “lai rai ba sợi”.

Các cụ xưa bảo rằng xương khỉ giúp bổ thận, giúp ích cốt tủy, trị mọi chứng phong lao. Cao khỉ toàn tính: Bổ thận, tráng dương (chưa vượn nổi tới cấp “cường”), mạnh gân cốt. Riêng xương đầu khỉ nấu cao trị các bệnh sốt rét và các chứng động kinh của trẻ em.

Các bộ phận khác của khỉ tùy trường hợp cũng rất hữu dụng cho con người, chẳng hạn:

-Thịt khỉ: Theo danh y Lý Trừ Tràn, ăn thịt khỉ có thể phòng tránh lam sơn chướng khí. Tài liệu cô chép là thịt khỉ có thể trị sốt rét kinh niên. Trung Dược Học Bản cũng ghi thịt khỉ trị chứng phong lao. Thịt khỉ chung cách thủy với hoàng kỳ, hoài sơn mà ăn chừng năm, sáu lần có thể chữa khỏi bệnh trĩ. Thịt khỉ ngâm rượu ngoài tác dụng chữa sốt rét kinh niên còn giúp bổ thận tráng dương cho nam giới và điều trị chứng lạnh tử cung nơi nữ giới vốn có thể gây hậu quả vô sinh, thêm nữa là chữa chứng đau lưng, mỏi gối và mắc tiểu liên tục.

-Da khỉ nấu cao trị ngứa lở tuyệt vời!

-Mật khỉ trị động kinh, đau mắt lâu ngày.

-Bộ phận sinh dục khỉ được ngâm rượu làm thuốc bổ thận tráng dương.

-Gan, dạ dày, ruột khỉ... có thể nấu cháo, làm thức ăn cũng rất khoái khẩu. Tuy nhiên món “óc khỉ đại bổ” trong chương trình “nhất dạ đế vương” vốn chỉ là một hình thức ăn uống man rợ, thiết tưởng nên tránh còn hơn... tránh hùi!

Ngoài ra trong dân gian còn lưu truyền vài thứ “thần dược” lấy từ khỉ: Nước miếng (bọt) khỉ chữa cam tích trẻ nít, bằng cách khỉ đang ăn dở một trái cây thì giật lấy cho đứa trẻ bị bệnh ăn tiếp. Máu khỉ khi sinh con khô trên mặt tảng đá gọi là huyết lĩnh - cho vào cháo hoặc ngâm rượu - dùng cho sản phụ

và trẻ con chậm lớn biếng ăn. Ở các chợ miền cao nguyên thỉnh thoảng có bán Huyết Lĩnh.

Riêng loại khỉ *Macaca Mulata* có sỏi mật gọi là Hàu Táo có tác dụng thanh nhiệt, trấn kinh, hòa đàm định suyễn, giải độc. Người ta không bỏ sỏi mật này vào sắc thuốc nhưng tán thành bột, dùng hoàn tán. Ngày nay ở Hoa Kỳ, người ta hàng năm vẫn cần đến hàng chục vạn con khỉ *Macaca Mulata* với mục đích thí nghiệm dược lý, chẳng hạn chế “vaccin” chống bại liệt. Riêng lãnh vực này, khỉ cũng xứng đáng được nêu công “hy sinh vì đại nghĩa”. Đó là chưa nói về sự “đồng lao cộng tác” quý báu của khỉ ở các phạm vi khác, nào làm xiếc, nào làm “vật tế thần” trong các chuyến phi thuyền lên cung trăng...

Những cây... “con khỉ”

Tưởng cũng cần nói thêm chút nữa để thấy công lao không nhỏ của khỉ trong việc giúp ích cho con người về dược lý. Đó là việc khỉ hướng dẫn cho người ta biết những dược thảo quý hiếm trong thiên nhiên do chính khỉ khám phá ra. Bằng chứng là ở một khu rừng thuộc Tanzania, nhà Nhân Chủng Học Richard Wrangham của Havard University đã quan sát thấy khỉ thường nhai lá cây *Aspilia* (thuộc họ Húng Dương). Dem về phòng thí nghiệm, ông thấy lá cây có chứa nhiều chất “thiarubrine A”, chất có tác dụng chống nhiễm vi khuẩn và ký sinh trùng... Có lẽ vì thế mà dân tộc Tanzania đã có truyền thống dùng cây này để chữa các bệnh về đường tiêu hóa.

-*Cây Khi*: Xuất xứ cây này được gọi nôm na là Cây Khi vì nguyên nhân chính yếu là khỉ, do bản năng tự nhiên, vẫn tự lấy lá cây này để chữa khỏi bệnh thủng ruột. Đối với người, cây này điều trị hiệu quả bệnh ung thư gan. Giới y dược đã công nhận cây này rất đa năng, chẳng hạn khôi phục sức khỏe cho người ốm yếu, mệt mỏi, khủng hoảng về tinh thần và thể lực, rối loạn tiêu hóa, đau dạ dày, chảy máu đường ruột, viêm loét đại tràng, đau/sơ gan cổ trướng..., cảm cúm nhiệt độ cao, chấn thương chảy máu, kể cả chấn thương sọ não, viêm thận, viêm đường tiết niệu, tiểu tiện ra máu, đái buốt, đái gắt, đau bùi hay đau ngọc hành, đau mắt đỏ hay mắt bị ứ máu.... Người có bệnh huyết áp cao hoặc áp huyết thấp... và bệnh nhân rối loạn thần kinh thực vật... chỉ cần ăn lá Cây Khi là được hiệu quả tốt đẹp.

Cây Khi về sau được gọi bằng một tên mới: Hoàn Ngọc - cũng nhờ “công lao” cứu từ một bé trai lấy lại được hồn dái do nghịch

ngom, bị bạn đá vào bùi mà hòn đá bị biến mất.

Ngoài ra, Cây Khi cũng vì công dụng chữa nhiều bệnh cùng một lúc, đặc biệt tự động điều chỉnh lại cơ thể, cân bằng âm dương nên cây này còn được gọi là cây Nhật Nguyệt.

Với một lô công dụng sơ kể trên đây, nếu gọi Cây Khi là “thần dược” kể ra cũng không quá đáng, không hề bị kết án là “nổ”.

-Cây Xương Khi: Loại cây này có nhiều tên khác nhau, có nơi gọi là cây Mảnh Cội; tại miền Đông Nam Bộ lại gọi là cây Bìm Bịp (đừng lẫn lộn với tên một loài chim: “Phượng hoàng chắt cánh đuổi đi; Bắt con bìm bịp đem về mà nuôi” (ca dao) . Cây Xương Khi mọc hoang, thành bụi, có thể cao tới 3 mét; lá nguyên, mặt lá hơi nhẵn, màu xanh thẫm, cuống ngắn; hoa màu đỏ hay hồng, rủ xuống ở ngọn, nở vào mùa xuân-hạ.

Cây Xương Khi có tác dụng thanh can (mát gan), lợi đả (tăng tiết mật) được dùng để điều trị viêm gan vàng da, đau nhức do phong thấp, gãy xương, chữa chứng lở miệng, mụn rộp ở mép... Ngoài ra, kết quả các cuộc nghiên cứu còn cho thấy cây Xương Khi chứa nhiều sinh tố, khoáng chất... Lá khô có mùi thơm đặc biệt nên thường được các bà nội trợ dùng để ngâm bột gạo nếp, làm bánh.

Khí xuất hiện trong giấc mơ

Nói mơ thấy rồng, ngựa, cọp hay... trâu, chó mèo, gà... e cũng dễ hiểu thôi, bởi dù sao người ta vẫn thường gần gũi, nhưng với khi, chỉ mới thoáng nghe tên đã nổi da gà hướng chi mà bảo nghĩ tới liên miên đề rồi bị ám ảnh đến nỗi đêm nằm mộng thấy. Thế nhưng nói vậy không phải vậy; cuộc đời đâu... ngon lành, người ta muốn gì được nấy. Không bao giờ! Vậy đó, khi vẫn tìm cách len lỏi vào giấc mơ của con người, tuy nhiên cùng lắm chỉ “quậy” như Tôn Ngộ Không thôi, còn chủ yếu là... thông tin cho con người những sự hên, xui hoặc báo động lành, dữ mà tránh. Bởi thế, mỗi khi thấy khi trong mơ, các chiêm tinh gia khuyên người chớ nên coi thường. Chẳng hạn, mơ thấy:

-Khi nói chung là điềm rắc rối. Nếu là khi con, có nghĩa là sắp gặp chuyện xích mích nhỏ, mỗi bất đồng lẻ tẻ - Nếu là khi lớn, khi độc (đột): Bị buồn phiền, đau đớn nội tâm nặng nề.

-Khi vào nhà: Điềm xấu, dấu hiệu sắp có chuyện xấu hỏ ập vào mặt, làm mất thể diện.

-Khi mon men lại gần: Một đối thủ khôn ngoan mưu định lừa lọc nhưng không thành công.

-Khi bao vây mình: Bị kẻ tiểu nhân quấy nhiễu “dai như đê dới”...

-Khi ngồi trên cao hay leo cây, leo núi: Một đay tớ hay một người bạn vụng về gây cho buồn bực, tức giận; nói tổng quát là có mối hiềm khích với bạn bè.

-Khi mặc áo quần hay đội mũ: Kẻ xảo trá lợi dụng sự quen biết với mình hay tìm cách “qua mặt” mình để làm bậy hoặc trục lợi.

-Bị khi cắn hay khi cào: Bị đay tớ hay bạn bè phản bội hoặc anh em “đâm sau lưng”, hay bị thất thế trong công việc.

-Hai khi cắn nhau dữ dội: Đề phòng một vụ xung khắc, đôi đầu có thể đưa tới hậu quả xô xát.

“Bất mạch” những người tuổi Thân

Nói chung, người tuổi Thân có trí thông minh, suy nghĩ cân trọng, tháo vát, giỏi tùy cơ ứng biến, giàu khả năng tạo dựng sự nghiệp, cũng có năng khiếu về nghệ thuật, y học, học thuật, có chí tiến thủ.... khéo xã giao, hoạt bát nên có nhiều bạn bè.

Trong tiến trình cuộc đời của người tuổi Thân, thời thơ ấu: Rất vô tư, thoải mái gần như muốn gì được nấy, “vạn sự như ý” - Thời thanh xuân: Sôi động, năng nổ nhưng lại đa nghi nên tự chuốc nhiều phiền phức - Thời cao niên: Thường cảm thấy cô độc, phiền náo vãn vơ. Tuổi thọ thường rất cao.

Nói chung, người tuổi Thân có sức khỏe thể lý tương đối tốt, tuy không tránh khỏi những cuộc đau ốm lặt vặt, một vài bệnh tật nhỏ nhặt nhưng tất cả chỉ là những “chuyện nhí”, chẳng có gì đáng lo. Dĩ nhiên cuộc sống không tránh khỏi khó khăn, đôi khi “lên voi xuống chó” nhưng cuối cùng vẫn được hưởng những năm tháng hạnh phúc, an mạnh.

-Nam giới tuổi Thân: Nhàn thì nghịch ngợm, nhiều mưu mẹo, chẳng lo âu, lớn lên thì coi mở, lạc quan, sôi nổi và hào hoa, được nhiều người ngưỡng mộ, làm việc phần nhiều theo cảm hứng nhưng với những việc mình thích thì lại dốc hết sức, không sợ khó khăn gian khổ...

Người nam tuổi Thân rất hòa thuận trong gia đình, hiếu khách, có tấm lòng khoan dung, nhã nhặn đồng thời cũng hay bênh vực kẻ yếu thế. Khi có cơ hội mà họ nghĩ có thể “phát lên”, họ tỏ ra hào phóng, tiêu pha hoang phí, vì thế họ cần một người bạn đời hiện thực đồng thời cũng rất tế nhị để “quản thúc” họ.

Khuyết điểm: Tuy tài trí nhưng lại thiếu kiên nhẫn tìm hiểu sâu xa, không chịu

ti mỉ, chuyên tâm. Nếu gặp việc gì không đúng ý thích thì chỉ làm qua quýt nhưng lại thích hư vinh. Xã giao rộng nhưng khi xử thế đôi khi xảo quyệt, lại thường thiếu khéo léo, tế nhị trong mối quan hệ cấp trên cấp dưới. Tính tình vui vẻ, phóng khoáng nhưng hơi thiếu nghiêm túc. Trong gia đình, biết kính trọng và có hiếu với cha mẹ, yêu quý người bạn đời nhưng lại có nhược điểm là quá chiều chuộng con cái.

-Nữ giới tuổi Thân:

Từ thuở bé đã tỏ ra thông minh, nhanh nhẹn, ăn nói khéo léo, hành vi thanh lịch, cư xử hào phóng. Người nữ tuổi Thân không cam chịu sự lạc hậu, trái lại rất hiếu học, thích hiểu biết rộng, ứng biến giỏi theo hoàn cảnh. Họ là những người yêu nghệ thuật, có khả năng biểu diễn và ăn nói lưu loát.

Về phương diện thể lý, người nữ tuổi Thân có thân hình mảnh mai dù ở lứa tuổi nào; mặt khác, tuy không cần trang điểm kỹ càng, họ vẫn toát ra vẻ đẹp tự nhiên, dễ lôi cuốn kẻ khác, nhất là khác phái. Trong gia đình, người nữ tuổi Thân biết trân trọng tình cảm vợ chồng, chung thủy, biết chăm lo con cái.

Khuyết điểm: Người nữ tuổi Thân vì thông minh, tháo vát, lịch lãm nên cũng dễ lâm vào trạng thái tự tôn và tự ái cao. Trong gia đình tuy khéo chiều chồng lại dễ nuôi con nhưng lại thường đòi hỏi người phối ngẫu đón nhận ý kiến của mình nhiều hơn là chấp nhận yêu cầu của “đối phương”.

Vì tự ái, tự tôn cao nên ít khi chịu nhường ai, nói chỉ để người khác bắt nạt. Một khi được tôn trọng dù trong gia đình hay ngoài xã hội, họ trở thành người phụ nữ tốt nhất; ngược lại, nếu “đắc tội” với họ thì kẻ như... tiêu tùng; họ quyết không dung tha cho tới khi nào chịu rạp mình xin lỗi.

Quẻ bói đầu năm cho người tuổi Thân

Nói chung, người tuổi Thân trong năm... khi này, tức năm bản mệnh, gặp nhiều tin vui đồng thời cả nam lẫn nữ đều có số đào hoa nên cuộc đời càng “thừa thắng xông lên” mà mặc sức “bay” với “bướm”, xua như xua ruồi mà vẫn không hết những “fans”, những kẻ ngưỡng mộ, những “cái đuôi”. Thế nhưng, “trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” (Kiều), cho cái này thì lấy lại cái khác khiến “chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau” (Kiều) cho công bình. Bởi thế người tuổi Thân năm nay cần cẩn thận, giữ đầu óc tỉnh táo để phân biệt được địch, ta. Mặt khác,

vì là năm bản mệnh, người tuổi Thân hay ốm vặt, cách riêng thường mắc chứng nhức đầu nên phải để ý chăm sóc giấc ngủ cho đầy đủ, tránh các chất xúc tác mạnh đồng thời siêng năng thể dục, tăng cường vận động, sống thoải mái, tránh ở cô độc và nếu có cơ hội thì du lịch để phát triển cá nhân.

Theo vận khí, Bính Thân chính là năm “cầu thắng trong biển”, người tuổi Thân tuy phải đối đầu với lắm phiền phức nhưng vẫn thu đạt nhiều thắng lợi trong công việc, được nhiều niềm vui với điều kiện không mang quá nhiều tham vọng, không đòi hỏi quá cao. Cẩn thận về vấn đề tiền bạc đây, bởi chung quanh có lắm kẻ nịnh hót, gian xảo.

-Nam giới: Chung chung thì năm nay tốt, đặc biệt về nghề nghiệp thì thành công nhanh chóng; tài lộc phát triển dễ dàng, tuy nhiên cũng cần cẩn thận và chỉ nên bắt đầu từ công việc nhỏ; nếu “liều mạng sa trường” mà xông ngay vào việc lớn thì dễ bị “xôi hỏng bỏng không”; từ bán niên sau (từ tháng 7 Âm Lịch trở đi), công danh tốt đẹp, gặp nhiều may mắn. Riêng những người tuổi Thân từ 50 trở lên, tránh giao dịch về tiền bạc và tạm gác việc đi xa - Về cuộc sống: Tương đối thành công, cách riêng vào trung vận sau những ngày tháng phức tạp ở tiền vận; hậu vận hanh thông và thoải mái, tốt đẹp - Về gia đạo, cần khéo xử và phải hết sức tế nhị vào tiền vận lẫn trung vận. Hậu vận êm ả. Những người từ 30 tuổi trở lên đến 45, kết hôn trong năm Bính Thân này ắt được nhiều may mắn, hạnh phúc; còn từ 60 trở lên, nếu đang “độc thân tại chỗ” thì không nên “bước



đi bước nữa” vì thân mệnh suy giảm.

-Nữ giới:

Mặc dù các cụ xưa thường nói, nữ ở vào tuổi Thân, Dần và Tị thì thân mệnh mạt như... rệp. Thế nhưng, trong năm mới Bính Thân này, so với nam giới, nữ giới tuổi Thân lại gặp nhiều sự tốt đẹp, được hưởng nhiều phúc lộc. Tiền và trung vận rất mỹ mãn, tài lộc có cơ duyên “thừa thắng xông lên”. Hậu vận lại càng như “trăm hoa đua nở”.

Cách riêng về đường tình cảm: Gặp nhiều “tài tử” nhưng “giai nhân” tuổi Thân nên rất cẩn thận vì “vàng thau lẫn lộn”. Trong năm mới này, tình cảm xao động đây và “buồn nhiều hơn vui”, tuy nhiên cuối cùng rồi mọi sự cũng tốt đẹp. Đối với những người đã kết hôn, gia đạo êm ấm, tràn đầy hạnh phúc.

Về sự nghiệp tài lộc: Người nữ tuổi Thân được đầy đủ về tiền bạc, nếu không muốn nói dư thừa. Công danh lên cao mặc dù năm nay cũng là năm thử thách, chỉ cần thận trọng trong việc ứng xử với bên ngoài.

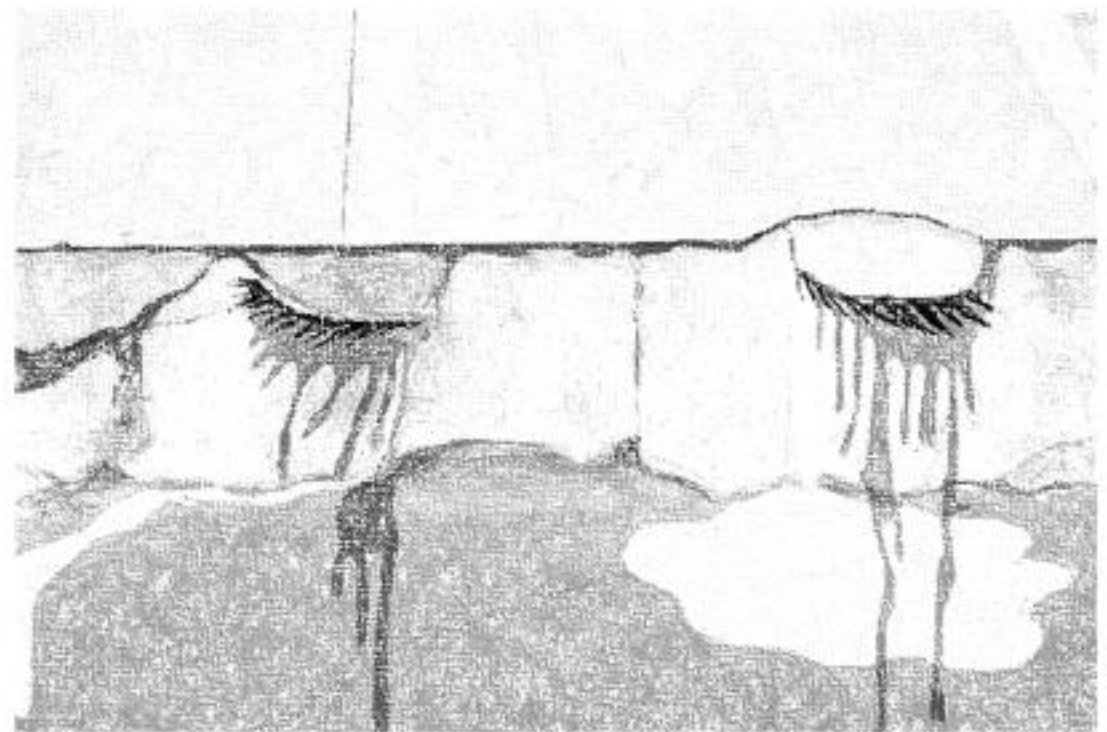
Tạm kết luận

Nói đi nói lại chẳng qua nói gọn lại thế này: Năm Thân hẳn nhiên từ trong nhà ra ngoài xóm, từ gia đình đến xã hội... hẳn nhiên “khí” sẽ xuất hiện nhiều. Cách sống thích hợp nhất trong năm Bính Thân này, theo lời dạy khôn ngoan của cổ nhân là phải “tương kế tựu kế”, nghĩa là cần ứng dụng “chiến lược chiến thuật” sau đây: Thứ nhất, trong bất cứ hoàn cảnh nào, trường hợp nào hay ở môi trường nào thì ta cứ luôn giữ diện mạo cho tươi cười, chứ đừng “nhăn nhó như khi ăn gừng”, tuy vậy cười thì cũng phải giữ vẻ tự nhiên, chứ đừng “cười như đười ươi giữ ống”. Thứ hai, trong khi giao thiệp, “lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, hơn nữa “nói ngọt lọt tận xương”, chứ đừng “gắt như cút khi”. Nếu cần phải sửa chữa ai, hãy nhớ “nói có sách, mách có chứng” đến độ “nói con kiến trong lỗ cũng bò ra”, chứ đừng theo thói “dạy khi leo cây” hoặc “khi chê khi đồ đít”. Cách riêng, những ai may mắn gặp được “người yêu lý tưởng” thì chớ có “tán hươu tán vượn”, đừng khoe tài rôm kiêu “rung cây nhất khi”, nhưng phải nhớ rằng “nói hay hơn hay nói” và luôn “nói phải như gãi chỗ ngứa”...

Sau hết, năm Khí - theo lời chúc quen thuộc của thi sĩ Trần Tế Xương - người viết cũng xin nghiêng mình kính chúc: “Chúc cho khắp hết cả trên đời... Sao được cho ra cái giống người”!

Hoài Mỹ

Paris ngày mai



Này Paris, có bình yên như cũ?
Ngày hôm qua nghe tin dữ lan về
Máu loang đỏ nơi kinh thành ánh sáng
Phút bàng hoàng nghe tim nhuốm đau thương

Này Paris, mùa thu có còn vương
Chút lá vàng ngân ngơ nơi quán lạ
Tháp Eiffel cuốn chân người khắp ngã
Dòng sông Seine mơ giấc ngủ an lành?

Paris ơi, trời nơi ấy còn xanh
Hay loang lỗ màu buồn vì tang tóc?
Ai lo âu, ai chia tay đùm bọc
Hoa, nền này hóa giải hận thù kia?

Paris ơi, đêm dần đã về khuya
Sao tiếng súng xé nát lòng lũ khách
Ghét-yêu kia sao chẳng hề tách bạch
Giết người dân vô tội để bạo hành

Ranh giới giữa người sao quá đổi mong manh
Dùng thương để sát tàn nhau vô cớ
Paris ơi, thôi thì đã lỡ
Vết thương kia theo năm tháng sẽ lành

Rồi ngày mai trời sẽ lại trong xanh
Mây vẫn trắng, lá lại vàng như cũ
tự do, công bình hình như là chưa đủ,
thêm yêu thương để Paris bình yên...

Nguyệt Minh

Nghen

Đầu 2015

Mừng Năm Mới

Họ xả súng bắn vào tranh biếm họa

Giấy loang máu

Nét vẽ cuối cùng gãy gục

Người họa sĩ thờ nuối

Mực còn ướt tay

Đầu 2015

Mừng Năm Mới

Họ xả súng bắn vào dãy người

Xếp hàng – như mọi ngày – trong siêu thị

Trúng tóa máu tươi

Nước trái cây trộn cùng nước mắt

Đầu 2015

Mừng Năm Mới

Nước Pháp đề tang

Cuối 2015

Đón Giáng Sinh

Họ xả súng bắn vào bốn nhà hàng

Đêm cuối tuần, tối thứ sáu

Khi mẹ đứt cho con muống kem

Chồng chuyển tay vợ từ thực đơn

Mắt lướt ngang đoá hồng

Thơm khăn trải bàn vuông ô đồ

Nhiều

Tràng liên thanh

Ròn

Giọng cười thần chết

Máu rùng rùng nhỏ giữa đĩa pizza

Tô phở bên kia đường úp mặt

Ghê đồ đạn ghim

Khăn trải bàn vuông ô đồ

Che khuất kiếp người

Cuối 2015

Đón Giáng Sinh

Họ xả súng bắn vào âm nhạc

Những nốt đen, nốt trắng bắn loạn

Nốt lặng nín cầm

Điệu rock khoác áo requiem

Cầu hôn đôi tình nhân vừa hôn nhau đắm đuối

Môi đã rời môi

Tay rời tay

Mắt lạc mất lối về

Khán phòng ngập xác trăm người

Đàn guitar sáu dây đứt hết

Nhân danh điều gì

Họ xả súng bắn vào đám đông

Không phân biệt gái trai trẻ già

Vàng đen trắng

?

Nhân danh điều gì

Họ xả súng bắn vào nhân loại

Á Âu Mỹ Úc Phi Ả-rập

Bạn và tôi

?

Cuối 2015

Đón Giáng Sinh

Paris rung rung nền trắng

Nhiều năm nữa

Thời gian lặng lẽ trôi

Sẽ có người

Ngậm ngùi

Giữa nghĩa trang

Nguyên rủa họ

Bọn xả súng bắn vào nụ cười

Một đêm thứ sáu

Ngày mười ba

Cổ Ngu

biếm họa

Đã lâu lắm mình không xem biếm họa

Cũng gần quên cái hóm hình ẩn mình

Hôm qua cười hết cỡ bình sinh

Ôi tếu thiệt cái hình...ngoài bìa ấy

Chỉ là cây bút bình thường đến vậy

Mà ý tưởng kia sao lạ đến bất ngờ

coi xong cười như kẻ ngu ngơ

chắc, vẽ kiểu này, "tụi nó" điên phải biết

Có những ngòi bút sao mà oanh liệt

bẻ làm đôi lại gọt tiếp thành hai

Thần chết đã kề cận đến vành tai

ngòi bút vẫn miệt mài đời sáng tạo...

Charlie ơi, dấu cuộc đời thiệt ảo

tiếng cười kia vẫn thật đến vô cùng

máu của anh bỗng chốc hóa thành chung

Của triệu người chung niềm yêu ngòi bút...

Tiếng súng kia chỉ vang lên từng lúc

Nhưng nụ cười còn mãi đến đời sau

Anh nằm xuống như cọng cỏ, ngọn lau

nhưng ngòi bút lại muôn đời ở lại...

Tạ ơn anh, tên anh thời còn mãi...

Nguyệt Minh

Xuân đó xuân đây



Tháng hai, khi những hạt tuyết trắng vẫn còn trải dày khắp đó đây, lại là lúc mọi người phấn khởi hân hoan chào đón Xuân về. Năm nào cũng thế, tuy tuyết vẫn còn cao đến bụng, hoặc ít nhất cũng đến đầu gối, tôi cũng vẫn cố gắng lột tuyết vào rừng để chặt về một nhánh cây khô. Người ta bảo mang cây về ngâm vô nước ấm thì cây sẽ đâm chồi vì lầm tưởng mùa xuân đã đến. Bao năm qua tôi vẫn làm theo như thế, nhưng lại không thấy nhánh cây nào đâm chồi lá non. Mà thôi cũng không sao, vì mục đích tôi đem nhánh cây về, không phải chỉ đơn thuần ngâm nước cho cây ra lá, mà quan trọng hơn nữa, đó là gắn lên đó những cánh hoa mai.

Mấy đũa nhỏ trong căn nhà này hình như cũng đã quen thuộc với hình ảnh ấy mỗi năm, tuy nhiên, con nít thường hay quên, nên năm nào chúng cũng hỏi tôi những câu quen thuộc:

- Mẹ mang cành cây khô về nhà làm gì vậy mẹ?
- Để mẹ gắn hoa mai lên cành cây.
- Sao mẹ lại gắn hoa giả lên cây vậy?
- Thì tại bên này không có hoa thật, nên mình phải dùng tạm hoa giả vậy đó mà.
- Tuy không có hoa màu vàng này, nhưng khi nào mùa xuân đến thì cũng sẽ có những hoa khác mọc ra mà mẹ.

Đúng là như thế, những khi mùa xuân đến thì ở Na Uy này, tuy lạnh, nhưng hoa cỏ cũng không thiếu. Mùa xuân đối với trẻ em ở đây, đó là lúc tuyết tan, và những cánh hoa đại bắt đầu ngoi lên ở ven đường. Sớm nhất cũng vào tháng tư, và theo kinh nghiệm thì mùa xuân chỉ thật sự đến vào tháng năm, sau ngày lễ Quốc Khánh, vì đó là khi nhiệt độ không còn xuống quá thấp vào ban đêm, và ngày bắt đầu dài hơn. Có lẽ không chỉ

riêng ở đây, nhưng những nơi khác cũng thế, tuy khí hậu có ấm hơn thật, nhưng Hoa Mai thì vẫn phải dùng loại giả được "Made in Vietnam".

Khi những cánh hoa đã được gắn gọn gàng trên nhánh cây khô, tôi thường đem treo lên đó hai cái phòng bì đỏ. Tôi nhớ có lần con bé chị hỏi đó là cái gì, thì thằng em tỏ vẻ khôn hơn nên giải thích:

- Trong đó có tiền đó chị hai, bố mẹ sẽ cho mình, bộ chị hai không nhớ hả?

Tuy thằng em nhỏ hơn, nhưng trí nhớ rõ ràng là tốt hơn bé chị. Nó còn nhớ trong bao đó có tiền, và tiền đó thường được mang theo để chơi hội chợ trong những ngày Tết của cộng đồng. Tuy lúc nào cũng thua, cũng hối hận vì đã chơi hết không còn đồng nào bỏ ống, nhưng chơi thì vẫn cứ chơi. Năm nay để cho khác hơn, tôi không treo lên cây hai bao đỏ nữa mà treo thật nhiều bao lên đó. Con chị thấy lạ lại hỏi bằng tiếng Na Uy:

- Sao nhiều bao vậy mẹ, nhà mình cũng chỉ có hai con nít thôi mà?

Thằng em cũng lại nhanh nhẩu hơn:

- Chắc năm nay mẹ cho chúng mình nhiều bao hơn.

Rồi chúng hớn hờ ra mặt. Bàn với nhau rằng năm nay sẽ để dành tiền lì xì, sẽ góp ống cho thật nhiều để mua xe đạp mới, vì xe cũ bây giờ nhỏ rồi. Con chị thì không mua xe đạp mà mua iPhone mới hơn, thằng em ngăn:

- iPhone mới đắt lắm đó chị hai.

Con chị năm nay lớn hơn, nên hình như cũng khôn hơn rồi, biết tính toán:

- Thì mình góp ít thôi, rồi xin bố mẹ thêm cho đủ.

Tôi chợt nhớ lại ngày thơ, khi còn ở Việt Nam,

những ngày Tết là những ngày vui nhất. Không phải vì hoa thom hay áo đẹp, nhưng là vì những bao lì xì màu đỏ. Những bao lì xì ấy luôn luôn là sự mong đợi lớn nhất, không phải chỉ của tôi, mà cũng là của chung những trẻ em khác. Hôm nay cũng vậy, tuy sống trên xứ này quá ư đầy đủ, nhưng những bao lì xì màu đỏ kia vẫn là niềm vui, là sự mong đợi của những đứa trẻ Việt Nam mỗi khi Tết đến. Tôi nghĩ, có lẽ những chiếc bao lì xì kia phải có một nét linh thiêng nào đó, vì ở xứ tây phương này, trẻ em không thiếu món gì. Sinh nhật được nhận bao nhiêu là quà. Giáng sinh được nhận bao nhiêu là quà. Đó là chưa tính đến những thứ lai rai như mẹ đi công chuyện xa vài ngày về cũng có quà, hoặc bố đi làm xa vài ngày về cũng có quà v.v... Vậy mà đến Tết, chúng vẫn hớn hờ đón nhận những bao lì xì, tuy biết rằng trong ấy cũng chẳng có bao nhiêu. Những cái ống heo cũng chỉ góp để cho vui thôi, vì thứ gì thì chúng cũng có đủ cả rồi. Ước gì tất cả những trẻ em trên thế giới này đều được một ngày ăn Tết, vì Tết thì cũng chỉ mỗi năm một lần.

Thi Hạnh

Tôi Đi Nhật Nắng Lạc Mùa

tôi đi nhật nắng lạc mùa
tôi đi nhật chút nhụy thừa mà thôi
mùa đông
rét buốt hồn tôi
mùa đông rét buốt khung trời ước mơ

tôi đi nhật chút vẩn thơ
tôi đi nhật chút nhụy hờ ảo hư
đem về
ép giữa trang thư
thư không người nhận rã như thư ơi

tôi đi nhật chút tình rơi
tôi đi nhật chút tình người thuở nao
ai ngờ
tình giấc chiêm bao
chỉ là ảo mộng khát khao điên cuồng

tôi đi nhật chút cội nguồn
cội nguồn người cũng bán luôn còn gì
tôi đi

Thi Hạnh

Thơ Gửi Con

Con ơi bố bảo con này
Con tin phây búc có ngày ngất ngư
Tiền ít, chúng bảo tiền dư
Job ngày 10 tiếng, chúng la thư nhàn
Đi ăn quán cóc cà tàng
Com men chúng nói nhà hàng hạng sang
Mặt mày đen nhèm như than
Chỉnh 60 mươi độ y chang Thanh Hà
Nhiều cha tuổi đã về già
Lên phây nhí nhố như là trẻ con
Mấy girl tuổi hầy còn son
Khoe mang ví xắc lu vi ton hù đời
Lại còn mấy thánh ăn chơi
Vú, mông, hình ảnh thiếu thời nỏ tung
Mới quen thì hầy còn sung
Lâu ngày chát lại nổi khùng choảng nhau
Bởi thế bố nói sai đâu
Lên phây phải cứng như cây giữa rừng
Đa phần nick là người dung
Khi nghe chúng nỏ, chớ đừng vội tin!
Nhà, xe, ví xách, linh tinh
Chúng luôn chụp ké, biết tin ai giờ
Con thì tuổi hầy còn thơ
Lắng nghe lời bố, chớ khờ nghe con...

Lê Nguyên



Rong chơi

Đoàn Mai Tâm



Trong cuộc rong chơi qua mặt địa cầu này, tôi được gặp Ngô Thanh Tâm rồi sau đó là nhà văn Tâm Thanh, trong những dịp rất tình cờ.

Dịp tình cờ đầu tiên là lúc chiếc phi cơ mang hơn chục người tỵ nạn chúng tôi đáp xuống phi trường Fornebu - phi trường cửa ngõ dẫn vào thủ đô Oslo* - vào một buổi sáng tháng ba đầu thập niên tám mươi. Hôm ấy tuyết rơi mù mịt, nhân viên của cơ quan tiếp nhận người tỵ nạn ra đón chúng tôi phải mở rộng cánh cửa cho chúng tôi biết đường vào. Khi đến nơi, tôi nhận ra người đang giữ cánh cửa mở ra trời tuyết đó là một người đàn ông Việt nam.

Cuộc gặp tình cờ lần đầu tiên này, tôi không biết gì hơn ngoài một người đàn ông khoác áo dạ màu đen, chừng bốn mươi tuổi, dáng dong dỏng cao, giọng nói ôn tồn. Tuy nhiên, hành động ông ra tận cửa phía ngoài mở ra trời tuyết để đón chúng tôi, trong khi những người cùng đi đón với ông ở phòng bên trong ấm áp - dù hành động này rất nhỏ - nhưng đã tạo ấn tượng tốt về ông trong tôi.

Hè năm sau, tôi ngồi chung xe theo đám bạn đi hái bắp. Người bạn lái xe chở chúng tôi dòng dòng khắp các cánh đồng ở vùng Skedsmo, nhưng không tìm thấy một vườn bắp nào theo như quảng cáo. Cuối cùng anh bạn vòng vào làng tìm nhà một người quen mà anh còn nhớ lang máng. Anh đã dừng xe trước mấy căn nhà rồi, nhưng sau một hồi tra vấn lại trí nhớ, anh lại vượt qua. Phấn vờn một lúc, anh vòng lại bấm chuông một trong số những căn nhà anh đã vượt qua đó. Một người đàn ông ra mở cửa. Lại một sự tình cờ! Người đàn ông ra mở cửa ấy, chính là người tôi đã gặp ở phi trường Fornebu hơn năm trước.

Bấm chuông cửa nhà ông cách đường đột, chúng tôi chỉ mong được ông cho địa chỉ hoặc vẽ đường cho chúng tôi tự đến; không ngờ, ông vui vẻ, ông mau mắn, tự lái xe dẫn đường đưa chúng tôi tới nông trại. Tới vườn bắp, chúng tôi sà xuống không chỉ vì những trái bắp non vừa đúng lúc thâm râu, mà còn vì được sống lại cảnh ruộng vườn ở quê nhà. Say mê hái, khi chúng tôi, mỗi người hái được đầy một giỏ mang tới quầy trả tiền, người đàn ông dẫn đường không còn ở đó

nữa. Ông đã lái xe đi khỏi. Tuy ông đã đi khỏi, nhưng hình ảnh ông vui vẻ, sẵn sàng dẫn đường đưa chúng tôi đến vườn bắp vẫn còn lưu lại trong tâm trí tôi.

Ít năm sau, cũng vào dịp hè, tôi lái xe mang cả gia đình vượt quãng đường dài đến dừng lều ở khu cắm trại thuộc thành phố Kristiansand để ngày hôm sau vào sở thú gần đó chơi. Dừng lều xong, chúng tôi mang chiếu ra cạnh bờ nước trái nham. Nhìn ra xa, tôi thấy lặn trong ánh nắng chiều phản chiếu lấp lánh trên mặt nước biển, một người đang bơi ngang qua con vịnh. Khi người ấy bơi gần tới nơi, tôi nhận ra ông là người tôi đã gặp ở Fornebu, và là người đã lái xe dẫn chúng tôi tới vườn bắp mấy năm trước. Hôm ấy, ông cùng với gia đình đi cắm trại chung với một gia đình bạn; họ đã dựng lều cùng khu cắm trại với gia đình tôi. Lần đó, gia đình chúng tôi được thưởng thức cái thú chụp hình của ông. Tất cả hình ảnh qua ống kính của ông, đều được ông gửi đến cho tôi qua đường bưu điện. Đặc biệt hơn, ông không chỉ dừng lại ở những tấm hình qua ống kính của ông hôm ấy, mà mãi về sau, khi ông đi du lịch ở bất cứ nơi nào gặp cảnh đẹp, thỉnh thoảng ông cũng cho tôi cùng rong chơi "hàm thụ" qua những tấm hình ông gửi về cho tôi.

Những cuộc rong chơi qua ống kính của ông đã đưa tôi tới gần ông hơn; vì trước đó, tôi vẫn thường xem ông là bậc đàn anh đề kính trọng hơn là bạn bè cùng trang lứa để giao du. Và qua đó, tôi thấy ở ông còn có nhiều cái thú đam mê khác, xem ra còn hấp dẫn hơn nhiều.

Cho mãi đến những năm cuối thế kỷ trước, một người bạn đồng hương và cũng là đồng nghiệp nghỉ hè ở Mỹ về, mang đến cho tôi một túi đầy, vừa sách vừa tạp chí và dặn: Ông đọc trước đi, rồi đổi, tôi mang về nhiều chưa đọc đến. Khi anh rời chỗ tôi làm được một quãng, anh quay lại, nói tiếp: Ở Nauy mình, vừa xuất hiện một cây viết có tầm cỡ. Tôi hỏi: Ai vậy? Anh vừa đi tiếp về chỗ làm việc của mình vừa bảo: Ông cứ đọc đi rồi biết.

Câu chuyện dở dang làm tôi liên tưởng đến một truyện ngắn tôi đã đọc đâu đó trong lúc làm việc. Bối cảnh trong truyện là những ngã tư đèn xanh đèn đỏ, những bùng binh, những tên đường quen thuộc tại thủ đô Oslo, Nauy; tôi đoán tác giả là người Việt sống ở Nauy,

và có lẽ không ai khác hơn là người đã cho tôi cùng rong chơi qua những tấm hình.

Mấy tuần sau, tôi làm ca đêm chung với con robot. Hôm ấy robot ngoan ngoãn tự làm việc; lợi dụng cơ hội, tôi đi tìm qua tên sách và các tạp chí trong túi anh bạn đồng nghiệp mang cho. Đọc qua tựa đề và mục lục, tôi lựa riêng và bỏ vào ba lô các cuốn Văn Học - tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ - mang theo để bất cứ lúc nào có giờ là đọc, vì ở trong đó Tâm Thanh, tên tác giả tôi phỏng đoán trước đây xuất hiện khá nhiều, hầu như đều đặn mỗi tháng.

Vào một ngày mùa hè, trong lúc đợi máy đưa con học tiếng Việt, tôi ngồi dưới gốc cây trước công trường St Sunniva moi truyện của Tâm Thanh ra đọc. Lúc tan trường, tác giả từ Trung tâm Mục vụ ra về, tình cờ đi ngang qua chỗ tôi đang chăm chú đọc truyện Lụa Bạch của ông trong Văn Học số 159. Thật là một cuộc gặp đúng lúc, vì truyện của ông luôn đặt ra những vấn đề bắt người đọc phải suy nghĩ khám phá; và đồng thời, lúc ấy, ông cũng rất vui và cởi mở. Nhưng tôi lại không nêu những điều ấy ra, vì cảm thấy không thể giữ chân ông cách tùy tiện trong cuộc gặp gỡ giữa đường.

Dù thế, sau cuộc gặp gỡ hôm ấy, thỉnh thoảng ông gửi cho tôi những truyện ngắn vừa được ông hoàn thành và ngỏ ý muốn tôi đọc. Qua đó, những cuộc rong chơi qua ống kính của ông trước đây đã rẽ sang một hướng khác; hướng này vừa thích thú, ích lợi cho tôi và cũng giúp cho ông biết được một độc giả có mức độ hiểu biết trung bình cảm nhận về tác phẩm của ông ra sao. Một hôm đọc xong truyện Đệ Ngũ Diệu Đế (về sau truyện này được in trong tập truyện ngắn của ông mang tên Gõ Thước Trên Rừng trang 183) tôi thấy tựa đề là lạ và không tìm ra điểm trùng hợp với toàn bài, tôi liền hỏi ông: "Tiêu đề của truyện kết hợp với nội dung của toàn truyện này như thế nào?" Ông giải thích: "Con người ta sinh ra trong cuộc đời này chịu bốn cái nỗi khổ là Sinh, Lão, Bệnh và Tử; bây giờ thêm nỗi khổ thứ năm nữa là nội dung truyện này nói đến". Lời giải thích của ông

ngắn, gọn nhưng đã gợi mở một cách nhìn toàn diện và soi rọi vào vấn đề được bày ra ở bên trong; và đồng thời nó cũng cho thấy, tôi chỉ mới dừng ở cách dụng từ điêu luyện và cách xây dựng câu văn vững chãi thuộc lớp vỏ ở bên ngoài.

Khi tập Thiên Nga Giữa Cõi Người, tập truyện đầu tay của ông được ấn hành, tôi được ông mang đến nhà ký tặng. Và lần lượt những tập kế tiếp, cho đến tập cuối cùng, tôi đều được ông ký tặng. Sự trân trọng của tác giả khiến mỗi lần mở sách của ông ra đọc tôi đều thấy có ông đang cùng tôi rong chơi và trò chuyện về những vấn đề bày ra trong sách. Ngày nghe tin ông mắc bệnh hiểm nghèo, tôi muốn hỏi ông về nhiều chỗ trong tác phẩm để so sánh với những gì mình đã khám phá; nhưng hôm ấy thấy sức khỏe ông không cho phép, lại một lần nữa tôi không nêu vấn đề ra. Vuột mất cơ hội chót !

Ngày lễ Các Đấng Linh Hồn 2 tháng 11 năm nay, ngày tưởng nhớ đến những người đã qua đời, trên đường đi viếng nghĩa trang, tôi nhớ đến ông, Giuse Ngô Thanh Tâm, nhà văn Tâm Thanh nhưng tôi không biết đến với ông ở nơi nào, vì tro hài cốt của ông đã được rải vào thiên nhiên. Sẵn dịp, tôi lái xe chạy một vòng qua phi trường Fornebu ngày trước, nay đã thành trụ sở kinh doanh của nhiều công ty khác nhau, không còn để lại dấu vết. Quay ngược đầu xe, tôi về vườn bắp ngày xưa ở phía đông bắc Oslo, vườn bắp đã qua bao nhiêu mùa bắp, nay đất đã được cày và đang được ủ dưới tuyết chờ mùa mới.

Tôi vòng ngược lại nhà, mở những cuốn sách với những hàng chữ đã được ông viết tặng vẫn còn tươi màu mực. Lật từng trang, tôi lại cùng ông rong chơi. Những điều tôi tưởng là chưa kịp hỏi ông ngày trước bây giờ lại hóa ra hay, vì vẫn còn đó những điều mới lạ để tiếp tục khám phá mỗi lần đọc lại. Đọc lại, vì thế, xem ra còn thú hơn đọc lần đầu.

Đoàn Mai Tâm

* Phi trường Fornebu: phi trường của Oslo trước khi chuyển về Gardermoen

nỗi nhớ

sao nhớ quá con đường quê nắng đỏ
chạy quanh làng – loang lổ vết chân trâu
nhớ tóc mẹ bạc phơ thấp thoáng

cuối vườn trâu
nhớ gót chân cha chai sạn cùng rom rạ
nhớ bóng chị gầy oằn vai áo vá
buổi tàn xuân vườn cải hắt hiu vàng
nhớ buổi trưa hè chim cuốc kêu khan
nhịp võng nhà bên tiếng ru hời da diết
nhớ sáng đầu thu sương lan mờ núi biếc
đền trường làng chân ướt đầm sương mai
trang sách mở ra rang rang đọc bài
ngoài cửa sổ con chim chìa vôi hót
nhớ mắt em ngoan bên chùm bưởi ngọt
má lúm đồng tiền xinh quá đôi nên thương
mưa tanh hoa cau rụng trắng sau vườn
đêm giã gạo nhịp chày vang xóm trước
nỗi nhớ trong tôi là lời hẹn ước
buổi tròng phùng tay nắm nghẹn ngào vui
nước mắt trên môi pha lẫn giọng cười
mẹ chồng gầy đón con đầu lộ vắng
chén trà sen ngát hương chiều tĩnh lặng
cha ngồi nghe con kể chuyện tha hương
nắng đầu xuân nhảy múa ở quanh vườn

phan thị ngôn ngữ



Tết Năm Nào

Ba tôi mất chừng một năm thì mẹ tôi đưa mấy chị em chúng tôi đi mua một khu đất mới dựng nhà, nhà mới này tường cũng bằng bùn trộn rom, mái tranh. Nhà làm vừa xong thì gần tết, anh rể chồng chị hai tôi đưa vợ con về thăm. Dinh điền Thị Tính bấy giờ không còn an ninh như trước nữa, anh rể tôi ban ngày ở nhà nhưng tối đến phải lên đồn lính ngủ nhờ. Sáng 30 tết tôi đang ngủ nướng thì hằng loạt pháo kích từ trong rừng tuôn xối xả, trời sương mù dày đặc, tiếng người gọi nhau ơi ới, người ta lũ lượt dắt díu nhau vào nhà thờ lánh nạn. Chiều xuống, mẹ tôi nấu xôi cúng ông bà xong, dẫn chúng tôi ở nhà, tôi hỏi mẹ đi đâu, mẹ bảo mẹ đi thăm hàng xóm xem có ai bị thương tích gì không, tôi xin mãi mẹ mới cho theo, lòng tôi nao nao không biết ngôi trường nhỏ bé của tôi có bị gì không, tôi nói mẹ đi thăm trường trước, từ nhà tôi đến trường khoảng một cây số, nếu đi thêm một cây nữa thì đến nhà thờ, mẹ tha hồ thăm. Trời nhá nhem tối, từng đàn dơi lượn thấp từng đợt trên mái trường, mẹ thăm thì tạ ơn Trời Phật đã che chở cho nó còn nguyên vẹn.

Thăm trường xong, mẹ kéo tôi đến nhà thờ, nhà thờ khá rộng, người ta ngồi kín, nói chuyện râm ran, mẹ đến chào cha Trọng, cha vui vẻ hỏi mẹ: bà không sợ gì ư? Mẹ thưa đã có bề trên cha ạ, chẳng biết có ai bị gì không hả cha? Cha đáp nhờ Chúa che chở, không nghe nói có ai bị gì, cha lại nói thôi bà về nhà, cha phải làm cái lễ mọn tạ ơn chúa. Cha Trọng năm ấy chắc cũng ngoài 60, cha là người duy nhất có chiếc xe hơi hai mã lực, mỗi khi cha đi tỉnh về, lũ trẻ con túa ra chạy theo, thế là cha ngừng lại, lấy kẹo cho từng đứa làm quà mãi lộ. Cha không phân biệt lương, giáo nên ai cũng quý mến. Khi chiếc cầu bắc qua con sông bị đánh sập, cha không lái xe được nữa, cha ở xứ đạo thêm một thời gian rồi đi. Ngày cha đi, mấy ông trùm và một số giáo dân có làm một tiệc nhỏ đưa tiễn, ông trùm Phiên lớn tuổi nhất trong đám, nghẹn ngào mãi không nói hết câu, ai nấy sụt sùi theo làm cha cũng rung rung.

Khi mẹ con tôi về đến nhà thì anh rể tôi vẫn còn nựng nịu thằng con ba tuổi, thằng bé rất kháu, mỗi tối trước khi ngủ, chàng hay hát câu: tình đôi mươi xin đem hiến quê hương mến thương khôn lường... có lẽ bố nó mấy đêm nay không được nghe thằng con hát nên bịn rịn chưa đi chăng? Mẹ

hỏi anh ăn uống rồi đi kéo khuya quá, anh vâng vâng dạ dạ rồi dắt chiếc xe đạp ra cửa. Anh rể tôi nguyên là y tá ở dinh điền Thị Tính trước kia, khi dinh điền mất an ninh, anh xin chuyển lên Tây nguyên, về thăm nhà anh hay kể chuyện người thiếu số trên đó, chẳng hạn họ đem cả con mền hay nai để đổi lấy vài ký muối hay cá khô, mỗi lần như vậy anh chỉ lấy một ký thịt và cho họ thêm muối và kí ninh, họ nói thầy hai tốt quá mà lấy vợ sớm quá, không thì bây giờ tôi cho không con gái tôi rồi. Sau này anh làm y sĩ trưởng phụ trách giải phẫu tử thi lính Mỹ trước khi thi hài họ được đưa về nước. Nghe anh kể công việc anh làm, từ lúc mổ bụng lấy tim gan phèo phổi, cuối cùng khâu lại rồi ướp lạnh, tội tôi nổi da gà, anh tỉnh bơ nói, làm mãi rồi quen như... làm thịt gà vậy, chứ lúc đầu phải uống cả xì rượu lấy trớn. Tính anh dễ dãi, nhớ hồi anh mua chiếc Honda mới, anh chưa chạy thì tôi hấp tấp...thử trước anh, sang số rồi xiết ga quá trớn, chiếc xe chồm lên rồi ạch một cái, khói tuôn mù trời, anh đứng trước cửa thấy thế, vội chạy ra dựng chiếc xe dậy, dịu dàng hỏi tôi: Em có sao không?

Tôi có người anh cả chết trận năm 1973, vì bị nguyên trái mìn nên thân thể nát như, đồng đội chỉ có thể hốt thịt vung vãi của anh gói vào poncho đem về và báo tin, mẹ tôi nhờ anh lên nhận xác, anh ngồi trong phòng xác, lựa từng miếng thịt, đốt xương đắp lại vừa vặn thân của anh cả tôi rồi mới thuê xe đưa về, mẹ tôi tuy đau đớn vì mất con, nhưng chắc cũng an ủi phần nào với tấm lòng của đứa con rể như vậy

Sau 30 tháng 4 1975, tuy không còn ...làm thịt Mỹ nữa, nhưng anh uống rượu rất nhiều, chị tôi năn nỉ mãi nhưng chẳng được, dường như anh có điều u uất không tỏ bày với ai được, tôi có uống với anh vài lần, tôi không biết đó là rượu hay cồn, uống vào muốn cháy cả ruột.

Rồi điều tôi lo ngại đã đến, một chiều ở Na Uy nghe tin anh mất, lời cuối của anh là hãy thiêu xác anh và đem ra biển rải cho sóng tan đi muôn phương...

Phạm Gia Lộc

Đi tìm

(Đầu năm nay, nhà văn Tâm Thanh đã bước ra khỏi chuyến tàu cuộc đời, nhưng với mối duyên keo kết với Viết & Đọc từ buổi ban đầu, ông muốn kéo dài thời gian với các bạn đồng hành còn đang trên chuyến tàu bằng cách gởi lại truyện ngắn này)



Tâm Thanh

“Anh tìm cái gì vậy?” Diễm dịu dàng hỏi Đường. Họ đang trên đường tới nhà thờ làm đám cưới.

“Kh... ông,” Đường ấp úng, xếp hai bàn tay lại trên lòng, ngồi yên.

Nhưng chỉ một phút sau:

“Anh vẫn chộn rộn, anh đánh mất cái gì vậy?” Diễm nghiêng người để tránh cái cùi chỏ của Đường.

“Không.”

Đường ngồi yên thêm được một lúc, lại bắt đầu cựa quậy.

“Sao anh cứ rà hết túi nọ tới túi kia?” Diễm ráng cười “Bộ thợ may may không đủ túi sao?”

Đường cười trừ, nhìn quanh xe:

“Chắc từ lần đầu ngồi limousine, mệnh mông quá... Limousine, đó là chủ yếu, em biết không?”

Diễm biết anh đánh trống lảng, nhưng vẫn ngồi xịch lại, cầm tay anh âu yếm. Chính cô cũng đang bồn chồn lo lắng trước giờ lễ, chắc anh cũng có tâm trạng đó. Nhưng Đường lại hiểu là Diễm cầm tay anh để anh khỏi lục túi. Cảm giác bị cầm tay cầm chân khiến anh càng ngứa ngáy hơn, phải lục lợi bằng tư tưởng: rõ ràng là anh đã bỏ cái hộp nhẫn cưới vào túi áo vét, bên trái. Ban đầu mẹ anh đòi lấy nhẫn để Diễm đeo thử khi mang găng.

Thử xong, anh tính trao lại cho thằng em phù rể, nhưng vì nó đang bận thay nơ, anh bảo mẹ để lại trên cái đôn đặt bình hoa hồng. Anh còn hình dung được cái hộp màu nhung đỏ, với hai chữ CC vàng sang trọng nằm bên cạnh một cánh hoa hồng rơi. Con bé Mai lân la gần đó và nhặt cánh hồng bỏ vào thùng rác; anh thầm khen con bé tỉ mỉ, và nghĩ mười năm nữa tới phiên nó trở thành một cô dâu xinh đẹp. Anh nghĩ lang bang không biết thằng Hoàng chờ mười năm được không? Nhà bé Mai cũng khá tiền lắm. Rồi anh lại tự nhủ: thằng Hoàng đoảng lắm, hay nhất là mình nhét nhẫn vào túi mình cho chắc ăn. Đúng lúc đó, có tiếng cười nói tiu tít ngoài cổng: Kim Liên, người mà các cô phù dâu khác đang đợi, vừa tới... Việc gì xảy ra sau đó, anh không thể nhớ được. Anh không thể nhớ mình bỏ nhẫn vào túi hay chưa, và trước khi ra khỏi nhà có nhìn thấy nó không. “Cũng tại bà ấy thầy lay, bày đặt thử nhẫn,” anh thầm trách mẹ ruột.

Đường quay lại nhìn xe chạy sau, nơi thằng Hoàng ngồi. Anh làm hiệu, nhưng nó không thấy, vì xe anh kính đen. Anh lại nghĩ trên xe sau có Kim Liên, người yêu cũ của anh ngồi, anh không nên nháy nhó, Diễm có thể hiểu lầm.

“Tức quá, không mang cell phone.”

“Trên xe có điện thoại kia,” Diễm nhắc.

Đường quay số, có tiếng tổng đài báo là máy bên kia tắt. Anh vùng vằng móc ông nói vào ồ.

“Anh kêu cho ai vậy?”

“Cho thằng Hoàng.”

“Hồi nãy anh có ra lệnh cho mọi người phải tắt cell phone trong nhà thờ.”

“Ra lệnh? Anh nghĩ chu đáo như thế, em không bằng lòng sao?”

“Anh làm gì thì làm, em có dám nói gì đâu.”

Đường nghĩ sang việc khác để khỏi gây lộn: Hy vọng là thằng Hoàng giữ hộp nhẫn. Bỗng anh chăm chú nhìn chiếc áo cưới.

“Anh thấy có chỗ nào sai?” Diễm hỏi. Cô biết cái tính tỉ mỉ tiểu tiết của anh.

“Kh...ông. Nhưng, coi nào...” Đường vén đồng đuôi áo cô dâu, sờ soạng dưới sàn xe, hy vọng cái hộp nhẫn... rớt ở đó; giống như một người cầm một ngàn đô đi đánh bạc thua, về nhà còn lục ngón kéo xem tiền còn đó không. Biết đâu.

Diễm nản, ngồi im.

Sờ soạng một hồi, Đường khám phá ra một điều hoàn toàn không liên quan gì tới cái nhẫn, là cái thảm xe sạch quá, một hạt cát cũng không thấy. Anh quên nhẫn, đi tìm cát. Hai tay anh sờ soạng dưới đồng sa-teng màu ngà như một người đàn bà mò cua dưới giàn bèo bông. Rồi anh lại quên cát để tìm bất cứ cái gì. Các ngón tay moi móc vào các kẽ hở trong xe như một người cảnh sát ma túy. Cái thảm xe sạch lồi cuốn anh đi tìm một cái gì... không hoàn toàn sạch, ví dụ một đồng xu, một cái nút áo, một mẫu giấy kẹo... Tóm lại, bất cứ cái gì. Anh chỉ tránh đụng vào chân Diễm. Không tìm được gì cả trong cái trống rỗng, anh cảm thấy chóng mặt.

Diễm không biết Đường tìm gì, nhìn anh lom khom trong lúc xe chạy vun vút, cũng phát chóng mặt.

Cuối cùng anh lồm ngồm ngồi lên ghế nói:

“Cái hãng cho thuê xe này ngon.”

“Ngon chỗ nào, anh?”

“Sạch dễ tè. Sàn xe không có một cọng rác. Đó là chủ yếu.”

Diễm biết Đường có rất nhiều cái ‘chủ yếu’, nhưng không hiểu cái chủ yếu của anh trước giờ lẽ thành hôn là gì. Cô đã đi dự nhiều đám cưới, làm phù dâu vài lần, cô biết các chú rể thường chú ý tới ông phó nhòm nhiều hơn tới cô dâu; nhưng sa đà và hướng ngoại thì chưa ai bằng Đường. Cô thờ dài nhìn mặt biển xanh đã bắt đầu hiện ra bên tay phải; vậy là sắp tới nhà thờ, sắp tới một khúc quyết định lớn trong cuộc đời, có lẽ lớn nhất.

“Em có hay bị chóng mặt khi tìm đồ không?”

Đường, dường như nhận ra sự lạnh nhạt của Diễm, hỏi giả lả.

“Có,” Diễm tranh nhớ tới người cha thân yêu “Ba em khi còn sống thường nói tìm mà không biết tìm cái gì mệt hơn kéo cày ruộng ải.”

Anh thấy ông bố vợ nhận xét đúng. Nhưng người như thế, nếu còn sống, chắc sẽ không để anh tung hoành như ngày nay. Anh có thể làm cả những điều mà chính anh sau đó thấy là điên rồ mà ‘măng’ cứ cười tít mắt khen hay. Đường nghĩ tới một trong phát minh của mình, hỏi Diễm:

“Không biết tụi nó đã đem đồ đồng vò ốc vò sò đi chưa?”

“Sao lại đồ đi? Công anh đi Mỹ cả ngày mới lựa được mười kí vò sò vò ốc. Em tưởng đề chung hai bên lối đi vào nhà?”

“Không kịp làm.”

Đường đặt hai trăm bông hoa hồng tươi hạng nhất, ngắt cánh, thả vào chậu nước đặt giữa mỗi bàn tiệc. Gần hai chục người họ hàng và bè bạn loay hoay hết buổi sáng để làm việc cái việc ngắt cánh hoa tào lao đó. Trong khi đó tiệc cưới lại không đãi rượu bia mà cho khách uống nước bạc hà.

Đường lấy ly rót rượu sâm-banh uống một hớp rồi hỏi Diễm:

“Em uống không?”

“Dạ không.”

“Nó tính tiền vào rồi, vậy gì không uống.”

“Em uống rượu bị chóng mặt,” Diễm trả lời, mặc dù lý do thật là vì cô nghĩ trước thánh lễ người ta không nên uống rượu, dù rượu... miễn phí. Bỗng Diễm cảm thấy trong người tiêu hao như vừa uống lắm phải một thứ rượu độc, một cảm giác cô chưa từng có từ ngày mẹ cô tình cờ gặp mẹ Đường trong một vụ mua bán hột xoàn, rồi dùng dùng đòi gả cô cho ‘thằng bác sĩ con bà buôn hột xoàn từ tẻ’. Uống cạn ly rượu, anh soi gương, nặn một cái mụn trên mặt.

Chiếc limousine trở tới trước thềm nhà thờ, Đường muốn tông cửa chạy xuống để hỏi Hoàng có cầm nhẫn không, nhưng kịp nhớ lại một điều tỉ mỉ, anh lăm bậm tự nhủ:

“Chờ tài xế mở cửa hẵng xuống xe. Phải đúng điệu. Đó là chủ yếu.”

Người tài xế Mỹ trắng mặc đồng phục mở cửa xe, Đường oai vệ bước xuống. Cái thảm trải thật ngay ngắn. Anh vẫn lo cái thảm trải lệch hay cuốn một góc thì chụp hình hồng bét. Anh đỡ Diễm ra, chụp hình xong, anh nhào lại đám phù dâu phù rể vừa xúng xính ra khỏi xe.

“Mày có giữ hộp nhẫn không?” anh hỏi thẳng em.

“Nhẫn gì?” Hoàng ngạc nhiên.

“Nhẫn cưới của tao, chứ còn nhẫn gì nữa!”

Các cô cậu xôn xao. Ai từ sáng tới giờ cảm thấy mình vô dụng thì bây giờ có dịp tỏ ra xôn xao hơn.

“Chết cha rồi!” Họ than.

Hoàng cùng Kim Liên kéo nhau phóng xe về nhà tìm nhẫn. Trước khi hai đứa đi, Đường còn kịp kéo lại dặn:

“Không được cho mǎng biết!”

Đường không sợ bố mẹ ruột, không sợ vợ sắp cưới, không sợ Trời đất, chỉ hơi sợ ‘mǎng’, bà mẹ vợ. ‘Mǎng’ mới ký cho anh cái séc một trăm ngàn đô, và vui vẻ cho thằng Hoàng dọn về ở chung trong ngôi biệt thự mệnh mệnh riêng của Diễm từ hai tháng nay. Còn Đường thì đương nhiên đóng đô ở đó từ sau đám chạ ngõ. Bố mẹ chú rể cũng dùng địa chỉ biệt thự cô dâu luôn, mặc dù trong thực tế, chỉ cuối tuần ông bà mới tới chơi, hoặc bà cần diễm hẹn uy tín để mua bán hột xoàn. Trong họ hàng đằng trai, duy nhất chỉ có ông bác của Đường cau mày khi đọc thiệp cưới: “Ai chẳng biết tụi bay hôm lót, cần gì phải rêu rao cho làng nước biết như thế!” Còn tất cả những người khác đều vui vẻ đề huề trước sự việc bố mẹ chú rể mượn địa chỉ con dâu tương lai.

“Mǎng biết lại la toáng lên,” Đường nói tiếp về vụ mất nhẫn.

Diễm ruột nóng như lửa đốt, muốn khóc, nhưng thay vì khóc, cô cứ nhìn vào bàn tay của những người đi dự lễ đứng chung quanh xem tay họ có... đeo nhẫn không. Gần như ai cũng có nhẫn đeo cả!

Cô dâu chú rể ríng bước đi thật thanh lịch theo điệu ‘Tân hôn hành khúc’ từ chiếc đại phong cầm. Không hẹn mà trong đầu của hai người chỉ còn thấy ‘chiếc nhẫn’, cùng thầm hát theo:

“Rinh.. rinh rinh rinh... Rinh.. rinh rinh rinh...”

Hai người bị cái nhẫn mất ám ảnh, quên lên đọc ‘Bài đọc’. Cha chủ tế ra hiệu hai lần mà họ không thấy hay không để ý. Cuối cùng một cô phù dâu phải ghé tai Diễm nhắc, hai người mới vội vàng đứng dậy. Diễm nghe tiếng ‘phụt’, không biết cái gì bị đứt. Hai người chỉ chú ý tới việc đi thật kiêu cách lên bục giảng. Họ nhớ cả cái việc phụ là kéo cái cần micrô cho vừa tầm miệng, nhưng họ quên việc chính là đọc sách Thánh, cử tọa cũng không đoán được họ đọc gì, những người

quen đi lễ cưới thấy Lời Chúa hôm nay lạ hẳn đi. Đường vừa lồm bồm đọc vừa liếc mắt ra hiệu cho mấy người chụp hình. Diễm nghĩ tới chiếc nhẫn và... tiếng ‘phụt’. Cô nghĩ có thể cha và mấy chú giúp lễ đang nhìn thấy cả cái lưng cô hở ra vì có cái gì đứt. Mới sáu tháng trời quen Đường, Diễm đã trở thành nỗi nào vung này với anh. Cô chỉ tình ngộ trong một vài tình huống lố lẩn quá đáng của Đường, ngoài ra quen tính cả nể, cô thà hòa theo Đường còn hơn học hặc.

Sau bài Phúc âm, cha chủ tế, nghe nói là một nhà thần học lỗi lạc và phóng khoáng, giảng về hai chữ ‘duyên nợ’. Ông kể sự tích ‘Nguyệt lão xe tơ’, và kèm theo mấy câu ca dao để kết luận rằng quan niệm dân gian coi việc hai người con trai con gái lấy nhau là vì có nợ nần với nhau, từ kiếp trước hoặc năm ngoái, hôm qua. Ông còn nói đùa “nợ máu” làm cả nhà thờ, trừ cô dâu chú rể, cười. Đường Diễm thỉnh thoảng lại quay xuống xem hai người đi tìm nhẫn trở lại chưa. Đường còn tưởng tượng ‘mǎng’ sẽ đông đông lên thế nào khi lát nữa đây bà biết vụ mất nhẫn, nhất là việc không cho bà biết ngay. Nghĩ tới ‘mǎng’, Đường sờ tay lên túi ngực, nơi anh nhét tấm séc.

“Bây giờ anh vẫn tìm cái nhẫn phải không?” Diễm ghé tai nói nhỏ.

Nhiều người trong nhà thờ tưởng cô dâu thăm ý cha, nháy nhó tình tứ với chú rể, bèn mỉm cười.

“Kh... ông,” Đường quen miệng.

Diễm càng không hiểu Đường. Không hiểu anh tìm cái gì; anh là ai. Bỗng nhiên Diễm thèm khát khoảng biển xanh thấy hồi nãy. Những lớp sóng trắng vờn lặn lẽ xa xa.

Cha vui vẻ giảng tiếp bằng một chữ ‘nhưng’ kéo dài và quyết liệt:

“Nhưng... quan niệm Ki-tô giáo khác...”

Cha giải thích bài Phúc âm về giới răn quan trọng nhất của Kitô giáo xong, lại trích thư thánh Phao-lô gửi tín hữu Rô-ma, đoạn 13 câu 8:

“Anh em đừng nợ nần gì nhau cả, trừ yêu thương nhau; vì chúng yêu người là chu toàn lề luật rồi.”

Cha nhắc lại nhiều lần “Yêu là chu toàn lề luật.” Rồi kêu đích danh:

“Anh Đường! Chị Diễm!”

“Dạ!” Đường giật mình đáp lớn. Nhà thờ lại cười, nhưng bên đằng gái biết Đường là bốn đạo mới, họ chỉ cười một cách thông cảm.

“Anh chị có biết rằng sáu phép bí tích khác là do Chúa ban cho con người, còn bí tích hôn nhân là tự anh chị ‘ban’ cho nhau không?”

Hai người từ nãy tới giờ không nghe lời giảng nào, nhưng từng quen với lối thi ‘a b c d khoanh’, chỉ cần nghe cách cha hỏi cũng đủ biết rằng gặt đầu là có cơ hội trúng nhất.

Cha kết luận bài giảng:

“Anh chị tới đây để trao cho nhau tình yêu. Tôi chỉ đại diện Giáo hội chúc phúc và bà con thân thuộc tới đây chứng kiến. Anh chị không có nợ nần gì nhau cả; nếu có nợ là nợ tình thôi... Bây giờ, trong tinh thần đó, anh chị hãy chuẩn bị trao nhận cho nhau.”

Đường có qua một lớp giáo lý sơ sài và ít đi nhà thờ, họa hoằn theo Diễm (lúc có mặt mẹ Diễm) vào ngôi nhìn thiên hạ quì xuống đứng lên, anh ghét nhất mấy ông cha giảng dài. Hôm nay là lần đầu tiên anh mong cho ông giảng dài, mong cho ông vì vu bất tận, cho tới khi nào chán ngán và kết thúc bằng đúng cái chữ anh ít mong đợi nhất: ‘trao nhận’. Nhận đầu mà trao bây giờ?

Hoàng và Kim Liên tất tả chạy vào, khiến nhiều người trong nhà thờ nhìn theo. Hoàng ghé tai Đường báo cáo đã tìm khắp nhà mà không thấy nhận.

“Mẹ kiếp! Làm sao bây giờ?” Đường quen miệng.

“Thôi, nói với má đi!” Diễm khổ sở.

May mà ông cha thật là dễ thương, thấy cảnh luộm thuộm rồi rấm giữa nhà thờ mà chỉ đứng mỉm cười chờ. Thấy tình hình có vẻ nghiêm trọng thực sự, ông nghi có điều bất thường, bèn đọc công thức trong lễ nghi hôn phối không có ‘phép rao’:

“Ai thấy có điều gì ngăn trở việc kết hôn này thì đây là cơ hội cuối cùng để nói ra, hoặc sẽ giữ im lặng suốt đời...”

Đọc xong công thức, ông tò mò chờ đợi, vì trong cuộc đời mười ba năm linh mục, chưa bao giờ ông gặp ai ‘nói ra’ vào giờ phút này cả. Thường đến giờ phút này là mọi sự phải êm đẹp. Nhưng ai học được chữ ngờ ở đời.

Vài người biết chuyện tình éo le giang dở giữa Đường và Kim Liên, và lại thấy cô này vào nhà thờ trễ, mặt mày hốt ha hốt hải, thì đoán già đoán non cô là đầu mối của việc ‘ngăn trở’. Họ hồi hộp chờ trái bom bùng nổ. Nhưng người ‘tung bom’ không phải Kim Liên mà mẹ cô dâu, ‘măng’ của chú rể:

“Trình cha, có đưa nào ăn cắp mất hai cái nhận!”

Cả linh mục chủ tế lẫn bà con trong nhà thờ cùng ‘ồ’ lên một tiếng và hướng nhìn về người đàn bà đứng ở hàng ghế đầu.

Họ quay sang nhau bàn bạc um cả nhà thờ. Nhiều người tham dự cuộc rước dâu bất mãn về hai tiếng ‘ăn cắp’ của bà đàn gái. Người

khác bàn vào ở đây nhiều người đeo nhẫn, mượn đỡ; người bàn ra: như vậy xui chết. Người đưa ý kiến chạy đi mua; người cãi đi mua mất tiếng mấy đồng hồ, bà con ngồi đây chờ mà meo râu ra à; và lại thằng Đường chỉ mua nhẫn ở nhà kim hoàn nổi tiếng của Mỹ, chớ mua ở Phước Lộc Thọ chắc gì nó chịu. Có người lợi dụng dịp này chạy sang hỏi người khác lát nữa ‘đi’ bao nhiêu thì vừa, vì nghe bà mẹ chú rể rêu rao rằng thằng con bà đặt nhà hàng sang nhất thế giới, mỗi phần ăn bốn trăm năm chục đô la xanh. Chỉ tội nghiệp mẹ cô dâu, tất cả vinh quang của bà đặt trong đám cưới này bị một cái nhẫn vài chỉ vàng phá hỏng, bà quay sang người em gái ngồi kế bên:

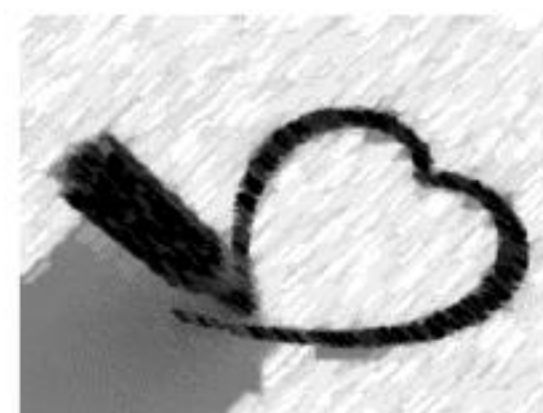
“Tao cho chúng nó một trăm ngàn đô, sao chúng nó không mua vài xâu nhẫn để sẵn... mà lại để tới giờ phút này không có cái nhẫn mà đeo. Đúng là cái số con rệp!”

Cha chủ tế là một người tùy cơ ứng biến, ông nhả nhận:

Em là giọt nắng thần tiên

Em là giọt nắng thần tiên
Nắng se nổi nhớ niềm riêng của lòng
Nắng ngăn cơn lạnh mùa đông
Nắng đe cơn gió trận giông mang về
Nắng làm ấm nghĩa phu thê
Nắng chan hương phấn xuân về tim anh
Nắng ươm màu lá thêm xanh
Nắng gom yêu mến biến thành câu thơ
Nắng rung nhịp thở phím tơ
Nắng đan kỷ niệm ước mơ thành lời
Nắng ru hoa cỏ bên đời
Nắng lay động nhẹ khi trời phủ xanh
Nắng an ủi nổi băng khuâng
Nắng ve vuốt cõi trầm luân kiếp người
Nắng giảm bớt nỗi chơi vơi
Nắng sưởi vàng cả biển khơi lạnh lùng
Nắng nung ấm cái tình chung
Nắng đem anh tới chốn cùng bên yêu.

Phụng Long



“Xin ông bà anh chị em yên lặng cho tôi nói nhá...”

Mọi người yên lặng, người đang đứng thì ngồi xuống, người chạy sang chỗ khác để bàn quốc sự thì trở về chỗ ngồi. Chỉ có bé Mai vẫn đứng. Nhưng nó đứng trên bàn quý cũng chỉ cao hơn người ngồi nửa cái đầu, không ai thèm lý. Cha quét ánh mắt thân thiện nhìn mọi người, tới bé Mai ông nhìn lâu hơn, nửa hóm hỉnh nửa như thôi miên cho con bé ngồi xuống, nhưng nó vẫn đứng. Ông bắt đầu:

“Thưa ông bà anh chị em, chưa có đám cưới nào mà cô dâu chú rể sớm có dịp thực hành lời thánh Phao-lô về điều chính yếu trong đời người, đặc biệt trong hôn nhân: không có sợi dây nợ nần nào trói buộc được vợ chồng. Sợi dây tơ hồng nếu là chuyện có thật, nếu nó trói buộc được, cũng không làm cho vợ chồng gần nhau hơn, có chăng cũng đồng sàng dị mộng. Chiếc nhẫn, dù bằng vàng bạc hay kim cương, chỉ là dấu hiệu cho biết một người đã có nơi có chốn, một người đã kết hôn; tuyệt đối nó không phải là cái chứng chỉ hạnh phúc, càng không phải một lá bùa yêu... Mất nó, anh chị không yêu nhau ít đi. Ngược lại, anh Đường chị Diễm thân mến, tôi tin rằng đây là dịp hãn hữu để anh chị bỏ qua một tiểu tiết để đi thẳng vào cái chính yếu. Nếu anh chị yêu nhau, tức là đã chu toàn lễ luật và lễ nghi rồi. Nếu muốn có nhẫn làm kỷ niệm thì mai anh chị đi mua cặp nhẫn khác mang lại đây tôi làm phép rồi tha hồ đeo, còn bây giờ chúng ta hãy bắt đầu để anh chị thề nguyện với nhau trước mặt Chúa.”

Bỗng có tiếng xôn xao chỗ bé Mai đứng.

“Eo ơi! Nó đá ra quần!”

“Sao mắc đá mà không đi vào cầu mà đá vậy con?”

“Lớn rồi mà còn đá ra quần!”

Bé Mai vẫn đứng trơ, miệng ấp úng:

“Con không ăn cắp.”

“Ăn cắp cái gì?”

“Cái nhẫn, con giữ gìn di Diễm thôi!”

“Trời ơi! Sao bây giờ con mới nói, để mọi người đi tìm?”

Bé Mai moi trong cái ví đầm xinh xinh ra cái hộp nhung, đưa cho mẹ nó, rồi gục đầu vào ngực mẹ phụng phịu:

“Mọi người đi tìm cái gì, con đâu có biết...”

Tâm Thanh



Gửi bạn phương xa

Mày vẫn làm thơ được đó sao?
sáng nay mở máy check e-mail
đã toan delete như thường lệ
chợt thấy tên mày vắng đã lâu.

Tương mày đã rửa tay phong kiếm
gác bỏ ngoài tai chuyện thị phi
viết lách cũng như là khẩu nghiệp
giang hồ ân oán để làm chi.

Đọc thơ mày thấy buồn tê tái
lòng già như suối cạn cần khô
sỏi đá lấy đâu ra nước mắt
khóc đời hữu hạn trước hư vô.

Như tiếng kêu thương cuối cuộc đời
mày đem san sẻ những buồn vui
lời thơ cảm lắm nhưng mà cũng
chua chát bao nhiêu những tiếng cười.

Bức tranh vãn cảnh muôn đời ấy
biếm họa thêm thì cũng thế thôi
chữ nghĩa có hồn và tạo nghiệp
cầm bằng theo gió cuốn mây trôi.

Thơ mày cũng nhắc xuân rồi tết
hỏi rằng xứ lạnh có gì vui
cứ hỏi lòng mày thì cũng biết
đâu có cần tao phải trả lời.

Cung Vĩnh Viễn

Lần

Lúng túng mãi không xong ! Ông không còn tự mặc áo len được nữa. Tôi giúp ông xỏ tay áo, cài lại nút, sau khi phát hiện ông mặc ngược quần, *fermeture* phía sau *lông*.

Khoác tay ông rời phòng. Cuối hành lang, một bà đầm lầy bầy được hai cô y tá xốc nách dìu đi. Ông thì thầm:

- Thấy không? Một bầy tiên đang múa kia kia!

Tôi gật đầu, không đáp trả.

Gần cửa thang máy, thoáng một bóng áo trắng. Ông đảo mắt :

- Coi chừng, quần giáo! Có đưa hiên, còn thằng này ác lắm, thích đánh tù, mắng tù !

Trời nắng đẹp. Đầu tháng ba, đã gần 20°C. Cuối đông mà như đã đầu xuân. Mở gói thuốc. Ông một điếu. Tôi một điếu. Ông thong thả rít, chỉ xuống chân, khoe :

- Đôi giày vải này của thằng Đoàn Chuẩn tặng đây. Nhiều đứa xin, nhưng nó không cho!

Ngồi xuống băng ghế. Ông kể về một cô Ng. đẹp người, con nhà giàu, nắm một địa vị quan trọng trong xã hội. Bạn bè gán ghép, bảo cô Ng. mê ông lắm. Ông cười cười, mắt mơ màng:

- Cái lũ vớ vẩn! Đã lấy vợ, có con, đây không ngó ngang ngó dọc nữa! Trong óc, trong tim, chỉ còn một người thôi!

Ấm áp. Vài cánh bướm cam ngủ suốt đông trong góc kín vội bung ra bãi cỏ mượt xanh đã lốm đốm cúc trắng. Lượn một vòng rồi đậu lên tường cao, phía nắng quét, cánh xòe phơi. Một chiếc xe hơi chậm chậm lướt qua, ba người ngồi trong. Ông kéo tay áo, nói nhỏ, giọng hậm hực:

- Thủ trưởng, thủ phó bệnh viện đây! Chắc tham những dữ lắm nên chưa chỉ đã sắm xe hơi, lại có tài xế riêng. Chúng nó tiêu tiền như rác, lại cứ lên mặt đạo đức cách mạng. Ngụy với chả cán bộ!

Ông xin điều thuốc thứ hai :

- Thèm quá, có gia đình vào thăm, mới được hút. Y tá cầm hút thuốc trong phòng.

Tôi hỏi:

- Máy ngày vừa rồi, có ai vào thăm không?

- À, có vợ chồng thằng V., rồi S. đem hộp chocolat đến biếu, cả cô M. nữa. Thằng T.

chắc bận học hành, thi cử nên chưa thấy vào. Ông nhớ chi tiết những lần thăm viếng của người nhà, nhưng lại quên việc T., con trai út của ông đã đi làm, lấy vợ, có con từ lâu.

Đưa ông lên phòng, bóc chiếc bánh. Ông ăn, khen:

- Đúng là bánh cốm Hải Dương. Ngon quá!

Rồi thở dài :

- Được về nhà, chắc sẽ làm một chuyến.

Hoặc Sài Gòn - Hà Nội để thăm cảnh, thăm người. Hoặc sang Virginia đến nhà Th., N. gặp anh chị C. Sau đó, chắc đường ai nấy đi. Tùng này tuổi rồi!

Nắm tay ông, tôi dặn:

- Đây là bệnh viện. Chữa hết bệnh sẽ về nhà. Không phải trại cải tạo đâu. Đừng tìm cách trốn trại nhé. Bác sĩ không thích đâu! Mai T. sẽ vào thăm.

- Ừ, thay phiên nhau như thế, ai cũng yên tâm. Tốt!

Ông ôm tôi, hôn chào từ giã. Những chân râu vừa nhú đâm vào má, nhoi nhoi.

Trên đường về, cái cảm giác nhoi nhoi ấy dần len sâu trong lòng.

Ông ấy: bố của tôi.

Cổ Ngu

Hương xưa

Em ngồi chải tóc hiên sau,
Giặt mình...Anh nhớ...thuở nào... xa xưa.
Hương Bò Kết. Gió nhẹ đưa,
Trắng vườn hoa bưởi. Lúa thừa nắng chiều.

Trăng

Trời cao...vàng vặc trăng lên,
Mênh mông tuyết trắng.
Bỗng nhiên...lạnh người.
Tìm đâu...! Trăng nhể nhại... cười
gheo ai giặt yếm đang ngồi... chờ khô.

Uyên Giang

Cơn Mộng Dữ

De Sterke Drømmers Alder

Torill Thorstad Hauger

Bản Việt ngữ: Dương Kim

Torill Thorstad Hauger

Nữ văn sĩ Torill Thorstad Hauger sinh ngày 11-11-1943 tại Oslo, thủ đô Na Uy. Bà đã sáng tác nhiều tiểu thuyết, dựa theo lịch sử Na Uy. Đồng thời, Torill Thorstad Hauger cũng viết truyện dã sử dành cho thanh thiếu niên. Bà được giải thưởng Văn chương Quốc gia năm 1976 cuốn dã sử «Karl Eugen Olsen fra Vika», 1984 và «Krestiane Kristiania». Dưới đây là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của bà."



Thời thơ ấu, anh hay nằm mơ thấy những giấc mộng dữ, anh nghĩ mình có thể thay đổi được cả thế gian. Anh tưởng mình đã quên đi thời ấy, như quãng trời trống sau những đám mây, và anh cũng chẳng tìm lục lại nó. Nhưng đêm nay, anh đang đứng trên đỉnh thành công trong cuộc sống. Vì đã luống tuổi, anh không tiếp tục leo cao hơn được nữa, lúc ấy anh mới nhớ lại thời thơ ấu. Nhớ lại những giấc mơ mạnh mẽ của tuổi thơ.

Hồi đó, mấy con chim đen bao trùm màn đêm. Chúng lượn xung quanh anh, hờ hững, mắt lạnh lùng, hắc ám dồn lên những chớp cánh. Anh nằm chết cứng trong giường, tay bám chặt xuống tấm vải rải giường. Sự độc ác của chúng như đọng vào tất cả các góc tường trong phòng.

Bỗng anh nghĩ mình có thể tìm được một con chim nào đó, to hơn, mạnh mẽ hơn mấy con chim đen này, anh liền xuống giường, mở hé cửa sổ. Con chim cánh xanh dương, mạnh mẽ bay vào. Một con đại bàng, lông lóng lánh như áo giáp, mắt tinh nhanh; trông rất mãnh liệt, vô địch. Anh nhảy lên lưng đại bàng, chim liền vươn đôi cánh lớn, thét mấy con chim đen, bao nhiêu hắc ám, lạnh lùng trong phòng tan biến hết. Anh cười. Đại bàng cồng anh bay càng lúc càng cao, tới chỗ mặt trời luôn chiếu ánh sáng lóng lánh. Anh ngồi trên lưng đại bàng, tay trải những hoa đỏ xuống trần gian, đây là món quà nhân ái này nở trong tim mỗi

người. Rồi anh quên giấc mơ ấy, coi nó chỉ còn là một ý nghĩ trẻ con thôi. Luôn cả bây giờ, đang thành công tột đỉnh, với tâm hồn của người lớn, bao sự hắc ám, lạnh lùng và nhân tâm chẳng còn ảnh hưởng gì với anh. Khó khăn lắm anh mới vượt nổi mòm đá dốc này, mà bao người khác cũng đã tranh đua. Đến nay, anh đã tạo dựng cho đời mình một chức vị cao, nhà cửa hợp thời, đi xa đây đó, thoải mái, làm quen nhiều bạn bè. Rồi anh kết đời mình với một cô tóc vàng, tự cho đây là hạnh phúc. Cuối cùng một đứa con ra đời.

Anh nhận thấy đứa con này làm bận rộn đời sống của anh. Anh đã quên đi thời thơ ấu chứa chất bao thắc mắc, ý tưởng và những tưởng tượng lạ lùng. Anh không có thời giờ nghe đứa con cứ nói luôn miệng. Nhưng sự hiểu biết tăng theo tuổi tác, luôn cả đứa bé cũng vậy.

Đêm nay, anh sẽ tổ chức một bữa tiệc mừng công danh, anh không muốn bị quấy phá; đứa con đã sớm vào giường ngủ rồi. Cô gái tóc vàng của anh lo sắp khăn ăn, thìa lên mặt bàn đã được trải khăn đẹp đẽ, anh thì đứng rót rượu vô những ly nhỏ san sát bên nhau trong cái mâm, để chút nữa mời khách tới. Thình thoàng anh nhìn ti-vi, anh nghĩ đây là cách coi thời giờ tiện nhất; vì bữa tiệc sẽ bắt đầu khi ti-vi chiếu tin tức. Ngoài trời, mùa đông đen tối, mặt trăng mờ ảo như lụa vàng.

Chuông reng, khách tới cười nói mừng tiệc

rộn rã. Phòng khách đầy những tiếng chúc mừng, tiếng cười nói lớn, mùi nước hoa thơm, mùi thuốc lá. Nhưng vắng vắng từ xa, anh nghe thấy tiếng trẻ kêu khóc. Con nít thích được sự chú ý của người lớn khi nhà có tiệc tùng bận rộn. Anh rót rượu và nói chuyện, các bà đẹp, lịch sự trong những bộ áo dài nhẹ, các ông với những bộ âu phục đen, ngực áo trắng, nhìn anh, mắt họ nhuốm lên ngọn lửa xanh nhỏ như ganh tị, nhưng họ không bao giờ thốt thành lời thô tục nào cả, họ luôn tạo không khí thoải mái, tránh bàn những chuyện tranh luận. Người vợ tóc vàng của anh len lỏi nhẹ nhàng qua lại giữa những người khách để mời mọc đậu phụng và bánh kem, gặt đầu chào một cách điệu bộ, mỉm cười đơn đả với mấy bà, bông đùa với mấy ông. Cô là một bà chủ nhà rất tuyệt diệu. Điều duy nhất làm anh bức mình, vì tiếng khóc nhai nhai từ phòng đứa con, có lẽ ti-vi bật lớn tiếng quá.

Nếu bạn bè anh, không ai coi chương trình tăng tiến cổ phần, hẳn anh đã tắt đi từ lâu. Nhưng bây giờ tin tức báo cáo qua chuyện khác. Anh coi ti-vi.

Mới đầu là một nhóm người từ xa, họ ngồi thành một đám, tựa như đang hướng về thế giới thứ hai. Anh mở nút chai Martini, rót rượu vào ly. Ti-vi chiếu cảnh gần hơn, giờ coi họ có vẻ như một đàn châu chấu trên bãi cát, nằm yên trong những bộ cánh dài, một cơn gió khô thổi qua khung cảnh người và bãi cát lạ lùng ấy.

Anh nghe khách xì xào, xao lãng chung quanh anh, chỉ phản ánh lại những áo hở lưng và ngực áo trắng; họ đứng nghiêng nghiêng với ly rượu trên tay, tiếng nói chuyện đã giảm nhỏ. Đầu đó tiếng cười của một bà nào đấy lan ra, vang lên, đáp lời một người đàn ông.

Trên ti-vi có chuyện xảy ra. Một chiếc xe trắng lái tới bãi cát, phân phát đồ ăn. Đám người tựa châu chấu bắt đầu cử động. Rồi họ cùng xúm lại.

Nhìn họ, thấy cảm động sao đó, coi chân họ đi như cẳng cò, áo rách toi bay phất phới trong gió.

Càng coi càng thích thú, khách khứa nhìn cả về ti-vi. Tất cả tựa như màn kịch. Mấy người áo trắng trong xe từ những cơ quan từ thiện nào đó, bung những mâm cơm to tới. Nhóm người nghèo đói dồn lại, đưa tay lên đón lấy những miếng ăn nhanh, đói kinh khủng cốt

tặng được nhiều. Mấy người mạnh nhất và yếu nhất chen lấn nhau dành lên trước, trở thành một trận quơ tay lúc nhúc hỗn loạn, vài người cho cả mặt vào tô cơm. Nom họ như những con thú háu ăn vậy. Nhưng còn nữa.

Phía sau đàn châu chấu, xuất hiện một người nhỏ hơn ai hết. Nó chỉ là một đứa bé. Máy quay phim theo dõi đứa bé. Đứa bé giờ này linh động nhất. Nó trở thành vai chính trong phim. Nó cố gắng tiến lên phía trước, đầu lúc chìm lúc nổi trong biển người, nắm tay nhỏ của nó nện vào «bức tường» người trước mặt, đứa bé lúc biến, lúc hiện trong đám người, nó ra sức cố gắng, mắt mở to như mắt thú, giờ nó đã lên tới trước, với tay tới tô cơm.

Tô đựng cơm trống rỗng.

Nó khóc. Mặt nhăn nhó. Nước mắt lăn trên làn da khô cằn. Máy quay phim chiếu gần lại. Đứa bé chiếm cả màn ảnh với cái làn da trũng sâu, đôi mắt trố to bất tận.

Bữa tiệc, với những bộ đầm nhẹ, những ngực áo trắng, đều im lặng. Mầu tin tức tựa như một cuốn phim cảm động dài của ngày thứ sáu.

Nhưng phim không chấm dứt một cách bình thường. Người vợ tóc vàng của anh tới tắt ti-vi.

- Cũng chẳng có gì để coi. Lúc nào cũng chỉ toàn là chiến tranh và cực khổ. Bộ họ không chiếu được phim khác vào những đêm người ta đang vui vẻ sao.

Một người buôn bán cổ phiếu nói:

- Dù sao mình cũng chẳng làm gì được. Tin như thế này tôi gọi là tin tức cưỡng-bức-xã-hội thứ thiệt. Cưỡng bức xã hội!

Một cô chân tay dài thượt, tóc đỏ, mặc một chiếc áo đầm mỏng dễ bị lạnh, nói:

- Ôi, chiếu gì mà ghê quá.

Anh đứng nghiêng đầu, tai nghe ngóng. Có tiếng vỗ cánh càng lúc càng lớn, hắc ám và mạnh mẽ.

Tim anh đập mạnh. Như thể nhận ra tiếng của mấy con chim đen hồi thơ ấu.

Phía cuối phòng khách vang lên:

- Xin mời quý vị nhập tiệc. Xin quý ông bà vô bàn!

Mấy con chim vỗ cánh trên đầu anh. Anh cố chống đỡ. Anh đã lớn rồi, không còn con chim đen nào nữa. Chim đen đã thuộc về giấc mơ thời thơ ấu rồi kia mà.

Thực khách bày ra một cuộc chơi thi đoán, họ

xếp hai tấm thẻ thành một tấm hình. Nhân dịp, anh mời cô chân tay dài ngoằng, vào bàn. Anh cẩn thận đặt tay lên vai trần nâu vì sưởi nắng điện của cô, kéo ghế ra cho cô đứng lên và nói, nếu ai kiếm được màu cùng với màu tóc cắt kiểu đẹp của cô sẽ là người thắng cuộc. Họ cụng ly, khi con gà tây nướng được mang vào bàn, không khí càng lúc càng vui, chung quanh được trang trí âm cúng bằng những miếng giấy lụa xanh và đỏ. Đúng lúc họ định hát mừng nhau bài nhập bàn đầu tiên, anh lại nghe thấy tiếng kêu từ phòng trẻ. Anh chưa bao giờ nghe đứa con khóc như thế. Anh vội để khăn bàn xuống, xin lỗi khách. Anh cảm thấy như có chuyện gì, một sự khó chịu không thoát khỏi, một sự đè ép đầu đó trong đầu anh.

Tiếng kêu này, tựa như tiếng vang từ lòng anh, một điều gì anh không giải thích nổi.

Làn mây đen cứ theo anh đi qua hành lang vô phòng đứa bé. Sự sợ hãi bóp quanh cổ anh, tiếng gọi chợt im bặt. Không gian trở nên im lặng, im lặng vô cùng.

Anh chạy, cảm thấy mình thờ hồng hộc, chẳng lẽ có chuyện gì sao? Anh cho là đã trễ rồi, anh tới không kịp chẳng. Anh cảm thấy mình đang chiến đấu với một cơn mê hung dữ. Rồi anh cũng tới được cửa phòng, mở cửa.

«Bố đây. Tại sao con của bố khóc thế?»

Anh đứng thần thờ. Trong phòng tối om. Bên ngoài, trời đêm đen tối, mặt trăng lớn. Trên giường, trước cửa sổ, một cậu bé nằm co ro. Đôi mắt lõm đen như hang động, hàm răng trắng dưới ánh trăng, bàn tay như một cọng lông nhỏ đặt trên mền. Đứa bé nằm như chết cứng.

Chỉ đôi mắt sáng và lớn lay động.

Anh đứng chết cứng như đá, đưa tay lên bịt miệng để mình đừng bật thành tiếng kêu.

Anh cảm như đang đi trên tấm thảm cát vàng. Anh nghe có tiếng châu châu. Không khí như nóng bỏng. Mấy con chim đen bay che khuất mặt trời. Đứa bé thôn thức:

- Bố.

Trời ơi, lúc vô phòng, màn đêm từ cửa sổ bao trùm mặt đứa bé như cái hố đen thăm. Giờ thì mặt đứa bé vẫn tròn trĩnh. Cánh tay tròn trịa giơ lên cao, giọng nói nức nở từng chập. Làm như lần đầu anh nghe thấy giọng nói của đứa bé vậy. Đứa bé thì thầm:

- Hồi nãy có con rồng to, ghê lắm. Con sợ

quá, nhưng lúc con kêu sao bố không tới. Có một con ngựa trắng đến cứu con. Ngựa khỏe và gan lắm. Nó phi tới bên giường con, bên hông có cây kiếm sáng chói. Lúc con vùng kiếm lên, con rồng mất tiêu à, khỏi sợ chỉ nữa. Có đúng là có thể dứt được hết mọi chuyện thấy ghê không bố? Đúng không bố? Anh vội nhắc đứa con ra khỏi giường, ôm sát vào lòng, đứa con như bị bóp chặt trong vòng tay to lớn của bố. Nó nhìn anh bằng cặp mắt nóng bỏng trong đêm tối. Đứa bé đang trong tuổi thơ có những cơn mộng dữ. Cửa phòng mở, ánh sáng từ ngoài chiếu vô.

Người đàn bà tóc vàng nói:

«Khách đang đợi, đồ ăn đã sắp ra, nước sốt đã nguội, không thể nào đợi lâu hơn nữa. Hôm nay là tiệc của anh, của chúng ta. Bây giờ con đừng làm rộn ai nữa».

Anh quay lại nhìn vào cặp mắt của một người xa lạ, bằng phẳng, xám như bánh mì. Tựa như anh chưa hề gặp cô ta. Anh chậm rãi:

- Nói với khách rằng anh còn phải ở đây cho tới khi con nó ngủ.

Anh đứng chờ cô ta ra, đóng cửa lại. Mặt trăng sáng bên ngoài. Anh mở cửa sổ. Và như tự nói với mình:

- Con có muốn chim đại bàng to xanh có cánh mạnh, xuống giúp con ngựa trắng của con không?

Mặt đứa bé lóng lánh.

Người bố mỉm cười, mở cửa sổ. Anh thì thầm: «Con có nghe thấy tiếng chim vỗ cánh không?»

Đứa bé gật đầu. Người bố nói:

- Mình sẽ cùng nhau chiến đấu, đánh đuổi con rồng, cả mấy con chim đen đó. Đánh đuổi tất cả những gì độc ác và xấu xa.

Giờ anh biết, tuổi thơ có những giấc mơ dữ không bao giờ chấm dứt, suốt đời anh phải mang nó trên người, không để cho nó chết. Những giấc mơ như động lực để hành động. Đời sống trung niên của anh đã dạy cho anh biết sự khác biệt giữa cơn mơ và sự thật.

Tuy nhiên anh cũng không ngạc nhiên khi thấy đứa bé ngủ, có một bông hoa trong tay. Bông hoa sáng chiếu ánh đỏ. Anh cầm lấy hoa, trở lại phòng khách.

Dương Kim

Thơ Khánh Hà

Mai người đi

(mượn ý thơ TMT)

Mai người đi tôi buồn lắm, tất nhiên
Mây nước kia chắc cũng nhuốm ưu phiền
Cây sẽ khóc bằng lá vàng đưa tiễn
Nhưng chồi non, búp mới hẹn mùa sau

Trái đất sẽ quay tròn theo nhịp cũ
Người xa người vì trót lỡ... ly tâm
Một hôm nào chợt tỉnh ra, nhìn lại
Ta vẫn bên nhau như tự ngàn năm

Đưa cháu yêu rồi sẽ yêu ai đó
Tình khi xưa tay chẳng dám nắm tay
Tình bây giờ tay siết chặt bàn tay
Chữ tình đó còn hoài trong trời đất

Dẫu ô nhiễm trần gian này vẫn tuyệt
Buồn biết bao nếu phải dọn lên trời
Tìm đâu nữa mặt hồ xanh êm ả
Cảnh thiên đường cũng đẹp thế mà thôi

Địa cầu này nếu có ngày quá chật
Người trước đi, nhường chỗ những người
sau
Đời vui hơn khi chen chúc cùng nhau
Chia nhau chút mây trời cùng không khí

Đời chỉ sợ khi không còn thi sĩ
Mây chỉ là mây, rừng chỉ là rừng
Ai thổi gió vào linh hồn cây cỏ
Cho đất trời biết nhớ, biết băng ngang.



Thơ thần

Hôm nay mặt trời đi mất biệt
Hay chỉ là lần trốn đâu đây
Nếu bay lên khỏi tầng mây xám
Là khoảng trời xanh nắng vẫn đây

Bao lần ta ngắm trời xanh đỏ
Tưởng mình nhẹ hẫng đôi cánh chim
Cánh đời bát nháo xa tầm tắp
Cũng xa tầm tắp những ưu phiền

Và biển xanh kia rào rạt sóng
Ru hồn lạc xứ trở về nhà
Trăm năm hay chỉ là con mộng
Rồi có một lần chợt nhận ra

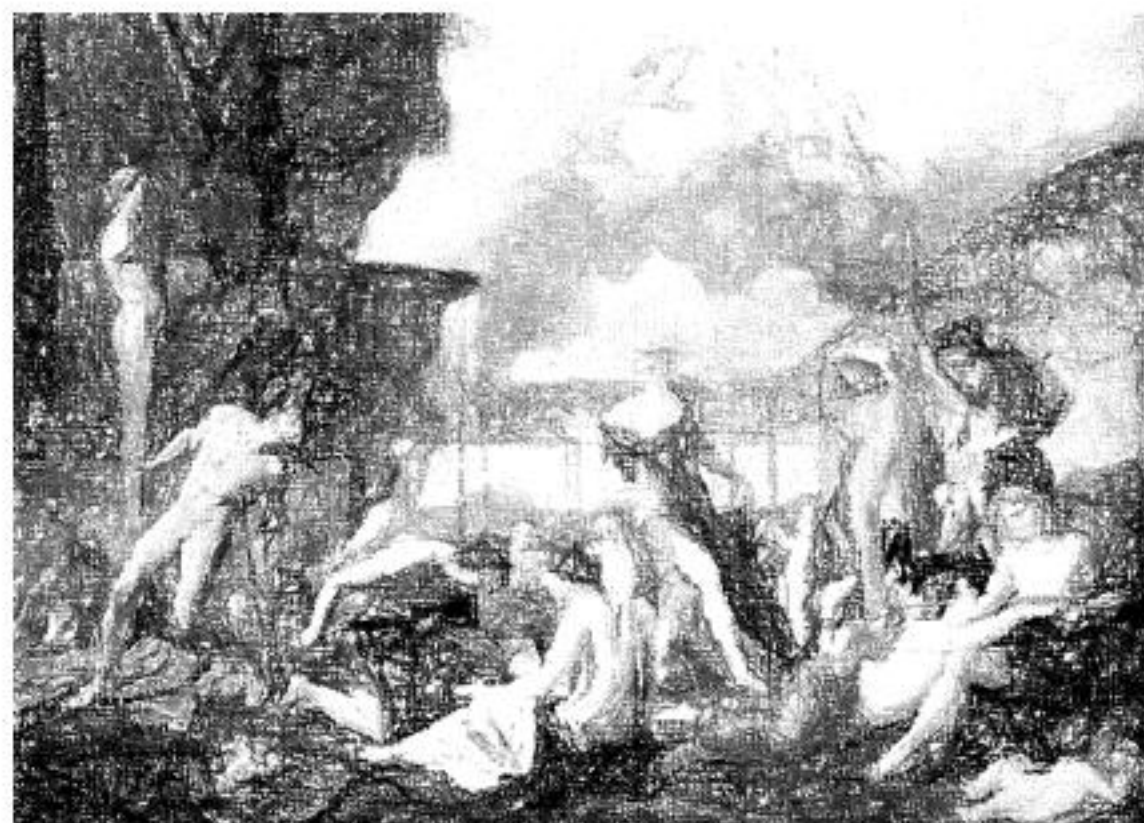
Chỉ một lần thôi cũng đủ rồi
Cõi đời biển ảo nước mây trôi
Mà ta đâu phải người duy nhất
Cười khóc qua bao cuộc đời đời

Trở về

Một mình ngồi giữa vườn hoa
Mây trời lãng đãng như xa như gần
Gió vờn khóm lá băng khuâng
Ai người thiên cổ có lần ngồi đây
Sắc hoa vẫn sắc hoa này
Hình như trời đất vẫn đầy mùa xuân
Hoa tàn lại nở mấy lần
Người đi như áng phù vân qua đời
Tàn thu một hạt mầm rơi
Ngủ yên trong đất đợi chờ phục sinh
Sau đêm tối là bình minh
Một vòng nhật nguyệt lung linh giữa trời
Lạ gì những hạt mưa rơi
Đem nước trả lại biển khơi sông dài
Lang thang khách trọ trần ai
Trở về làm hạt bụi bay phiêu bồng
Trở về, về cõi mệnh mong
Như sông ra biển một dòng chảy xuôi
Gian nan vất vả qua rồi
Bước lên bờ giác thành thoi về nhà
Đi tìm, tìm ở đâu xa
Bước chân tỉnh thức đưa ta về nguồn

Vương Quốc của Hoàng Gia Hoa

Nguyễn Văn Thà



Lời giới thiệu bức tranh từ máy hướng dẫn cá nhân: Bức tranh này được gọi là "*Vương quốc của nữ thần Flora*", của Nicolas Poussin (1594-1665), Ý, còn được gọi là "*Primavera: Mùa xuân*" ngay từ năm 1631. Chính Poussin khẳng định đề tài mùa xuân khi ông gọi bức tranh là "*un giardino di fiori: Vườn hoa*". Thực vậy, trong tranh xuất hiện **Apollo** (thần mặt trời, thi ca, chân lý...) cỡi xe tứ mã trên trời, **Flora** (nữ thần hoa, nữ thần mùa xuân) đứng giữa và **Priapus** (thần của phì nhiêu ruộng đồng và của nam sinh thực khí, trong các tranh tường cổ người ta hay vẽ ông với sinh thực khí dài quá khổ và lúc nào cũng căng cứng) nên sau bên trái bức tranh, dưới hình thức tượng đá. Sự xuất hiện trong bức tranh của ba vị thần, cùng với những con người khả từ trong tranh, lấy từ tác phẩm "*Hoá thân*" của Ovidius; những sinh linh khả từ này sẽ biến thành hoa; và tất cả hoa, người, thần thánh xuất hiện theo từng mùa. Với đôi môi mỉm cười trong khi nhảy múa, Flora tượng trưng cho lực tái sinh của thiên nhiên. Phong thái hân hoan của nàng tương phản lại bầu khí bàng bạc buồn nơi các sinh linh khả từ bao quanh nàng. Sự quyến rũ và sự phong phú của đề tài bức tranh nằm nơi sự tương phản giữa sự chết và niềm hi vọng vào sự tái tạo. Apollo, cũng thế, tượng trưng cho sự sống từ mặt trời nóng ấm. Và trong những thoại ngôn trong tác phẩm trên, tuy Ovidius bề mặt nói về sinh linh khả từ, nhưng vẫn ngụ ý chuyện tái sinh mỗi năm. Người đứng bên trái, phần trước bức tranh là **Ajax** đang hấp hối khi anh ta ngã vào lưới gươm của chính mình. Anh ta tự sát sau khi bị thua Ulysses, vua đảo Icathe, trong một cuộc tranh luận. Kế đến là **Narcissus** đang quì ngắm bóng mình trong chiếc bình đầy nước. Anh chàng quá yêu mình, vui thích ngắm những cái tuyệt vời, tuyệt kỹ của mình trong làn nước phù du, vô nghĩa của đời

này. Những tài năng, vẻ đẹp chẳng qua chỉ là hơi nước, chỉ là bóng, chàng tất sẽ biến thành hoa narcissus (thủy tiên); rồi hoa cũng thành phù hoa, vô dụng mà thôi. Phía sau Narcissus là nàng **Clytie** đang yêu đơn phương thần Apollo và đang đắm đắm nhìn thần Apollo đang rong ruổi trên trời. Clytie được biến thành hoa heliotrope (thiên giới); nàng thoát đau được Apollo yêu, và nàng cũng yêu Apollo - nghĩa là yêu sự minh trí -, nhưng rồi bị Apollo bỏ; nàng tượng trưng cho những kẻ yêu minh trí một cách mê muội, nên cuối cùng bị chính minh trí ruồng rẫy. Kế đến, cạnh Narcissus là nàng **Bellerophon** tượng trưng cho sự bất tử hay tượng trưng cho những vẻ đẹp của linh hồn, có học giả còn gọi nữ thần này là thần Echo bị phạt kêu vang vọng chính tiếng mình trong tuyệt vọng ngàn đời. Kế đến, ở giữa bức tranh, là nữ thần **Flora**, rồi kế đến là **Hyacinthus**, chàng rui bị trúng thương mà chết bởi chiếc đĩa thần Apollo ném trong một cuộc so tài. Hyacinthus tượng trưng cho những kẻ trở thành nạn nhân của những đam mê của mình, khi cả gan dám thi thố với thần thánh, và biến thành hoa hyacinthus (võng tín tử). Đứng cạnh, bên phải Hyacinthus là **Adonis** đang nhìn vào vết thương gấu cắn. Adonis là nạn nhân của sự hóm hỉnh dám yêu thần Venus. Adonis bị biến thành hoa adonis (trắc kim trần) vì chàng tuổi trẻ tuy đẹp trai nhưng tính tình phù phiếm, và sức khỏe yếu ớt mà lại yêu người đàn bà lớn hơn, mạnh hơn, rồi cuối cùng bị giết vì chuyện ghen tuông. Adonis biến thành loài hoa adonis mau tàn. (Ovidius, trong tập thơ kể trên, lại kể là Adonis biến thành hoa anemone (thu mẫu đơn), cùng họ với hoa adonis.) Cuối cùng phía trái phần trước bức tranh là nàng **Similax** và chàng **Crocus**. Đôi tình nhân yêu nhau quá cuồng say, nên chẳng sống được lâu để mà yêu đương, rồi biến thành hoa similax (bát khiết) và hoa crocus (phân

hồng). Sabaeus viết: "Ai đi hái hoa trong đồng sẽ nhận ra hai thứ hoa bát khiết, phần hồng này. này ngay vì chúng có lửa. Xưa cháy bỏng khoái lạc, nay thom nồng thom nản."

Thuận Tín là một giáo xứ nằm trên dọc bờ biển chạy theo quốc lộ 1. Giáo dân đã mang theo từ miền Bắc vào cái tên của giáo xứ xưa cùng với những truyền thống cần cù, đạo đức, lễ nghĩa, hiếu học - đôi gia đình mang theo cả những hoành phi chữ Nho - và cả những nhan sắc. Họ chăm sóc những mảnh ruộng, miếng rẫy kỹ càng như chăm sóc vườn cảnh. Họ có cuộc sống no ấm, và đẹp đẽ với những vườn hoa trái, hoa nhiều hơn cây trái, những khu vườn khép kín niềm riêng. Lối kính và hương hoa và lòng thành kính thấm đẫm những chiều hôm. Những người đàn ông ôm niềm tin trong vạt áo dài thâm đến nhà thờ; những nàng thanh xuân tà áo màu lông gió thánh ca. Gần xứ Thuận Tín, nằm sát bìa rừng là một xóm, mà người trong giáo xứ gọi là "xóm người địa phương", "xóm người Nam". Họ là những người định cư từ lâu đời, nghe đâu từ thời Minh Mạng, khi ông vua này bắt tội tổ tiên họ vì tội phản loạn, tổ tiên họ dắt díu nhau lên thuyền đi trốn từ miền Bắc và tình cờ trôi dạt vào đây. Họ ở gần rừng cho củi đun, gỗ làm nhà, gần biển cá mú có sẵn, và có nhiều đất bằng có thể làm ruộng lúa nước và có cả những rẫy đất thịt pha cát để làm rẫy trồng lúa khô, khoai lang, dưa hấu. Họ có một cuộc sống no đủ, nhưng không giàu, hay họ không muốn làm giàu, vì lẽ thường làm giàu cũng mệt; chịu khó không phải là phẩm tính của họ. Và họ cũng không có nhiều thời giờ một khi họ được thiên nhiên ưu đãi như thế vì họ dành thời giờ của họ cho những chuyện dễ dãi, lười biếng: đàn ông chưa buông cày đã tính chuyện nhậu nhẹt, hay buồn buồn nhảy vào rừng làm "cách mạng" có người tiếp tế, rồi lâu lâu về làng về xóm giặt cầu, đắp mô quây chơi, nhân thể chích bà xã có bầu; đàn bà ngồi lê ăn hàng ăn quán là một nhu cầu thường xuyên; con cái họ bỏ thầy kệ. Xóm không có một ngôi chùa nào gần đó, để chùa là cái thiện cho xóm, không có một vị sư nào cho họ kính cần và từ đó đôi khi soi lại mình. Đôi nhà có bàn thờ Phật và thờ ông bà, những bàn thờ nhếch nhác, bụi bặm; tượng Phật mất hết màu trong khung sắp rã, hình ông bà cũng vậy. Nói họ là những người hoang dã không phải là không đúng. Gần như là tự nhiên chuyện đàn ông vợ hai, vợ ba, và đàn bà chung chạ ông này, ông kia không phải là chuyện phải chịu phạt cắt tóc bôi vôi. Nói tục, nói tiu nằm sẵn nơi cửa miệng, cả nơi con nít. Và chúng hỗn hào. Chúng không đi học, hoặc học hết bậc tiểu học là một cố gắng phi thường.

Sau 1975, hay nói chính xác niên khóa 1976 - 1977, Trí, thay vì xung phong như các bạn cùng

trang lứa muốn làm một cái gì đó cho đời như đi thanh niên xung phong làm thủy lợi, khai hoang, anh lại xin vào ngành dạy học và được điều về dạy học ở trường cấp một xã Hàm Cần, và vì ở xa, tận Sài Gòn, nên được cho ở một mình trong trường, trong một nửa căn phòng dùng làm văn phòng. Trường vốn là trường của giáo xứ Thuận Tín nên được xây cất cạnh nhà thờ, và rộng rãi, vững chãi, không như các trường công lập khác. Trường nắp bóng dưới những tàng cây phượng đỏ và những cây điệp hoa vàng. Cây đủ lớn để thấp hy vọng tràn trề quanh năm: xanh màu lá, đỏ hoa phượng, vàng điệp hoa; tàng đủ rộng để tỏa bóng che mát những em bé nhảy dây, nhảy cò cò, chơi ô làng những buổi trưa nắng gắt, và đủ rậm để ve trú rì rì buồn buồn như tự muôn kiếp vọng về; những buổi trưa như thế đưa Trí về những ngày an ổn ngày xưa dù những ngày xưa ấy Đất Nước còn đang trong chiến tranh. An ổn trong lòng người và an ổn trong từng trang sách học. Trong những trang sách ấy những con ong bay đường tìm mật; những cái kiến vòng vo đường thóc hạt; những hạt củ khoai tròn căng, bát com trắng ngọc Trời; những con số chưa cộng thêm những thầy người; những mẫu tự chưa móc thêm búa, liềm, mìn, bẫy. Cái giáo xứ ấy, ngôi giáo đường này dường như vẫn còn giữ được cho con chiến mình niềm an ổn đó. Người ta cảm nhận được điều đó khi chuyện trò với họ: những người lớn, những em bé. Có những trưa, nhiều buổi trưa, Trí thích ra sân trường ngồi xem các em bé đến chơi và nghe chúng nói. Và Trí thấy người lớn vẫn lễ nghĩa rất mực, nụ cười luôn trên môi khi gặp Trí. Những loa kèn, cờ quạt, khẩu hiệu trở nên buồn cười, thậm chí trơ trẽn trước tâm cảnh như thế. Nơi đây bình tâm vẫn ngự trị dù cuộc sống đã khó khăn lắm rồi, như những trụ điện gỗ thông tẩm dầu vững chãi, uy nghi đã từng mang ánh sáng về đây, nay chỉ còn là những thân cây khẳng khiu chờ vợ tội nghiệp trong cuộc thế đã chìm vào bóng tối. Có một cái gì đó vừa trong vừa trên họ, một cái gì đó thật ấm áp. Còn Trí, đời chàng lúc đó như một tấm trò chơi lắp hình, đang rời rời trăm mảnh và chàng khó mà tự mình ghép lại bức tranh đẹp mà chàng mơ ước khi bước vào đời. Nhưng trong mắt giáo dân trong giáo xứ, thầy Trí hiệu phó, vẫn là một người đáng gờm như bất cứ cán bộ nhà nước cộng sản nào, dấu học trò trong giáo xứ vẫn gọi Trí một cách vui vẻ là "thầy Trí Sài Gòn đẹp trai" để phân biệt với một thầy Trí khác người ở xã, dạy cùng trường nhưng không đẹp trai chút nào.

Con Thúy, tám tuổi, hay đến chơi với bạn dưới cây phượng cạnh văn phòng trường, nơi Trí đang ở một mình. Có khi nó chỉ đến một mình. Con nhỏ lúc nào cũng ăn mặc sạch sẽ, đẹp đẽ: áo bà ba lụa công nghệ trắng bóng, cắt khéo, quần sa tanh đen láng được ủi kỹ lưỡng, gót chân còn son

trong đôi dép hồng, mặt hoa tươi sáng. Một đóa hồng giữa đám luộm thuộm con nít. Mấy thằng nhóc, nhất là mấy đứa "địa phương" bắt đầu cặp đôi cặp lứa con nhỏ với thằng nọ, thằng kia. Mỗi lần như thế nó lại, nếu có Trí ở đó, nhìn Trí cầu cứu. Trí hay ra với đám trẻ, nhìn chúng chơi đùa, hỏi han chúng nó, đôi khi chơi với chúng những trò chơi được. Thỉnh thoảng Trí chơi ô làng; thắng những đứa khác vài ván, nhưng bao giờ cũng thua Thúy. Những đứa khác cũng thua Thúy. Con nhỏ có thể tính trước là sẽ ăn ô mạp nào nó muốn. Đôi khi có đứa bảo là Trí giả thua vì thầy làm sao thua trò được, mà lại thua cái con Thúy. Có thằng "dân người Nam" còn bạo miệng nói là "tại vì thầy Trí thương con Thúy." Con Thúy lúc đó đang học lớp hai, ngơ ngác chẳng hiểu gì. Trí mắng tạt: "Mấy nói tầm bậy!" Thằng nhỏ cười khi khi rồi chơi tiếp. Mẹ của Thúy là chị Hoa. Chị Hoa là một trong tám người vợ chồng bị tử trận cùng một lần khi đồn địa phương quân gần giáo xứ bị thất thủ vào Tết Mậu Thân 1968. Tám quả phụ đều đẹp và đạo hạnh ở trong một giáo xứ nổi tiếng nhiều đàn bà đẹp, và đạo hạnh là một điều đương nhiên, do đó, chuyện ở vậy thờ chồng, nuôi con cũng là lẽ tự nhiên. Họ làm rẫy làm vườn hay buôn bán nhỏ ngoài chợ, chăm sóc con cái, đi nhà thờ sáng tối, hát trong ca đoàn, tham gia các hội đoàn trong xứ. Các chị ấy lúc nào cũng nụ cười; người ta không thấy nơi họ những dấu hiệu của uất ức mà trong sách các tác giả Tây phương thấy hay đề cập. Dường như văn hóa ngàn đời xứ Việt và đạo lý Kitô giáo thấm đậm nhuần nhuyễn nơi những giáo dân ở đây, và rõ nhất nơi những người đàn bà như tám góa phụ trẻ, đẹp. Công, dung, ngôn, hạnh hội đủ nơi họ. "Hãy yêu thương chồng mình như Chúa Kitô yêu Giáo Hội." Chồng chết thì thờ chồng, nuôi con là điều không có gì đáng bàn cãi. Ở nơi họ, tình yêu là có thật.

Chưa hết mùa nắng, Trí đâm thương con Thúy thiệt dù Trí đã trợn mắt mắng cái thằng cả chón hôm đó. Anh thích chơi với nó nhiều hơn và đâm nhớ nó những khi nó không đến chơi. Anh bắt đầu nghĩ tới tương lai của nó: Nó sẽ làm gì khi học xong cấp một ở đây, và trường cấp hai cách quá xa làng làm sao mà đến trường hằng này, rồi nó có được học lên cao không ngay cả trong trường hợp mẹ nó có sức cho con học tiếp? Cái áo, cái quần đẹp con Thúy mặc, gót son da mỏng, khuôn mặt hoa của Thúy đang ở trước vực thẳm há mồm đang chực nuốt chừng như nó đã và đang nuốt chừng tất cả, kể cả những cái hạnh phúc, êm ả, tiện nghi bình thường khác. Đó là chưa nói đến chuyện lý lịch: Ba nó là trung úy trưởng đồn đã chết tám năm.

Con Thúy đến chơi và thỉnh thoảng bùng đến cho Trí ly khi thì nước chanh đường, khi thì chén chè đá, lát dưa hấu lạnh, và bảo là mẹ biểu đưa cho thầy uống cho mát, ăn cho vui. Trí nghĩ đây chỉ là

những hình thức cảm ơn kín đáo khi mẹ Thúy biết Trí tỏ ra quan tâm đặc biệt tới con gái nhỏ của chị, nhất là thời gian sau này khi Trí kèm thêm toán cho Thúy. (Thực sự, những năm sau bảy lăm, chẳng có gì đáng học ngoài toán, dù rằng những con số phải mang theo những thứ mà đầu óc con trẻ không thể hiểu được.) Lúc đầu, tất cả những sự giúp đỡ ấy chỉ là tự phát, nhưng dần dần Trí thấy rằng chúng như những che chắn của mình dành cho Thúy, một con Thúy có quyền đòi xã hội mà nó được sinh ra phải cung hiến cho nó những phương tiện để nó đạt được những thành công xứng đáng với số vốn khá lớn của nó may mắn được Trời cho. Than ôi, những người cầm đầu của cái xã hội ấy còn đang hô hào đội đá vá trời làm gì có sức ngó ngàng đến những mảnh đời bé nhỏ trong ngôi làng đìu hiu như làng con Thúy hiện nay.

Trí đang ngồi trên ghế chơi nhạc ghi ta cổ điển trước hành lang trường trưa vắng vẻ, tới lúc rung dây réo rắt một khúc flamenco, thì mẹ Thúy, chị Hoa, đến. Tôi sẽ tả về nhan sắc của nàng buổi trưa hôm đó sân trường, cho đã thêm, nếu không có những giòng thơ sau đây Luân Hoán hiện lên trong trời trong theo bước chân nàng:

*Trưa đầy nắng đắm dưới chân
áo nghiêng vạt rót bóng gần bước hoa
má thơm ánh sáng chan hòa
thời gian nhường bước em qua sân trường*

*Tinh khôi một thổi vàng rờn
áo trắng khó bọc kín lòng thanh xuân
bàn tay nắm mở ngập ngừng
mắt môi chòm chòm phơi từng nhịp tim
nếu được quyền chọn của riêng
Hoàng Hoa công chúa rước nguyên về triều*

Trí ôm đàn, đứng bật dậy, từ con mơ vũ nữ nhảy flamenco vẩy đồ xòe tung đám mê dưới mặt trời đỏ xứ Tây Ban Nha vào con mộng tiên dung giữa trưa nắng lóa làng quê xứ Việt; chàng lấp bắp:

- Chào chị...

Hoa mỉm cười môi son:

- Xin chào thầy. Thầy chơi đàn hay quá.

- Chị là người đầu tiên khen tôi đánh hay. Mà chị đây là...

- Tôi là Hoa, Hoàng Gia Hoa, mẹ của em Thúy, Hoàng Phi Thúy.

Trí cười:

- Nghe chị xưng tên chị và tên con chị, tôi cứ tưởng tôi đang sống trong vương triều cũ?

- Tên của ông nội tôi, một nhà Nho, đặt cho.

- À, tôi nhớ ra rồi. Hình như "phi thúy" là chim bói cá. Thầy giáo dạy Việt văn của tôi hồi trước giải thích như vậy.

- Vâng, đúng vậy. Và ông nội tôi bảo là con chim bói cá dạy ta phải biết kiên nhẫn và khi cơ hội đến là chụp ngay.

Trí cười:

- Con Thúy hiền lành thùng tha thùng thỉnh như

thế kia mà chim bói cá sao được! Nhưng chị có được một đứa con gái rất thông minh.

Hoa cũng cười rồi nói:

- Thầy quá khen cháu... Và thưa thầy, hôm nay tôi đến để cảm ơn thầy đã giúp đỡ cháu Thúy. Cháu nói cháu rất vui khi được gần thầy giúp đỡ.

- Được gần những em bé như Thúy cũng là niềm vui của tôi. Có điều càng gần gũi, giúp đỡ nó tôi càng thấy tiếc cho nó. Tôi nghĩ nơi đây không phải là nơi cho nó phát triển đầy đủ, ít là sau khi học hết cấp một.

- Cha mẹ ai ở đây cũng nghĩ về con cái mình như vậy, nhưng không làm được gì cả, thầy ạ.

Tiếng ve lại rí rí trong tàng cây. Đôi con chim sẽ loách choách lơ ngơ đầu hành lang se gió. Hoàng Gia Hoa công chúa nhân nhật muộn phiền. Trí khom người ngó lung những cọng cỏ khô loay hoay không biết nên bay đi hay nên nằm tại chỗ trên sân trường. Nàng và chàng chìm vào vu vơ trong trưa nắng bơ vơ. Nhưng rồi nàng lại tỉnh:

- Thôi em về, để thầy còn chơi đàn.

- Không sao đâu chị.

- Dạ, và lại, chốn trường ốc, ngồi lâu không phải phép. Thầy cho em kiếu... Nhà em có cây đàn ghi ta *classic* khá tốt, đã tám năm nay không ai chơi, mời thầy qua chơi thử. Và con Thúy tất nhiên sẽ rất vui. - Nàng vừa nói vừa liếc Trí, cầm nón, toan đi thì bỗng có cái thằng người xóm địa phương từ đâu không biết chạy vào sân với đám bạn cùng xóm; nó reo lên inh ỏi: "Thầy Trí thương má con Thúy tụi bay ơi!"

Chị Hoa đưa tay ngà che miệng son mím cười, đội chiếc nón lá bài thơ ừng nắng, quay lại liếc Trí lần nữa qua vành nón nghiêng, rồi mới quay đi. Trí dậm hoảng đóng cửa phòng. Đám con nít người địa phương bắt đầu chơi đánh khăng, cãi nhau chí chèo, như thể câu nói vừa rồi là một câu nói bình thường, nói xong rồi thôi, nhưng khi Trí ngã mình xuống giường, nằm mơ màng nghĩ ngợi được một lúc thì có tiếng của cái thằng lúc nãy: "Má con Thúy chắc vừa lẹo xong. Con mẹ đã đi về còn quay lại liếc thầy Trí sắc lém." Cả bọn cười rầm cả lên. May không có con Thúy.

Cái chuyện lẹo, nghe ra thô bỉ từ miệng thằng nhỏ chần trâu hôm đó, hay còn gọi là chuyện ân ái có vẻ văn minh từ miệng những người lịch sự, cuối cùng, đã xảy vào một đêm trăng kỳ ảo, sau những bản đàn ướp nồng thêm lời tình tự, dưới dàn hoa lải, trên lớp rom lúa mới, trong vườn hoa cỏ nàng. Phần trên thân thể Hoa nồng ấm dâng hương Chanel sang cả, mùi rom lúa mới, hương hoa lải trở nên rụt rè, tội nghiệp; môi son thom và mùi kẹo cao su Mỹ thom bạc hà từ hàm răng, chiếc miệng đã được đánh sạch; phần dưới, thân thể thôn thả, nuột nà, trắng huyền hoặc và thom thom mát rượi xà bông Camay cũng của Mỹ. Có cần nhắc lại đây cho tới thời điểm đó, trong Đất Nước này, man rợ từ núi rừng tràn về, và đã trở

thành mẫu mực cho mọi người phấn đấu noi theo, và đầm lầy tanh hôi đã lan tận mọi ngõ ngách? Muốn đánh giá một nước văn minh hay man rợ, hãy xem sản phẩm làm đẹp phụ nữ của nước đó. Trí đang ôm Hoàng Gia Hoa trong tay, ôm cả một nền văn minh luôn luôn cố gắng tô chuốt, ướp thom người phụ nữ. Chàng muốn ôm Hoa mãi, cho qua đời khốn khổ, khốn nạn trước mắt, và biết rằng những cái đẹp, cái thom rồi sẽ bị cái tàn bạo, cái thô bỉ trường kỳ hăm hiếp đến tàn đến nát. Rồi cũng đến lúc gà gáy sáng, đám ngư phủ lục tục gánh lưới, vác chèo ra biển, tiếng những cô gái làng ỏi ỏi vui mừng gọi nhau đi sắp hàng sớm cửa hàng mậu dịch quốc doanh mua vài lít dầu hôi tiêu chuẩn, vài hộp quẹt, vài trăm gram đường, vài thước vải đồng loại, đồng màu. Đầu mới hai giờ sáng. Rồi tiếng loa thành tích vinh quang. Giọng ngoa ngoét, dai nhách của con mẹ Bắc Kỳ quốc hai mươi năm chiến tranh tới nay vẫn chưa buông. Tất cả như những viên đạn bắn vỡ tung chiếc bong bóng thiên thai trú ẩn của họ. Lại phải quay về với cõi thế tù lớn lạnh tê, nhóp nhép.

Dĩ nhiên tối sau Trí lại đến. Rồi những tối sau của những tối sau. Nhưng vào một tối hạ tuần, Trí đến, Hoa quần áo chỉnh tề ngồi chờ Trí bên chiếc bàn có đèn dầu ám khói (vì là dầu quốc doanh Liên Xô) nơi gian giữa. Trí hôn Hoa và tay bắt đầu ve vuốt Hoa, nhưng nàng giữ tay Trí lại, rồi hôn nhẹ lên trán chàng, và nhìn trước nhìn sau, nói thầm:

- Em yêu anh, yêu rất nhiều, còn anh?

Trí như đứt hơi:

- Anh yêu em, anh yêu em...

- Cảm ơn anh. Anh rất hạnh phúc được anh yêu, và em cũng yêu anh, nhưng chúng ta không thể mãi như thế này...

Trí hồn hên:

- Thì anh cưới em, thì anh lấy em – và nhìn lên bàn thờ - Anh sẵn sàng theo đạo em... dù cho tới bây giờ anh không theo đạo nào...

- Anh nói nhỏ lại, kéo...

- Kệ, ai nghe cũng không sao.

- Mà không phải chuyện đó?

- Vậy chuyện gì.

Nàng lại nhìn quanh, rồi cầm tay Trí, nói càng nhỏ:

- Anh không thể chôn vùi mãi cuộc đời ở đây.

- Mà anh đã có em...

- Anh để cho em nói hết ý.

- ...

- Anh phải kiếm đường mà đi. Em có ba lạng vàng. Em sẽ kiếm cách giúp anh thoát khỏi nơi đây.

Trí sững sốt. Xác thật những đêm trước tưởng đã đủ để khẳng định được tình yêu, nhưng ba lạng vàng vào lúc đó, nơi xứ sở đã trở thành nghèo mạt này, từ người góa phụ này, là một bằng chứng tình yêu chung thủy nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Và vào những năm đầu sắt máu đó không ai nghĩ là vượt biên sẽ có ngày

đoàn tụ; mọi người dồn tình thương cho người ra đi, chỉ vì thương. Trí ôm chặt lấy Hoa, nói như nghẹn:

- Em thương anh tới mức đó sao! Còn em và con Thúy thì sao?

- Em không đủ vàng để chung cho cả hai mẹ con. Và nhất là em sợ. Sóng gió bão tố đã khó lường, thân đàn bà con gái dặm trường biển cả còn khó lường hơn. Em nghe đài BBC nói là hải tặc Thái Lan đang hoành hành trên biển Đông cướp của, hiếp đàn bà con gái.

- Thì đàn ông chúng nó cũng đâu có tha!

- Nhưng đỡ hơn... Anh hãy tìm con đường sống để sống cho ra con người. Qua đó mà học cho thành tài. Phải liều chừng ại!

- Anh phải bỏ em, bỏ con Thúy mà đi sao?

- Anh không đi, thì không bỏ cũng như bỏ. Ở đây không ai lo được cho ai cả.

- Ừ, mà để anh suy nghĩ.

- Không còn nhiều thời gian để suy nghĩ nữa đâu. Em kiếm sẵn mối rồi. Chờ tuần sau tới trời, là đi. Và anh này, từ đêm nay anh đừng đến đây nữa, lỡ có chuyện ruồi bu không đâu làm hỏng việc lớn.

Trí ôm chặt Hoa như ôm thánh nữ đồng trinh.

Trí đi được. Nhớ tới Hoa với niềm kính cẩn, và càng kính cẩn nỗi nhớ xác thịt càng lâng lâng thống khoái. Qua tới được Na Uy, hỏi han, Trí mới biết được Na Uy vốn là nước ủng hộ Việt Nam Cộng Sản trong thời kỳ chiến tranh, nên chuyện bảo lãnh là chuyện có nhiều hy vọng hơn là ở Mỹ. Trong một bữa chuyện trò với anh tổ chức chuyến đi và nhân thể nói đến chuyện Trí tính bảo lãnh Hoa và con gái, anh chàng cười khi khi:

- Trời đất, ông với bà chưa cưới nhau, chưa có giấy tờ hôn thú mà bảo lãnh cái nỗi gì!

- Làm giấy tờ giả đâu phải là chuyện khó ở Việt Nam.

- Biết rồi!

- Rồi sao?

- Chuyện ông, kệ ông, chờ chuyến đi tàu mình, bãi đáp an toàn cũng nhờ bà.

- Là sao? Anh nói, tôi chưa hiểu.

- Mỹ nhân kế!

-...

- Hôm mình đi, bà mời thằng tổ trưởng công an biên phòng về nhậu thâu đêm. Bà bốc như vậy lại còn nước hoa Pháp, miệng thơm thơm sinh gum bạc hà Mỹ. Thằng đàn ông sành đời nào cũng phải gục, huống chi cái thằng cán ngố đó.

Trí tái mặt.

- Xin lỗi Trí, sự thực là chuyện đó nằm trong kế hoạch. Bà cũng là người nằm trong tổ chức vượt biên tàu mình. Khi tôi nêu lên kế hoạch mua bãi, bà gạt ngang là mua bãi nguy hiểm, vừa không chắc, vừa tốn mấy chục cây vàng. Để bà lo cầm chân thằng cha tổ trưởng công an biên phòng. Chắc chắn thắng, tui nhớ nguyên văn bà nói vậy. Bù lại chia cho bà 10 cây tiền mua bãi, với lại cho bà gởi thằng em trai, hóa ra thằng em trai là

ông.

Trí choáng váng. Anh chủ ghe cười lớn:

- Cả nhà tôi đi hết trời. Chắc ăn quá mà; bóc cả nhà luôn. Bã ngon cơm lại thêm cái ngón Chanel số 5 với sinh gum bạc hà Mỹ thì chịu gì nổi!

Nhưng có một cái gì đó ghim lại không cho Trí nghĩ bậy, huống chi nói bậy, về Hoa dù có những dấu chỉ buộc Trí nghĩ như thế, như một tín hữu không thể bỏ đi niềm tin về Chúa dù cũng có lúc có những nhà chú giải kinh thánh, những thần học gia, những nhà khảo cổ địa danh kinh thánh nào đó đưa ra những lý luận, những bằng cứ phủ nhận những niềm tin cổ cữu. Không phải là không dám, hay vì thói quen tin kính, nhưng có một cái gì đó trên họ chế ngự họ. "Cái gì đó" hình như là tình yêu, tình yêu quá lớn, lớn tới độ ngăn được mọi nghi ngờ và đưa họ về với vững tới niềm tin dịu êm.

Trí nhớ tới lá thư đầu tiên Hoa gởi cho Trí bên đảo. Không thấy một giọng thương nhớ nào. Chỉ nói là mẹ con Hoa vẫn mạnh khỏe. Hoa còn khuyên Trí xác định lại là "mình muốn gì" và nhớ lo học hành ngay trên đảo, và đừng lo lắng cho

Em là khối mộng

Ta đã gặp em thật tình cò
Như mây vương núi bỗng thành thơ
Như duyên đưa đón người trong mộng
Cứ ngỡ như là một giấc mơ.
Tình quyện vào ta hóa thành hương
Hương em quyện luyến tựa tơ vương
Lòng em vương ra thành nốt nhạc
Lay lắt tim ta bóng thiên đường.
Em ơi! Sương về trời chớm thu
Heo mây hiu hắt quyện sương mù
Bên em nỗi nhớ được ôm ấp
Ta ngỡ ngày xưa tiếng mẹ ru.
Em đã trao ta một tấm lòng
Tình em son sắt ánh lửa hồng
Sưởi ấm tim ta khi trở lạnh
Vào lúc giao mùa tiết lập đông.
Em là khối mộng tầm nhà tơ
Cho ta tình kết biến thành thơ
Tim ta thấu được tình yêu ấy
Từ đó tỏa ra cả bến bờ.

Phụng Long

mẹ con Hoa. Và nói con Thúy rất nhớ thầy Trí và mong ngày gặp lại thầy để chơi ô làng. Thư sau tuyệt nhiên cũng không nói gì tới kỷ niệm yêu dẫu giữa hai người, chỉ kể nay Thúy học rất chăm chỉ, càng ngày càng xinh ra. Những thư sau sau này nhận được ở Na Uy nói là Thúy đã học xong cấp một và Hoa đã gởi Thúy trọ nhà bà cô trên thị xã cho nó học, và học thêm toán, và học thêm tiếng Anh với một anh ngày xưa làm thông dịch cho cố vấn Mỹ, và Thúy học rất giỏi. Những thư sau cũng đại loại như thế, có khác là có hình của Thúy, hình màu. Trí viết thư muốn hẹn giờ để Thúy vào Sài Gòn điện thoại cho chàng nhưng Hoa trả lời là gọi điện thoại tốn nhiều tiền và rằng viết thư thì tâm sự dễ hơn. Xoay đi xoay lại đã hơn mười năm. Ngày qua tháng lại, có tin tức là chính phủ Việt Nam Cộng Sản bắt đầu đổi mới; chuyện đoàn tụ sẽ dễ dàng hơn. Bắt đầu có người có gia đình qua. Việt kiều rủ nhau về nước. Trí đâm hoảng và hồi hận khi lên đảo không khai ngay Hoa là vợ và Thúy là con của hai người. Chuyện giá thú giả đầu phải là chuyện khó ở Việt Nam. Trí bèn viết thư bảo chàng sẽ về cưới Hoa rồi làm giấy tờ đoàn tụ. Hoa viết thư trả lời là Trí hãy quên chuyện yêu đương cũ, vì đó là "chuyện chẳng đáng đứng", và Hoa không thể bỏ mẹ mà đi, và Thúy nay đã 18 tuổi, được học hành chuẩn bị đăng hoàng, vậy Trí hãy làm ơn bảo lãnh Thúy qua như diện vợ chồng giả cũng được, thiết thì càng hay, vì Thúy vẫn nhớ người thầy cũ đáng mến ngày xưa của mình và kèm theo là tấm hình mới nhất chụp Thúy mặt hoa đẹp như mặt hoa của Hoa nhưng tươi tắn hơn nhiều, mặc áo dài đỏ, chân dài quần trắng muốt, vừa đứng rón người nghiêng trời xanh, cạnh cây hoa phượng trường xưa đang đỏ rực hoa, vừa đưa mắt nhìn lên trời trong nắng hạ, rồi còn xòe bàn tay muốt dài không biết đang hứng hoa phượng rơi hay hứng những giòng thơ mới nóng bỏng Luân Hoán gieo cho nàng như đã từng gieo cho mẹ nàng.

Thúy và Trí năm nào cũng đi nghỉ hè với mấy đứa con. Những kỳ nghỉ kỳ thú thường ở những nơi có bãi biển, có nắng ấm để lũ trẻ có dịp tắm biển, tắm nắng bù lại chín tháng từ lạnh lạnh tới cực kỳ lạnh ở Na Uy. Nay chúng khá lớn, đôi khi không thích đi với ba mẹ nữa, Thúy nhờ những người hàng xóm tốt bụng trông chừng giùm, và hai vợ chồng lại đi du lịch với nhau và thích đến những thành phố lớn, không nhất thiết có biển, nhiều nắng, nhưng có các viện bảo tàng lớn để xem. Thu năm nay, còn hai tuần nghỉ chưa dùng, Thúy và Trí nhận được điện thư anh bạn Nhân mời qua Berlin chơi. Mùa thu Berlin đẹp không ngờ và con người cũng nhã nhặn lịch sự không thua gì anh Nhân, người ở Đức đã lâu, thậm chí văn hóa Đức tới độ cứ sợ khi chết, cõi bên kia không có tuần báo Der Spiegel để đọc, nhạc

Beethoven để nghe. Anh hướng dẫn hai vợ chồng đi thăm những danh lam thắng cảnh ở Berlin và những vùng phụ cận: công Brandenburg đẹp đơn giản mà uy nghi, vững chãi như những chiếc xe mà họ sản xuất; khu tưởng niệm Do Thái, những khối bê tông như những ngôi mộ chập chùng, có vẻ lộn xộn, nhìn lâu gây chóng mặt, nhìn lâu hơn nữa thấy chúng như lớp lớp trại tập trung, nhưng cũng giống như những khối đá còn bề bộn nhưng sẽ là nền móng vững chãi cho một nền văn minh tái tạo mà sám hối với người chết oan ức là bước cơ bản đầu tiên; những nơi tập trung người Do Thái trước khi điệu họ ra ga đi các trại tập trung, trông như mới hôm qua; bức tường Berlin ngày xưa hung hãn với những bức tường cao ngất, hào sâu, hàng rào chạy điện và một dải đất thần chết mai phục sau bức tường với hàng trăm tháp canh, nay tất cả bị tháo gỡ hết, chỉ còn một quảng trường 200 mét tròn trịa, ngổ ngàng, kỳ cục, nếu quy chiếu với một giai đoạn lịch sử đau thương, bi thảm; lâu đài Charlottenburg, một Versailles thu nhỏ; nhà thờ tưởng niệm cut đầu Kaiser-Wilhelm, một chứng tích như một vết thương không bao giờ lành giữa thành phố xá nhộn nhịp, văn minh hết cỡ; năm viện bảo tàng nổi tiếng ở đảo bảo tàng nói đến sự quan tâm bảo tồn văn hóa của mình và của thế giới nơi người Đức tới mức nào; lâu đài Sanssouci của một thời hoàng kim giữa rừng hoàng kim sắc lá và bầu trời xanh biếc thanh bình. Và thăm cả những nơi không được các sách hướng dẫn du lịch đề cập nhiều: công viên có tượng Karl Marx và Friedrich Engels, hai nhà tư tưởng mặt râu xồm xoàm mà vẫn không che được nụ cười giễu giễu của họ như đang giễu những tên đồ tể có hình in trên các tầng kim loại trắng, lớn dựng đứng trước mặt tượng đài, cái bọn mượn đại lý thuyết vốn đầy hoang tưởng và giả xạo của họ* để làm cái gọi là cách mạng, thực ra là làm loạn, ăn cướp vì bọn này không thể cạnh tranh với người khác trong ghề hàn lâm, chốn trường ốc, để may ra thành công, thời làm vương làm tướng, dè béo, rượu nồng, gái đẹp như bao ông vua thời xưa ở Việt Nam cũng như Trung Hoa từng làm, và trong hàng lô ảnh đó, có ảnh Hồ Chí Minh đang giả bộ thị sát trận địa Đông Khê từ trên núi, và ảnh "Cô du kích nhỏ giọng cao sừng. Thằng Mỹ lom khom bước cúi đầu."; hai công viên kỷ niệm và là mộ địa của hàng ngàn Hồng Quân Nga: Treptow và Tiergarten, cả hai nơi có tượng hai chiến sĩ hồng quân khổng lồ, uy nghi, riêng tượng người chiến sĩ ở Treptow, tay cầm kiếm, tay ôm một em bé anh vừa cứu, mặt anh, tình thương vừa trời dấy đã làm cho diu diu, nhưng nét tàn bạo vẫn còn đậm nét, in hình trên trời thu thiên thu, làm cho khách du quên đi trong chốc lát hình ảnh hồng quân giằng cướp xe đạp của một phụ nữ Berlin, những chuyện hăm hiếp phụ nữ kẻ chiến bại, kể cả những bà già.

Xem thể Trí tưởng cũng đã quá đủ cho chuyến đi, muốn hai đứa chỉ năm dài trong khách sạn

một ngày trước khi về Na Uy, nhưng Thúy muốn hai người đi xem một tỉnh sâu trong nội địa Đông Đức để xem cảnh trí, con người của một nước xưa kia thuộc cộng sản, nay ra sao. Càng phải nên đi, khi anh Nhân khuyên đi Dresden, Đông Đức, vì ở đó có viện bảo tàng Gemäldegalerie Alte Meister – Phòng Tranh Các Danh Hoạ Xưa có trưng bày 750 tác phẩm nổi tiếng của Ý, Hòa Lan, Pháp, Đức vẽ từ thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ thứ 18. Lần này không có anh Nhân đi cùng. Dọc đường xe chạy đất rộng người thưa, nhiều rừng thông, rừng bạch đàn vừa mới trồng ngay ngắn như rừng cao su bên mình, nay mọc đã khá cao. Những cánh đồng cỏ úa vàng còn nằm chờ vợ vài kiện cỏ bỏ quên, những cánh đồng đất đen mênh mông đã được cày dọn tươm tất và đã được gieo hạt chờ xuân về nảy mầm, phủ xanh. Tuyệt đối không thấy một khẩu hiệu lên gân, cha chú, kiêu ngạo giăng ngang đường, treo trên cây. Tiếng loa hô hào cổ vũ dĩ nhiên làm gì có! Thấp thoáng những khuôn mặt vui, mặt đẹp mời mua một sản phẩm nào đó trên những bảng quảng cáo, những hàng chữ tôn trọng óc thẩm mỹ của người nhìn. Những đoàn xe Trabant nhỏ xíu chạy dòng dòng như những cỗ vật kỳ cục cho du khách xem. Thúy cứ ứa nước mắt, chùi nước mắt mãi. Thúy nói nhỏ mà đầy hăm hực:

- Giá cộng sản Bắc Việt cũng khôn như cộng sản Đông Đức, thì nước mình đâu có giết nhau, em cũng không mất ba em - Rồi nàng ngã người vào ngực Trí, lim dim - Hay là anh Trí làm ba em đi. Từ nay em gọi anh là pappa nhé.

- Ừ, pappa, như vậy càng thích.

Thúy cười:

- Thật không?

- Thật.

Trung tâm thành phố Dresden gồm khu phố mới xây sau thống nhất mang nét kiến trúc Đức hiện đại, đường nét đơn giản, thoáng mắt ngoài, rộng bên trong, ánh sáng chiếu vừa phải, màu tường thanh nhã, trang trí bên trong kiệm nét; và khu phố cũ gồm các nhà thờ cổ, các dinh thự xưa và các viện bảo tàng cổ kính, còn sống sót được sau dấu biển chiến tranh và đại họa cộng sản. Nét chung của các công trình kiến trúc cổ này là đầy những mảng màu đen nhám nhò, không biết đó có phải là rêu phong cổ vật hay là hậu quả của không khí ô nhiễm khói thải bừa bãi trong thời cộng sản chưa tẩy kịp, vì những mảng đen như thế ít thấy ở các dinh thự cổ ở phần Tây Berlin cũ. Khi vào phòng tiếp tân của viện bảo tàng kể trên, hai người lại đứng cái nét cộng sản nhà nghèo bần xín: hai tiếp viên trẻ mà mặt hầm hầm, máy hướng dẫn xám xịt, dơ bẩn, cũ rích, phải trả 3 euro tiền thuê và phải gọi hộ chiếu hay bằng lái xe (không nhận thẻ nhà băng). Khi hai vợ chồng không có những thứ giấy tờ yêu cầu, cô gái nhăn nhó yêu cầu đóng 20 euro tiền thế chân, lại viết biên lai, ký vào, nhận biên lai cất kỹ, trái với ở Berlin, máy hướng dẫn thanh nhã, xinh

xắn, nửa màu ngà, nửa đỏ, sạch sẽ, không phải trả thêm (chắc là có tính vào tiền vé vào cửa rồi), không phải thế chân, dùng xong tự trả lại, và các tiếp viên ai cũng tươi cười, lịch sự.

- Thưa ông, thưa bà, tôi không biết tại sao Berlin dễ dãi hơn nơi đây rất nhiều. Tôi không hiểu tại sao tới lúc này mà quý ông, quý bà chưa chịu bỏ hành tinh khi đột của quý ông, quý bà. - Thúy nói với thứ tiếng Đức chuẩn xác với giọng kẻ cả. Hai đứa nhân viên tiếp tân, anh con trai đưa tay bụm miệng cười; cô con gái trừng mắt nhìn.

- May mà không còn cộng sản, nếu không, đã bị “mời đi làm việc” - Thúy che miệng vừa cười vừa nói khi vừa đi khỏi quầy tiếp khách - Anh chàng cười có lẽ là người Tây Đức. Con nhỏ kia tròn mắt là Đông Đức.

- Chờ lúc này khi anh hỏi thăm đường, có con nhỏ xinh xắn nhanh nhẩu chỉ đường cặn kẻ cho chúng mình, chẳng lẽ con nhỏ đó cũng là người Tây Đức hay sao em?

Thúy nhíu mày rồi gật đầu ậm ừ:

- Ừ, em thiết bậy. Nước Đức đã thống nhất 25 năm rồi; cả một thế hệ chó đầu có ít! Vợ đưa cả năm. Tại em tức tui cộng sản quá mà!

Tất cả mọi chuyện bức bối biến ngay khi hai người bước qua cánh cửa to lớn, uy nghi và vào trong viện bảo tàng. Một thế giới trung cổ muôn màu, muôn vẻ, điệu nghệ như đang mở rộng vòng tay đón mời. Đã có nhiều khách thưởng lãm, nhưng các khu trưng bày tranh vẫn yên ắng, êm ả, chỉ đôi tiếng thì thầm tưởng như không phải từ khách du đời nay mà từ những người quý phái trung cổ đang trở về họp mặt trong những đại sảnh lâu đài sang trọng, thanh lịch của họ thừa nào.

Thúy và Trí, hai người đồng ý xem riêng để dùng thời gian nhiều ít cho mỗi bức tranh tùy ý thích mỗi người. Trí lần lượt xem qua các tác phẩm phụ, xem kỹ các tác phẩm được giới thiệu là tác phẩm chính. Trí dừng lâu trước tác phẩm Venus Ngủ của Titian Giorgione. Nàng nằm thư thái giữa cánh đồng xanh sậm màu diu diu, xa nơi phồn hoa, phố thị nằm sau hậu cảnh. Thân thể nàng buông chùng ngời ngời. Cặp vú tròn hiện lành như những ngọn đồi thoải thoải thấp thoáng xa gần. Tám trái vú lựa màu ngà bóng và tám nhung đỏ nàng nằm lên gợi sự giàu sang nhưng lựa đời nàng. Nhưng bây giờ nàng là người đàn bà nguyên thủy đang nằm yên bình, quên đi cái xã hội giả trang phiến toái. Trí xem một lúc, rồi ngồi thụp xuống ghé-xem-tranh, ôm đầu, chép miệng buồn bã.

Trong khi đó Thúy lại xem lâu bức Vương quốc của Flora phòng bên kia.

- Sao em ngắm bức Vương quốc của Flora lâu vậy? Có gì đặc biệt không?

- Nữ thần Flora giống mẹ em. Hay nói cách khác mẹ em là hiện thân của bà.

- Vậy sao!

- Mẹ em đẹp, đẹp như nữ thần Flora trong tranh. Mẹ không nhảy múa suông sã như thần Flora, nhưng nhiều đêm, nhất là những đêm trăng, em thấy mẹ hay mặc áo lụa mỏng trề tràng tới ngực, đi ung dung trong vườn; có bữa vừa đi vừa hút thuốc thơm rồi thả khói lên trăng. Và, em nghĩ, như nữ thần trong tranh, mẹ đã bố trí, tô điểm vườn đời mình kỹ lưỡng để mời những người mẹ yêu thương vào sống cuộc đời hoa mộng. Quay lại chuyện bức tranh: có một điều lạ là nữ thần Flora lại không mời chính nam thần Pripaus bằng da bằng thịt mà chỉ đặt tượng ông ta góc vườn. Là sao vậy anh?

- Anh nghĩ điều họa sĩ Poussin muốn diễn tả đó là Flora chủ động trong chuyện *sex*; đôi khi *sex* chỉ là đồ trang trí cho cuộc chơi bà bầy, không như cô nàng Clytie, mê đắm mê đuổi anh chàng Apollo hào hoa đang cỡi xe tứ mã trên kia.

Thúy cười rúc rích:

- Ủ, anh nói đúng đó.

Giọng Trí êm êm theo nhịp sương thu đang dịu dịu dâng từ sông Elbe lên vọng dài Semperoper:

- Và mẹ em đẹp, có nhiều điều kiện để trở thành một người đàn bà hạnh phúc như nữ thần Flora, nhưng mẹ suốt đời phải tính toán lo cho em được hạnh phúc. Em được hạnh phúc, đó là mục đích của đời mẹ. Làm được như thế không phải dễ trong một làng quê của một Việt Nam Cộng Sản. Ly Hoàng Ly có bài thơ nói về một người đàn bà văn minh, thanh nhã phải đối diện với thời cuộc bản thù, đều cang đang trời lên: *Lũ gián khua râu hà hít/ Người đàn bà mặc áo dài trắng ngồi bắt chéo chân/ Giữ cho đứa con trong bụng tư thế ung dung và thách thức*

Thúy bóp tay Trí, ứa nước mắt, nép vào mình chàng:

- Ôi, người đàn bà trong câu thơ lại chính là mẹ em, mà anh ơi, em cảm thấy cuộc đời chúng ta như một bảng trò lắp ghép. Các mảnh đã vào đúng chỗ rồi, chỉ còn thiếu một miếng, thì gia đình chúng ta sẽ có được bức tranh gia đình tốt đẹp toàn vẹn, đó là miếng mẹ, mẹ sống với gia đình chúng ta.

Nguyễn Văn Thà

* Xem Paul Johnson, *The Intellectuals*, chương Karl Marx. Johnson chứng minh rằng lý thuyết của KM dựa trên những bài thơ đầy hoang tưởng siêu hình của chính KM, và Johnson sau khi tìm ra và đối chiếu những cứ liệu về công nhân Anh mà KM dùng để làm nền cho lý thuyết thặng dư giá trị (mà các kẻ xữ dụng do đó cho là mang tính khoa học) với cứ liệu gốc, Johnson thấy rằng những cứ liệu KM dùng là sai, giả hoặc bị KM bôi sừa.



Làm sao

Làm sao anh tả cuộc tình
 Làm sao anh trải thơ mình ra trang
 Làm sao nỗi nhớ bàng hoàng
 Làm sao cho ấm phòng loan chiếu mềm
 Làm sao cho được ấm êm
 Làm sao tránh được nỗi niềm đón đau
 Làm sao sưởi ấm cho nhau
 Làm sao an ủi lệ nhàu những khi
 Làm sao kết dấu chân đi
 Làm sao cho mộng nhu mì vấn vương
 Làm sao biết nhớ hay thương
 Làm sao giải nỗi đoạn trường bay qua
 Làm sao ru ánh chiều tà
 Làm sao tìm lại tình ta tình mình
 Làm sao vun xới cuộc tình
 Làm sao đề nỗi chùng chình trong tim
 Làm sao tình bỗng lặng im
 Làm sao tình lại một mình lẻ loi
 Làm sao cho miệng em cười
 Làm sao thấy được tim người anh yêu
 Làm sao cho bớt cô liêu
 Làm sao giảm bớt buồn phiền trong tim
 Làm sao bắt được bóng hình
 Làm sao tránh nẻo đường tình u mê.
 Làm sao đuổi nỗi tái tê
 Làm sao hoang vắng trở về cuối non
 Làm sao giải nghĩa cô đơn
 Làm sao tả cảnh tui hờn trong đêm
 Làm sao khi bóng trắng lên
 Làm sao ngắm bóng trắng nghiêng bên đồi
 Làm sao ở một góc đời
 Cho anh thấy được em ngồi nhớ nhung
 Làm sao tận chôn vô cùng
 Anh em hai đứa thùy chung mộng vàng
 Cho tình tỏa ánh thiên đàng
 Cho tình tránh nẻo muộn màng há em.

Phụng Long

Chiếc Ghế Ngồi Bỏ Trống

Lê Văn Tình

*Chiếc ghế ngồi bỏ trống
trong vườn khuya quanh hiu*

Là hai câu đầu trong bài Khoảng Trống, chị (Nguyễn Thị) Khánh Hà, nhà thơ, vợ của nhà văn Tâm Thanh Ngô Thanh Tâm, viết cách đây mười lăm năm. Chiếc ghế ấy trong vườn sau của gia đình.

Anh Ngô Thanh Tâm, bút hiệu Tâm Thanh, sinh năm 25. 08. 1939, tại Hà Nội. Nhưng anh trải qua những ngày thơ ấu trong loạn lạc ở xã Thiên Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Và tuổi nhỏ cô đơn: Cha bị Tây bắt giam, sau đó lại bị Việt Minh truy lùng vì tình nghi là Việt gian hay nhận làm Việt gian vì ở tù Tây quá ngắn, rồi cuối cùng cũng bị Việt Minh bắt; Mẹ bị bệnh liệt giường; các anh chị, hoặc đi học xa, hoặc lấy chồng xa; một mình chú bé Tâm 11 tuổi, vừa trông em 5 tuổi, vừa coi Mẹ; "bạn bè duy nhất là năm con chim sáo theo sát ven sông, ngoài đồng." Cha được Việt Minh thả, và ông gởi chú bé Tâm cho người anh linh mục, và ông bác linh mục này lại gởi cho linh mục Nguyễn Thanh Khiết, "một nhà giáo dục vĩ đại" nuôi dạy, và được linh mục Khiết nhận làm con nuôi và gởi chú bé Tâm vào trường dòng (chủng viện). Chú bé di cư vào Nam với trường dòng năm 1954. Cha ruột ở lại và bị đầu tó tới chết năm 1956. Chú bé sống ở nhà dòng và thêm có một gia đình để trở về trong những ngày nghỉ. Cô đơn, cô đơn... "Suốt đời mơ ước mình có một gia đình để ném mùi ngọt ngào."

Vũ Văn An, bạn cùng lớp trong chủng viện (di cư), ghi nhận như sau:

"Hình ảnh Tâm với khuôn người nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, miệng hình như lúc nào cũng tính mỉm cười, trong bộ đồng phục quần trắng áo sơ mi trắng, do phó gì quên tên may, in vào đầu óc tôi mãi mãi có lẽ từ lúc thấy Tâm trên bàn rước lễ đi xuống....

Tôi lưu ý tới Tâm hồi ấy có lẽ vì cùng tham gia một chương trình phát thanh của chủng viện. Tôi không nhớ tôi và Tâm viết và nói về đề tài gì, chắc chắn quanh quẩn chỉ là về lòng sùng kính nào đó. Nhưng bài viết và giọng đọc của Tâm được nhiều người khen ngợi hơn bài viết và giọng đọc của tôi. Cái chiều hướng này kéo dài suốt đời sau đó, cho tới lúc Tâm nghỉ yên trong Chúa."

Khi thi tú tài lại chọn ban A (vạn vật), chứ không ban C (sinh ngữ) như thông thường các tu sĩ hay chọn.

Sau khi rời chủng viện, Tâm Thanh học Đại Học

Sư Phạm Đà Lạt, môn triết, cùng thời với các đàn anh như Phạm Xuân Đài, Lê Mạnh Thát, thời linh mục Nguyễn Văn Lập làm viện trưởng. Sau đó, dạy môn triết tại trường Ngô Quyền, Biên Hoà. Quen biết giáo sư triết học Lê Tôn Nghiêm như người nhà. Năm 1967, anh bỏ dạy Ngô Quyền và thi vào Ban Cao Học Hành Chánh, Khóa III. Khi tốt nghiệp, làm ở Tổng Nha Công Vụ, sau đó được điều động về Viện Tu Nghiệp Hành Chánh Quốc Gia, có lẽ phụ trách giảng dạy các công chức hành chánh đến tu nghiệp.

Năm 1968, kết hôn với Nguyễn Thị Khánh Hà, Cao Học Hành Chánh Khóa II. (Vũ Văn An, Tuồng nhớ một người bạn, *Nhà Văn Tâm Thanh Ngô Thanh Tâm*, Vietcatholic News)

Với hai đầu lương công chức, gia đình có cuộc sống khá giả: có con ở và xe Lada mới.

Theo Lệnh Triệu Ban Rồi, của Tâm Thanh, Khánh Hà là cô "gái quê" Vĩnh Long đã đón nhận chàng, một sinh viên đang bị ho lao, vào đời mình, chỉ với một điều kiện: "chỉ để em chăm sóc anh thôi, à nghe!" Và từ ấy "gia đình, cửa địa đàng." Không chỉ bị lao mà thôi, chàng sau này còn bị sạn thận, tiền liệt tuyến, và cuối cùng nàng chỉ biết cầm tay chàng để mong "con đầu nó bỏ sang em" khi chàng bị ung thư, lúc 74 tuổi, năm 2013. (Trong truyện Lụa Bạch, trong tập truyện Thiên Nga Giữa Cõi Người, xuất bản năm 1999, Tâm Thanh kể về một người đàn bà bị ung thư, trước khi chết đã cẩn thận dọn dờ từ các thức ăn, cho đến chuyện phơi quần áo cho hai cha con. Bệnh ung thư quái ác không ngờ lại dính vào anh.)

Đi tu nghiệp ở Mỹ, nhưng mùa Xuân 1975, khi CS Bắc Việt tràn qua sông Bến Hải, Tâm Thanh "sau hai đêm trằn trọc, quyết định bỏ về nước trước thời hạn." Về rồi mới thấy. Anh "là công chức nhưng (còn) làm việc giảng dạy, nên tự giải thích mình không cần 'trình diện' (nhiều người khác lại kỳ kèo để được trình diện.)", nên thoát cải tạo, và dù có con ở là giao liên VC nằm vùng, biết rõ Ngô Thanh Tâm là ai, làm gì, nhưng không tố. "Khi từ già về quê, em khóc nức nở." và chừng tháng sau viết thư cho Khánh Hà trong đó có câu: "Em không bao giờ được sống lại trong một gia đình tràn đầy yêu thương và hạnh phúc như gia đình anh chị. Không bao giờ nữa..."

Đạp xích lô. Giả làm ngư dân và lại ra đi bằng cách vượt biên đường biển cùng vợ và hai con, được tàu Na Uy vớt, đưa vào Singapore, "chiếc nôi thứ hai" của đời mình. Sau một thời gian ngắn

được định cư ở Na Uy 1979.

Trong thời gian ở Na Uy, anh giúp dạy chữ quốc ngữ. Một học trò của anh, sau này, khi đã thành người lớn đáng kính, cho biết anh là một người thầy uyên bác, vui vẻ, thương học trò và nhiều mỹ từ khác dành cho thầy mình, và khen ngợi viên kiến thầy Tâm, ở chỗ vào thập niên 80, khi các trò hỏi thầy chuyện đấu tranh cho Đất Nước, thì thầy trả lời: Muốn đấu tranh cho Đất Nước, các em hãy học cho giỏi.

Anh viết cho Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, và hậu thân của nó: trang nhà Diễn Đàn Thế Kỷ. Các truyện anh hay dần theo theo ngày tháng cho tới khi anh mất.

Các truyện của anh tập trung nhiều quanh người Việt ở Na Uy, người và đất nước Na Uy mà anh rất thân phục và yêu mến. Đề tài và nội dung các truyện mang tính hư cấu – Tâm Thanh khẳng định trong thư gửi Ngày văn hoá ở Oslo - hơn là đậm tính tự sự đời mình. Anh để lại cho đời các tác phẩm xuất sắc:

- Thiên Nga Giữa Cõi Người, Văn Học, Hoa Kỳ, 1999.
- Gõ Thước Trên Rừng, Văn Mới, Hoa Kỳ, 2003
- Thiên Hương Về Trời, tác giả xuất bản, Na Uy, 2010.
- Peer Gynt, dịch thơ của Henrik Ibsen, (dịch chung với Khánh Hà), Ủy ban Ibsen, Na Uy, Oslo, 2006.
- Một tập truyện cười XHCN. (Tôi không nhớ chính xác tên sách)
- Lệnh Triệu Ban Rồi – một trường hợp ung thư, tác giả xuất bản, Na Uy, thu 2013
- Truyện dài Núi Chim, viết xong 2002, chưa xuất bản. Tôi đã được đọc bản thảo và thấy qua tác phẩm, một văn phong bay bướm, lãng mạn, khác với văn phong trong các truyện ngắn của Tâm Thanh.

Ngoài ra, anh còn viết một số biên khảo giá trị.

Khi mới qua Na Uy, với vốn liếng Anh ngữ khá, anh làm thông dịch cho sở tị nạn. Sau khi sở tị nạn giải thể, anh làm chuyên viên trong ngành bưu điện. Rồi khi đài truyền thanh truyền hình Na Uy NRK cần một người phụ trách cho chương trình phát thanh tiếng Việt, anh trở thành phóng viên chính. Chương trình rất đặc sắc, thú vị. Có người còn ví nó như chương trình Việt ngữ BBC trước 1975. Và sau khi chương trình này bị bỏ, anh được chuyển sang chương trình truyền hình Metropolis của NRK, một chương trình về những người nhập cư tại Na Uy, cho tới khi về hưu.

Anh hưu trí trong một vùng ngoại ô gần Oslo, Skjedmoskorset, trong ngôi nhà trệt, rộng rãi, xinh xắn có vườn sau hoa cỏ với chiếc đèn đá

Nhật bản, chiếc ghế dài ngả màu sương gió góc vườn...

Anh Tâm Thanh được chạy chữa tận tình, chu đáo, với những bác sĩ tài giỏi, hết lòng và với những phương tiên y khoa tân tiến nhất, ở bệnh viện A-hus, Lørenskog, Na Uy; và đã một lần mừng được lành, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, bệnh ung thư tuy tạng tái phát; sau gần một năm bệnh tái phát, anh mất vào lúc 18 giờ, Thứ Năm, 09. 04. 2015.

Lê Văn Tình

* Viết dựa theo cuốn Lệnh Triệu Ban Rồi – một trường hợp ung thư, của Tâm Thanh và một số thông tin thu lượm qua hỏi han và theo Vũ Văn An như đã dẫn trên.

Lời từ biệt



Lời sau cùng xin chân thành cảm tạ
Đức ông, quý sơ, quý bạn tiền đưa
Hơn bảy lăm tôi chết cũng là vừa
Sống thêm nữa thêm già nua bệnh tật
Người mến tôi xin chớ buồn chớ khóc
Mừng giùm tôi được Chúa gọi về nhà
Bao dung, nhân từ xin Chúa thứ tha
Những lầm lỗi tôi vô tình phạm phải
Đường trần thế tôi đi chân đã mỏi
Hôm nay tôi rửa sạch mọi phiền lo
Lòng hân hoan chân bước xuống chuyển đồ
Đưa tôi tới cõi bình an miên viễn
Tạ Ôn Trên cao sâu như trời biển
Đã cho tôi tìm đến bến tự do
Thoát cảnh đêm ngày nom nớp sợ lo
Bị bắt bớ, bị tù đầy kèm kẹp
Cảm tạ Na Uy muôn vàn cao đẹp
Tự do công bằng nhân ái bao la
Cảm tạ đất trời mưa nắng chan hòa
Sau đông giá là mùa xuân ấm áp
Thưa các bạn tôi đã từng quen biết
Mối giao tình thắm thiết hay đơn sơ
Xin cảm ơn những gặp gỡ tình cờ
Mỗi hạnh ngộ là một niềm trân quý
Đối với tôi, nếu có điều phật ý
Xin mở lòng rộng lượng thứ tha tôi
Xin cho tôi lần cuối một nụ cười
Đủ ấm áp phút giây này từ biệt

Ngô Thanh Tâm

Tiến Biệt



*Cõi trần gian gọi người ở lại
Chốn thiên đường yên giấc nghìn thu...*

Chú là một người khiêm tốn, hiền lành và kín đáo. Quen biết chú một thời gian mà chưa bao giờ thấy chú kể về mình. Tình cờ đọc được một bài bình truyện của chú do ai đó gửi vào hộp thư chung, mới giật mình hay chú là nhà văn tầm cỡ. Một đứa mê đọc truyện như tôi thì làm sao có thể bỏ qua những tác phẩm của chú chứ, nhất là khi bài bình luận làm tôi tò mò muốn chết. Nhưng thật không dễ tìm những tác phẩm của chú như tôi nghĩ, trên mạng thì chỉ đăng một vài truyện ngắn trích trong những tác phẩm của chú, nhà sách thì không bán. Tôi bèn đánh liều viết mail hỏi chú xem có thể mua sách của chú ở đâu. Thế là trong lần gặp sau đó tôi được chú tặng cho hai cuốn "Thiên Nga giữa cõi người" và "Thiên hương về trời", cuốn "Gỗ thức trên rừng" thì chú bảo tôi có thể mượn ở thư viện vì chú chỉ còn giữ một bản duy nhất.

Tôi đã từng đọc nhiều truyện ngắn của các tác giả khác nhau, trong nước có, ngoài nước có. Mỗi khi đọc được một truyện hay, giống như vừa được uống một viên thuốc bổ. Có lúc rơi lệ theo nhân vật, có lúc cảm động đến ngu ngơ. Cũng có khi vớ phải một truyện chán phèo mà tới lúc gấp sách lại chỉ có cái cảm giác bức mình vì đã bị tốn thời gian. Khi cầm đến những tác phẩm của chú, tôi rất hồi hộp, không biết truyện của chú viết ra sao nhỉ, có hấp dẫn hay sẽ làm tôi thất vọng? quả trời không phụ lòng người một sách, tôi đọc một lèo hết hai cuốn sách của chú, không tài nào bỏ xuống được. Truyện này tiếp nối truyện kia, tôi như lạc vào một kho tàng văn học mà chú là người nắm giữ chiếc chìa khóa kho báu trong tay. Chú dẫn dắt người đọc vào truyện nhẹ nhàng thư thái, sâu sắc đậm đà mà ẩn chứa những triết lý sâu xa, để khi đọc

xong không khỏi ngẩn ngơ suy tư, có khi tìm được bài học cho mình, có khi nghiền ngẫm chuyện đời. Truyện của chú là vậy đó, làm cho người ta không khỏi phải suy nghĩ, những cái kết bất ngờ như những dư âm vọng lại từ chính cuộc sống, khó mà không ray rứt. Trong những truyện ngắn chú viết tôi đặc biệt thích truyện "Đôi giày", có lẽ vì tôi rất tâm đắc với những điều mà tôi cho rằng chú thâm nhãn gửi qua tác phẩm này.

Phân tích truyện của chú thì quả là tôi đã quá mạo muội vì bao nhiêu đàn anh, thế hệ cha chú đi trước đã làm công việc này hay gấp ngàn lần tôi. Nhưng tôi không chỉ ngưỡng mộ tài năng văn chương của chú, mà tôi rất kính trọng và yêu mến tính cách của chú. Chú từng tâm sự với độc giả: "*Bản chất văn chương là hư cấu. Khi viết tôi bịa đặt hoàn toàn; nhưng khi sống, tôi răn không phản bội những điều mình viết, dù một chữ.*" Quả thật chú đã làm được điều đó. Qua cung cách hành xử với người xung quanh; và cách chú nhìn nhận vấn đề luôn trung thực và minh định làm tôi vô cùng cảm phục chú. Nếu có một người để tôi noi gương và học hỏi để hoàn thiện mình thì người đó chính là chú.

Chú khiêm tốn không muốn nói về mình nhưng lại luôn đề cao, khuyến khích những nỗ lực của người khác, nhất là những người trẻ tuổi. Vì vậy mà ngày trước mỗi bận báo Vượt Sóng đến kỳ, sau khi đọc xong một lượt chú luôn luôn gửi lời cảm ơn và bình phẩm số báo. Thỉnh thoảng đôi khi tôi có một bài viết nho nhỏ ở đâu đó mà chú đọc được chú cũng đều gửi thư riêng với vài lời khích lệ đến tôi. Cũng có khi là những lời góp ý hay khuyên mà tôi rất biết ơn.

Chú là một người chu đáo, nghĩ đến người xung quanh. Khi biết chú bạo bệnh, nhiều người trong chúng tôi lo lắng, nhưng chỉ âm thầm theo dõi và cầu nguyện cho chú. Vì chú ngại cảnh thăm viếng ồn ào nơi nhà thương,

chúng tôi chỉ dám "đột kích" đến nhà thăm chú vài lần. Lần nào chú và cô Hà cũng vui tươi và tiếp đón thật thân tình. Chính vì "đột kích" mà có lần chúng tôi đến nhằm ngay hôm chú vừa đi xạ trị về. Thật ái ngại vì sợ chú quá mệt nhưng chú đã rất vui và cô chú đã làm cho buổi thăm viếng hôm đó tràn đầy tình thân, để lúc về tôi không khỏi cảm thấy may mắn đã được quen biết cô chú và thấy lòng cảm động biết bao trước tình thân ấy.

Tôi còn nhớ hình ảnh chú, thư thái đến Bygdøyenes một chiều mùa thu năm 2013. Đó là một ngày đẹp trời, chúng tôi ai cũng vui mừng vì thấy chú có phần khỏe khoắn hồng hào trở lại. Không nói mà trong lòng tôi khắp khỏi hy vọng những tế bào ung thư đã cúi đầu khuất phục, trả chú khỏe mạnh về lại với cô, với cuộc đời. Nhưng có lẽ là số phận, buổi chiều đó chú đã trao tặng mỗi người tác phẩm cuối cùng của chú "Lệnh triệu ban rồi" như một lời giã từ mà chú đã chu đáo sắp đặt. Để rồi hơn một năm sau chú từ biệt cõi trần gian để về cõi vĩnh hằng, để lại bao nhiêu tiếc thương cho những người ở lại.

Đôi khi biết trước số phận cũng là điều may mắn. Bởi chú đã có thời gian gói ghém yêu thương, có thời gian giã từ bạn hữu, có thời gian sắp đặt tang lễ của cả chính mình. Chính vì vậy mà buổi tang lễ của chú diễn ra như một buổi chia tay thân mật, tràn đầy niềm yêu mến của những người thân, người bạn với nhau. Tôi chưa từng thấy một lễ tang nào như thế: Đơn sơ, thanh bạch, thân tình như tính cách của chú. Đến tiễn đưa chú lần cuối mà ra về tôi có cảm giác như vừa được chú trao tặng một món quà từ giã thì đúng hơn.

Có lần khi tôi gọi thư thăm hỏi sức khỏe của chú, lúc ấy cô chú cũng vừa về từ chuyến viễn du với tàu Hurtigruten lên miền bắc Na Uy, chú đã cởi mở tâm sự rằng chú đã trải nghiệm cuộc đời quá đầy đủ, trọn vẹn, nên giờ có phải là lúc ra đi cũng không có gì để ân hận hay luyến tiếc.

Tôi tin rằng ở trên thiên đường, chú đang ung dung dạo bước, chiêm ngưỡng cõi tiên.

Chỉ có người ở lại luyến tiếc khôn nguôi.

Tưởng nhớ nhà văn Tâm Thanh - một người chú mà tôi vô cùng kính trọng và quý mến.

Nguyệt Minh



BIỆT

Gửi theo Ngô Thanh Tâm

Ở nơi chiếc quán bên đường ấy
bạn già hẹn ước đã từ lâu
mỗi năm cố gắng dăm ba bận
đến để mà khai bệnh với nhau.

Cũng chẳng bao giờ mà đủ mặt
người thì trông cháu kẻ đi xa
thời gian bonus đâu còn mấy
ngày qua lại tiếc một ngày qua.

Không đến nhưng mà vẫn báo tin
bệnh này thuốc nọ nói huyền thuyên
cho nên vẫn thấy như gần gũi
những kẻ ngồi chung một chiếc thuyền.

Thế mà lâu quá ông không đến
tin tức về ông chẳng mấy vui
trong cuộc đấu tranh cùng bệnh hoạn
coi bộ như ông chỉ tháo lui.

Tin cuối về ông đến sững sờ
ông không còn nữa buổi chiều qua
chiều qua trời nắng hay mưa nhỉ
nghĩ hoài mà vẫn chẳng nhớ ra.

Thôi thế từ nay không ngóng đợi
dù thấy đời như trống trải hơn
ông đi trước thế là khôn đầy
kẻ ở càng thêm chạnh nỗi niềm.

Cung Vĩnh Viễn

Tâm Thanh

thiên nga không còn giữa cỏi người

Phạm Tín An Ninh



Giữa tháng 7-2014, anh Nguyễn Đắc Điều, người bạn thân thiết của anh Tâm, từ San Diego, California sang Na Uy thăm anh. Có anh chị Phạm Kế Viêm -Trần Diệu Tâm tháp tùng từ Paris. Vợ chồng tôi nhận lãnh việc đưa đón khách đường xa, vì với chúng tôi, anh Điều cũng khá thân tình, xem chúng tôi như em út. Sau khi làm thủ tục nhận phòng trong khách sạn xong, tất cả chúng tôi đến thăm anh chị Tâm. Tình trạng ung thư của anh đã sang thời kỳ cuối. Mất sức qua các lần hóa trị và không ăn uống được, anh đã gầy đi nhiều, trông khá tiêu tụy, mệt mỏi. Chí tình và cố gắng lắm anh mới tiếp chúng tôi, dù anh chỉ ngồi nhìn chúng tôi ăn, và nở những nụ cười. Đã khá lâu, từ ngày bệnh tình của anh trở nên trầm trọng, bạn bè rất hiếm khi được gặp hay nói chuyện với anh qua điện thoại. Ai cũng biết anh cần phải nghỉ ngơi, và tâm lý người ốm đau thường không muốn người khác, bạn bè phải nhìn mình với đôi mắt âu lo thương hại. Đặc biệt, anh Tâm lại là một người cẩn trọng, dễ xúc cảm và luôn sống chí tình với mọi người.

Tôi sống ở Na Uy, nhưng từ khi về hưu vợ chồng thường trốn lạnh, sang Mỹ ở với mấy cô con gái sáu tháng mùa đông. Những tháng hè về lại Na Uy. Lúc anh Tâm còn khỏe, và ngay cả khi anh bị ung thư đã được giải phẫu, nhưng sức khỏe chưa đến nỗi tệ lắm, đám bạn chúng tôi thường rủ anh ra quán cà phê Morten, nằm bên hóc núi trên con đường vắng đi về hướng Nittedal, để chuyện trò, tán gẫu. Những lần sau này, anh không còn tự lái xe được, chúng tôi ghé nhà đón anh đi, có khi anh nhờ cháu Như Thủy, cô con gái cưng của anh đưa anh đến. Ngoài tôi, có các anh Dương Kiên, Cung Vĩnh Viễn, Phi Ngọc Hải, Nguyễn Văn Lập, thì thoảng có anh Nguyễn Đình Lưu từ Tønsberg lên. Bọn chúng tôi thường chọn một cái bàn ngoài nắng, ngồi ôn chuyện cũ. Anh Dương Kiên kể thời anh viết văn, làm tờ Văn Học, điểm danh những khuôn mặt văn nghệ một thời. Anh cũng kể vài kỷ niệm vui lúc anh là Phó Ủy Viên Chánh Phủ của Tòa Án Quân Sự Mặt Trận Vùng 2. Anh Viễn thì nói về bạn bè

Nguyễn Trãi, Chu Văn An, những tháng ngày sau 75 bắt đầu đi làm thầy giáo “lưu dụng”, và lắc đầu xua tay khi bọn tôi khen những bài thơ anh viết. Anh Lập và tôi thì kể chuyện lính, chuyện đánh đấm và chuyện tù đầy. Đôi lúc anh Lập kể cả chuyện tu hành, con đường nào đã dẫn anh đến kinh kệ. Anh Lập nguyên là thiếu tá phi công trực thăng, sau 75 là bạn chí thân cùng tù với tôi, qua nhiều trại, ngoài Bắc. Vượt biên chung một chuyến và cùng đến định cư ở Na Uy. Anh cũng là bạn đồng nghiệp Bru Điện cùng sở với chị Tâm. Ăn chay trường, tu tại gia gần mười năm nay. Anh Phi Ngọc Hải, đồng môn QGHC với anh chị Tâm. Hai anh đã thân quen khá lâu, từ khi mới đến định cư ở Na Uy và hợp sức thành lập Hội Thân Hữu Người Việt Tự Do. Những lần sau này, anh Tâm không uống được cà phê như trước nữa, anh chỉ uống nước lạnh hay một tách trà nhạt. Sau đó, sức khỏe anh yếu dần qua những lần hóa trị, và nhất là không ăn uống được, anh cáo lỗi, không đến nữa. Vắng anh, chúng tôi cũng thưa dần những buổi họp mặt. Không có anh, chúng tôi thấy trống vắng quá, khoảng trời trên vách núi không còn trong xanh, những ngọn gió mùa hè Bắc Âu lạnh lẽo hơn, và những tách cà phê trở nên nhạt thêch, không còn hương vị nồng nàn.

Chúng tôi gọi nhau để hỏi tin tức về anh. Thỉnh thoảng gọi tới nhà, được nghe chị Tâm nói vài điều về tình trạng sức khỏe và việc chữa trị. Dù chị Tâm cố gắng vui vẻ, bình thản, nhưng chúng tôi hiểu được điều gì sẽ đến. Chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện và ước mong có một phép nhiệm màu nơi Đấng Tối Cao mà anh đã một đời thờ phượng và phó thác số mệnh của mình.

Nếu căn bệnh ung thư là một bất hạnh, thì bù lại anh Tâm đã có một điểm phúc rất lớn. Đó là người bạn đời Khánh Hà, cũng vừa là bạn đồng môn QGHC và vừa là người bạn văn tâm đắc nhất của anh. Anh viết văn còn chị làm thơ. Tôi cũng rất mê thơ của chị, nhiều bài, nhiều đoạn rất

để thương, từ khá lâu tôi đã thuộc nằm lòng:

...

*Thức dậy cùng em thuở ấu thơ
tiếng con tu hú gọi vang bờ
dòng sông tuổi nhỏ trôi đi mất
còn bãi sông buồn đứng ngẩn ngơ.*

(Tháng Chạp Quê Nhà)

....

*Đêm nghe tiếng sóng trong lòng
thấy ta thức dậy trên dòng sông xưa
trường giang lớp lớp sóng đưa
một con đò chở nắng mưa sớm chiều*

(Đêm Nghe Tiếng Sóng)

“*Thơ Khánh Hà dễ hiểu, nhưng không tầm thường, sẽ đi vào lòng mọi người đọc, tri thức cũng như bình dân, một phẩm tính ít nhà thơ nào tạo được*” (nhận xét của nhà văn Nguyễn Văn Thà). Anh Tâm, phu quân của chị, “*đọc thơ người nhà*” cũng đã viết: “*Thơ đối với Hà là hơi thở. Nhưng nàng lại ngại ngừng chia sẻ; nàng thích chia sẻ đồ ăn, của cải, nhưng tâm sự và thơ thì dè dặt. Đối với bạn bè, và cả với tôi, nàng chỉ coi thơ (và chính sự hiện diện của nàng) như một nụ cười vu vơ gửi tới bạn hiền.*” Chị luôn đồng hành cùng anh trên mọi nẻo đường đời, luôn được tất cả mọi người quý mến, nể nang. Chồng Bắc vợ Nam, nhưng có lẽ đây là đôi tình nhân hạnh phúc nhất, cặp vợ chồng tâm đầu ý hợp nhất mà tôi biết được.

Anh Điều, anh chị Phạm Kế Viêm và vợ chồng tôi đến thăm anh chị hai lần. Chúng tôi rất ái ngại khi chị Tâm phải vừa săn sóc cho anh vừa làm com đài khách, nhưng chị Tâm, ngoài bản tính chân tình, hiếu khách, cũng muốn cho chồng vui, nhất là được gặp lại anh Điều. Dù vóc dáng tiêu tụy nhưng lúc nào anh cũng cố nở nụ cười, vui vẻ. Anh xin lỗi vì không thể nói chuyện nhiều được. Anh chị kéo chúng tôi ra vườn sau, chụp vài tấm ảnh. Những năm sau này anh nghiên cứu về nghệ thuật nhiếp ảnh như là một hobby trong tuổi già, bên cạnh chuyện viết lách Anh cho chúng tôi xem những tấm hình cũ và cả những tấm hình anh vừa mới chụp, có đủ mặt mọi người. Nhìn trong ảnh, thấy anh cười mà lòng tôi xúc động, thoáng hình dung ngày tháng tới đây, trong chúng tôi sẽ thiếu mất một người

Được có hai buổi gặp gỡ ở nhà anh chị lần này là một may mắn đặc biệt. Nhờ cái tình anh dành cho anh Nguyễn Đắc Điều, người bạn quý, có thể nói là thâm tình nhất mà anh xem như người anh trong gia đình. Bởi anh Điều vừa là bạn cùng khóa 6 QGHC với người anh quá cố của anh, anh Ngô Đức Lưu, và sau này lại là người đồng sự của anh tại Viện Tu Nghiệp Quốc Gia, cùng đi du khảo ở Mỹ, Đài Loan. Hơn nữa, chị Tâm cũng tốt nghiệp Cao Học từ Học Viện QGHC, đồng môn của phu quân và của cả anh Điều. Dù ở xa, nhưng lúc nào anh Điều cũng hết lòng lo lắng,

khích lệ bạn mình. Khi anh Tâm viết xong những truyện trong **Thiên Hương Về Trời**, anh Điều thúc hối layout để anh mang đi in cùng với thi tập **Cuối Đường** của chị Tâm, giới thiệu trong cuộc triển lãm các tác phẩm của cựu sinh viên QGHC ở Nam Cali và gọi biểu bạn bè. Khi bệnh tình trở nên trầm trọng, biết trước số phận của mình, anh Tâm viết “**Lệnh Triệu Ban Rời**” gói ghém những tâm tình như thay cho lời từ biệt. Anh Điều luôn khuyến khích và cuối cùng đã lo việc in ấn và chuyển đến những bạn bè của anh Tâm ở khắp các nơi. Bản tính anh chị Tâm không bao giờ muốn làm phiền bạn bè, đã tìm đủ cách khéo léo hoàn trả cho anh Điều mọi phí tổn, mà anh Điều không có cách nào từ chối được.

Tôi may mắn được quen biết anh Tâm trong hơn 30 năm, sau này lại quen biết anh Điều trong trường hợp khá bất ngờ để rồi trở nên thân thiết. Cả hai anh đều là những người đáng kính, luôn sống với nhau bằng trọn tâm lòng. Tôi hiểu được vì sao mà anh Tâm và anh Điều thân quý nhau như thế. Lần cùng với anh Điều và anh chị Phạm Kế Viêm đến thăm, cũng là lần cuối cùng tôi gặp anh Tâm. Tháng 9.2014, vợ chồng tôi sang Mỹ. Trước ngày đi, nhóm bạn chúng tôi lại hẹn gặp nhau ở quán cà phê Morten bên hóc núi. Đó là lần họp mặt buồn nhất. Bọn tôi bảo nhau, có lẽ sau này chúng mình không còn gặp lại anh Tâm. Tôi chỉ còn có một ước mong duy nhất là ngày anh Tâm ra đi, tôi có mặt ở Na Uy để được tiễn anh lần cuối và nói với anh vài lời mà không thể nói lúc anh còn sống. Tính của anh không thích nghe những lời khen, những lời cảm ơn hay ngưỡng mộ mình.

Nhưng rồi điều ước mong nhỏ nhoi duy nhất đó cũng không thành. Sáng sớm ngày 9 tháng 4.2015, khi đang ở nhà cô con gái út trên đồi Hacienda Heights, mừng cháu vừa sinh đứa con thứ nhì, mới thức dậy thấy trong lòng như nồn nóng một điều gì, tôi vội vàng mở máy check mail, thấy bạn Đinh Ngọc Cầm (nhà văn Đoàn Mai Tâm) từ Oslo báo tin buồn: “*Anh em mình đã thực sự mất một người anh đáng kính. Anh Ngô Thanh Tâm vừa mới ra đi lúc 6 giờ chiều hôm nay, ngày 9.4. Chúng mình hãy cùng cầu nguyện cho anh.*” (Giờ Na Uy đi trước Cali 9 tiếng). Tôi lặng người. Đầu óc tự dưng không còn cảm giác và trong lòng dường như chỉ còn là khoảng trống bao la.

Tôi gặp anh Tâm lần đầu trong một buổi hội Tết, sau gần hai tháng gia đình tôi đến định cư ở Na Uy. Tôi ở khác thành phố nhưng cùng một thị xã với anh. Gọi là hội Tết nhưng thực ra chỉ quy tụ khoảng 80-90 đồng hương, tổ chức một ngày Tết chung để hoài niệm những cái tết ở quê nhà. Tôi mới đến, nên bị mấy cụ già “bắt cóc” làm trưởng ban tổ chức. Có lẽ mấy cụ nghĩ là những người mới từ trại tỵ nạn sang còn chút năng nổ, chưa bị

ngắm cái lạnh Bắc Âu. Hội Tết cũng được sự tham dự đông đảo của những người Na Uy trong chính quyền và Sở Ty Nạn. Ngay sau khi kết thúc, được cho là thành công, anh Tâm tìm đến bắt tay tôi với nụ cười thân thiện. Tôi biết anh từ đó, nhưng chưa thân tình lắm.

Thời gian này tôi hoạt động rất tích cực trong Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, mà tôi và nhiều bạn bè đã tham gia từ khi còn ở trại ty nạn Bataan, Phi Luật Tân. Lúc này Mặt Trận còn được nhiều người ủng hộ, và ngay tại Na Uy một vị linh mục Việt Nam đứng ra thành lập và làm Chủ Tịch Ủy Ban Yểm Trợ Kháng Chiến.

Một lần, tôi đứng ra tổ chức buổi nói chuyện cho giáo sư Tonaka từ Nhật sang, mà tôi được ông cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, Tổng Vụ trưởng Hải Ngoại của Mặt Trận, giới thiệu là bạn thân của Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, đã từng vào chiến khu quốc nội(?), và là người đang vận động quốc tế ủng hộ Tướng Minh và Mặt Trận. Trước đó, trong vài lần tâm tình, tôi biết là anh Tâm không những không tin, không ủng hộ mà còn phản đối Mặt Trận, nhưng tôi vẫn mời anh đến nghe. Tôi bảo là tôi rất tôn trọng những suy nghĩ và quyết định của anh, nhưng vì đây là lần đầu tiên có một giáo sư ngoại quốc nói chuyện về Mặt Trận, nên tôi muốn anh đến nghe để tìm hiểu thêm và giúp tôi tìm một hướng đi đúng sau này. Anh nể tình tôi, nhận lời.

Buổi nói chuyện được tổ chức tại trung tâm thành phố Oslo, đông đảo bà con đồng hương tham dự. Khi giáo sư Tonaka kết thúc phần nói chuyện, đến phần trả lời các câu hỏi, thấy anh Tâm đưa tay hai lần, nhưng khi tôi mời thì anh im lặng, lắc đầu. Mặc dù trong vai trò điều hợp, tôi luôn lên tiếng mong muốn được nghe những ý kiến, phản biện về những tiêu cực của Mặt Trận để được cùng thảo luận, hầu tìm ra đáp số cho bài toán của niềm tin. Vài hôm sau anh ghé thăm, tôi nhắc lại việc anh đưa tay đến hai lần nhưng sao không hỏi. Anh cười, bảo là không muốn làm cho tôi buồn và thất vọng! (Và sau đó tôi đã thất vọng thật.)

Từ hôm đó anh thân tình với tôi hơn. Tôi nói gót anh vào ngành Bưu Điện, anh làm việc ở cấp quản trị cao hơn. Nhưng khi tôi học xong và đi làm được hai năm thì anh bỏ Bưu Điện sang làm ở Đài Truyền Hình NRK. Lúc này Hội Thân Hữu Người Việt Tự Do tại Na Uy do anh Phi Ngọc Hải, một người bạn thân của anh làm hội trưởng từ lúc các anh sáng lập, vì hoàn cảnh không thể tiếp tục, hội cũng đã không sinh hoạt một thời gian. Anh Tâm đã vận động tôi, và nhờ nhiều người uy tín khác, trong đó có một vị linh mục, khuyến khích tôi ra nhận lãnh trách nhiệm để gây dựng lại. Ngày bầu cử, sợ tôi “trốn”, anh đích thân lái xe đến nhà thật sớm để chờ tôi đi. Tôi

làm hội trưởng, anh luôn ở bên cạnh như một người bạn đồng hành. Tôi mời, anh từ chối, không muốn nhận chức danh Cố Vấn hay Giám Sát, nhưng cam kết là luôn ở bên cạnh tôi. Và anh đã giữ lời hứa. Chúng tôi đã đổi danh xưng thành Hội Người Việt Ty Nạn Tại Na Uy, quy tụ thêm nhiều đồng hương, tạo được những thành công và sức mạnh. Hai anh em gắn bó với nhau trong sinh hoạt cộng đồng từ dạo ấy. Trong công việc, không phải là chúng tôi không có những bất đồng, nhưng tôi luôn tôn trọng, kính mến và biết ơn anh.

Giữa năm 1997, anh gởi cho tôi đọc một số truyện ngắn anh viết, đề tên tác giả Tâm Thanh. Truyện nào cũng rất hay, nhưng tôi mê nhất là truyện *Trích Tiên*. Tôi không ngạc nhiên về tài viết văn của anh, bởi tôi biết trước khi vào Cao Học QGHG anh đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Triết ở Đà Lạt và từng làm giáo sư môn Triết. Đúng như nhà văn quá cố Nguyễn Mộng Giác đã từng nhận định: “Người đọc bước vào truyện (Tâm Thanh) như lạc vào cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngỡ ngàng bàng hoàng vì bản khoán không hiểu nổi những vận nạn của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý.” Và sau này, người bạn văn của anh ở Na Uy, nhà văn Nguyễn Văn Thà, cũng đã có cái nhìn rất sắc bén về các tác phẩm của anh: “Tâm Thanh đã viết được nhiều truyện ngắn hay. Anh đã nâng truyện ngắn Việt Nam lên một bậc. Truyện ngắn anh có kỹ thuật cao, hóm hỉnh và đầy minh tri như thơ Nguyễn Khuyến, nhưng cũng lãng mạn một cách thâm trầm, ý vị.”

Từ khi mê tài viết của anh, tôi thường ghé lại anh hơn. Anh luôn bảo tôi kể cho anh nghe chuyện tình thời học trò và chuyện lính. Không ngờ những câu chuyện kể không đâu vào đâu ấy để chỉ vài hôm sau tôi bất ngờ đến ngỡ ngàng khi đọc truyện *C. Thành*, kèm thêm một bài thơ cùng tựa của chị Khánh Hà, anh chị viết gởi tặng tôi và “vàng trắng thơ ấu”(chữ của anh). Anh viết hay quá, đẹp quá, làm tôi cứ tưởng là chuyện của một chàng mục tử đa tình nào đó chứ không phải chuyện của mình. Tôi liền tưởng đến thằng bé chăn cừu trong truyện *Les Étoiles* của nhà văn Alphonse Daudet tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần lúc còn đi học. Tôi có cái niềm phúc được anh cho đọc nhiều truyện của anh trước khi in thành sách. Tác phẩm đầu tay *Thiên Nga Giữa Cõi Người* do Văn Học ấn hành mùa hè 1999 đã làm nên tên tuổi Tâm Thanh. Trong nền văn học hải ngoại có thêm một nhà văn đúng nghĩa, được độc giả ái mộ. Sau đó *Gỗ Thức Trên Rừng*, *Thiên Hương Về Trời* lần lượt ra đời. Tất cả đều là những tác phẩm giá trị, được bạn bè và độc giả khắp nơi đón nhận nồng nhiệt.

Ban đầu, anh bảo tôi kể chuyện cuộc đời cho anh nghe, để rồi anh âm thầm viết thành những truyện đẹp. Sau đó thì anh khuyến khích tôi viết,

bảo tôi có sẵn cái vốn quý - những kỷ niệm đặc biệt thời ấu thơ, những thăng trầm trong cả một đời lính - vốn đã là những câu chuyện hay và cảm động. Anh muốn có người đồng hành cho vui. Vâng lời anh, tôi viết vội **Nợ Đời Một Nửa, Còn Một Nửa Nợ Ông Em**. Đây không phải là một truyện ngắn mà chỉ là một đoạn văn, không đầu vào đâu. Tôi gửi đến anh với lời nửa đùa nửa thật: “Vâng lời ông thầy, gửi đến bài luận văn này nhờ ông thầy Triết xem qua và chấm điểm. Điểm trung bình thì cố gắng viết tiếp, còn điểm dưới trung bình thì đành xin bỏ bút”. Ngay tối hôm ấy tôi nhận hồi âm “Trả lại bài viết, vì ông thầy (bàn) không còn điểm để cho.”

Không ngờ lời nói đùa đó của anh lại là sự khởi đầu nghiệp viết lách của tôi. Anh rất xứng đáng là thầy tôi, nhưng không bao giờ chịu nhận. Đôi lúc tôi còn giận anh cái tính quá khiêm nhường. Khi được anh và nhiều vị thầy cùng bạn bè khuyến khích tôi ấn hành tập truyện đầu tiên “*Ở Cuối Hai Con Đường*”, một vài nhà văn tên tuổi thương tình, ngỏ ý viết tựa cho tập truyện. Tôi rất cảm kích tâm lòng của các bậc đàn anh, muốn nâng đỡ khích lệ một người tập tễnh cầm bút, nhưng tôi xin phép từ chối. Tôi muốn được anh Tâm Thanh làm điều ấy. Bởi ngoài việc tạo một cơ duyên, anh còn là người dẫn dắt tôi vào nghiệp viết. Bài tựa của anh, không những làm tăng thêm giá trị của tập truyện, mà với tôi, còn là một kỷ niệm đẹp đáng nhớ, nhất là sau khi anh không còn hiện hữu trên cõi đời này.

Thiên Nga Giữa Cõi Người, tên truyện ngắn mà anh dùng làm tựa cho tập truyện đầu tay. Tập truyện đã làm nên tên tuổi Tâm Thanh. Trong câu chuyện, anh kể về một đôi thiên nga đẹp nhất ở vùng sông hồ Telemark- Na Uy. Giống thiên nga vốn rất hiền lành và chung thủy, nhưng vì sống gần con người nên con thiên nga trống đã bị giết (oan), vì nó tấn công một chú bé đang bơi lội dưới hồ mà tưởng nhầm là con rái cá đã quấy phá ổ trứng của chúng. Cuối cùng, tác giả -người chứng kiến cái chết của con thiên nga và tìm ra lý do chết oan của nó - đã bộc bạch tâm sự của mình:

“Tôi có thể “tu luyện” để hưởng được hơi ấm của một giọt nắng trong vườn tuổi thơ ngay lúc còng người đi trong cơn bão tuyết. Nhưng lạ quá, tôi chưa bao giờ tránh được cơn gió bắc vô hình giữa những con người. Tôi biết hoàn toàn là lỗi tôi, buồn lòng lắm, nhưng không làm gì được”

Giờ thì tác giả không còn ưu tư, tự nhận lỗi về mình hay phải buồn lòng nữa, bởi Thiên nga Tâm Thanh đã ra đi, vĩnh viễn không còn giữa cõi người.

Hacienda Heights, 12.04.15
Phạm Tín An Ninh



lên núi thăm bạn

Buổi sáng, leo lên núi thăm bạn,
Đốc cao, đường hẹp, nặng hơi sương.
Càng đi...đá núi càng lởm chởm,
Trông lên chỉ thấy ... mây bay ngang !

Mỗi lúc, cây rừng thêm lộn xộn,
Leo mãi mà vẫn chưa tới nhà.
Nhi nhô, chim chóc kêu loạn xạ
Không có tiếng người, không tiếng gà.

Anh chàng này điên là cái chắc,
Phố xá đông vui, bày đặt chê !
Dọn về ở tuốt trong khe núi,
Hay nhớ những “ lán tù “ ngày xưa ? !

Gặp lại nhau ngay tại trước cổng,
Hai mươi năm, tóc bạn bạc phơ.
Chỉ có nụ cười là vẫn vậy,
Vẫn hiền hòa như sẵn, như ngô.

Bên ly cà-phê, nói chuyện cũ,
Những phố, những đường, những tên người.
Lãng nhãng chuyện này qua chuyện nọ,
Toàn chuyện tầm phào, không đầu đuôi.

Buổi chiều, ra ngồi trên mỏm đá,
Tần mẩn định xem... nhà hướng nào !
Vạt nắng vàng hoe, vạt ngang núi,
Mây đen từng cụm... đùn lên cao !

uyên giang

VĨNH BIỆT DƯƠNG KIẾN! (1939-2015)



DƯƠNG KIẾN LUẬT SƯ

Tốt nghiệp Đại Học Luật Khoa Sài Gòn năm 1962 và sau đó gia nhập Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Tuyên thệ vào ngày 16-8-1962.

Dương Kiến ngoài những tác phẩm về văn học còn viết cuốn: “*Luật giả thú, tử hệ và tài sản cộng đồng*” (biên khảo, NXB Khai Trí 1965.)

Châu Thị Ngọc Lê tặng mấy câu thơ:
“ngày chàng trở thành luật sư
coi bộ nghiêm chỉnh y như ông thầy
ông thầy trẻ chắc mắt tay
chứa được cả bệnh thơ ngây sống chừng.” (

DƯƠNG KIẾN THẨM PHÁN

Vào tháng 2 năm 1968 nhập ngũ theo lệnh tổng động viên và trở thành sĩ quan quân pháp. Rồi đảm nhiệm chức Phó Ủy Viên Tòa Án Quân Sự Mặt Trận Quân Khu 2.

Châu Thị Ngọc Lê tặng mấy câu thơ:
“khỏi phải lội núi băng rừng
giờ trên cổ áo thom lừng hai mai
rõ ràng dung mạo đẹp trai
Ủy Viên Tòa Án trông oai vô cùng.”

DƯƠNG KIẾN PHẬT TỬ:

Dương Kiến có pháp danh là THIÊN GIÁC.
Ghi lại thơ của Phật tử Dương Kiến:

HOA NỞ

*“Hôm nay hoa nở dâng lên Phật,
Lòng đục xin khơi một chút trong,
Nước mắt chọt rơi thân chọt nhẹ,
Chọt như bắt chọt bỗng tâm không.”*

GỖ MỠ

*“Cốc cốc đánh lễ Phật,
Cốc cốc hương thiện tâm,
Cốc cốc nghe Kinh Ngọc,
Rũ bớt hạt bụi trần.*

*Con quỳ lạy Tam Bảo,
Cốc cốc bớt sai lầm,
Buổi sáng lòng con sạch,
Tiếng mõ như thơ ngâm.*

*Thơ con dâng lên Phật,
Cốc cốc gõ mở đường,
Buổi trưa lòng con đục,
Quỳ lạy Phật mười phương.*

*Buổi tối lòng thanh thản,
Cốc cốc ý thêm lành,
Từ nay xin sám hối,
Nguyện cúi đầu nghe Kinh.”*

DƯƠNG KIẾN THI SĨ:

Dương Kiến vừa là tên thật vừa là bút hiệu.
Dương Kiến tự xuất bản tác phẩm thơ đầu tay là tập “*Thủ đầu thương*” (1966) và tập thơ “*Mùa gặt giữa hư vô*” (NXB Tiếng Việt, 1991) cùng nhiều bài thơ khác nữa v.v...

Trích ít vắn trong bài tuổi “Sáu mươi” (2-1999):

1939 - 1949.

“Ngày 28, đêm tối trời, ở Huế,
Tháng 12 trời giá lạnh căm căm.
Đẻ tôi khóc trong cơn đau hạnh phúc,
Xé lòng ra cho sự sống tươi mầm.
Cát tiếng khóc tôi chào mùa lửa đạn,
Thế giới chìm trong tiếng rú cuồng điên.
Lời của mẹ ru buồn hơn tiếng khóc,
Thầy tôi ngồi im lặng những chiều lên”...

“Tôi nhỏ lắm, ngày mùa thu tháng tám,
Quê hương tôi sùng sục những hờn căm.
Tôi ngơ ngác giữa rừng cờ đỏ máu,
Sắc hồng tươi sao nhuộm một màu tang”...

1950 - 1954.

“Hà Nội của tôi,
Hà Nội 50 mờ mờ tri nhớ.
Hà Nội mùa hè Cổ Ngư phượng đỏ,
Hà Nội mùa thu Hoàn Kiếm mờ sương”...

“Tôi đi, Hà Nội, cuối thu,
Long Biên, cầu sắt, sương mù, gãy đôi.
Đằng sau Nguyễn Trãi, trường tôi,
Bánh xe lăn, nghiêng mảnh đời vỡ tan”...

1955 - 1963

“Sài Gòn mưa rơi,
Sài Gòn nắng đổ.
Tôi đi hoang mang giữa đường giữa phố,
Nhớ thầy tôi nhắm mắt tuổi chưa cao.
Tôi đi hoang mang giữa trận mưa rào,
Thương mẹ, thương anh, thương mình, bật khóc.

Sài Gòn mưa rơi,
Sài Gòn bốc lửa.
Sài Gòn quay cuồng cơn đau lịch sử,
Sài Gòn xuống đường, Sài Gòn đạn nổ.
Sao lòng tôi vẫn đẹp tuổi mười lăm”...

“Yêu Sài Gòn mưa,
Yêu đêm thu lạnh,
Bốn mươi năm như tình lỡ hôm qua”...

1963 - 1975.

“Một chín sáu ba
Miền Nam cuốn vào những cơn giông bão.
Những đêm hỏa châu, những tin trên báo,
Cáo phó thẳng này, đám táng thẳng kia.
Con đầu lòng tôi, cuống rốn chưa lìa,
Cát tiếng khóc đêm 23 hươi chiến.
Tôi đứng giữa trời, đêm đen, thâm nguyền,
Xin đời con đừng giống bố, con ơi!”...

1975 - 1999

“Một chín bảy lăm,
Không phải riêng đời tôi sụp đổ,

Không phải riêng con tôi không có miếng ăn.
Tất cả chúng ta tự mất chính mình,
Dù chịu đóng đinh,
Cũng không thể nào cứu chuộc”...

“Sáu mươi! Sáu mươi!
Bắt chước người xưa nâng ly mà hát,
Vui mà chi?
Buồn mà chi?
Đời ta chẳng qua hề ly rượu nhạt,
Rượu nhạt mà say hề cứ say đi”...

“Đi về đâu?
Biết về đâu?
Trăm năm rồi cũng qua cầu”...

Ngoài ra Dương Kiên còn có những bài thơ tiêu biểu khác, nghe thật thấm thía:

Thơ từ “cải tạo”:

đất Long Giao cứng hơn kim cương
nước Long Giao quý hơn nước vô thường
hồ lô đức Quán Thế
rời tháng tư đỏ lửa
không thấy nước đâu chỉ thấy mồ hôi chảy
trên lưng
ngựa Người
kéo những thùng đất từ đáy huyết sâu đào má
cha nó
đỉnh cao tri tuệ loài người”...

Thơ đấu tranh:

“hãy đứng dậy, đứng dậy
chết hay là Tự Do
Tự Do hay là chết
ta không cần cơm no
ta cần nói cần nghĩ
ta cần nghe, cần nhìn”...

“từ trong những nỗi đắng cay
tay không ta vỡ luống cày hư vô
xin gieo hạt ngọc bây giờ
mai sau vàng trái lối xưa ta về”...

Thơ tình:

ngực em có nốt ruồi son
ông như trái chín no tròn mắt ta
ay em có những ngón ngà
khiến ta bỗng thấy da gà nổi lên”...
“nhấn em ngày ấy năm xưa
có hai đứa trẻ giả vờ yêu nhau
ây giờ hai đứa bạc đầu
suốt đời vẫn cứ yêu nhau giả vờ”...

“Bài thơ tình cho em” làm tại Quân trường

Thủ Đức 1968:

“Trên bãi cỏ ấy,
Có ngọn cỏ rất xanh.
Đâm vào bàn chân người con gái.
Đâm vào bàn chân người con trai.
Bốn bàn chân trần truồng,
Trên bãi cỏ rất xanh”...

Trên bãi cỏ ấy,
Êm ngọt như nhung.
Có hai bàn chân đùa trẻ.
Hai bàn chân trần
trưởng nhỏ bé,
Trên bãi cỏ rất
xanh.”

Thơ phổ nhạc:

Một số bài thơ của Dương Kiên đã gợi hứng cho nhạc sĩ đem ra phổ thành những nhạc khúc được ưa chuộng:

Phổ nhạc bởi Trần Thụy Minh: “Sóng” / “Hà Nội tuổi thơ” / “Thả diều” / “Mùa Xuân” / “Nhà đầu” / “Em mùa xuân”...

Phổ nhạc bởi Duy Minh: “Chùa mơ”...

DƯƠNG KIÊN VĂN SĨ:

Tác phẩm “Việt Nam Thế Kỷ 20” của Dương Kiên do nhà xuất bản Tiếng Quê Hương (Virginia) xuất bản năm 2005. Mở đầu tác phẩm Dương Kiên viết:

“Việt Nam Thế Kỷ 20 được biên soạn theo phương thức biên niên sử, tóm tắt các sự kiện quan trọng về lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội tại Việt Nam trong 100 năm qua. Thế kỷ 20 có lẽ là một thế kỷ cho đến nay để lại nhiều tự hào và đau thương nhất cho dân tộc, với rất nhiều khẳng định lẫn hoài nghi. Vẫn còn nhiều thế hệ người Việt bước vào thế kỷ 21 mang dấu tích các biến động của thế kỷ trước, và khó lòng để tâm hồn thanh thản nhìn lại các sự kiện có chính mình khởi sự đi tìm... trong đó, với mắt mắt có, thành công có, thất bại có, tủi nhục có. Chính vì thế nhiều sự kiện bị vùi lấp không phải bởi thời gian mà bởi chính con người... Nhưng lịch sử vẫn là lịch sử, vấn đề là Cuốn sách nhỏ này chỉ là một khởi sự, một phác thảo mà lẽ ra nó chưa nên ẩn hành vì còn quá đơn giản, nhiều thiếu sót và sai lầm.”

Bản phác thảo này cho biết về: Nguyễn Ánh diệt nhà Tây Sơn/ Vua Minh Mạng ra dụ cấm đạo/ Tàu Pháp bắn vào cửa Đà Nẵng/ Các đề nghị cải cách từ 1863 đến 1879/ Phan Chu Trinh và phong trào Duy Tân/ Nông Cồ Mìn Đàm, tờ báo viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên/ Phan Bội Châu và các đồng chí tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm minh chủ “Việt Nam Duy Tân Hội”/ Phan Bội Châu phổ biến “Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư” bằng Hán Văn cổ võ lòng ái quốc/ Chiến tranh Nga-Nhật ảnh hưởng đến các tầng lớp sĩ phu Việt Nam v.v...

Dương Kiên muốn “mời gọi người đọc trở về lắng nghe tiếng của hàng thành quách cũ, kể lại một thời dựng nước và giữ nước của tiền nhân.”

Cũng cần biết thêm là Dương Kiên đoạt được Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc bộ môn Kịch năm 1966 với kịch bản “Sân khấu”. Dương Kiên cũng là chủ bút sáng lập tạp chí Văn Học từ

1962 tới 1965.

Ngoài ra Dương Kiên còn có các tác phẩm:

– “Biển trầm lặng” (truyện dài, NXB Đông Phương, 1965)

– “Kẻ xa lạ” (dịch, NXB Bốn Phương, 1965)

– “Máu của mẹ” (truyện ngắn, NXB Thứ tư, 1966)

– “Người tù sa mạc” (dịch, NXB Thứ tư, 1968)



DƯƠNG KIÊN KÈ LƯU VONG

Dương Kiên sau 3 năm tù “cải tạo” tới năm 1979 đã may mắn vượt biên trốn thoát khỏi ngục tù cộng sản và định cư tại Bergan, Na Uy.

Hiện tại gia đình gồm có vợ và 4 con trai, 3 con dâu và 7 cháu nội. Bốn con trai cũng đã thành đạt và hiện đang lập nghiệp ở Na Uy gồm có: Kỹ sư Dương Kim, vợ và 2 con. Bác sĩ Dương Khoa, vợ và 2 con. Kỹ sư Dương Khanh, vợ và 3 con. Nhà sĩ Dương Kha (độc thân).

Trích vài vần thơ khi lưu lạc tại xứ người:

“em hỏi tôi ở Na Uy
nơi đâu thế nhỉ? Có gì vui không?
ồ em, vui chứ sao không
mùa xuân tuyết đỏ mênh mông đất trời
em hỏi tôi ở xứ người
làm ăn khấm khá, đã đời hay chưa?
ồ em, đã chứ sao chưa
sáng cù cưa, tối cù cưa, đã đời”...

Trào dâng nỗi nhớ quê nhà của kẻ sống đời lưu vong:

“Châm một điều thuốc hút
Cho ngán bớt đời ta
Nâng một ly rượu uống
Cho ngày tháng trôi qua
Bóng quê trong khói thuốc
Rồi cũng đến tan ra
Một giọt nơi đây cốc
Sao cũng cháy lòng ta?
Đời đã năm mươi mấy
Bống như trẻ lên ba”...

DƯƠNG KIẾN VỚI BẠN VĂN:

SONG THAO ghi lại kỷ niệm về Dương Kiên:

“Tôi còn nhớ lần đầu tiên gặp anh Dương Kiên 30 năm trước đây. Hồi đó anh Dương Kiên đang làm chủ bút tạp chí Văn Học; và tôi đang lo in giai phẩm Xuân Văn Khoa của sinh viên đoàn trường đại học Văn Khoa Sài Gòn. Hai tờ báo cùng in tại nhà in Trường Sơn nhỏ xiu, nằm trên một con đường cũng nhỏ xiu bên hông chợ Bến Thành, nên ra vào đụng nhau ngày một. Tặng anh Dương Kiên là tặng người ốm hết cỡ nhưng sức làm việc của anh thì chúng tôi chịu thua. Anh cặm cụi không biết mệt mỏi trên những trang giấy hoặc trên bản in vố. Hồi đó là đầu thập niên 60, tình hình chính trị trong nước đang hết sức sôi động và tờ Văn Học, “Tiếng nói của thanh niên, sinh viên Việt Nam” đã nhập cuộc hết sức hăng say. Những bài nhận định, tham luận, đặt vấn đề của một con người gầy ốm như anh Kiên quả thiệt rất nặng ký. Anh là một con người hăng say, nhiệt tình và rất sắc bén. Nhưng bên cạnh những bài viết chính trị, văn thơ của anh thì lại vô cùng mượt mà, mềm mại. Và lối nói chuyện của anh lại được phần duyên dáng, khôi hài rất di dỏm lẫn châm biếm sâu sắc.

Tôi cũng lại nhớ lần gặp anh Kiên khi anh vừa đi học tập cải tạo về. Hồi đó những người đi tù về như chúng tôi đều xơ xác, hốc hác lắm rồi. Muốn tránh lao động thủy lợi của phường khóm, muốn khỏi đi kinh tế mới chỉ có một cách chui vào Hội Tri Thức Yêu Nước, trên đường Nguyễn Thông. Nhưng cái sân của Hội Tri Thức Yêu Nước mới là chỗ cho chúng tôi có dịp gặp gỡ nhau mà hàn huyên tâm sự, hoặc bàn tính chuyện này chuyện kia. Chính tại cái sân “tri kỷ” này tôi đã thấy anh Dương Kiên dắt chiếc xe đạp còm côi qua chiếc cửa nhỏ. Vẫn với thân hình gầy ốm mà ngực tù cộng sản cũng phải chịu thua không thể nào làm cho gầy hơn được nữa. Anh hơn hớ chuyện trò với bạn bè. Vẫn cái giọng di dỏm, vẫn đôi mắt hăng say sắc sảo đó, hình như chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì khuất phục được anh. Tôi biết anh chưa chịu thúc thủ. Ít lâu sau, tôi được tin anh đã vượt biển.”

DƯƠNG KIẾN VỚI BẠN THƠ:

HÀ HUYỀN CHI cảm đề bài thơ “Sáu mươi” của Dương Kiên nên viết bài thơ “Gửi Dương Kiên” vào mùa Giáng Sinh năm 2000 (trích):

“Mây buồn hát giọng Sáu Mươi,
Tao nghe sóng nhớ đầy vơi nát lòng.
Già đời bạn với long đong,
Mưa bay Hà Nội cười rung gác mây”...

“Tao buồn trắng tóc bạc râu,

Mây than bể ngực khối sầu còn nguyên.
Ráng cười đi nhé bạn hiền,
Thiếu niên mặt lộ, cao niên mặt thời”...

“Hà hà... mai một cung ly,
Còn không lệ sáng mà chia với đời?
Khóc cho sinh bất phùng thời,
Khóc thân toi tả, khóc người làm than”...

BẠN THƠ VĨNH BIỆT DƯƠNG KIẾN:

LUÂN HOÀN với bài thơ “Tiễn và hẹn cùng anh Dương Kiên” sáng tác ngay khi nghe tin Dương Kiên lia trần (trích):

“lòng tôi kho chứa nỗi buồn
đầy thêm chút nữa bất thường sáng nay
một người bạn văn lâu ngày
bước vào xạ trị đã xuôi tay liền”...
“bạn văn bạn đọc vẫn dành
biểu anh tình cảm chân thành mến thương
riêng tôi khó nói cho tường
chung qui gói gọn chữ buồn vậy thôi
mái đầu trắng đẹp hơn vôi
bây giờ đã lặn mây trôi thật rồi”...
“đêm nay tôi mộng lên trời
đưa anh một chặng như thời cung ly
lạ kỳ sao buồn quá đi
‘chết là trở lại xuân thì kiếp sau’
tôi tin mình sớm gặp nhau...”

ĐÔI LỜI KẾT:

Dương Kiên từng thổ lộ tâm tình: “Thật khó mà nói động cơ nào đã thúc đẩy tôi cầm bút. Có lẽ tuổi trẻ nào cũng nhiều mơ mộng, nhiều hoài bão... Nhìn lại những gì tôi đã viết, tôi thấy nó tạp nhạp, mỗi thứ một chút. Và đôi khi xấu hổ, tự hỏi nếu mình được làm lại tất cả, thì có lẽ mình sẽ không làm gì nữa chẳng? Nhưng dù sao đã lỡ rồi”...

Mặc những lời khiêm tốn trên của Dương Kiên, nhưng vì cùng là đồng nghiệp trong chốn “đáo tụng đình” khởi sự từ ngày 16-8-1962 trước Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, và vào năm Kiên 70 tuổi tôi đã gửi tặng chàng mấy vần:

Cạnh nhau “tuyên thệ” buổi xưa xa
“Thầy cãi” vô nghề mĩ với ta
Mấy chục năm trời trôi nhanh nhĩ
Bao giờ “ly khách” hết bốn ba?

nên tôi nghĩ mình phải có bốn phạn ghi lại nơi đây một chút kỷ niệm về Dương Kiên, luật sư, thẩm phán, nhà thơ và nhà văn, thay cho lời vĩnh biệt khi chàng từ bỏ cuộc chơi tại cõi trần gian đầy hệ lụy này vào ngày 17-11-2015!

NGÔ TĂNG GIAO
(Virginia 19-11-2015)



tiễn Dương Kiên

tiễn Dương Kiên

Chai rượu còn nguyên chờ ông đầy
như lời ông hẹn ở e-mail:
tháng sau có thể lên thăm cháu
ta lại cửa đôi giống thuở nào.

Tháng sau đợi mãi mà không thấy
hỏi ra ông đã ở nhà thương
có quái gì vui nơi chốn ấy
mà ông rách việc phí thời gian .

Ông ở nhà thương có ít ngày
mấy ông tu bíp trả về ngay
bệnh ông hết thuốc rồi ông ạ
Biên Thước Hoa Đà cũng bó tay.

Ông thân nhiên xách gói về nhà
nghe kinh, làm nốt một bài thơ
chao ơi cái Thú Đau Thương ấy
gần chết mà ông cũng chẳng chừa.

Chẳng biết là ông nghĩ ngợi chi
những giờ những phút sắp ra đi
đời ông trôi nổi bao dâu biển
những tiếng thị phi chẳng nghĩa gì.

Lãng đãng ông tiêu hết một đời
trải lòng ra với mọi người thôi
ông về cõi ấy an nhiên nhé
như bóng mây chiều êm ả trôi.

Cung Vĩnh Viễn
24.11.2015

Tiễn bạn Dương Kiên

*Bác Dương thôi đã thôi rồi !
Nước mây man mát ngậm ngùi
lòng tôi...(1)*

*... thì thôi...
đá nát vôi vàng phai,
phù vân tụ tán.
Thân ta:
bọt bèo.*

*Tiến nhau
một khúc ghen ngào!*

Đặng Trình Nguyễn Tấn Vinh
Bergen 25/11-2015

(1) Thơ Khóc Bạn, Nguyễn Khuyến

Bố Oi! Bố Oi!

Nhìn bố đau
Con cũng đau
Con nguyện cầu
Bố khỏe mau.

Bố ơi!

Lúc bố khỏe
Con vui vẻ
Bố mỉm cười
Thật là tươi

Bố ơi, bố ơi!

Lúc bố ngủ
Con nhìn bố
Thấy nước mắt bố chảy
Hắn vì tình thương
Cho con cháu
Cho bạn bè

Lúc bố ngủ
Bố mỉm cười
Chắc bố mơ
Kỷ niệm cũ
Vui buồn có
Đau khổ có

Trước khi đi
Bố dặn rằng
Các con hãy
Thương yêu nhau
Sống hạnh phúc
Bố yên tâm
Mà ra đi

Bố ra đi
Nhìn mặt bố
Thoáng hiện rõ
Nụ cười xưa
Hiền, thật hiền!

Trời vào đông
Mưa lất phất
Nước mưa nhạt
Thấm vào môi.
Bố đi rồi!
Đi vĩnh viễn
Để tiếc nuối

Cho cháu con
Cho bạn hữu

Vĩnh biệt bố
Trăm bông sen
Đua nhau nở
Đến bên bờ
Cửa hư vô
Để siêu thoát
Bao vương vấn
Bao khổ đau

Nam mô A di đà Phật

Dương Kim
17/11-2015

Hẹn với SA LA

Chiếc vé trong tay
Chú Kiên ra cảng
Lần này đi bằng đường bay

Chân teo gầy để mau đến bến
Tóc thưa dần cho bớt nặng vai
Phật ngồi đợi chú trên đài
Vẫy tay gọi bước lại Ngài gần hơn

Lệ an nhiên chảy dòng Cam Lộ
Mỗi một này bỗng chốc Huệ, Lan
Mừng chú có vé hạng sang
Nghỉ hè ở xứ sen vàng mùi thương

Hoa Sa La bên trời đợi chú
Bỏ được rồi, hệ lụy trần gian
Buồn, vui đã đủ đã mang
Chú tôi ra cảng, tìm hân hoan chờ

Miệng thanh thản A Di Đà Phật
Tạ từ là lời hẹn mùa sau
Gặp nhau, gặp lại từ đầu
Trăm năm yêu dấu trên non nước mình
Không ngoại bang, di cư, nội chiến
Không vượt biên, tỵ nạn, lao tù
Không đói khổ, không hận thù
Không chiến chinh, chia lìa, kỳ thị
Chỉ có quê nhà bà nội thổi lửa non thành dòng
mật ngọt
Chiếc trống trường thùng lỗ ông nội đem về bà
nuôi ong, bóc sáp mớm con
Sáu anh em họ Dương rạng rỡ tông đường
Trọn vẹn gia đình bên nhau ngày giỗ, Tết

Khổ đau đã sắp hết
Chú Kiên ơi, rán lên!
Bờ vui đã sắp đến
Nhẹ tênh thôi
Nhẹ tênh

Mạch Nha
Tháng 11/2015

Nhẹ tênh thôi !

Người ngủ yên rồi
Hơi thở vờn tay
Mở cánh
Tìm về nhà.

Nhà đâu ?
Nhà : ấm êm lòng mẹ
Nhà : sang sảng giọng cha
Nhà : quê xưa, đất mới
Nhà : ngực em xuân nụ
Nhà : con trẻ an, hoà.

Bảy mươi sáu tuổi
Khẽ khàng thôi
Xếp lại trang kinh
Đặt xuống chén trà đã nguội
Nhẹ lắm
Một đời thơ.

Chỉ xin
Kiếp sau Phật độ
Làm
Chú tiểu chùa Mơ.

Cổ Ngự

Bal(l)ade

Gập ghềnh kè đá lót
Giày mòn gót bên Seine
Dung không, ngày âm lạ
Tháng mười một, mỏng len

Liều giăng trăm ngàn mối
Chờ vương một giấc mơ
Từ tháp chuông, gió xuống
Bồng bênh, này : tóc, tơ

Nụ hoa chưa vội nở
Môi mềm sẽ chẳng khô
Mắt trong, chiều mây nhạt
Rêu ản, tường mập mờ

Vẫn dập dềnh sóng động
Chim đội tiếng lâu đài
Cầu soãi chân từng dài
Bóng hắt hoàng hôn phai

Đèn nháy ngời mắt phố
Paris rộn rã đêm
Cây rừng mình thoát lá
Ghé cũ, ngồi, nhớ tên...

Paris 23.11.2014

Cổ Ngự

Ông Nội Ông Oi

Ông Nội Ông Oi
Cho đến một ngày
Con chim không bay
Con cá hết bơi
Con người hết hơi
Ông cười và vui
Ông hiền nhưng xui
Cuộc đời ngắn quá
Thời giờ bay qua
Ông Nội Ông Oi
Gia đình xum họp
Bay xa thăm ông
Nói chuyện ngày xưa
Mười năm chẳng xong
Bên ngoài tươi vui
Bên trong trống rỗng
Đừng sợ đừng sợ
Vô thường biết đâu
Đời sau gặp nhau
Ông Nội Ông Oi
Con thương ông lắm
Đừng buồn đừng khóc
Làm sao sống nổi?
Mười sáu năm qua
Ít thăm ông nội
Gặp ông quá ít
Vẫn thương vẫn thích
Giờ con hối tiếc
Dạ con xin lỗi.

Dương Tường Vi

những đôi hoa sim

Phóng tác ý thơ
"MÀU TÍM HOA SIM"
của
HỮU - LOAN

Dzũng - Chinh

Slow Rumba

Những đôi hoa sim ơi những đôi hoa sim tím chiều hoang biển -
(Những chiều hành quân) quân đi những chiều hành quân tím chiều hoang biển -

biệt . Vào chuyện ngày xưa nàng yêu hoa sim tím khi còn tóc búi vai !
biệt . Một chiều rừng mưa được tin em tái mặt. chiếc khăn ... = ...

Nhạc sĩ DZŨNG CHINH- tác giả “Những Đôi Hoa Sim” đã chết trên đôi hoa sim

Đã có một vài bài viết nói về cái chết của Nhạc sĩ Dzũng Chinh, nhưng tiếc là không chính xác. Bài viết này nhằm mục đích làm rõ cái chết của ông, một nhạc sĩ trẻ được nhiều người biết đến qua nhạc phẩm “Những Đôi Hoa Sim”. Người viết bài này đã ở cùng một đơn vị với ông khi ông tử trận

Nhạc sĩ Dzũng Chinh không có nhiều sáng tác, nhưng nhạc phẩm “**Những Đôi Hoa Sim**” đã làm nên tên tuổi ông. Bài hát được phổ biến trong những năm đầu thập niên 1960, thời điểm chiến tranh Việt Nam bắt đầu khốc liệt, hàng hàng lớp lớp thanh niên miền Nam, hầu hết là những học sinh, sinh viên tạm gác bút nghiên, lên đường tòng quân bảo vệ giang sơn. Bài hát Những Đôi Hoa Sim (viết theo ý bài thơ *Màu Tím Hoa Sim* của Hữu Loan, một nhà thơ sống ở miền Bắc) phổ biến rất rộng rãi và nhanh chóng được quần chúng đón nhận khá nồng nhiệt, đặc biệt trong hàng ngũ lính chiến miền Nam Việt Nam.

Nhạc sĩ Dzũng Chinh cũng là một người lính chiến thực thụ. Tên thật là Nguyễn Bá Chính, quê quán ở Bình Can - Võ Cảnh-Nha Trang (sinh ngày 18.12.1941). Trước khi theo học khóa sĩ quan đặc biệt ở Đồng Đế Nha Trang, anh là hạ sĩ quan phục vụ tại Tiểu Đoàn 2/14 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh - Vùng IV. Cuối năm 1968, sau khi tốt

nghiệp với cấp bậc Chuẩn Úy, anh chọn đơn vị Sư Đoàn 23 BB và xin được phục vụ tại Trung Đoàn 44 (trú đóng tại Sông Mao, Phan Thiết). Thời điểm này, Sư Đoàn 23 BB đặt bàn doanh tại Ban Mê Thuột, đặc trách hành quân trong lãnh thổ Khu 23 Chiến Thuật. Sư Đoàn có 3 trung đoàn cơ hữu. Trung Đoàn 45 BB trú đóng tại Ban Mê Thuột, nơi có Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, phụ trách hành quân an ninh tại các tỉnh Đắk Lắk, Phú Bổn. Trung Đoàn 53 BB đồn trú tại Di Linh (Lâm Đồng), trách nhiệm các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Quảng Đức. Riêng Trung Đoàn 44 BB trú đóng tại Sông Mao, Bình Thuận, đảm trách các tỉnh miền duyên hải: gồm Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa.

Trung Đoàn 44 BB đồn trú tại trại Lý Thường Kiệt, Sông Mao, một doanh trại rộng lớn của Sư Đoàn 5 BB, thời Đại tá Vòng A Sáng, bàn giao lại để di chuyển vào Vùng 3 CT. Sông Mao là một thị trấn nhỏ thuộc quận Hải Ninh, nằm phía Bắc Phan Thiết khoảng 60 cây số, cách Quốc Lộ 1 gần 2 cây số. Hầu hết dân chúng ở đây là người Nùng, đã theo chân Đại tá Vòng A Sáng và Sư Đoàn 3 Dã Chiến (tiền thân của Sư Đoàn 5 BB) từ vùng Móng Cái, Việt Bắc di cư vào đây tháng 8 năm 1954. Phía dưới là quận Phan Lý Châm (Chợ Lầu). Dân chúng đa số là người Chăm. Có cả dinh cơ của bà công chúa cuối cùng của Vương quốc Chiêm Thành, với đền thờ vua, cờ xí, long

bào và ẩn tín. Cách đó không xa là mật khu Lê Hồng Phong nổi danh của VC.

Nhắc đến địa danh Sông Mao và mật khu Lê Hồng Phong, người ta nhớ tới mấy câu thơ nổi tiếng hào sảng của nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn:

*Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi buồn cùng gái diêm
Đốt tiền mua vội một ngày vui*

*.....
Đêm nằm ngủ vống trên đồi cát
Nghe súng rừng xa nổ các cù
Chợt thấy trong lòng mình bát ngát
Nỗi buồn sương khói của mùa thu*

Chuẩn Úy Nguyễn Bá Chính xin về Trung Đoàn 44 BB nhằm được gần quê quán. Anh được bổ sung về Đại Đội 1 thuộc Tiểu Đoàn 2/44. Đại Đội Trưởng là Trung Úy Nguyễn Văn Chánh và Tiểu Đoàn Trưởng là Đại Úy Ngô Văn Xuân (đến tháng 5 năm 1972 ông là Trung tá Trung Đoàn Trưởng). Một tháng sau khi về đơn vị, anh được vị sĩ quan trưởng khối CTCT Trung Đoàn biết anh là nhạc sĩ Dzũng Chinh nên xin biệt phái anh về Khối CTCT, tạm thời đảm trách Ban Văn Nghệ, mới được thành lập. Vốn mang tính nghệ sĩ và sống phóng khoáng, nên anh thường (dù) về Phan Thiết chơi với bạn bè, nhiều lần vắng mặt tại đơn vị, nên bị trả lại Tiểu Đoàn, tiếp tục giữ chức vụ trung đội trưởng tác chiến.

Đầu tháng 3 năm 1969, Tiểu Đoàn 2/44 di chuyển ra hành quân tại khu vực quận Ninh Phước thuộc Tiểu Khu Ninh Thuận. Đại Đội 1/2 đảm trách an ninh tại Văn Lâm, một làng của người Chăm, nằm phía Đông Nam tỉnh lỵ Phan Rang khoảng 25 cây số. Nhận tin tức của Phòng Nhì Tiểu Khu, cho biết có một mũi công tác của Việt Cộng từ mật khu núi Chà Bang (tiếng Chăm: Chok Chabbang) sẽ về Văn Lâm thu thuế và thực phẩm, Tiểu Đoàn ra lệnh Đại Đội 1 cho một trung đội đến án ngữ dưới chân núi Chà Bang để phục kích toán quân VC khi chúng trên đường ra Văn Lâm. Trung Đội của Dzũng Chinh nhận lãnh trách nhiệm đặc biệt này. Đến địa điểm phục kích khoảng 7 giờ tối, Chuẩn úy Chính cho tiểu đội của Trung sĩ Luận ra nằm tiền đồn phía trước, bên con đường mòn dưới chân núi, cách trung đội chừng 500 mét, vừa theo dõi báo cáo bằng tín hiệu riêng khi địch quân xuất hiện, vừa làm nút chặn, khi đám địch bị trung đội tấn công, chạy ngược lại phía sau.

Khoảng 11 giờ tối, một toán người xuất hiện và lên tiếng: “Luận về đây”. Chuẩn úy Chính tưởng là Trung sĩ Luận đã dắt trung đội về, nên hỏi lại: “Sao Luận về sớm vậy?” Một tràng súng nổ tức thì. Chinh ngã xuống. Thì ra có một trùng hợp kỳ lạ, quái ác, đã đưa đến cái chết tức tưởi của

Dzũng Chinh. “Luận về đây” lại là mật khẩu của địch, trong đó cũng có tên Luận trùng với tên Trung sĩ Luận, người tiểu đội trưởng của Chinh có nhiệm vụ tiền đồn. Địch quân sợ bị phục kích nên đã chia làm hai toán, sử dụng lộ trình khác, không đi theo con đường mòn, nên tiểu đội tiền đồn của Trung sĩ Luận không phát hiện được. Chinh vì sự ngộ nhận đáng tiếc này làm Dzũng Chinh đã hứng trọn một tràng đạn AK của địch. Đại Đội cho bắn trái sáng, kịp thời bao vây và truy kích tiêu diệt đám địch quân. Chinh bị thương khá nặng. Được trực thăng của Mỹ tản thương kịp thời về Quân Y Viện Đoàn Mạnh Hoạch Phan Thiết. Nhưng vì vết thương quá nặng ở vùng bụng và ngực, nên sáng hôm sau Dzũng Chinh qua đời.

Cái chết oan uổng của Dzũng Chinh đã được bạn bè cùng đơn vị bàn tán khá nhiều với vài sự kiện mà mọi người cho là những điềm gỡ báo trước:

Ngày xưa lương lính thường không đủ xài, nhất là những khi được về thành phố, nên trước cuộc hành quân, Dzũng Chinh đến Ban Tài Chánh Trung Đoàn xin mượn lương trước. Vị sĩ quan tài chánh ngần ngừ, bảo sao mượn lương sớm thế. mới đầu tháng đã mượn, hơi khó xử cho ông. Dzũng Chinh gãi đầu năn nỉ:

- *Thì Đại úy cứ xem như ứng trước tiền tử tuất cho tôi thôi mà.*

Vị Đại úy cho mượn, nhưng rầy anh:

- *Cậu chớ nói điều gỡ, không nên!*

Sau đó, anh rủ hai người lính về thành phố Phan Thiết chơi. Không hiểu đụng chạm thế nào, nhóm anh đánh nhau với một nhóm lính hải thuyền. Trước ngày đi hành quân, anh nhận giấy báo của Quân Cảnh Tư Pháp Phan Thiết, gọi trình diện. Anh khoe với đám bạn bè trong một buổi nhậu rồi nói:

- *Kỳ này tao đi luôn, xem thử lấy ai mà trình diện!*

Không ngờ anh đã đi luôn thật.

Dưới chân núi Chà Bang, nơi Dzũng Chinh ngã xuống là một vùng đầy hoa sim. Tác giả nhạc phẩm “Những Đồi Hoa Sim” cuối cùng cũng đã nằm xuống trên ngọn đồi bạt ngàn hoa sim tím. Anh được an táng tại nghĩa trang Mả Thánh (Phương Sài) Nha Trang. Sau này bị chính quyền CS giải tỏa, không biết đã di dời về đâu,

Cái chết của Chuẩn úy Nguyễn Bá Chính, một trung đội trưởng bộ binh, cũng lặng lẽ như hàng vạn chiến sĩ vô danh khác đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến khốc liệt để bảo vệ quê hương, nhưng tên tuổi Dzũng Chinh được nhiều người tiếc thương, nhắc nhở, bởi vì anh là một nhạc sĩ trẻ tuổi, đã tạo nên một tác phẩm đi vào lòng người, và mãi ở lại với thiên thu.

Phạm Tín An Ninh

bốn mươi năm

Bốn mươi năm! Bốn mươi năm!
Xin đọc thật chậm
Cho thời gian kịp ngấm vào tim.
Bốn mươi năm:
Thời gian thật dài cho một đời người.
Thời gian càng dài giữa thế kỷ hai mươi.
Mỗi một phút mỗi nháy vọt thần kỳ;
Từ u tối ai thành người kỳ vĩ?

Bốn mươi năm! Bốn mươi năm!
Xin chớ đọc nhanh!
Đề đau thương kịp rù nhau về
Cho xương kịp trôi đời cỏ tranh,
Cho vành tang cô phụ tối rằm
Cờ đỏ sao vàng giữa phố thủ đêm,
Cho hồn oan lính trẻ rú gầm
Từ rừng rú tới gầm cầu đô thị
Từ U Minh tới cỏ thành Quảng Trị:

Ai đã tôn dân quê
Làm đáng cứu thế
Bôi son trát phấn chủ nghĩa
Giờ lê lét phèng la ngoài cổng chợ?

Ai đã nịnh bác thợ
Là những anh hùng
Phát cò tiên phong
Giết giống tiên rồng
Mãi võ Sơn Đông bán giùm thuốc giả?

Những trí thức
Bồng trở nên ngu xuẩn.
Những sư sãi, linh mục
Sùi bọt mép van tín đồ tự vẫn.

"Bão nổi lên rồi..."
"Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng..."
"Vui sao, nước mắt lại trào..."

Trẻ sơ sinh đã thành người lớn.
Kẻ hai mươi thành lão sáu mươi.
Người bốn mươi nay tám chục tuổi trời.
Những người lớn giờ lấy nhục làm vinh.
Lão sáu mươi chịu nhục: lẽ thường tình.
Tuổi tám mươi vẫn chưa thể thành người.

Bốn mươi năm qua rồi,
Có thể thêm bốn thập kỷ nữa
Cho giống dân dốt nát mãi tự hào
Vẫn như cũ: dân Việt nước tôi
"Vui sao, nước mắt lại trào..."

Nguyễn Văn Thà

mắt cười

Này cô em có chiếc răng khểnh,
Cô đừng cười khi ta gặp nhau,
Đề tôi về ngơ ngơ ngẩn ngẩn,
Như hồn tôi ai lấy mất từ lâu.

Này cô em má lúm đồng tiền,
Cô không cho mà anh chàng cứ nhận,
Đem vào giấc mơ,
Đề tỉnh dậy thành ngơ ngơ ngẩn ngẩn.

Này cô em đi xe *Solex*,
Váy *mini* đùa với nắng ban mai,
Trường Văn Khoa cây đổ bóng dài,
Lần đầu làm thơ hồn tôi phơi phới.

Này cô em chít khăn mỏ quạ,
Môi trầu cắn chi,
Tay em không cầm nón quai thao,
Mà lòng tôi vẫn cứ nao nao,
Ngắm cô mắt sắc như dao,
Bỏ cau tèm trầu.
Nồng nàn điệu lý.

Này cô em có mái tóc thề,
Nghiêng nón qua cầu chiều nay lộng gió,
Anh Bắc Ninh từng hát quen quan họ,
Mà sao không cất thành lời?

Này cô em khăn rằn quấn cổ,
Miệt Hậu Giang sóng vỗ đôi bờ,
Yêu em anh chẳng ngại đò,
Chỉ ngại em ẩm chỗ,
(chứ) hững hờ với anh.
Con bìm bịp kêu,
Anh chắc lưỡi, cũng đành...

Này cô em mắt có nụ cười,
Không thanh âm sao mà ròn rã,
Anh về xin mẹ,
Mười lá trầu,
Cau trăm quả,
Một mâm cốm đầy,
Xin em về,
Suốt đời nghe em cười, bằng mắt...

Dương Kiên (2012)

Sau Cuộc Biển Dâu

Phạm Tín An Ninh



Tôi gặp và quen anh trong một trường hợp khá bất ngờ, có thể nói là hơi kỳ cục. Vợ chồng tôi đến thăm và ở lại nhà cô con gái út hai tuần. Cháu vừa mua được căn condo trong một khu nhà mới xây ở thành phố Anaheim, cách Khu Disneyland chỉ một con đường. Đêm nào, bọn tôi cũng ra balcon ngắm pháo hoa được liên tục bắn lên từ khu giải trí nổi danh này. Căn nhà nhỏ khá xinh và ở trong một khu an toàn, cô con gái út rất thích. Nhưng chỉ sau vài hôm, cứ đến một hai giờ khuya thì cả nhà phải thức giấc, bởi tiếng lục đục ở căn nhà tầng trên. Âm thanh của một vật cứng nào đó gõ xuống nền nhà. Không đều đặn, năm ba phút một lần, dù nhẹ nhưng cũng đủ làm buốt trong đầu.

Sáng hôm sau, cô con gái nhờ tôi lên nói chuyện với chủ nhà, yêu cầu chấm dứt các tiếng gõ khó chịu vào giữa khuya ấy, để chúng tôi không bị mất ngủ, đặc biệt cô con gái phải đi làm khá sớm. Sau hai lần bấm chuông, một người đàn ông mở hé cửa, gật đầu chào. Rất may, lại là một đồng hương. Chưa nói chuyện với chủ nhà, nhưng tôi đã thoáng hiểu được nguyên nhân gây ra tiếng động. Ông ta chống hai cây nạng gỗ. Mọi bức tức trong tôi bỗng bùng biến mất, những lời “cảnh cáo” tôi dự định sẽ nghiêm mặt nói với ông cũng tan biến theo. Tôi lễ phép chào ông, bảo là tôi ở tầng dưới, muốn đến thăm và làm quen với người đồng hương láng giềng. Ông nở nụ cười, làm rạng rỡ phần nào khuôn mặt khắc khổ, đã có nhiều vết nhăn, một phần được che phủ bởi mái tóc dài bạc trắng. Ông mở rộng cửa mời tôi vào nhà. Tôi hơi khó chịu với mùi khói thuốc lá và cả mùi rượu.

- Anh ở đây một mình? Câu đầu tiên tôi hỏi.

- Vâng, thỉnh thoảng có cô con gái đến thăm. Cháu ở trên Riverside, cách đây khoảng gần một giờ lái xe.

Căn nhà nhỏ một phòng ngủ, phòng khách chung bày đơn giản. Điều làm tôi chú ý là hai tấm ảnh treo trên vách, phía sau bàn ăn. Một tấm là chân dung của một người lính, tấm kia là ảnh gia đình. Thấy tôi chăm chú nhìn, anh cười, bảo là ảnh của anh và vợ con anh lúc xưa. Anh chống nạng đứng

lên, như có ý mời tôi đến xem.

Tôi tròn mắt ngạc nhiên, tấm ảnh chân dung là một sĩ quan trẻ, mang cấp bậc thiếu tá, trông khá đẹp trai, phảng phất nét hào hùng. Trên ngực mang khá nhiều huy chương. Tấm ảnh kia anh chụp với người vợ xinh đẹp và hai đứa con kháu khỉnh. Lòng tôi bỗng chùng xuống, như vừa chạm vào một vết thương cũ. Tôi bất giác quay người lại, đứng nghiêm đưa tay chào:

- Xin chào niên trưởng

Anh tròn mắt bất ngờ, rồi đưa tay ra bắt tay tôi. Sau này, tôi được biết tấm ảnh chân dung này anh chụp sau khi được thăng cấp thiếu tá tại mặt trận Quảng Trị tháng 10 năm 1971, khi anh đang là tiểu đoàn phó, thay vị tiểu đoàn trưởng bị trọng thương, chỉ huy đơn vị phá vòng vây địch, tạo một chiến thắng lẫy lừng.

Chúng tôi trở nên đôi bạn thân thiết kể từ hôm ấy. Hình như giữa chúng tôi có điều gì đó cùng “tân số” với nhau. Trước đây anh sống rất âm thầm, khép kín, không muốn gặp gỡ tiếp xúc một ai, kể cả những người quen biết cũ. Anh cũng từ một tiểu bang xa, vừa mới theo cô con gái chuyển về đây. Sau này, cứ mỗi lần đến nhà cô con gái tôi đều ghé thăm anh, mang theo cho anh một ít nem chua Ninh Hòa mà anh rất thích. Anh say sưa kể cho tôi nghe một thời hào hùng trong binh nghiệp. Anh nức nở khi nhắc tới những vị đàn anh, những đồng đội hào hùng đã phải hy sinh oan khiên tức tưởi, đặc biệt trong trận chiến Hạ Lào - Lam Sơn 719. Người được anh nhắc đến nhiều nhất, ngưỡng phục và thương tiếc nhất là Cố Đại Tá Lê Huân, một vị tiểu đoàn trưởng trẻ tuổi, sớm nổi danh, tốt nghiệp Khóa 18 VBĐL mà có một thời anh được phục vụ dưới quyền.

Anh bảo tôi vào phòng ngủ để anh cho xem một kỷ vật. Anh bật đèn lên tôi ngạc nhiên khi thấy một bộ quân phục. Nhìn kỹ, tôi nhận ra đây là một bộ quân phục tác chiến đã cũ, có những vết sờn rách, được giặt ủi cẩn thận và treo trong một cái tủ kính nhỏ. Loại tủ để trưng bày. Anh mở cửa tủ và cẩn thận lấy bộ quân phục, ôm vào người một cách trang trọng. Đôi mắt mơ màng như đang tìm về một quá khứ xa xăm nào đó.

Anh thốt ra một giọng trầm buồn. Dường như là để nói với chính anh hơn là với tôi, người đang đứng ngay trước mặt anh:

- *Đây là bộ đồ trận của anh ấy, anh Lê Huân.*

Sau chiến thắng lẫy lừng tại Căn Cứ O'Relly, khi tiểu đoàn anh dưới tài chỉ huy của Trung Tá Lê Huân đã đánh tan một lực lượng địch cấp trung đoàn của Sư Đoàn 304 BV, tháng 8/1970 tiểu đoàn lại đánh một trận khốc liệt với một đại đơn vị khác cũng của Sư Đoàn 304 BV này tại Hải Lăng, Quảng Trị. Khi ấy anh đang là đại đội trưởng thâm niên nhất của tiểu đoàn. Cả hơn một trung đoàn địch, sau nhiều đợt tiền pháo kinh hoàng đã đồng loạt xung phong nhằm tràn ngập vị trí đóng quân của tiểu đoàn 4/1. Trung Tá Lê Huân rời khỏi hầm chỉ huy, đích thân điều động đơn vị quyết chiến trước một cuộc thư hùng sinh tử. Từng đợt địch quân bị đón ngã ngay trước giao thông hào, nhưng bọn chúng như là những con thiêu thân lao vào lửa, lớp này ngã lớp khác lại xông tới. Nhờ sự chiến đấu kiên cường của đơn vị anh, và đặc biệt dưới sự chỉ huy tài tình và gan dạ của vị tiểu đoàn trưởng lừng danh, đã ngăn chặn, tiêu hao và cầm chân địch trước khi được những phi vụ không yểm, đánh trên đầu địch. Những trận không kích gây thiệt hại nặng nề cho địch nhưng cũng làm bị thương một số binh sĩ của đơn vị, vì khoảng cách giữa ta và địch quá gần. Anh là một trong những người bị trọng thương hôm ấy. Trời tối, lưới phòng không dày đặc, trời lại mưa, không tản thương được, anh Lê Huân ra lệnh ban quân y mang anh vào nằm trong hầm chiến đấu của anh Huân để được tương đối an toàn và băng bó chữa trị cấp thời. Thấy máu và bụi bặm thấm đầy bộ chiến y ướt đầm của anh, vị tiểu đoàn trưởng bảo người lính cận vệ lấy bộ áo quần trong ba-lô của mình mang đến thay cho anh. Khi tản thương về Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương, nhiều bác sĩ cứ tưởng anh là Trung tá Lê Huân, bởi băng tên và cả cái lon trung tá còn nguyên trên ngực và cổ áo.

Vết thương chưa lành, nằm trong Quân Y Viện mà lòng anh rất nôn nao khi biết tin đơn vị tham dự cuộc hành quân Lam Sơn 719. Một kế hoạch qui mô với sự tham chiến của hầu hết các đơn vị chiến đấu thuộc Vùng I: Sư Đoàn 1BB, các đơn vị Thiết Giáp, Biệt Động Quân, cùng với các Sư Đoàn Nhảy Dù và TQLC. Sư Đoàn Nhảy Dù và Sư Đoàn 1BB của anh được chọn làm những nỗ lực chính. Anh khao khát được có mặt cùng đơn vị trong trận chiến đặc biệt này, nhưng vết thương ở chân phải là trở ngại chính để bắt anh phải nằm lại ở đây.

Anh theo dõi từng ngày từ khi cuộc hành quân bắt đầu. Các tin tức không vui từ chiến trường, những tổn thất nặng nề của quân ta sau khi các căn cứ 31, 30 lần lượt thất thủ. Đại Tá Thọ, Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù cùng nhiều cấp chỉ huy của ta bị lọt vào tay giặc. Một số đã tự sát để giữ tròn khí tiết. Từ các kế hoạch hành quân tột tể mà địch quân gần như biết trước để chuẩn bị trận địa

đến việc thiếu thống nhất ở các cấp chỉ huy đã góp phần cho sự thảm bại. Điều đau đớn nhất đã làm tim anh thất lại khi nghe tin Tiểu Đoàn 4/1 của anh nhận lãnh trách nhiệm nặng nề, làm lực lượng chặn hậu để cho Trung Đoàn rút lui khỏi căn cứ Lolo trong tình trạng bị bao vây nguy khốn. Anh bật khóc khi nghe tin Trung Tá Lê Huân, vị tiểu đoàn trưởng trẻ tuổi tài năng đã lâm liệt hy sinh, và cả tiểu đoàn chỉ còn 32 binh sĩ sống sót trở về! Anh nghĩ từ nay sẽ vĩnh viễn không còn gặp lại người chỉ huy mà anh ngưỡng phục và hằng mong được tiếp tục phục vụ dưới quyền. Anh nhớ tới bộ quân phục mà Trung Tá Lê Huân đã đưa cho anh thay khi anh bị trọng thương cách đây vài tháng, anh còn chưa kịp trả lại, và bây giờ thì không còn có cơ hội để trở về khổ chủ. Anh quyết định giữ lấy bộ quân phục này như một kỷ vật thiêng liêng trong cuộc đời mình. Và sau đó dù phải trải qua bao nhiêu thăng trầm, khốn khổ, nhất là sau ngày nước mất nhà tan, anh vẫn luôn trân trọng bộ quân phục mà anh nghĩ có mang hồn thiêng của anh Lê Huân và của cả những đồng đội đã hy sinh.

Sau khi xuất viện, anh được bổ sung đến một trung đoàn khác giữ chức vụ tiểu đoàn phó. Tháng 10/1971 anh thăng cấp Thiếu tá tại mặt trận. Cuối năm anh lên nắm tiểu đoàn thay thế vị tiểu đoàn trưởng bị thương, sau khi xuất viện được theo học khóa quân chánh. Một thời gian sau đó, vết thương cũ ở chân phải tái phát. Sau khi chữa trị anh đi khắp khiêng. Hội Đồng Giám Định Y Khoa xếp anh vào loại 2, không chiến đấu được. Được đề nghị bổ sung về Phòng 3 Quân Đoàn, nhưng anh xin đi làm chỉ khu phó cho anh tiểu đoàn trưởng cũ, bây giờ là quận trưởng của một quận miền núi. Quận lỵ là một tiền đồn chiến lược, nằm tại một vị trí trọng yếu không chế cả con đường tiếp liệu của Cộng quân, nên bọn chúng tìm mọi cách để san bằng. Gần cuối năm 1974, Cộng quân mở nhiều đợt tấn công biên người nhằm chiếm quận lỵ, vị quận trưởng bị thương nặng. Anh đã phối hợp với các đơn vị bạn tăng cường, trực tiếp chỉ huy điều động cuộc phản công rất oanh liệt giữ vững được phòng tuyến qua nhiều cuộc tấn công qui mô của địch. Nhưng tổn thất của ta khá nặng và đạn dược dần dà cạn kiệt, trong lúc Cộng quân luôn được tăng cường, cuối cùng anh phải mở đường máu, rút lui trước khi căn cứ bị địch quân tràn ngập. Anh bị thương nặng ở chân do đạn pháo kích, điều kỳ lạ là ngay tại vết thương cũ. Nhờ kinh nghiệm chiến trường và hai chú em nghĩa quân rất trung thành và khôn ngoan tận tình giúp đỡ, luân phiên công anh thoát khỏi vòng vây truy lùng của địch. Anh được đề nghị thăng cấp đặc cách lên trung tá, nhưng sau đó bị cưa mất chân phải. Nỗi đau đớn vì phải mất đi một phần thân thể chưa nguôi, thì cái đau đớn tột cùng cũng vừa ập đến: Tháng 3/75, cả Vùng I bỗng chốc lọt vào tay Cộng sản, Sư Đoàn 1BB, đơn vị nổi danh mà anh luôn hãnh diện phục vụ trong gần cả một đời binh nghiệp

cũng tan tành, rồi cả miền Nam mất vào tay giặc. Những đồng đội từng chiến đấu, một thời sống chết cùng anh bỗng đứng tan tác như chỉ sau một cơn ác mộng.

Mất một cái chân, nhưng anh vẫn bị tù đầy nghiệt ngã trên bảy năm trong nhiều trại tù của bọn Cộng sản man rợ. Ra khỏi tù anh lại mất cả gia đình. Người vợ xinh đẹp ngày nào đã gởi đưa con gái lớn năm tuổi, cho bà nội già, bỗng theo đưa con trai ba tuổi, lẳng lẳng sang sông về một nơi nào đó. Gia tài một đời binh nghiệp của anh giờ chỉ còn mỗi một bộ đồ trận, chiến y của người chỉ huy mà anh từng kính yêu đã hy sinh. Trước khi vào tù, anh căn dặn mẹ anh phải giữ kỹ bộ quân phục này cho anh với bất cứ giá nào, bởi đó là một kỷ vật quý giá nhất còn lại của đời anh. Theo đề nghị của mẹ, anh để cho bà tháo ra và đốt đi bằng tên cùng cấp bạc may trên áo.

Có lẽ từ lâu lắm mới có người chăm chú ngồi nghe, nên anh say sưa kể cuộc đời mình. Đôi lúc sụt sùi, nước mắt tưởng đã khô cạn, bỗng ràn rụa trên khuôn mặt khắc khổ già nua, và từng giọt rơi xuống bộ quân phục anh đang ôm ấp trong lòng mình.

- Sau này anh có dịp nào gặp lại chị nhà và đưa con trai? Tôi hỏi.

- Bà đã có chồng khác từ lâu rồi, đang sống ở Âu Châu. Tôi buồn nhưng không trách. Ngại đụng chạm tới hạnh phúc riêng của bà, và cả vết đau trong lòng mình nên không muốn liên lạc. Còn đưa con trai có sang thăm tôi vài lần, nhưng cháu vẫn nhìn tôi xa lạ lắm. Cũng phải thôi, vì khi tôi vào tù thì cháu chỉ mới lên ba, trong ký ức của cháu có lưu lại một chút hình ảnh gì của tôi đâu. Riêng con gái tôi thường sang thăm mẹ và em cháu.

Nói dứt câu, anh cúi xuống như muốn giấu riêng nỗi xúc động.

- Anh có thường cảm thấy cô đơn và tiếc nuối những ngày xưa?

- Cũng có chứ, nhưng lâu rồi đã thành quen và gần như không còn muốn nhớ tới nhiều chuyện cũ.

Tôi đưa tay nắm chặt bàn tay anh thay cho một lời an ủi khó nói thành lời. Bỗng anh ngước lên, mở to đôi mắt:

- Điều buồn của tôi bây giờ là thấy một số trong đám anh em mình mất đi khá nhiều sĩ khí, có thằng còn khôn kiếp đã vì chút lợi lộc mà bị dụ dỗ, chạy hùa theo giặc, nịnh bợ thô bỉ, quên mình từng hãnh diện là sĩ quan thuộc các binh chủng hào hùng. Nhìn bọn chúng mùa may khóc lóc làm trò trước mặt đám cộng sản mà tôi muốn buồn nôn!

Tôi cười:

- Anh bận tâm tới những kẻ ấy làm gì. Trong tập thể nào lại không có những con sâu, tòi tẻ, bán rẻ linh hồn. Nhưng đó cũng chỉ là vài trường hợp cá biệt. Cũng như nước Mỹ vừa có thằng phản quốc Edward Snowden, đang trốn ở Nga Sô. Theo tôi, đại đa số anh em mình vẫn còn giữ được tấm

lòng, danh dự, tình huynh đệ và trách nhiệm với quê hương đất nước chứ!

Bỗng đôi mắt anh sáng lên:

- Điều vui và an ủi tôi nhiều nhất là các tổ chức gây quỹ giúp anh em thương phế binh sống khôn khổ ở quê nhà. Đặc biệt là các buổi Đại Nhạc Hội Cám Ơn Anh thành công tốt đẹp. Thấy anh em nhà binh mình cùng bà con tham gia hưởng ứng nhiệt tình, tôi mừng và cảm động lắm. Ở bên nhà các cha thuộc Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn cũng đã can đảm, hết lòng an ủi và làm sống dậy niềm tự hào của những anh em thương binh bất hạnh của mình, tôi cảm phục vô cùng. Có bao nhiêu tiền dành dụm tôi đều nhờ cô con gái gởi về phụ với các cha.

Tôi cười, biểu lộ sự đồng tình. Định nói thêm đôi điều về những đóng góp phần mình, bỗng nghe anh hỏi:

- Bạn ở Âu Châu, sang Mỹ một thời gian, chắc đã thấy trong đám anh em mình bây giờ cũng có lắm người bon chen danh lợi. Mà tội nghiệp thay toàn chỉ là danh hão! Có ông giành hội này, bám tổ chức kia, mâm nào cũng có mặt. Thấy mà phát ngượng! Nhiều ông tướng ông tá có danh thời trước, sang đây lại đầu quân làm tướng phượng tuồng cho mấy cái chính phủ tự xưng tự diễn. Trong đó có cả những ông ngày xưa là cấp chỉ huy lớn của mình. Ngán ngấm thật. Giấy rách mà cũng chẳng còn cái lẽ nào để mà giữ nữa!

Tôi cười. Chưa kịp nói một lời an ủi, bỗng thấy anh sa sầm nét mặt:

- Một điều đáng buồn hơn là ở Mỹ này thiên hạ lạm dụng bộ quân phục một cách đến lố bịch. Đám cưới, sinh nhật, ca hát tiệc tùng nhảy nhót mà cũng có người mặc quân phục. Có lần tôi thấy một ông mặc quân phục, mang cả lon lá và huy chương lên truyền hình để quảng cáo thuốc cho một ông thầy thuốc Nam. Tôi xấu hổ và giận đến tím cả mặt. Tối hôm ấy, tôi ôm bộ quân phục này của anh Lê Huân mà thấy lòng xót xa vô hạn.

Nhớ lại một câu chuyện liên quan tới bộ quân phục đã xảy ra tại đất nước Na Uy, nơi gia đình tôi đang định cư, tôi kể cho anh nghe:

Tháng 11 năm 2004, bà Kristin Krohn Devold, Bộ Trưởng Quốc Phòng Na Uy, đến viếng thăm binh sĩ thuộc các đơn vị quân đội Na Uy tham chiến tại Afghanistan trong lực lượng NATO. Bà được ca ngợi là một nữ bộ trưởng can đảm đã đến thăm binh sĩ khi chiến trường đang ác liệt nhất. Nhưng sau khi tin tức và hình ảnh về chuyến viếng thăm này được chiếu trên đài truyền hình quốc gia Na Uy (NRK), bà bị nhiều sĩ quan và binh sĩ Na Uy phản nản, phản đối khi thấy bà mặc quân phục từ một chiếc trực thăng bước xuống thăm một đơn vị tác chiến Na Uy, và cả khi được Thủ Tướng Afghanistan, Hamid Kazai tiếp đón tại thủ phủ Kabul. Báo chí cũng góp phần tranh luận và tỏ ra bất bình về sự kiện này. Hầu hết cho rằng bà chưa hề ở trong quân đội, nên không được phép sử dụng quân phục, dù trong bất cứ chức vụ hay hoàn cảnh nào. Những quân nhân

cho rằng bộ quân phục còn có tính thiêng liêng, bởi nhiều chiến binh đã hy sinh trong bộ quân phục này. Mặc dù bà và một số cơ quan chính phủ lên tiếng biện minh, viện lý do vì sự an toàn cho bà trong một hoàn cảnh đặc biệt, nhưng vẫn không được chấp nhận. Cuối cùng bà phải bắt buộc lên tiếng chính thức xin lỗi quân đội và cả dân chúng Na Uy về điều này.

Nghe tôi kể xong, anh đưa bộ quân phục đang cầm trong tay lên như để khẳng định một điều gì.

-Đúng như thế, bộ quân phục đối với tôi luôn là một kỷ niệm thiêng liêng. Có biết bao đồng đội của tôi hy sinh đã được liệm với bộ quân phục thấm đẫm máu đào của họ. Xin đừng lạm dụng và làm đau lòng họ.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên này, tôi còn đến thăm anh một vài lần nữa, và bảo cô con gái, "*bác ấy là người tốt, một sĩ quan đáng kính, con nên thường thăm nom và giúp đỡ bác những điều cần thiết*". Hôm đến chào từ giã anh để trở về lại Na Uy, tôi mang biếu anh hai chai rượu đỏ loại tốt. Tôi khuyên anh, khi nào buồn thì uống vài ly cho nguôi ngoai, không nên uống nhiều rượu mạnh và hút thuốc lá, có hại cho sức khỏe. Anh nở nụ cười, nhưng bỗng trở nên buồn bã:

- Anh đi rồi, tôi lại cô đơn, chẳng còn ai tâm sự.

Hôm đó, tôi ở lại với anh tới hơn một giờ khuya. Chồng nạng tiến tôi ra cửa, anh bắt tay từ giã nhưng giữ khá lâu, không muốn tôi đi. Tôi cười, bảo nhỏ:

-Anh cố dỗ giấc ngủ, đừng thức dậy nửa đêm, uống rượu chồng nạng đi quanh trong nhà. Bọn tôi ở tầng dưới cũng mất ngủ với anh luôn.

Anh gật đầu, cười thông cảm.

Sáu tháng sau, khi trở lại Mỹ, tôi liền đến thăm anh. Bấm chuông mấy lần không ai mở. Tôi không còn nghe tiếng động của đôi nạng gõ gõ xuống nền nhà như mọi khi. Buổi chiều, cô con gái đi làm về, cho tôi biết là anh ấy bị ung thư gan ở thời kỳ cuối. Con gái của anh đã đưa anh vào bệnh viện Fountain Valley từ tuần trước. Tôi lái xe xuống ngay bệnh viện thăm anh. Anh nằm bất động. Khi tay tôi chạm vào anh, anh mở hé mắt nhìn tôi và miệng cố nở nụ cười, méo mó. Thấy anh cười mà tôi muốn khóc. Trông anh tiêu tụy và hốc hác quá. Nhưng anh rất bình tĩnh, như ngày xưa khi đối diện trước quân thù. Anh muốn ngồi dậy, nhưng không còn đủ sức. Tôi ngồi bên cạnh, đưa tay xoa trên ngực anh, bảo anh cứ nằm nghỉ.

- Bác sĩ bảo tôi không còn nhiều thời gian nữa, ngày mai phải xuất viện về nhà để gia đình lo hậu sự - Anh nói bằng một giọng thì thào, yếu ớt.

Khi nhắc đến hai chữ gia đình, anh lại cười, chua chát:

- Lại gia đình...!

Hiếu ý anh, tôi nói đùa cho anh vui:

- Phải nói là đại gia đình, vì ngoài cô con gái của anh, anh còn có chúng tôi nữa. Cứ yên tâm mà đi. Nhớ dọn sẵn một bãi đáp cho ngon lành, chờ tôi,

một ngày nào đó sẽ đáp xuống sau anh.

Chiều hôm sau anh được xe bệnh viện đưa về nhà. Cô con gái túc trực bên anh. Tôi cũng luôn có mặt. Anh ra dấu bảo tôi đỡ anh ngồi dậy và ngỏ ý muốn uống với tôi một ly rượu đỏ. Cô con gái ngần ngại, nhưng thấy tôi ra dấu gật đầu, cô rót hai ly rượu, một ly mời tôi và một ly cô cầm đưa vào miệng cha cô. Cuối cùng chúng tôi cũng cạn ly. Không ngờ đó là ly rượu biệt ly. Tôi bỗng nhớ tới lời của một bài ca cũ: "*bạn ơi, quan hà xin cạn chén ly bôi, ngày mai tôi đã... đã đi xa rồi...*"

Khuya hôm đó anh trút hơi thở cuối cùng. Cô con gái cho biết anh ra đi rất yên ả. Không trăng trối một lời gì. Chỉ để lại một mảnh giấy nhỏ với vài chữ ngoằn ngoèo: "*Nhớ liệm ba bằng bộ quân phục trong tủ kính, nghe con.*"

Đám tang thật đơn giản theo ý muốn của anh. Mấy lần anh dặn dò cô con gái không được đăng cáo phó hay báo tin cho ai biết. Tại nhà quàn, ngoài cô con gái của anh và cậu bạn trai người Mỹ, chỉ có vợ chồng tôi cùng cô con gái út. Một nhà sư già tụng một thời kinh trước khi đặt nắp quan tài. Tôi đứng nghiêm đưa tay lên chào anh. Anh nằm uy nghiêm trong bộ quân phục, khuôn mặt ánh lên nét hào hùng. Tôi có cảm giác như anh vừa chết tại chiến trường. Không có bất cứ một nghi lễ nào, nhưng tại tôi như đang vắng vắng tiếng kèn truy điệu và khúc nhạc Chiều Hồn Từ Sĩ.

Đứng nghiêm chào anh một lần nữa, khi quan tài đưa vào lò thiêu. Mọi thứ đều trở về với cát bụi. Lòng tôi bỗng rộn lên một niềm vui bất chợt, khi nghĩ anh sắp được gặp lại anh Lê Huân và những đồng đội cũ, những chiến sĩ đích thực đã rất xứng đáng với bộ quân phục oai phong của QLVNCH. Họ đã tạo cho bộ chiến y một điều gì đó rất thiêng liêng.

Phạm Tín An Ninh



Văn tế anh linh tử sỹ Việt Nam



Than ôi,
trời đất bao la nên hồn thời lạnh lẽo,
dắt nhau về nghe tiếng trống sang canh.

Từ thuở hồng hoang, các vua Hùng đã dựng
nước,
trên bển Phong Châu, chọn đất xây thành,
rời Cổ Loa, Mê Linh, Thăng Long...
Kinh đô tuy dời đổi,
Triều đại có thịnh suy,
nhưng hào kiệt thì thời nào cũng có.

Vì nhà Hán luôn mưu đồ sát nhập,
Cơ đồ Trời Nam không thể tính một hai.

thế nên:
Đắp đất xây thành, luyện binh, tuyển tướng,
tích lương, tích thảo, xóa thuế, nuôi dân...

Mỗi khi biên cương có giặc ngoại xâm,
ý chí quật cường lại bừng bừng thấp sáng.

Tổ quốc con lâm nguy, vua ra dụ cầu người tài
cứu nước,
Giặc tàn phá quê nhà, lời quyết đánh, rung rinh
điện Diên Hồng.

Núi rừng mênh mông, cây che làn gươm sắc,
Sông nước dào dạt, sóng vỗ mạn thuyền rồng.

Ngàn tiếng hô vang, áo giáp, cung tên, ầm ầm,
vua, tôi cùng tiến.
Vạn bàn chân gập, chiến xa, binh mã, mù mịt,
trời, đất lung lay.

Kìa Trưng Trắc cưỡi voi xung trận, chiếm thành,
giết giặc, Lĩnh Nam lừng danh một cõi.
Nọ Ngô Quyền rong thuyền khiêu binh, đốt tàu,
chém tướng, Bạch Đằng lịch sử còn ghi.

Những hỏ tướng như Lý Thường Kiệt, Trần
Hưng Đạo,
Nơi chiến trận, giật cờ, chĩa giáo, tả hữu, coi
ngàn quân như một;
Chón xa trường, múa kiếm, giương khiên, trước
sau, tựa như chón không người.

con dân thì,
Người cày bừa làm ruộng, giọt mồ hôi, bàn tay
nhỏ, bông lúa vàng nặng gánh;
Kẻ đắp đập ngăn sông, dòng nước ngọt, nón lá
vành, cá tôm bạc đầy ao.

Nhưng sao,

Lòng người rộng mà lòng trời chẳng rộng,
để mệnh người mỏng manh như cánh hoa tan.
Đất nước gặp cảnh lâm than,
lớp trước bỏ mình nơi chiến trận
lớp sau mòn mỏi cảnh tù đầy.

Người lợi rừng, trốn cộng sản, khí thiêng vùi thân
xác;
kẻ vượt biển, tìm tự do, sóng lớn xóa hình hài.

Hận bọn cộng sản phản quốc, cam cúi đầu làm tay
sai,
"Đầu tổ phụ mẫu, tôn thờ Mác-Lê,
Hăm hại sĩ nông, đảo điên văn hóa"

Đồng Chiêm, gài mìn, nổ Thánh giá,
Liên Trì, cưỡng chiếm, phá chùa chiền.

Người dân hiền,
Quyền được sống, quyền làm người, Ông Trời cho
sao chẳng có.
Quyền tự do, quyền dân chủ, Hiến pháp có cũng
như không.

Tết Mậu Thân, cộng sản có còn tính người hay
không?
Đêm ba mươi, pháo kích, đạn bom, đảng thâm sát
đàn bà, con nít.
Sáng mồng một, đao phay, cán cuộc, Hồ chôn
sống giáo sỹ, thương dân.

Than ôi, một bọn vô nhân,
theo chủ nghĩa Mác - Lê, xây xã hội không tương,
chấn gió xuân sang, nấu đá thành cơm.

Trâu chẳng có, cày nặng, mẹ già cong lưng kéo,
Gạo hết rồi, khoai mì, em thơ méo miệng nhai.

giận ai,
vì quyền lực, vì chủ nghĩa ngoại lai,
Cắt đất, dâng thành,
Bản Giốc, Hoàng Sa.

Hồ Chí Minh, nô lệ, lấy tư tưởng Mao Trạch Đông
làm lẽ sống
Phạm Văn Đồng, thần phục, chọn hải phận Trung
Quốc làm ranh giới nước nhà.

Thật là một bọn "cồng rắn cắn gà nhà":
Xưa, cầu Mãn Thanh, Lê Chiêu Thống, làm vua
nhưng bán nước.
Giờ, nịnh Trung Cộng, Hồ Chí Minh, quốc trưởng
mà hại dân.

Ôi thôi.
Vô phúc, người dân phải chịu nhiều áp bức,
Hết lộc, đất nước lâm cảnh bị tiêu vong.

Vậy nên,
chúng con đây, hơn hai mươi ngàn con dân Việt,
tỵ nạn tại Na Uy,

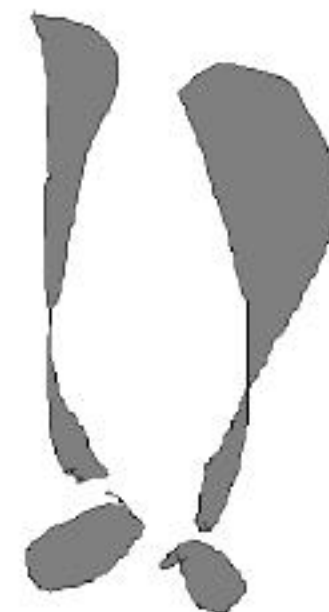
sau 75, lằm lũi ra đi,
bỏ lại sau lưng
quê cha, đất tổ.
Khẩu đầu,
quỳ gối,
rước anh linh mười cõi,
thỉnh các đấng bốn phương,
về đây chứng giám,
ít hoa thơm, rượu nhạt,
những tấm lòng thành.
Xin bảo vệ Quê hương, Tổ quốc,
Cứu con dân, trước họa diệt vong.
Mười phương, tám hướng,
Có linh xin hưởng!

Nguyễn Tiến Thành

Ai khắc nghìn năm những dấu than???

Tháng tư quân Rợ tràn kinh nguyệt
Đất trời mịt mờ khóc thảm thương
Cờ quỳ giăng giăng khắp nẻo đường
Xích sắt chiến xa nghiền rợn óc
Tráng sĩ quăng gươm cỡi y giáp
Nhiều trang khí khái chẳng qui hàng
Tháng tư đêm tối trời không sáng
Tang tóc trùm che khắp mọi nơi
Trời đổ mưa mùa khóc núi sông
Tháng tư đau nhức từng chân tóc
Buốt nhói tim gan nuốt lệ tràn
Tháng tư thật biết son hà mắt
Là hết không còn một chút chi
Tháng tư cúi mặt nhìn non nước
Ai khắc nghìn năm những dấu than!

Đặng Trình





Cỏ Bồng Lìa Góc

Nguyễn Thị Vinh

Nếu như Bồng là loại cỏ lá dài và rất nhẹ, hoa trắng bay phất phơ trong gió như bông, mà văn học cổ của người Tàu thường nhắc đến, thì quê nhà tôi cũng có một loại cỏ giống thế nhưng người mình lại gọi nó là cỏ Lau, nhỏ hơn lau sậy. Thời trẻ thơ tôi sống ở Hà Nội, vào kỳ nghỉ hè tôi được về thăm quê nội ở làng Giế Thượng tỉnh Hà Đông. Từ làng tôi đến ga xép Cầu Giế phải đi bộ khoảng hai cây số đường làng hoặc có thể ngồi đò, vì làng tôi nằm giọc theo nhánh của con sông Hồng Hà. Nhưng Cầu Giế chỉ là một ga xép không có trạm bưu điện, mỗi khi gửi thư hay nhận bưu phẩm lại phải đi bộ cũng khoảng hai cây số dọc theo đường tàu đến ga Cầu Guột. Từ Cầu Guột cũng có thể đi bộ theo đường làng hay ngồi đò để đến làng Vân Hoàng là quê ngoại của tôi, mà từ nhỏ vì mồ côi cha từ năm lên bốn tôi ít được tiếp xúc với bên nội, nên tôi đã quen coi Vân Hoàng là quê hương chính. Giờ đây đôi khi tôi vẫn còn có ý nghĩ như vậy, bởi lẽ quá yêu thương mẹ, phần khác vì mẹ chỉ sinh được có hai chị em tôi, bà không có con trai. (Người anh cả thương yêu của tôi là anh khác mẹ). Nên tôi muốn coi mình như con trai của mẹ và làng Vân Hoàng là quê nội của tôi. Đường tàu hỏa Hà Nội đi Phủ Lý, Thanh Hóa chạy qua hai ga Cầu Guột, Cầu Giế được đắp cao hơn mặt đường nhựa chạy giọc giữa cánh đồng chiêm. Vào mùa gặt, không gian rực ánh nắng hè trải hồng trên khắp cánh đồng thom ngát mùi lúa chín vàng. Hai bên đường tàu, cỏ Lau mọc trắng, anh tôi bảo đây là một loại cỏ có bà con họ hàng với cỏ Bồng.

Mười hai tuổi, tôi may mắn được đọc nhiều sách, cũng là nhờ anh tôi thường nhin ăn, nhin mặc để giành tiền mua sách, phần lớn lại là các loại sách chính trị, xã hội... không dành cho tuổi thơ. Nhưng vì thương yêu anh, nên tôi vẫn phải cố gắng đọc, mãi rồi cũng thấm nhập chút ít. Từ đấy, trong tâm hồn tôi mọc lên những thứ cỏ mà tôi chưa một lần trông thấy, như cỏ Khâu, cỏ Mao, cỏ Hương và cỏ Bồng... Nhất là cỏ Bồng, một loại cỏ mà nhà nghèo dùng để lợp nhà thay rom, giá rẻ hơn rom vì nó không bền, nên sách vở có chữ «tất môn bông hộ», cửa bằng tre gai, nhà lợp bằng cỏ Bồng. Nói tắt là «bồng tất», ý chỉ nhà nghèo, hoặc nơi các ả sĩ sống một đời thanh bạch.

Nhà giàu khi sinh con trai, dùng cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ Bồng bện lại, bắn đi bốn phương, bày tỏ lòng mong ước ý chí ngang dọc, vẫy vùng của người con trai sau này «tang

hồ bông hồ thi», tức tang bông, dùng trong cổ văn nói về chí làm trai.

Tôi là con gái, ngày ấy, thường buồn vì mình sinh ra không phải con trai để được sống kiếp tang bông «dọc ngang nào biết trên đầu có ai». Bên quê nội, tôi có bà cô họ rất nghèo, mỗi lần về làng tôi chỉ thích đến ở với cô, điều này cũng làm cho bà bác giàu có của tôi thêm ghét cô cháu tôi. Nhà cô tôi vách đất, mái lợp bằng cỏ Lau, nhưng tôi vẫn gọi đó là mái cỏ Bồng. Mùa gió, hàng năm vào khoảng trước những ngày mưa thu đẳng đẳng, đồng chiêm dâng nước lên cao, làng tôi như một cù lao xanh ngắt lầy tre, nước vây quanh in bóng mây trời. Mái nhà của cô tôi bị thổi bông lên muốn bay đi.

Thân tôi, mặc dù lúc ra chào đời ở ngay trên căn gác xép trong căn nhà hai tầng số 41 phố Bồ Hồ, Hà Nội. (Nhưng cha mẹ tôi vẫn làm khai sinh cho tôi ở Hà Đông, vì sợ lớn lên tôi quên mất gốc).

Mặt trước nhà tôi nhìn sang hồ Gươm và đền Ngọc Sơn, bên phải nhà là hiệu mũ Đức Quang, có người con gái tên Nga bạn của tôi, bên trái là hiệu kem Zéphira tôi cũng có người bạn gái tên An. Cuộc đời từ lúc sinh ra tới năm lên bốn mất cha, nhưng vẫn được sống êm ấm bên mẹ trong căn nhà ở phố Bồ Hồ. Cho đến năm lên tám khi thành đứa trẻ mồ côi cha mẹ, mọi chuyện lùi dần vào quên lãng.

Tuổi thơ rồi tuổi trẻ đẩy tôi đi về phía trước của cuộc sống. Những kỷ niệm sau lưng mỗi người chỉ khi về già mới sống lại một cách sắc nét.

Một buổi mai trời trong sáng, sương đêm còn đeo nặng trên từng ngọn cỏ Lau, không, đây là cỏ Bồng của tôi, đang tan dần dưới ánh nắng của ngày mới rạng, tôi dậy sớm và đi bộ từ làng Giế lên ga Cầu Guột. Có thể là tôi đi nhận báo từ Hà Nội, qua nhà «dây thép» gửi cho anh tôi, qua con dốc lên đồi cỏ Bồng, bên một cột dây điện gần đường tàu, tôi thoáng thấy một người ăn mày. Quần áo rách rưới, cánh tay khẳng khiu tới không còn đủ sức nâng cái nón lá nhàu nát, hướng về phía tôi. Lúc ấy tôi dừng dừng.

Đường tàu, cột điện, bờ cỏ Lau, giọt sương, tia nắng và con người, con người khốn khổ đó tất cả chỉ là một trong bối cảnh của buổi mai mở đầu một ngày sống. Tôi vẫn vui tươi, hân hoan, chạy nhảy, hoàn toàn vô ý thức về một cánh tay giơ lên. Khúc xương người còn sống, run rẩy, cầm chiếc nón lá, cho dù có giọt nước mắt trên khuôn mặt tối xám của người ăn mày, hẳn tôi cũng không cần biết đến.

Cái thể giới bên ngoài không ăn nhập gì với thể giới văn thơ trong lòng tôi, lúc đó tôi chỉ thích thú nghĩ đến những câu Thơ mới sáng tác của mình và phỏng đoán về lời khen của các bạn.

Sân ga với những chuyến tàu đi và đến, các bông hoa, những lồng gà, tiếng người gọi nhau ý ới, tiếng khóc chia tay hoặc vừa gặp lại mừng rỡ tôi vẫn cảm nhận. Tôi đi, tôi chạy nhảy trong thiên nhiên, tôi «thấy» mọi thứ chung quanh tôi, nhưng tôi lại không «thấy biết» gì cả. Tôi chạy nhanh. Tôi lướt qua. Phía trước, những tờ báo, có thể đã đăng bài thơ nào đó của tôi, như một khích lệ, tôi nao nức muốn đọc. Cái thể giới, đồng nhập, trong tôi lúc ấy, là chữ nghĩa và thơ văn, tôi chỉ như bông hoa quỳ hương về phía mặt trời. Khi tôi tới sân ga, một chuyến tàu từ hướng Phú Lý, Đồng Văn trở tới. Khói. Tiếng còi hú dài...

Tiếng người ồn ào báo tin cho nhau. Có người nhảy vào đường sắt tự tử... v.v... Tôi cũng chẳng hề chú ý. Lúc về trên đường đi trở lại phía ga Cầu Giẽ, mắt tôi ngược nhìn thấy một khúc cây tróc vỏ trắng hếu, ai đó đem đặt ngang giữa đường tàu. Chẳng định, nhưng chân cứ tự động leo lên tận nơi, thì ra đó là một thân người bị đứt tới cổ, thân trắng hếu không một mảnh vải. Gần đây một chiếc đầu có mớ tóc đen ngắn bồm sồm nằm lẫn lóc bên ngoài đường sắt, mặt hướng ra phía ruộng. Lúc ấy, tôi không thấy sợ cứ men theo đường tàu đi tiếp, nhìn quanh đó đây, thấy từng khúc ruột, từng bàn chân v.v.v... Có mấy người nữa chạy tới nơi xảy ra tai nạn. Ông xếp ga Cầu Giẽ hướng lên gọi tôi: «Cô ơi, cô thấy gì trên đó, làm ơn nói giùm để tôi ghi vào biên bản» Ở ngay hiện trường không có vũng máu nào, nhưng sao trong đám cỏ Bồng trắng màu bông nõn lại có những giọt máu hắt vào màu đỏ tươi trong nắng. Sau đó, tôi mới «biết», và cho tới ngày nay tôi càng «biết» rõ hơn, là trên đường đi đến ga Cầu Giẽ tôi đã «thấy» một người ăn mày, đưa cánh tay khẳng khiu cầm chiếc nón lá rách ra xin tình thương của tôi. Nếu như lúc đó tôi đứng lại, dù không có gì để cho, cũng phải đứng lại. Hỏi han. Người ăn mày đã giơ tay lên, không thấy tôi đưa tay vẫy lại, con người cùng khổ hiểu rằng đã tới lúc cùng cực của đời mình. Nếu tôi ngừng lại, hẳn người ăn mày không dùng sức tàn cổ lao vào con tàu? Tôi không rõ, nhưng tôi biết, biết bằng cảm nhận, một cách chắc chắn, chính cái thể giới văn thơ trong đầu tôi đã không ăn nhập gì tới cuộc đời bên ngoài, hoa cỏ Bồng, sương tan trong nắng và con người không sống được, chưa hẳn vì đói ăn, người ăn mày nào chẳng từng trải qua những cơn đói.

Ở đây, người chết, vì người không được người đoái hoài, bởi văn học và cuộc sống là hai thể giới khác nhau? Bông hoa cỏ Lau, trắng muốt một tâm hồn duy-mỹ, trang trọng một vẻ đẹp tinh khiết đã nhuộm máu người, ngôn ngữ chung cho cả sự sống lẫn cái chết. Lớn lên, viết văn, tôi sợ thứ «văn chương cỏ Bồng», nó cứ nở trắng

tinh bên con người đỏ máu, đỏ tươi.

Người hành khát năm xưa, ám ảnh khôn nguôi, một phần men theo chiều dài của giọng văn học nước ta từ năm 45 đổ lại, rõ nét nhất văn học miền Nam từ thập niên 50, phần đông là thứ cỏ Bồng. Nạn đói năm 45, cuộc di cư vào miền Nam lớn nhất trong lịch sử, cuộc chiến 30 năm, Sài Gòn thất thủ, nhà tù, vượt biển, trại cấm...

Nhưng văn học nghệ thuật và nhất là thi ca, của một số văn thi sĩ, chưa hề đoái hoài tới tiếng người ta kêu khóc, chưa ngó tới những cuộc đời ăn mày vẫy gọi.

Trong sự sai lầm này, có cả tôi, như những đám cỏ Bồng, mùa khô, chết chum quăn chặt lấy nhau, gió thổi từng bó cỏ bay trên cánh đồng, đồi bãi. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du nói nhiều tới cỏ Bồng, nhưng với một ẩn dụ khác, thân phận con người giữa ngã ba lịch sử. Tây Sơn hòa với Trịnh, đánh Nguyễn rồi «phù Lê, diệt Trịnh» xong lại xưng Vương. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc tính diệt vua Quang Toàn, con của vua Quang Trung. Bác cháu trong nhà đánh nhau. Nguyễn diệt Tây Sơn và nhà Lê. Nên gió Tây trong thơ Nguyễn Du, không chỉ hướng gió, mà còn ngụ ý Tây Sơn. Thời nào cũng «tài mệnh tương đố» hay sao:

«cỏ bồng lia gốc hết xanh

gió Tây thổi mạnh tàn nhanh một đời

nghĩ cho cùng tận lẽ trời

gian truân là cốt cách người tài hoa»

Chẳng riêng Tố Như, nhà thơ Cao Bá Quát tự Cao Chu Thần cũng tài hoa và không tránh khỏi truân chuyên. Ông không đứng giữa ngã ba lịch sử, nhưng lại bị giăng cớ giữa ba luồng tư tưởng, sau khi đi sứ Tân Gia Ba về. Một mặt muốn dựng cờ khởi nghĩa, cứu dân, làm sáng lại cái «đời thái bình cửa thường bỏ ngõ», thời của vua Võ, vua Thang. Mặt khác, muốn mở cửa để triều đình Huế mở mắt, thấy được «đèn không dầu, treo ngược, rất sáng», «xe không ngựa kéo vẫn chạy trên đường rất nhanh». Cuối cùng, như nhiều nhà thơ Đông phương, ông thích sống một cuộc đời thanh bạch, ngoài vòng cương tỏa. Mảnh thân, chiếc lá ấy, lúc cuối đời:

«đôi rời như đám cỏ Bồng

bờ Nam bên Bắc rộng không tui tiền

chết trên giòng chữ Thánh hiền

giữa trời với đất đảo điên tận cùng.»

Gió Tây, theo thiên ý tôi, hẳn là thực dân Pháp, thời Nguyễn Thái Học, nhà cách mạng giải phóng dân tộc, đáng kính. Ngày mười ba vị anh hùng bước lên máy chém, chưa kể mấy ngàn vị khác mất trong âm thầm, chưa kể cả làng Cổ Am bị máy bay thả bom, đốt cháy, cả nước để tang. Năm tôi còn bé, nhưng vẫn nhớ ở Hà Nội suốt cả phố Bồ Hồ và phía sau nhà tôi ăn thông sang phố Cầu Gỗ các cửa hàng hầu như nhà nào cũng đóng cửa, nhà tôi cũng vậy. Người lớn trong gia đình tôi ai cũng mang vẻ mặt nghiêm trọng buồn bã, tôi có đôi hỏi điều gì đã chẳng được trả lời con bị mắng át. Mẹ tôi thì mắt đỏ hoe, anh tôi cúi trên gác xếp nằm vùi! Nguyễn Thái Học chỉ có một tư

tưởng độc nhất, cứu dân là giúp nước, nhưng ông và những người yêu nước khác phải đương đầu cùng lúc ba thế lực. Thực dân, bọn vua quan bán nước và một số sĩ phu chủ trương hợp tác để cảm hóa thực dân, song song với việc nâng cao dân trí. Cỏ Bồng, sau đó, lia gốc, nhưng các bông hoa trắng lá xanh của nó không hề phai mờ trong trí tưởng toàn dân. Mạnh nha cho việc Tự lực Văn đoàn ra đời. Mượn cái phương tiện của «văn chương lãng mạn» để gọi nhớ lòng người tiến tới cứu cánh «thương nhà, xót nước». Ngã ba lịch sử lớn hơn, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa cộng sản, thứ nào cũng quốc tế và lăm tay sai, còn trơ lại những người Quốc Gia Dân tộc, như đám cỏ Bồng, cho tới nay, gió mỗi ngày một lộng, cuốn mãi đi xa. Xa không chỉ cách rời đất nước, mà ngay trong lòng quê mẹ, cỏ Bồng cũng đứng trước ngã ba thời «mở cửa». Theo Bắc Kinh, theo Hoa Thịnh Đốn hay theo tiếng gọi có từ thời Hai Bà đánh giặc: «Nhiều điều phù lầy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng». Nếu giới sĩ phu Nam cũng như Bắc Hà và giới văn nghệ sĩ, thời này, chọn gương với nhiều, văn chương, nghệ thuật và tư tưởng sẽ hết nạn cỏ Bồng. Người ngoài đời sống chết đói, người trong văn thơ, ca nhạc chỉ khổ vì yêu. Làm vua, như Tự Đức, không thấy trước được thảm họa mất nước trăm năm, bởi với tư cách một nhà thơ, ông chỉ biết «đập gương cũ mong tìm thấy bóng, xếp tàn y lại để giành hơi». Mất nước mất, kẻ nhà dân tan, miễn lãng mộ mình phải đẹp. Cung «Vạn Xuân» chưa nổi trăm năm đã tàn theo ông vua cuối cùng giống họ Nguyễn. Khi Bảo Đại chết, chỉ có lá cờ Pháp phù lên quan tài. Và dân chúng vẫn nhớ:

Vạn Xuân là Vạn Xuân nào?

Thành xây xương linh, hào đào máu dân!

(Ca dao).

Hỏi và trả lời cùng trong một câu thơ lục bát. Thơ lục bát, sau ca dao và Nguyễn Du, như áo tứ thân đã chuyển thành áo dài LeMur» của họa sĩ Nguyễn Cát Tường và mới hơn nữa, nhưng thơ lục bát tới nay vẫn ướt đầm chất cứu cánh «lãng mạn», thay vì «lãng mạn tiền chiến» chỉ là phương tiện. Phong cách lãng mạn và mục đích lãng mạn hoàn toàn khác nhau.

Tôi bày tỏ những giòng tâm cảm này, trước hết cho chính bản thân tôi bớt khắc khoải về hình ảnh người ăn mày nơi ga Cầu Giẽ, đường đi Phủ Lý ngày xưa, cùng với niềm mong ước cho đừng có thêm một người cầm bút nào phải bị ray rứt như tôi.

Đất nước giờ còn quá nhiều người ăn mày:

«Cỏ Bồng hoa trắng lá xanh.

Quay trong gió lốc còn tanh máu người.

Tiếc hai con mắt nhìn trời.

*Nên không thấy được cảnh đời khổ đau»... **

* Thơ Nguyễn Hữu Nhật.

một góc thơ và tôi

Có những lúc buồn tôi trốn vào thơ
 Như đứa trẻ con tìm về vồng mẹ
 Bởi thơ cho tôi chỗ ngồi lặng lẽ
 Đi lại từ đầu và mãi về sau
 Góc thơ – tôi ngồi mơ chuyện trâu cau
 Thuở mẹ theo cha dựng gian nhà cỏ
 Góc thơ – tôi về chân trần lội nhỏ
 Đuổi chuồn chuồn - bắt bướm - hái hoa
 Dòng mương xanh - bãi mía - đám ruộng gò
 Con diều biếc băng đồng - trơ gốc rạ
 Góc thơ tôi - ngọt ngào câu hò lã
 Bản bài chòi đập lúa những đêm xưa
 Trống làng reo vui - mừng buổi được mùa
 Ngồi đình cổ - bập bùng đèn hát bội
 Góc thơ tôi - nón cời đang nắng dội
 Mót lúa trên đồng - đôn cùi rừng xa
 Chiều đồ giồng - riu rít góc sân nhà
 Bầy gà con rộn ràng quanh cánh mẹ
 Con trâu ghé vào chuồng - chân dậm khế
 Tiệc đám cỏ non bỏ lại ven rừng
 Bác nông dân về - tấm áo vá lưng
 Mồ hôi đọng - tiếng gàu khua lòng giếng

Góc thơ tôi - bỏ làng xuôi miệt biển
 Đường tản cư - nước mắt chảy lưng tròng
 Nhớ luống cải vàng vừa chớm đơm bông
 Đêm phố chợ - nghe chùng chim quốc gọi
 Tu hú kêu - ối vườn đang chín tới
 Sao nhớ vô cùng – thương quá đôi thương
 Phố thị - làng quê... chỉ mây dậm đường
 Sao xa quá - tựa đôi bờ Bến Hải
 Góc thơ - tôi về giữa mùa con gái
 Tuổi học trò nhịp guốc khua ran
 Cát trắng - biển xanh - sóng bạc - mây vàng
 Trang sách mỏng gói đầu - ru cỗi mộng
 Chân bờ ngõ giữa đường đời ngợp bong
 Ghé giảng đường - mơ chuyện đá vàng thau
 Góc thơ - tôi về nhót cuộc tình đau
 Chôn ước vọng của một thời trẻ dại
 Ngày tháng Tư - mưa dầm hay nắng trải
 Chết lịm hồn mình mấy giải khăn tang
 Nước mắt chảy quanh - nước mắt chia hang
 Tay chia tay - từng mảnh đời chia xứ !
 Góc thơ tôi – một kiếp sầu lữ thứ
 Những con người cầm lặng bỏ quê đi
 Mang trên lưng từng ước vọng xanh rì
 rồi gầy vụn theo cuộc đời cơm áo
 Gãy những khát khao – vỡ tàn mộng ảo
 Đời tha hương lơ lảo một câu chào
 Giọng của người lạ hoắc – chẳng âm hao
 Câu mẹ để thì thảo trên môi lạnh
 Lòng cầm nín và mắt nhìn ráo hoảnh
 Đi giữa quê người ... hoài vọng quê hương
 Góc thơ tôi – hay tiếng nấc đoạn trường.

Phan Thị Ngôn Ngữ



Mẹ ơi bốn mươi năm lòng con bao nỗi nhớ

Bốn mươi năm lòng con bao nỗi nhớ
Đã bao lần muốn bỏ nhớ tìm quên
Tiếng thì thầm cứ giục giã trong đêm
Khiến hồn con trầm luân trong hoang dại.
Nhớ quê hương Mẹ Việt Nam vĩ đại
Hồn của mẹ vẫn sống mãi trong con
Đã cưu mang những ngày con thơ dại
Nhớ về mẹ là nhớ cả nước non.
Nhớ đường xưa lối cũ quá mỗi mòn
Nhớ thao thức không tên khi còn trẻ
Nhớ quán nước nằm trơ chiều lữa thê
Nhớ tiếng chuông chùa ngân trệ trong sương.
Nhớ cây thông rũ lá đứng bên đường
Nhớ biển xanh sóng chiều trong bờ ngõ
Nhớ Sài Gòn mưa chợt đến bất ngờ
Nhớ miệt mài trong những bước con đi.

Nhớ về mẹ với nỗi nhớ phân ly
Nhớ tình thương và cả nỗi thương đau
Nhớ một lần mà nhớ mãi về sau
Những nỗi nhớ chất đầy trong kỷ niệm.
Tận lòng con ôm ấp niềm quyến luyến
Xa quê hương không tìm thấy bến bờ
Trong đêm khuya nỗi nhớ về trùng điệp
Khiến lòng con cảm thấy nỗi bơ vơ
Nhớ cây me đứng đợi bên trường cũ
Nhớ cứ về đập diu trong giấc ngủ
Nhớ em bé hàng rong quên tuổi thơ
Nhớ quê hương chìm sâu trong nước lũ

Con vẫn nhớ những ngày nơi quê cũ
Hẹn ngày mai con sẽ lại trở về
Bốn mươi năm tim con buồn ừ rừ
Khiến hồn con đau buốt đến tái tê.
Lòng Mẹ Việt Nam bao đời vẫn thê
Yêu chúng con chẳng hề yêu ai khác
Ngàn muôn năm vẫn chờ đón con về
Yêu chúng con như yêu từng nốt nhạc.
Lòng của Mẹ một vầng trăng thiên cổ
Mở lòng ra là cả dãy ngân hà
Lòng của Mẹ dòng sông cho bến đỗ
Vẫn dạt dào trái bát ngát bao la.
Mẹ chờ con ngày về sao chưa thấy
Để Mẹ buồn lau sậy cũng xót xa
Nhưng Mẹ ơi! Lòng con tràn sóng dậy
Bốn mươi năm ngày tháng chết phôi pha.

Con mãi nhớ cả vầng trăng thuở trước
Nhớ nhung về trong lòng lộng đêm sâu
Con vẫn đếm đời con trong từng bước
Để buồn loang vào thăm thẳm đêm sâu.
Theo năm tháng con góp nhặt nỗi nhớ
Nhớ nhập hồn bỗng nhiên thành bài thơ
Thả theo buồn cho bay về quá khứ
Để hồn con được gặp Mẹ trong mơ.
Trái tim Mẹ là vầng trăng muôn thuở
Che chở con trong trầm luân trần thế
Cuộc đời con khi trầm bổng có thể
Nhưng lòng Mẹ là cả ánh chân như
Bốn mươi năm lòng con bao nỗi nhớ
Nhớ tuôn về với bao nỗi vẩn vương
Bốn mươi năm tim con hầu tan vỡ
Nỗi nhớ nào bằng nỗi nhớ quê hương.

Phụng Long

Sẽ có một ngày

Sẽ có một ngày, bạn sẽ phải ra đi
Ngày ấy bạn nói gì?
Cuộc đời ư...
Thật phi lý
Không ai muốn
Đôi ngã phân ly
Có gì là hoàn mỹ
Dù bạn có tiền tỷ....
Linh hồn
Đến lúc
Nó phải ngưng nghỉ...
Cuộc sống
Chỉ là tạm bợ
Duyên nợ ở đời
Đành thôi gác lại
Chuyện ngày mai
Con người
Không thể sống mãi
Thế giới này
Mất đi
Một tạo vật
Bạn rừ
Sạch bụi trần gian
Thênh thang
Về....
Phương trời vô định
Bạn sẽ ra đi
Ra đi
Mãi mãi
Mất hút
Khỏi thế giới này
Sẽ có một ngày
Một ngày
Một ngày không xa....

Lê Nguyên



Một buổi sáng ở Boston

Vũ Thanh Thủy

Buổi sáng, trời trở gió lạnh buốt. Vừa mở cửa bước ra ngoài, tôi vội thụt vào. Gió thổi mạnh đem hơi lạnh giá như nước đá thốc vào mặt. Tôi chợt đổi ý không muốn đi ra phố đến ăn sáng tại quán café «Au Bon Pain» như dự định.

Tôi bước vào phòng ăn của Faculty Club tại Harvard University. Phòng ăn rộng rãi, trang hoàng theo lối cổ điển Âu Châu, ấm cúng và thân mật. Tôi nghe nói rằng giá trọ tại Faculty Club này đắt ngang với những khách sạn hạng nhất của Boston. Tuy nhiên, căn phòng tôi ngụ nơi đây không giống bất cứ một phòng khách sạn nào khác mà tôi đã từng ở. Căn phòng rất sạch sẽ nhưng nhỏ xíu. Một chiếc giường twin trải chăn đơn giản, một cái bàn đêm với cây đèn chụp tỏa sáng màu vàng, một bàn làm việc. Một phòng tắm nhỏ và giản dị. Một chiếc tủ áo bước vào phải lom khom vì nằm dưới cầu thang. Căn phòng giống của sinh viên nội trú hay các tu sĩ hơn là một phòng khách sạn.

Tôi đã nghe nói rất nhiều về Faculty Club này của Harvard, về những khuôn mặt thuộc giới khoa bảng quốc tế đến từ khắp nơi trên thế giới giảng dạy tại trường đại học nổi danh này. Nhưng khi bước chân vào đây, không khí và khung cảnh đơn giản mà ấm cúng làm tôi ngạc nhiên. Văn phòng chỉ là một căn phòng nhỏ tí với một người đàn bà lớn tuổi, nhướn cặp mắt sau làn kính cận dày cộm hỏi tên tôi, giao cho tôi một chìa khóa và chỉ đường lên phòng.

Tôi bước qua một phòng khách rộng không thăm, nền gỗ bóng lộn, một chiếc lò sưởi lớn lửa bập bùng ngay giữa phòng với những chiếc ghế dài đơn giản nhưng lịch sự kê rải rác. Tôi bước vào một chiếc thang máy nhỏ xíu, nhỏ đến độ phải mở vào bằng một phía và mở ra ở phía bên kia, dẫn lên ba tầng lầu. Hành lang nhỏ và dài, với những chiếc ghế dựa kiểu cổ đặt rải rác đây đó gợi tôi nghĩ đến những dãy lạnh lang trong các tu viện.

Tuy nhiên, Faculty Club của Harvard có một vẻ ấm cúng lạ lùng. Mặc dù được dùng như khách sạn của trường, dành cho các giáo sư và khách từ phương xa đến, nó không có sự sang trọng hào nhoáng mà lạnh lẽo của các khách sạn khác. Mọi thứ nơi đây đều đơn giản, cổ điển nhưng rất thân mật gần gũi. Như tư gia của một người chủ giàu có và hiếu khách. Nhất là tại phòng ăn.

Căn phòng rộng thênh thang khi đó chỉ năm bàn có khách. Tôi chọn một chiếc bàn gần lò sưởi rực lửa ấm áp. Từ đây, tôi có thể nhìn qua cửa sổ ra bên ngoài. Đối diện với Faculty Club là một tòa nhà cổ kính, kiến trúc cầu kỳ kiểu cổ điển Âu Châu. Mái chạm trổ công phu, tường được lát bằng gạch màu cam đỏ hòa hợp với màu gạch trải trên đường phố. Sự tương phản khiến màu gạch tươi của đường phố càng làm nổi rõ vẻ ảm đạm âm u của trời Boston vào đông.

Từ cửa kính nhìn ra ngoài, tôi có thể thấy ngọn tháp cao ngất của một tòa nhà trông giống như nhà thờ. Tôi tưởng tượng nếu có tuyết phủ ngập, ngọn tháp đó sẽ trông thật giống tháp nhà thờ trong phim «Les Dimanches de la Ville d'Avray» tôi xem hồi thuở nhỏ. Chuyện phim về tình bạn thắm thiết giữa một chàng phi công bị lãng trí sau khi bị quân Đức bắn hại trong thế chiến thứ II và một cô bé 12 tuổi bị cha mẹ bỏ quên tại trường nội trú ở thành phố d'Avray thuộc nước Pháp. Chàng phi công cô độc bị xã hội ruồng rẫy đã cố trèo lên ngọn tháp nhà thờ để lấy cho được con gà bằng đồng trên đỉnh ngọn làm quà Noel tặng người bạn độc nhất nhỏ bé của mình. Câu chuyện cảm động nhưng thật buồn.

Tôi gọi một ly sữa nóng, nhấm nháp miếng croissant, tận hưởng sự thoải mái của một buổi sáng nhàn rỗi hiếm có trong đời. Buổi thuyết trình của tôi tại International Hall ở Harvard đã xong xuôi. Giờ đây, tôi cảm thấy thoát được mặc cảm đã từ chối lời mời của trường Radcliffe để được hưởng một buổi sáng thanh thản và thăm viếng Boston trước khi đến trường M.I.T. vào buổi tối.

Hai người khách của chiếc bàn bên cạnh gọi sự chú ý của tôi. Người đàn ông và người đàn bà đã lớn tuổi, như hầu hết các giáo sư trọ tại Faculty Club mà tôi gặp từ hôm qua đến nay. Người đàn ông có lẽ phải gần 70. Râu quai nón và mái tóc ông đã gần như bạc trắng. Ông có cái vẻ đạo mạo, thông thái nhưng buồn bã rất đặc biệt. Người đàn bà thoảng nhìn có vẻ trẻ hơn, tuy khuôn mặt còn xinh đẹp của bà đã có nhiều nếp nhăn. Có lẽ bà ta cũng suýt soát khoảng tuổi của người đàn ông. Hai người nói chuyện nho nhỏ, không để ý đến một ai khác. Tôi thấy họ nhìn nhau rất lâu, rồi người đàn bà cúi xuống, vẻ xúc động và buồn bã. Người đàn ông giơ bàn tay ra, định nắm lấy tay người đàn bà nhưng lại ngần ngại, rồi rút tay về. Vẻ xúc động buồn rầu và mối liên hệ có vẻ thơ mộng và kỳ bí của họ làm tôi chợt tò mò lắng tai nghe họ nói chuyện.

Người đàn ông nói:

- Bà vẫn xinh đẹp như xưa.

Người đàn bà buồn bã:

- Tôi già đi nhiều lắm.

Người đàn ông:

- Chúng ta đều già. Đã gần 50 năm rồi. Thời gian không chờ chúng ta.

Người đàn bà ngậm ngùi:

- Sau khi ở trại tập trung ra, tôi tìm hỏi thăm tin tức của ông ngay. Không một ai biết. Tôi tìm suốt bao năm nay mà không nghe được tin ông. Tôi không ngờ gặp lại ông tại đây.

- Tôi cũng tìm bà khắp nơi. Tôi gặp một người ở cùng trại với gia đình bà. Ông ta nói không còn ai sống sót. Gia đình tôi cũng chẳng còn ai. Tôi mất hy vọng. Tôi bỏ cuộc. Tôi không bao giờ nghĩ là sẽ còn

được gặp lại bà.

Người đàn bà nghẹn ngào:

- Tôi nhiều lúc nản lòng vô cùng, nhưng không bao giờ tôi mất hy vọng là sẽ có ngày gặp lại ông. Chỉ không ngờ thời gian qua nhanh quá. Các con ông chắc có gia đình hết rồi phải không?

Người đàn ông thờ dãi:

- Cả hai đứa đều đã có con cái. Tôi đã không ở vậy chờ bà như ngày xưa mình đã hứa với nhau. Bà có trách tôi không?

Người đàn bà cười buồn:

- Tôi chẳng bao giờ trách ông. Được gặp lại ông hôm nay là tôi mãn nguyện rồi. Tôi đã đạt được điều tôi hằng cầu khẩn.

Người đàn ông khản khản:

- Tôi xin lỗi bà... Tôi mừng lắm được gặp bà... Nhưng tôi cũng đau lòng quá là tôi không thay đổi được hoàn cảnh... Tôi không làm được gì để bù đắp cho bà...

Người đàn bà giơ bàn tay lên như muốn chặn lời người đàn ông:

- Ông không có gì phải xin lỗi. Tôi hiểu...

Người đàn ông hơi giơ bàn tay lên như muốn nắm lấy tay người đàn bà:

- Phải chỉ tôi biết có ngày này. Suốt đời tôi không bao giờ muốn làm bà buồn lòng.

Người đàn bà cười buồn:

- Bây giờ ông cũng có làm cho tôi buồn đâu. Chỉ vì thời cuộc thôi. Chỉ tiếc chúng ta gặp lại nhau quá muộn và quá ngắn ngủi. Bao giờ thì ông phải trở lại Do Thái?

- Chuyến bay của tôi cất cánh lúc 5 giờ chiều nay. Tôi phải dự phiên họp với Thủ tướng vào sáng sớm mai. Nếu không ở trong Nội Các thì tôi đã hủy chuyến bay và ở lại thêm rồi. Bà còn ở lại đây phải không?

Người đàn bà:

- Tôi còn hai lớp phải dạy. Sau đó tôi sẽ ở thêm vài ngày nữa. Tôi yêu mến khung cảnh nơi đây. Boston gợi tôi nhớ đến thành phố mình sống hồi còn nhỏ. Ông còn nhớ hồi đó có lần ông đánh nhau với thằng Jacques vì nó trêu chọc tôi, ở công viên giống như cái công viên nhỏ bên kia đường không? Điều đó làm tôi cảm phục ông mãi.

Người đàn ông ngậm ngùi:

- Tôi nhớ tất cả những gì mình trải qua với nhau ngày đó. Tôi không bao giờ quên bà, cho dù tôi thật tình nghĩ là không bao giờ được gặp lại bà nữa.

Người đàn bà đưa bàn tay trái về phía người đàn ông. Ông ta ngập ngừng nắm lấy rồi dùng cả hai bàn tay to lớn của ông áp úp bàn tay nhỏ nhắn của người đàn bà. Hai giọt nước mắt ứa ra chảy trên má người đàn bà. Họ ngồi yên nhìn nhau, không nói thêm một lời nào.

Tôi rời ghế đứng dậy. Lòng tôi nghẹn ngào. Trong ký ức, những cuốn phim tôi đã xem về sự tàn sát người Do Thái của Đức Quốc Xã quay trở lại. Tôi như hình dung được hình ảnh người đàn ông và người đàn bà khi còn nhỏ. Họ chạy chơi trong công viên của một thành phố nhỏ bé nào đó khi Âu châu còn bình an. Chiến tranh. Ly biệt. Hai người bị đưa đi các nhà tù, các trại tập trung khác nhau. Đọa đầy. Tù tội. Tàn sát. Những lò hơi ngạt. Những đoàn

người trần truồng đứng bên hố tự họ đào chôn loạt đạn đẩy họ xuống. Những hàng rào kẽm gai với những người tù đầu trọc lóc, ngơ ngác, tuyệt vọng.

Nhưng người đàn ông và người đàn bà này vẫn sống sót. Họ tìm nhau trong suốt gần 50 năm. Trái đất nhiều khi nhỏ đến độ ta cứ phải gặp mãi những người ta không muốn gặp. Ngược lại trái đất cũng mệnh mông đèn nõi có những người hết lòng tìm nhau mà không ra. Để rồi sau cùng, vào cuối đời, họ gặp lại nhau tại Harvard.

Tôi mở cửa Faculty Club bước ra ngoài. Trời gió mạnh và lạnh buốt xương. Mây xám kín bầu trời, vùn vùn như sắp có trận bão tuyết. Tôi quấn lại chiếc khăn quàng len phủ kín cổ. Lòng tôi buồn mênh mang.

Sự ly biệt và tái ngộ của đôi bạn già Do Thái gợi tôi nhớ đến bao cảnh chia lìa của gia đình Việt Nam. Của những người yêu nhau mà phải xa cách. Cuộc đời 1975 đã chia biệt hàng vạn cặp tình nhân. Những người đàn ông trong trại cải tạo. Những người đàn bà ở lại bị đẩy ra ngoài lề xã hội, đơn độc đối phó với những khó khăn của sinh kế cuộc đời. Bao nhiêu mối tình đã tan nát vì biến cố này? Những cuộc vượt biên, bỏ nước trong 20 năm qua lại thêm một lần chia lìa những người yêu nhau. Tôi đã được biết, được nghe kể bao chuyện tình giữa vợ chồng, giữa người yêu, đã đổ vỡ ngoài ý muốn của mọi người trong cuộc. Những cuộc tình lẽ ra đã êm đềm trọn vẹn trong khung cảnh bình lặng ngày xưa của quê nhà. Bao nhiêu người Việt đã tái ngộ trong cảnh muộn màng, buồn bã như đôi bạn già người Do Thái kia? Và bao nhiêu người đã chẳng còn bao giờ được gặp lại nhau?

Tôi bước trên lối vòng nho nhỏ dẫn ra đường Quincy. Trước khi rẽ vào con phố chính dẫn xuống trung tâm Boston, tôi ngoái đầu nhìn lại Faculty Club. Qua cửa kính phòng ăn, người đàn ông và người đàn bà vẫn ngồi yên lặng. Tôi có cảm tưởng như họ đã biến thành tượng đá. Thời gian và không gian quanh tôi dường như không còn ý nghĩa. Gió thổi mạnh làm khách bộ hành phải gấp người xuống rào bước để tránh gió luồn vào cổ áo. Những đôi bạn nép sát vào nhau tìm hơi ấm.

Trời Boston đã vào Đông. Mây xám phủ kín trời, che mờ màu gạch đỏ của các mái ngói, bờ tường và đường phố. Nhìn ngọn tháp d'Avray giờ chỉ còn là một hình tam giác màu xám đậm nhọn hoắt nổi lung chùng trời, tôi bùi ngùi nhớ người bạn thời Trung Học đã tranh luận với tôi về phim này. Tôi như vẫn nghe tiếng bạn tha thiết dặn dò ngày nào rời Việt Nam đi Boston du học vào cuối năm 1969, «Bạn hứa sẽ trả lời thư tôi nhé?» Tôi mỉm cười gật đầu. Nhưng rồi tôi đã không bao giờ trả lời thư bạn. Hôm qua hỏi thăm mới biết bạn đã từ nạn từ năm 1973.

Tôi khép chặt vạt áo choàng vào người. Gió thổi lúc càng mạnh. Bầu trời như tối sầm lại. Toàn thành phố Boston chỉ còn lại một màu xám buồn và lạnh lẽo. Lòng tôi chợt mênh mang nỗi nhớ nhà.

Vũ Thanh Thủy

Bệnh và Tật

Nguyễn Phạm Thy Hảo

Không biết từ bao giờ, và cũng không biết nhờ vì tiền hiền đáng kính nào, hai từ ngữ mà theo tôi thì chẳng liên quan gì tới nhau, lại bị ghép đôi với nhau như bóng với hình, đó là "Bệnh và Tật!" Bệnh có thể hiểu nghĩa là "bệnh hoạn, ốm đau", còn Tật? Tật có nghĩa "tật nguyên, khuyết tật", ngoài ra ta còn có thể cắt nghĩa là "thói hư, tật xấu". Người ta đã chẳng nói những người tài giỏi mà có khuyết điểm này nọ là "Có tài, có tật" đó sao? Vậy thì Bệnh là Bệnh, còn Tật thì là...Tật! Mặc mớ chi lại cứ phải đi chung với nhau cơ chứ?

Nói cho ngay, đó chỉ là những suy luận vớ vẩn của riêng tôi, chứ đối với những bậc trí giả học cao, hiểu rộng thì chắc chắn còn bao nhiêu lý giải rất kỳ thú quanh hai chữ Bệnh và Tật chứ không có nghèo nàn chữ nghĩa như tôi đâu. Có điều... tóm lại là riêng với cảm nghĩ của tôi, tôi chẳng thấy hai từ ngữ này tại sao lại phải cần thiết sánh vai cùng nhau một cách thân thiện, âu yếm đến thế!

Vậy mà cũng đến một ngày...chính tôi lại chiêm nghiệm ra sự tương thân, tương ái giữa hai từ ngữ oái ăm đó! Đó là hôm vừa qua, khi cơ thể đang cố gắng hồi phục sau một cơn bạo bệnh, tôi ngồi nơi phòng khách, lơ mơ nghĩ mà thương cho cái thân hình ốm yếu của mình vô kể! Cái thân hình mà người ta thường mô tả là mình hạc xác ve! Thật ra lần này tôi ngã bệnh chẳng có oan một ly ông cụ nào. Thời gian 3 tháng trời ở Việt Nam, nhà tôi mắc cùng với mọi người bà con làm việc cho nhà thờ họ nên không có thời giờ đi đâu. Lang thang một mình, có khi đi Hải Phòng thăm bà con, lúc lên Hà Nội ngắm phố phường và hít khói xe với người ta cho vui và vài lần đi tới làng lụa Vạn Phúc mua lụa, mua khăn riết rồi chẳng biết chỗ nào nữa mà đi, tôi bắt đầu khám phá khu phố chợ trong quê. Gọi là khu phố, vì đây là một nơi nửa tỉnh nửa quê, cách thành phố Hải Dương có 9 km và được gọi là thị trấn. Tôi đoán người dân nơi đây làm ăn dễ dàng, vì hàng quán mọc lên như nấm. Nếu sinh nhai khó khăn, người ta đào đâu ra tiền để mà ăn quà vặt nhiều như thế này? Cửa đáng tội giá cả rẻ hơn những thành phố, cho nên tôi tha hồ ăn vặt mà không đến nỗi sợ phải "bán chồng bán con".

Mỗi ngày tôi từ Hải Dương đi xe buss vô làng, và thường xuống xe ở trước cổng chợ, nghĩa là xích lên xa hơn nhà thờ họ Nguyễn của nhà chồng tôi một đoạn để...ăn quà vặt. Cũng có lúc hẹn với bà chị chồng gặp nhau tại chợ rồi hai chị em rủ nhau

đi. Những lúc đó, tôi quên phứt là đang mang trong mình chứng bệnh tiểu đường! Rồi khi về miền Nam cũng vậy! Vợ chồng tôi ở trong một khách sạn đối diện với chợ Bàn Cờ, và chỉ đi một đoạn ngắn là đến chợ Vườn Chuối nên rất tiện và lợi. Thế là tôi cứ ăn uống thả dãn, nào là sầu riêng, vú sữa, dưa hấu, đu đủ, bánh bò, bánh tiêu, chè kho, xôi vò. Kẹt một nỗi cái miệng của tôi chứa hay ăn vặt, đã lâu phải nhịn thèm, mà chợ thì gần nhà. Ngày nào tôi cũng đi dạo trong chợ đến mấy lần, vừa thể dục thể thao, lại vừa mua sắm thỏa thích vì thứ gì cũng rẻ mạt đối với cái xứ Na Uy khi ho cò gây thân yêu của tôi. Ngoài những vật dụng ngộ nghĩnh mà khi chưa mua thì thấy nó vừa rẻ, vừa đẹp, lúc tha về sợ không có chỗ mà dúi ra còn có những thức ăn hấp dẫn đập vào mắt mình! Thế có chết người không cơ chứ! Hồi còn ở Hải Dương cũng vậy! Ban ngày thì ăn theo ban ngày, tới khi trở lại thành phố, tôi cũng ráng mua đem theo thứ gì đó để nhóp nhép cho thỏa thích. Mùa chúng tôi về đúng vào mùa mía của miền Bắc mới chết chứ! Cứ hai buổi tối, tôi lại sức hết một cây mía khi nằm dài trong khách sạn, vừa cạp mía, vừa dán mắt vào cái TV. Đã vậy mỗi ngày về quê, bà cô, bà thím biết tôi thích rượu nếp nên ngày nào cũng thi nhau dí cho ăn, sáng ăn một chén của bà cô thì chiều một chén của bà thím! Mà cái giồng rượu nếp nó ngọt gắt cổ họng chớ nào phải giống chơi! Rồi cái hôm ra phi trường, một mình tôi ngồi nhăm nháp một hồi là tém gọn nguyên một trái sầu riêng vô bụng. Thật ra, từ hồi khám phá ra mình bị tiểu đường cho tới lần vừa qua, tôi chưa hề bị căn bệnh đó đe dọa nên rất ỷ y, và lại trước khi đi VN, tôi có giờ khám mắt tại bệnh viện vì chứng bệnh tiểu đường. Khám xong, người ta hoan hỷ cho tôi biết rằng mắt tôi không có dấu hiệu bị lên đường, cho nên cả ba người: tôi, chồng tôi và bà chị chồng đều không nghĩ tới việc tôi cần kiêng cử. Mà sao trời cũng thương, suốt thời gian ăn uống bừa bãi như vậy, tôi vẫn khỏe re như con bò kéo xe! Chứ năm lần quay ra ở bên đó thì không biết ra sao vì làm gì còn đủ sức lực để ngồi máy bay gần 20 tiếng đồng hồ! Nói thì nói vậy thôi, nếu phải về thì hăng bảo hiểm họ cũng cho nằm trên một cái băng ca, như tôi từng thấy một vài người khác, chứ chắc là chẳng đến nỗi nào. Về tới Na Uy được hơn một tuần, vừa bước qua ngày Mừng Hai Tết, căn bệnh mới quật tôi, chịu không nổi. Tôi nằm ngáp ngáp, mắt mở không ra làm cho nhà tôi đâm hoảng, nên ngày Mừng Bốn, xe cứu thương phải tới đưa vô bệnh viện. Tôi nhớ lại có lúc quá mệt, tôi tưởng mình sắp đứt bóng rồi ấy chứ! Rồi

con hiem nghèo cũng qua đi, và sau 2 tuần nằm bệnh viện, tôi lại được về nhà và biết rằng mình chưa chết.

Tôi đưa đôi mắt lơ lơ nhìn qua khung cửa sổ phòng khách, ra dãy núi xa xa, cảnh thiên nhiên Nauy đẹp vô cùng. Vào mùa này tuyết đã tan gần hết, trời trong xanh và nắng chan hòa. Bầy chim đi đã trở về hót líu lo trên những cành cây trong sân. Tôi nghĩ đến những bịch hạt giống hoa và rau mới mua hôm đi sắm Tết đang nằm sốt ruột chờ trong tủ chứa đồ khô. Vào mùa hè, tôi thường phơi nắng bằng cách đi ra vườn tưới cây bằng bình tưới chứ không dùng vòi xịt. Tưới kiểu đó thì tôi phải đi tới đi lui nhiều lần để lấy nước và tưới lên rau. Như vậy, mỗi ngày tôi cũng đi bộ được vài tiếng đồng hồ. Và những rau trái tôi gieo trồng cũng trả ơn bằng cách cung cấp cho gia đình những bó rau, trái đậu, nhánh hành mập mập, tươi tốt và an toàn vệ sinh thực phẩm. Khi nghe tôi khoe khoang việc trồng trọt thành công, chị Kh. H, hỏi vượt biên đã đi cùng ghe với chúng tôi, đã khen ngợi tôi sao mà giỏi quá! Làm cho tôi mắc cỡ muốn chết. Thực ra thì chẳng riêng gì tôi, nếu ai thích trồng tía cũng có thể thành công hết. Vì ở cái xứ này, với một số tiền nhỏ nhoi, chúng ta cứ việc ra tiệm chuyên bán hạt giống, đất đã trộn sẵn phân và đầy đủ các thứ là đã có thể thực hiện ý thích trồng trọt được rồi, chỉ mất công tưới và lâu lâu bỏ thí cho chúng vài hột phân chứ có gì khó nhọc đâu! Mặc dầu nhà tôi có vườn cỏ, có thể cuốc lên làm một mảnh vườn rau nho nhỏ vào mỗi mùa hè, và để dành được tiền mua đất, nhưng từ chục năm nay, có một giống sên không biết từ đâu đã du nhập vào cái đất nước nhỏ bé này và sanh sôi nảy nở rất nhanh. Dĩ nhiên là chúng cần thức ăn, và gần như mọi thứ rau và trái cây đều là món khoái khẩu của chúng hết nên rất dễ xảy ra việc một buổi sáng đẹp trời nào đó, bạn khoan khoái ra vườn định ngắm thành quả của mình và nhìn thấy chúng tã tơi, tan nát vì bị loài sên đó tới thăm vào ban đêm. Lúc đó bạn sẽ cảm thấy thất vọng ê chề! Vùng tôi ở có rất nhiều nông trại, và cũng rất nhiều sên. Nhà nào có trồng trọt thì càng có nhiều con sên tới viếng. Tôi cũng giống như nhiều người khác, rất nhòm góm cái giống bò sát mắc dịch này nên đành đi mua đất, đổ vào những "thùng mốp" xin được tại những tiệm bán rau trái, và đặt trên miếng xi măng ở phía sau nhà để mùa hè có công chuyện làm với người ta. Đã 2 lần tôi gieo mướp và cho giây mướp leo từ chồng gạch cao lên hàng rào thông. Cái giàn mướp đã chiến như vậy mà mỗi lần trồng, cả một mùa hè cũng cho tôi được 5 trái. Quý vị sống ở những xứ nóng và ẩm mà nghe tôi khoe thâu hoạch được những 5 trái mướp mỗi lần trồng thì có lẽ phải cười đến bể bụng, rụng răng mất! Nhưng Na Uy của chúng tôi vừa lạnh vừa khô, một số rau trái nhiệt đới không thể phát triển được mặc dầu vào mùa hè nắng cũng ẩm như ai! Không những vậy, ban ngày dài lắm, cho nên cây

cối tha hồ hưởng ánh nắng mặt trời. Có lần tôi qua Cali, thấy rau mướp mà bắt ham, trong khi ở đây, trồng rau mướp mà không bọc trùm hum lại để giữ độ ẩm thì rau chỉ lên được chừng một lóng tay, ốm như cây tăm và lèo tèo có 2 cọng lá chứ nhứt định không chịu lớn thêm. Cho nên việc tôi trồng mướp mà có được mướp để ăn, bảo sao tôi không mừng cho được! Mỗi khi có khách tới thăm, tôi đều đưa họ tới giàn mướp để khoe, và ai cũng trầm trồ khen ngợi làm tôi nở phồng cả hai lỗ mũi xém chút thì bị tét ra, lại mất công vô nhà thương để may lại. Một «thiên tài» trồng trọt như tôi mà có «đi bán muối» thì nghĩ cũng uổng đời đó chứ! Rồi lại còn một lũ cháu nội ngoại rất dễ thương của tôi! Tôi nỡ nào bỏ chúng mà đi cho đành! Nghĩ tới đó, tinh thần cầu sống lại vùng lên, và tôi quyết tâm ráng ăn uống cho cẩn thận để đừng có chuyện không tốt xảy ra.

Trở lại với Bình và Tật, là đề tài mà tôi muốn lần nhai hôm nay, là vì cái đầu còn mù mờ, ốm yếu của tôi nó cảm thấy buồn quá đỗi. Đã kể như khỏi bệnh từ hơn một tháng nay, vậy mà cơ thể tôi vẫn chưa hoàn toàn bình phục. Mỗi khi đứng lên, ngồi xuống thì tôi lảo đảo như người say rượu. Hôm từ bệnh viện về, tôi đi taxi vì nhà tôi có việc bận không tới đón được. Từ ngoài sân vào trong nhà chỉ có mấy bậc cầu thang mà đi đứng khổ sở, lấy bà lấy bầy như Cao Biền dậy non, không sao bước lên nổi mà phải có hai người là nhà tôi và chú tài xế Taxi xóc nách tôi mới vượt được qua cửa ải khó khăn này. Nhớ hồi hai năm về trước, khi từ Viện Ung Thư về bằng taxi với cái đầu trọc lóc và tám hình hài thê lương chỉ còn cân nặng có 35 ký. (Vì nhà tôi không dè tôi về vào ngày hôm đó nên tôi cũng phải đi taxi từ Oslo về do bệnh viện thanh toán). Không có ai dìu đỡ, tôi đã phải bò từng bậc thang từ ngoài sân vào nhà, leo lên được một bậc thang lại phải ngừng để lấy sức trở lại. Vậy mà chỉ 2 tuần lễ sau, khi bắt đầu ăn uống bình thường, không còn sợ thức ăn, tôi đã có thể ngồi xe với nhà tôi ra đón cô em gái từ VN qua tại phi trường địa phương và 2 tuần sau đó đã cùng với cô em và bà bạn lên Oslo rồi đi dạo trong Công Trường "Sexy", một điểm du lịch mà không ai có thể bỏ qua khi đến thăm thủ đô Oslo, mặc dù cái đầu mới lún phún những cọng tóc đang bắt đầu lú ra, mặt mày hốc hác không khác gì nhân vật Mai Siêu Phong trong truyện kiếm hiệp Anh Hùng Xạ Điêu mà tác giả Kim Dung diễn tả. Lúc đó tôi đã có thể bước lên những bậc thang cao vòi vọi nơi đây và tung tăng đi chụp hình cùng với mọi người. Vậy mà giờ đây, tôi có cảm tưởng chân tay nhẹ hẫng như chúng không còn là của tôi nữa.

Tôi ngậm ngùi nhớ lại những lời an ủi của anh V. khi nghe tôi than vãn, rằng thì là mình già rồi, sức khỏe có hao hụt dần thì cũng là chuyện bình thường, cứ nhìn bà xã của ông ấy thì biết. Tôi buồn man mác khi nhớ lại thời gian khoảng hai mươi năm về trước, hồi đám cưới của một chị

bạn, tôi đi sau lưng bà xã anh V mà không nhận ra, vì vóc dáng chị ấy quá trẻ và đẹp. Vậy mà giờ đây chị cũng đau yếu liên miên và gầy gò, khẳng khiu như một cây sậy, chẳng hơn gì tôi. A! nhưng mà chị ấy có hơn tôi đấy chứ! Vì chị không mắc căn bệnh ung thư chết người như tôi, mà chỉ là những bệnh vặt (nhớ đấy nhé, H. Tr. thân mến! Bỏ không thể và đừng có hòng chết trước tôi đâu! Lời cầu nguyện này tôi dành cho tất cả bằng hữu, người thân của tôi đó). Chao ôi! Thời gian quả là cay nghiệt với cái đám già chúng tôi! Rồi tôi lần lần nghĩ tới cái ngày hai vợ chồng già không còn tự túc được! Rồi một người mất đi, người ở lại sẽ sống ra sao? Cái ngày mà nhà tôi phải lùi thui xách khăn gói tới nhà con, rồi sau đó... Ôi! Cái viễn ảnh tương lai thật kinh hoàng! Cuộc đời sao mà buồn thế!!! Có lẽ những hình ảnh về một ngày mai chẳng có gì là sáng sủa đó làm cho tôi cảm thấy chán nản, cho nên tôi mới chặc lưỡi tự trấn an mình: "Thôi kệ bà nó! Tới đâu thì tới chứ hơi đâu mà suy nghĩ chỉ cho mệt cái thân già!" Nghĩ tới đây, tôi chợt nhớ lại cái con nhỏ Ngọc nó lại đi thi thắm với bố nó rằng thì là "Bố nhớ đừng có để cho mẹ nói Kệ Bà Nó nghe bố. Mẹ mà kệ bà nó thì nguy hiểm lắm đấy!" Rồi nó còn rí tai với bố nó là phải coi chừng mẹ ăn vụng đấy. Để bố nó hiểu rõ tầm quan trọng của việc những người mang bệnh tiểu đường thường hay ăn vụng, nó hùng hồn đưa ra những kinh nghiệm đã trải qua trong thời gian đi thực tập cho bệnh nhân tiểu đường. Nó nói rằng nó đã từng chứng kiến những bệnh nhân mắc bệnh tiểu đường phải trở lại bệnh viện với biến chứng còn trầm kha hơn trước! Thì ra vì quá thèm đồ ngọt, họ đã lén lút đi kiếm về ăn thỏa mái không cho ai biết, mà con nhỏ Ngọc đã gọi một cách khiếm nhã là... ăn vụng. Và vì không có ai kiểm soát nên họ cứ tha hồ ăn cho sướng miệng cho tới một ngày mắt trợn ngược lên, nằm dẫy tề tề! Mắt trợn ngược thì tôi không biết, chứ còn dẫy tề tề thì tôi nghĩ nó thêm thất cho hình ảnh càng thêm sống động đấy thôi, chứ đã mệt khờ me đó, còn sức đâu mà dẫy tề tề!? Nhưng nhà tôi xác nhận rằng ông ấy đã từng chứng kiến cặp mắt của tôi CỎ trợn ngược lên! Mà khi trợn như vậy thì chỉ toàn là trắng trắng làm cho ông tưởng tôi bị đui, vì ông từng nghe nói có những người bị đui vì lượng đường lên mắt quá cao. Tôi nghe mà muốn trợn ngược đôi mắt một lần nữa quá! Lần này không phải bị, mà là muốn! vì tôi bức mình quá đấy! Sao mà bố con nhà ông ấy lại nở lòng nào bôi bác một kẻ đáng thương, đau yếu như tôi đến thế cơ chứ! Đúng là dậu chưa kịp đổ mà bìm đã thì nhau leo kín! Đã thế, ông ấy còn đưa cái ngón tay trở cong vẹo ra, nói rằng lúc đó, em muốn chỉ cái gì, thì cái ngón trở nó cong xuống như thế này này, làm cho anh lại tưởng em chỉ thứ khác! Ở nhà, vợ chồng tôi hay chọc quê nhau như vậy đó. Ngày trước, nhà tôi rất nghiêm nghị khiến tôi cảm thấy nhàm chán. Nhưng có lẽ sống với một con người ba gai là tôi riết rồi ông ấy bị... lây, và sẵn sàng trả đũa

lại tôi mỗi khi cần.

Rồi tôi lại nghiệm ra rằng cũng có thể là cái bệnh nó dễ làm cho người ta sanh tật. Đã biết mình bị căn bệnh cần phải kiêng cử mà còn sanh chứng... ăn vụng làm chi cho nên nổi! Như vậy không phải là TẬT đi kèm với BỆNH thì là gì"? Và tôi bắt đầu nhớ lại từ lần đầu tiên tôi bắt đầu bị bệnh hành hạ hồi gần 20 năm về trước. Nói là lần đầu tiên quả không có ngoa chút nào đâu quý vị à, trước khi khám phá ra bệnh ung thư đang tàn phá cơ thể tôi thì tôi hoàn toàn không hề biết đau yếu là gì. Tôi nhớ lại tâm trạng mình chết lặng, bàng hoàng khi nghe bà bác sĩ tuyên bố rằng mẫu xét nghiệm đã gửi lên Viện Ung thư cho hay kết quả là dương tính. Tôi vừa giải phẫu xong nên được cho về nhà dưỡng sức 6 tuần rồi sẽ có thư gửi về cho hay ngày giờ lên trên đó để khám lại coi còn cục bướu nào sót trong bụng không. Bà còn thông thêm một câu nghe nổi da gà là có thể họ sẽ giải phẫu lại! Về tới nhà, tôi chui ngay vô phòng nằm trùm kín mền lên tới đỉnh đầu. Tôi muốn chạy trốn tất cả, chạy trốn cả chính mình. Thời gian này, ung thư vẫn còn là căn bệnh khủng khiếp nhưt mà ai cũng sợ xanh mặt mỗi khi nhắc đến vì ngoài nó ra, tôi chưa hề nghe ai đề cập tới những chứng bệnh thời đại hiện nay là bệnh AIDS, và H5N1 hay là H1N1 làm cho cả thế giới rung động. Đó là chưa kể tới bệnh SARS giống như một con ác mộng, giết hại bao nhiêu người dù chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn làm cho người ta không biết đâu mà đỡ.

Tôi nằm cuộn mình như con sâu kèn trong lớp mền dày cộm mà vẫn nghe như lạnh buốt đến run lẩy bẩy, đầu óc bán loạn, không biết mình phải làm sao! Năm đó tôi vừa qua tuổi bốn mươi, cái tuổi còn quá trẻ cho một người đến định cư tại một nơi hoàn toàn xa lạ, với nhiều ước vọng và việc cần làm với một lũ con còn thơ ấu. Tôi nhớ tới những buổi sớm mai vào ngày nghỉ cuối tuần hay ngày lễ, ông xã tôi đã dậy từ lâu và đang ngồi nhâm nhi ly cà phê nóng với tờ báo địa phương trong căn nhà bếp. Tụi nhỏ chỉ chờ có vậy, chúng rủ nhau qua phòng, nhào lên giường nằm cạnh mẹ, chui vô đắp mền đến tận cổ để vò mẹ kể chuyện cổ tích hoặc hát cho chúng nghe những bản nhạc thiếu nhi của quê nhà. Chúng cũng kể cho tôi nghe những chuyện xảy ra trong trường. Thịnh thoàng mấy anh em lại chỉ chèo kéo qua kéo lại tám mền vì quá chật cho 6 mẹ con, nhưng khi tôi dọa đi xuống dưới nhà thì tự nhiên lại ổn thỏa ngay. Trong cái lạnh lạnh của buổi sáng Na Uy, không phải dậy sớm đi học mà lại được rúc nách mẹ là niềm hạnh phúc nhưt đời với lũ con yêu dấu của tôi. Vào mùa Phục Sinh hoặc Giáng Sinh, chương trình TV trên các đài của Na Uy hoặc Thụy Điển thường có những phim hay, phục vụ cho con nít từ sáng sớm nhân ngày lễ nghỉ. Mấy mẹ con cùng nghiên cứu trong báo coi nên chọn đài nào từ ngày hôm trước, sáng hôm sau hễ

nhau gõ cửa từng phòng ngủ, đánh thức nhau dậy cùng đi xuống phòng khách để coi những phim đã chọn từ tối hôm qua. Chính vì vậy mà tôi mới có dịp coi một số phim con nít rất hay, mà nhà văn viết cho tuổi thiếu niên tôi ngưỡng mộ nhất là bà Astrid Lindgren người Thụy Điển. Cùng thời với Astrid Lindgren, Na Uy cũng có một bà văn sĩ chuyên viết truyện thiếu nhi là Anne Cat. Vestli. Tôi cũng rất yêu quý bà nhưng phần lớn là do lòng kính trọng lối viết bằng bạc tấm lòng nhân hậu, tình người bao la qua ngòi viết của bà. Bà có lối viết rất chân phương với những tình tiết đơn giản, ngộ nghĩnh, rất tốt cho tâm hồn trong trắng, non nớt của lứa tuổi thiếu nhi. Tôi rất hạnh diện gia đình tôi được may mắn định cư tại nước Na Uy, nơi có một nhà văn là Anne Cat. Vestli. Nhưng lối viết dí dỏm độc đáo của Astrid Lindgren thì tôi cảm phục hết sức. Cả hai bà nay cùng đã qua đời với tuổi thọ rất cao trong những năm cuối thế kỷ vừa qua.

Trong con tuyệt vọng khi nghĩ tới cái chết, tôi không còn gần gũi, âu yếm các con như xưa, mà đối đãi lạnh lùng, hung dữ. Mỗi khi gặp điều gì bức dọc, hoặc đáng lý ra cũng không có gì tới nỗi, tôi cũng hét to, khóc lóc um sùm. Thậm chí có lần tôi còn gọi tụi nhỏ bằng "mày" hay là "tụi bay" và xưng "tao" với các con, rồi bắt chúng nằm dài ăn đòn một nhĩ. Thường thì khi có lỗi, các con tôi vẫn bị đòn, nhưng những lời xưng hô đó làm bọn trẻ ngỡ ngàng. Chúng phản đối quyết liệt vì chưa hề nghe tôi gọi như vậy bao giờ. Trong nhà, tụi nhỏ gần như chỉ sợ bố chứ không sợ mẹ, vì trước đây mẹ luôn cư xử với chúng như những người bạn. Cũng nhờ vậy, chúng đã không e dè khi phải tâm sự với mẹ hoặc hỏi ý kiến của mẹ khi gặp điều gì khó nghĩ. Bằng cách đó, tôi có thể kín đáo theo dõi chúng làm gì và nghĩ gì. Vậy mà giờ đây mẹ bỗng thay đổi tánh tình trở thành một người dữ dằn, thô lỗ như vậy, thử hỏi sao chúng không thất vọng cho được! Vậy là những cuộc cãi vã giữa mấy mẹ con bùng nổ. Nói cho đúng thì chỉ có thằng Châu và thằng Lễ vì những đứa kia còn quá nhỏ, chỉ biết giương mắt chịu đựng chứ chưa đủ khả năng đối kháng, và lại chúng cũng không làm gì để bị ăn đòn. Đó là những lúc không có nhà tôi ở nhà, thằng Châu và thằng Lễ mới dám trả treo với mẹ, chứ khi bố ở đó thì mặt chúng đỏ lên vì tức, nhưng chỉ còn cách kéo nhau lên phòng ngủ. Không có tụi nhỏ ở đó, nhà tôi cũng "cực lực lên án" thái độ thô bạo của tôi đối với các con, mà ông ấy chưa bao giờ thấy. Những lúc như vậy, tôi tủi thân ghê gớm, cảm thấy trên cõi đời này, tất cả đã phủ phàng quay lưng trở mặt với tôi, chỉ vì tôi sắp... chết, chẳng còn giá trị gì trên thế gian này nữa. Tôi mang tâm trạng của một con người cô đơn, phải chịu đựng muôn vàn nỗi đau đớn mà không ai thèm ngó ngàng gì đến. Nhưng tôi nói vậy không có nghĩa là tôi cam chịu thua đâu! Tôi cãi nhau với ông ấy ra trò. Thường thì khi những cuộc cãi

và kết thúc, tôi là người có tiếng nói sau cùng! Hồi nhỏ, tôi thường bị má tôi nói là lý sự cùn mà lại. Có khi nào tôi lại chịu thua một cách dễ dàng kia chứ!

Rồi thư báo ngày lên viện ung thư Oslo cũng đã tới. Hôm đó, nhà tôi được nghỉ làm để đưa tôi đi. Tôi nhớ lại tâm trạng run sợ, hoảng hốt của mình khi ngồi trong căn phòng chờ đợi. Tôi khóc lặng lẽ vì hiểu rằng chỉ lát nữa đây, khi tôi đã theo cô y tá đi nhận phòng xong thì nhà tôi sẽ lái xe trở về nhà vì còn những đứa con sắp đi học về, cần có cơm ăn và tôi sẽ ở lại một mình trong cái nhà thương đáng ghê sợ này. Người ta đã báo cho ông xã tôi biết là anh ấy sẽ được nghỉ suốt thời gian tôi bị bệnh mà vẫn lãnh lương đầy đủ vì thằng con út chưa đầy 10 tuổi cần có sự chăm sóc, đó là luật của nước Na Uy. Không ngờ thời gian đó kéo dài tới hơn một năm trời! Quả là chúng tôi quá may mắn khi được định cư tại một quốc gia giàu lòng nhân ái như vậy!

Cũng hên là sau 10 ngày, mà sáng nào cũng bị đánh thức để đưa đi chụp thuốc mê cho người ta theo dõi từng bộ phận tim gan phèo phổi... coi có chỗ nào đã bị tấn công bởi tế bào ung thư, cuối cùng họ cho tôi hay không bị giải phẫu lần thứ hai. Tôi được chuyển lên tầng 4 và xếp trong số người chữa trị bằng tia phóng xạ. Một điều rất lạ là những nhân viên tại đây tỏ ra chăm sóc đặc biệt tới tôi, họ vồn vã, lo lắng cho tôi hơn những bệnh nhân khác rất nhiều. Có lẽ đọc đến đây mọi người cho rằng tôi nỡ quá! Ai mà tin nổi? Nhưng quả thực là nhân viên xã hội của bệnh viện đã phát cho tôi tiền hằng tuần để đi xe điện lên trung tâm Oslo chơi và ăn uống sau mỗi lần chữa bệnh xong, và vào mùa Noel tôi cũng được một số tiền để về mua sắm quần áo cho mình và tặng quà cho gia đình. Hồi đó tôi cứ nghĩ chắc tại mình sắp huỷ Nhị tỳ cho nên họ mới an ủi đặc biệt như vậy. Mãi về sau khi đã chấm dứt cuộc chữa trị hơn 4 tháng trời tại đó, tôi mới vỡ lẽ ra rằng họ nom nớp lo sợ tôi tuyệt vọng rồi tìm cách tự tử giống như một người đàn bà Việt Nam khác đã từng chữa trị tại đây, có lẽ vì bà ta không chịu nổi khi con đau hành hạ. Chuyện xảy ra chỉ có vài tuần trước khi tôi nhập viện. Hồi đó, chính chị Kh.H. đã chứng kiến cái chết đau đớn của người đàn bà này vì chị hành nghề thông dịch tại vùng ngoại thành của thủ đô Oslo. Bà ta không chết ngay mà còn có thời gian hấp hối rất đau đớn nên chị Kh.H. phải tới thông dịch. Tôi thì nhát như cáy, làm gì có gan nhảy lầu tự tử như người đàn bà can đảm kia! Đúng là họ "lo bò trắng răng"! Nhưng mà cứ coi như tôi vô tình mà gặp hên đi!

Mười tám năm thấm thoát trôi qua, tôi cứ đinh ninh rằng mình đã thoát nạn. Thế mà cũng đến một ngày người ta tìm thấy những mụn ung thư mới trong cơ thể của tôi. Thế là tôi phải trở lại cái bệnh viện khủng khiếp đó thêm một lần nữa sau

cuộc giải phẫu thứ nhì tại bệnh viện tỉnh để trải qua một cuộc chữa trị khác với lần trước, mà người Việt mình gọi nôm na là "hoá trị". Còn ở đây thì người ta đặt cho nó cái tên sát nghĩa, là "đánh thuốc độc cho các tế bào". Với cách chữa trị này, tất cả các tế bào trong cơ thể bị tàn phá dữ dội, những tế bào yếu thì chết, còn tế bào khỏe cũng ngắc ngư. Trong thời gian này, tôi hầu như không ăn uống gì được, người ốm nhom ốm nhách, đến nỗi chính các bác sĩ còn phải lo ngại giùm. Đáng lẽ phải trải qua 7 lần chữa, mỗi lần 1 tuần liên tiếp, và mỗi ngày kéo dài tới 10 tiếng đồng hồ. Qua một tuần chữa bệnh, bình thường người bệnh được cho về nhà dưỡng sức 2 tuần, nhưng thấy tôi quá yếu nên họ cho tôi nghỉ 3 tuần mới trở lại điều trị tiếp. Vậy mà tôi còn không chịu nổi huống gì! Trước khi chữa, tôi cân được 50 ký lô. Thế mà chỉ qua lần thứ tư, tôi sụt xuống còn có 35 ký lô, coi chẳng khác nào một con ma khô nên bệnh viện họ sợ quá! Thay vì cho tôi về nhà dưỡng sức thì họ đòi giữ lại để bom thức ăn vô người. Nghe nói tới thức ăn trong khi cổ họng lúc nào cũng chực chờ muốn ói, lại còn bị bom vô ruột, tôi sợ điếng hồn nên nhứt định từ chối và yêu cầu họ kêu taxi tới đưa tôi về nhà trong khi nhà tôi vẫn đinh ninh rằng tuần đó tôi phải ở lại, chính vì thế tôi mới phải lồm cồm bò lên nhà một mình như đã nói ở trên. Ba tuần sau, khi tôi trở lại để khám sức khỏe rồi đưa tôi lên bàn cân, các bác sĩ họp với nhau và quyết định ngưng chữa thêm, vì nếu tiếp tục, chắc chắn tôi sẽ không chịu đựng nổi với một cơ thể quá yếu đuối và sẽ chết liền chứ không cần đợi tới khi ung thư bộc phát. Họ an ủi tôi rằng lần trước kéo dài được 17 năm, biết đâu lần này lại kéo dài, không được 17 năm thì cũng hy vọng là 5, 10 năm nữa, còn hơn là tiếp tục cuộc chữa trị mà chắc chắn tôi đứt bóng liền chứ không tài nào qua khỏi! Như vậy tôi cũng đủ thời gian thích làm gì thì cứ làm cho thỏa mãn. Cũng nên nói thêm một điều là sau khi giải phẫu cắt bỏ khối u lớn nhất thì trong bụng tôi vẫn còn hai khối u nhỏ xíu chưa làm gì được. Một thì có thể cắt đi khi nào đủ lớn, nhưng cục kia nằm trong một vị trí rất phức tạp, không thể nào đụng tới nó, cho nên hên xui may rủi! Khi nào khối u đó mà phát phồng lên thì tôi đành tiêu đời nhà ma chứ không còn cách nào chữa trị được nữa.

Tôi chẳng biết mình có nên lạc quan theo họ hay không. Nhưng tánh tôi hồi nào tới giờ tới đâu hay đó, "Kệ bà nó"! Có điều không hiểu có phải vì bị thuốc làm cho bứt rứt trong người, hay là vì sợ chết mà ra, sau đó tôi lại sanh tật nóng nảy y như hồi 18 năm về trước. Cũng hên là tình trạng đó không kéo dài lâu. Tôi nhận thấy hai lần điều trị bằng hai phương pháp khác nhau lại có phản ứng khác nhau. Lần trước sau khi chữa bằng cách "xạ trị" xong, tôi vẫn hoàn toàn khỏe mạnh, cứ tưởng rằng chỉ cần về nhà nghỉ 1 tháng cho sượng trước khi đi làm lại. Ai dè vừa sau một tháng thì tôi bắt đầu sạm bà chè từ từ, tay chân

cứng ngắc. Mỗi lần đang nằm mà muốn ngồi dậy thì phải có người dìu đỡ, các ngón tay tê cứng, nhứt là ngón trỏ, không hiểu sao lại cứ chia ra không cong lại được. Tôi đi đứng chậm chạp, khó khăn tới nỗi thăng Hải, con trai út của tôi đã phê bình: "Mẹ đi giống như bà nội lúc gần chết"! Nếu không nhờ lần qua London gặp bà bác sĩ Phụng, (chồng của bà trước kia là một bác sĩ quân y, từng phục vụ tại Bệnh viện 3 Dã Chiến trong tỉnh Định Tường.) thì có lẽ giờ này nếu tôi không ra người thiên cổ cũng phải lệ thuộc vào chiếc xe lăn. Bà Phụng đã dạy tôi cách tập những thể căn bản đầu tiên của môn Khí công. Về nhà tôi tập theo cách của bà, và kết quả tốt trông thấy. Tôi nhớ ơn bà đến suốt đời! Rất tiếc là sau này tôi qua London muốn liên lạc với bà để tạ ơn thì người bạn cho hay đã lâu không biết vợ chồng bà ở đâu! Còn cách chữa trị lần sau, tức là hóa trị, thì nó hành xác mình ngay sau lần chữa đầu tiên. Và trong thời gian đang chữa, nó hành mình ghê gớm, cứ nghĩ tới thức ăn lại rợn cả người, và yếu đi rất nhanh. Vậy mà sau khi chấm dứt cuộc chữa trị có 3 tuần, sức khỏe của tôi phục hồi nhanh chóng, như tôi đã nói ở phần trên.

Nhưng từ sau khi bị quật ngã vì bệnh tiểu đường, tôi chưa "trở môi" lần nào hết! Hay là tại vì hai chứng bệnh khác nhau và những cách chữa trị cũng khác nhau chăng? Nghĩ cho kỹ thì tôi cũng không hoàn toàn hiền lành như xưa đâu, bây giờ tánh tình tôi nóng nảy hơn trước. Tôi có một chị bạn, lâu lâu ưa nói những điều làm tôi bức mình, tôi quật cho chị ấy thẳng tay chứ không nín thinh như trước. Cũng được cái là chị ấy thông cảm tình trạng bệnh hoạn của tôi và có lẽ trong thâm tâm cũng biết mình nói không đúng, nên cuối cùng rồi lại huề. Nhiều lúc ngồi nghĩ lại, tôi cũng nhận ra việc nóng nảy vô lý của mình, nhưng khi có chuyện lại bùng bùng nổi giận, không kềm chế được. Dù sao thì bây giờ các con tôi đã khôn lớn, đã biết thông cảm với mẹ nên chúng tỏ ra rất giỏi chịu đựng.

Có điều... có việc này tôi chỉ thú nhận riêng với quý vị thôi đấy nhé, chứ không dám kể cho nhà tôi nghe, kéo 6 bố con ông ấy lại xúm vào xía xói, lên án này nọ thì ngượng chết! Đó là hồi nãy khi đi mua thức ăn, nhà tôi ngồi ở ngoài xe, tôi thừa cơ mua một cái bánh mì ngọt bỏ trong túi xách, đi ra gặp ông ấy tôi tỉnh bơ ra về mình ngây thơ, vô (số) tội! Chứ ai đại gì mà khai ra!?! Cái bánh mì đó tôi cũng chưa ăn vì lương tâm cũng hơi bị cắn rứt, nhưng có lẽ rồi nó cũng nằm yên trong bao tử của tôi thôi. Như vậy là rút cục, TÔI cũng đã sanh tật... ăn vụng rồi còn gì?

Và... người ta ghép cho hai chữ Bệnh và Tật đi đôi với nhau, cũng có lý lắm chứ!

Nguyễn Phạm Thy Hảo

Cuối Đường Chưa Đến

(Truyện dài chưa xuất bản)

Dương Kiên

1



Duy già từ Hà Nội trong tiếng rền rĩ của chuyến xe hỏa chậm chạp qua cầu Long Biên, một buổi sáng sương mờ mờ phủ hết giòng sông Hồng đã tới mùa nước lớn. Duy cố nhìn ra cửa toa với hy vọng thấy con đê đã nhiều lần cùng lũ bạn rong chơi lần cuối, nhưng chẳng nhìn xa hơn được nhưng thanh sắt xù xì, loang lờ và vài người đàn bà gồng gánh âm thầm lướt qua. Cuộc ra đi đầu tiên xa nhất của cuộc đời trôi qua một cách bình thường như thế, trong khi con tàu mệt mỏi tiến mãi trong sương mù của một ngày cuối đông như không bao giờ tan đi được.

Duy nhìn sang mẹ và chị, hai cái bóng gầy gò im lặng. Toa tàu đông người nhưng cũng im lặng khác thường, ai nấy cố nói nhỏ hơn, cử động ít hơn, thỉnh thoảng xếp lại vài cái làn dưới chân đã được xếp ngay ngắn, kín đáo nắn nắn lại cái gì đó trong khâu áo, vài bà cụ cọt đi cọt lại ruột tượng nhiều lần không biết để làm gì. Trừ vài người đàn bà đi buôn những chuyến tàu ngắn khi mới rời ga Hàng Cỏ thân nhiên cười nói, nhưng rồi trong cái không khí đặc quánh lo âu không dấu được, cũng lặng im nhai trầu.

Ngày hôm ấy, ngày 24.10.1954, ngày không bao giờ Duy quên được, dù Duy mới chỉ là cậu bé chưa đầy mười lăm tuổi.

Gia đình Duy, nói đúng ra là thầy Duy và các anh em Duy, đã "di cư" vào Sài Gòn từ gần hai tháng trước trong khi Duy bệnh nặng, bệnh thương hàn trong thời kỳ đuối sức nhất vì chỉ được húp vài thìa nước cháo loãng mỗi ngày, tóc rụng gần hết, đứng lên đi vài bước cũng không nổi. Thầy Duy bàn bạc với đề sao đó, thầy đưa các anh và em Duy đi trước, để lại đề và chị Khanh ở lại nuôi Duy trong căn nhà số 3 ngõ Nhà Đo, đã rộng thênh thang bây giờ lại thêm im lặng đến phát sợ. Hôm ấy thầy Duy đến bên giường sờ trán xem Duy có còn sốt không, rồi nói một câu thật ngắn, thật giản dị:

-Thôi, thầy đi trước nhé.

Không ngờ cái câu thật ngắn ấy, nói đề mà nói, lại là câu cuối cùng của thầy nói với Duy. Khi đã đến tuổi hiểu biết, đôi khi Duy tự hỏi nếu thầy nói một câu gì khác ân cần hơn, hay ít nhất dài hơn một chút, thì cái kỷ

niệm cuối cùng về thầy không biết có cảm động hơn, sâu đậm hơn không? Thầy Duy vẫn thế, ít nói nên lũ anh em Duy ai cũng sợ trừ khi đã ngà ngà thầy ngâm thơ tuy ngâm thơ không phải là nói, nhưng anh em Duy thấy gần gũi thầy hơn, ít nhất là tự do cười nói mà thầy không cau mặt khiến tất cả lại im thin thít. Nhưng thầy hiền, gần như không bao giờ mắng ai, nhưng mỗi câu thầy nói là một mệnh lệnh mà ai nấy đều lặng lẽ thi hành.

Tàu qua khỏi ga Gia Lâm thì ở cuối toa bỗng có bà cụ bật lên tiếng nấc. Tiếng một người đàn bà trẻ hơn, thì thào:

-Thôi mẹ à, mẹ cho con xin.

-Con ơi, sao con không cho mẹ về quê lấy cái cốt của thầy.

-Khô quá, con nói cả trăm lần rồi, về sao được mà về. Mẹ không thấy ông bà Cả đấy à, chỉ vì về quê lấy bộ đồ thờ mà...Thầy sống khôn chết thiêng, chả trách mẹ đâu.

Duy ngây ngất trong cơn bệnh chưa khỏi hẳn, thiếp đi trong tiếng rền rĩ của tiếng bánh sắt nghiêng ghê rợn nhưng vẫn biết để lấy chiếc áo len quần lại làm gối cho Duy tựa đầu.

Tuổi thơ ấu của Duy trôi qua êm đềm tại Huế, tuy Duy chẳng nhớ gì được nhiều ngoài căn nhà cổ âm u. Thầy đề Duy đều là người Bắc nhưng thầy vào làm quan ở Huế, một chức quan bộ Học, hình như không lớn nhưng chẳng nhỏ vì thầy là ngạch giáo viên thuộc địa, tốt nghiệp khóa đầu trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội. Có lẽ vị chủ nhiệm của Nam Phong tạp chí khi trở thành thượng thư của triều đình Huế đã đưa thầy cùng vào chẳng, là điều chẳng bao giờ Duy được biết.

Duy ra đời vào năm thế chiến thứ hai bùng nổ tại Âu châu, năm sau quân Nhật chiếm đóng Đông Dương, cụ Phan qua đời tại An Cựu, tất cả những cái đó Duy chỉ được biết sau này qua những bài học lịch sử. Anh em Duy, các cậu ấm con quan của cái triều đình bình thản đó hình như không bị ảnh hưởng gì hay nếu có, Duy cũng chẳng biết ở cái tuổi tập bò, tập đi, tập nói ấy. Kỷ niệm về Huế chỉ là câu

chuyện "chú gà con" mà sau này được nghe kể nhiều lần đến nỗi Duy tưởng là chính mình biết rõ từng chi tiết.

Chẳng là mẹ Duy một hôm đi chợ mua chục trứng gà lộn về luộc. Khi nước bắt đầu sôi, một trái bỗng quay tít trong nồi, mẹ Duy lạ quá vớt ra đập thử thì hóa ra một trái già quá ngáy lộn vào chục trứng, một chú gà con đã đủ lông thoát chết trong nồi trứng luộc, cất tiếng chiêm chiếp chào đời. Các anh Duy được giao trách nhiệm nuôi chú, giã gạo thành tấm cho chú ăn, và chú sống sót.

Chú gà mồ côi ấy nhanh chóng làm quen với người, thơ thẩn chơi đâu nghe tiếng chíp chíp gọi cũng hấp tấp chạy tới. Các anh Duy đi học, chú đòi theo không được cũng biết kiên nhẫn chờ "các anh" đi học về chạy ra đón. Chú quán quýt người đến mức lén nhảy cả lên giường ngủ chung với người, chính vì thế mới nên tai họa. Một buổi trưa hè, bà vú nuôi Duy nằm ngủ trên tấm phản sau nhà chú cũng nhảy lên nằm cạnh. Bà mê ngủ, trở mình nằm lấn đè chú chết bẹp mà không biết. Các anh Duy khóc mất mấy ngày và "truyền tụng" câu chuyện đến mấy năm sau.

Năm 1945 gia đình Duy trở ra Bắc, Duy vẫn còn quá nhỏ để biết tại sao nhưng chỉ nhớ mang máng là thay vì ra thẳng Hà Nội, gia đình Duy dừng lại Thanh Hóa vì mẹ Duy gần đến ngày sinh chú Phương, chú em kế và cũng là em út của Duy. Chính ở đây, một ngày nào đó trong tháng tám, cả thành phố nhao lên trong một không khí kỳ lạ, và lần đầu tiên Duy thấy những lá cờ đỏ sao vàng giữa tiếng trống, tiếng la của những đoàn người kéo đi trên mấy con phố chính. Và về ưu tư của thầy, và lời dặn khế của đề với các anh "Đừng nói ai biết thầy làm quan."

Sau cái không khí ồn ào của mấy ngày tháng tám, Thanh Hóa lại trở lại với sự yên tĩnh của một thành phố nhỏ nghèo nàn, và càng trầm uất hơn khi người ta bắt đầu nói đến thiếu gạo, không có gạo mà mua, gạo đắt như vàng. Thì ra, cái đói từ miền Bắc bắt đầu lan xa đi, tuy không vào sâu xứ Trung kỳ, nhưng cũng mon men tới mảnh đất giáp ranh với miền Bắc. Nồi cơm của gia đình Duy nhỏ đi, và hình như thầy thường lừ mắt

nhắc các anh lớn của Duy đề ngang đưa lên miệng chén nói "Con xin vô phép" sau khi đã ăn hết hai lưng chén.

Riêng Duy không biết đến cái đói kẻ cả những ngày đầu năm 1946 đã ra đến Hà Nội khi mà cả miền Bắc là đi trong cơn đói. Cái dạ dày nhỏ bé của Duy được cả nhà nhường nhịn lúc nào cũng no đủ nhưng các anh Duy thì gầy đi thấy rõ vì không còn bữa sáng, trưa bữa cơm độn nhiều khoai hơn gạo và chiều là nồi cháo loãng. Cậu bé Duy còn trong tuổi chơi đùa để mà có thể nhận thấy sinh hoạt kỳ lạ của cái thành phố nửa chết lịm đi trong cơn đói nửa bùng bùng lên như giận dữ, như phấn khích, như lo sợ một cái gì không rõ rệt. Người ta nói thì thảo mà không hiểu tại sao phải thì thảo. Những cuộc biểu tình rầm rập rồi bỗng im bặt đi. Những đoàn quân hỗn độn đủ loại quân phục ngày hôm trước còn sục sạo khắp đường phố nửa mua nửa ăn cướp, ngày hôm sau đã biến mất. Rồi người ta truyền miệng nhau: "Tây đồ bộ! Tây đồ bộ!" trong cái tức giận nhón nhác. Người ta say lên trong một cơn say nửa ngây thơ, nửa hoang mang điên dại. Những thanh niên chạy đi chạy lại với gậy gộc trong tay, vài bộ bàn ghế cũ khiêng ra đầu phố làm rào cản, những lá cờ đỏ nhuộm vội bằng thuốc nhuộm nội hóa gặp cơn mưa bắt đầu loang lổ...

Nhưng ngày Hà Nội bắt đầu nổ súng thì gia đình Duy đã về quê ngoại, làng Đồng Dụ, ở một chốn hẻo lánh nào đó thuộc tỉnh Hải Dương.

Trí nhớ của cậu bé bảy tuổi không cho phép Duy ghi lại làng của ngoại có cái gì khác hơn một làng quê nghèo nàn miền Bắc với duy nhất ngôi đình làng được lợp ngói, ngoài ra là những mái tranh âm đạm. Nhưng cũng như tất cả những làng khác, người ta phải cố tìm ra cái gì để hãnh diện, có lẽ vì thế mà kho tàng tục ngữ có thêm câu "Cam Đồng Dụ, vú Đồ Sơn". Vú Đồ Sơn thì Duy không biết có thực sự đáng ca ngợi không, nhưng cam Đồng Dụ không để lại trong trí nhớ Duy vị ngọt nào đặc biệt, có thể vì Duy chỉ được ăn những trái cam còi hay vì còn quá nhỏ để nhớ được vị ngọt của cam Đồng Dụ khác với vị ngọt những trái cam Duy được ăn sau này.

Nhưng những ngày tản cư về quê ngoại cũng ghi vào ký ức Duy những kỷ niệm êm đềm.

Quê ngoại ngoài nghề làm ruộng, còn sống bằng hai nghề khác khiếm tốn là trồng dâu nuôi tằm và làm kẹo mạch nha. Nuôi tằm cực lắm, Duy không thích gì mấy vì bị ngoại bắt ngồi lau từng lá dâu ướt trước khi thái cho tằm ăn nhưng mỗi lần xong lứa tằm, bữa cơm có nhộng xào ăn bùi bùi, tất nhiên là ngon miệng hơn đĩa rau nửa lang, nửa dền nhặt nhèo và vài quả cà muối kéo dài ngày này qua ngày khác.

Nhưng kẹo mạch nha thì Duy thích lắm. Tuổi thơ thêm ngọt, mà hình như càng thiếu ăn người ta càng thêm ngọt. Đẻ nấu kẹo bằng những hạt thóc còn ngâm sữa trong một nồi nước sôi lớn cho đến khi chất sữa tan ra thành nước, lơ lơ trắng. Chất nước bỏ vỏ thóc, để nhỏ lửa cô dần cho đến khi quánh lại, màu nâu trong có thể lấy que quăn được. Ngâm trong miệng cho tan dần, mút mãi cái que không còn chút chất ngọt nào, là một hạnh phúc của tuổi thơ mà suốt cuộc đời sau này Duy không bao giờ quên được. Duy còn không quên được hình như đẻ thương Duy nhất, mặc dù gia đình có đến sáu anh em trai, Duy lại không phải là út nhưng có lẽ vì bị hen từ nhỏ di truyền của đẻ nên mỗi lần nấu kẹo, đẻ lén múc một bát nước chưa cô nhưng đã có vị ngọt thơm đưa cho Duy uống khi trong bếp chỉ có hai mẹ con, các anh chị Duy không bao giờ được nếm giòng sữa ngọt ngào ấy. Đối với Duy sữa ấy cũng là sữa mẹ, dù từ thóc mà ra.

Con tàu rùng mình lên rồi dừng lại. Ga Hải Dương.

Trong toa bắt đầu láo nháo, nhiều người cố chen nhau thò đầu qua cửa toa nhìn xuống sân ga. Chị Khanh nói nhỏ với đẻ:

-Đẻ sửa soạn giấy "lát-xê pát-xê" đi. Trạm này là trạm chốt, họ khám kỹ lắm đó. Rồi tàu sẽ đi thẳng Hải Phòng.

Đẻ lật vạt áo tìm chiếc túi khâu phía bên trong áo, mở kim băng, lôi ra mấy tờ giấy nhàu nát:

-Giấy này phải không?

Mẹ Duy không biết chữ. Bà về làm lẽ thầy Duy chỉ để đẻ con và làm bếp. Duy không bao giờ hiểu được thầy Duy là người tân học, tầng lớp trí thức mới của chế độ thuộc địa, sau khi lấy bà cả không sinh được mụn con nào, đem mẹ Duy là người hoàn toàn khác biệt trình độ về, chỉ để sinh con. Duy không trách thầy nhưng thấy thương đẻ, suốt đời chỉ quanh quẩn trong bếp và xót xa khi thấy đẻ hải lòng một cách nhẫn nhục và gần như biết ơn nữa.

Trên cửa toa hiện ra ba người, một sĩ quan Pháp, một cán bộ Việt Minh và một người có lẽ làm thông ngôn. Người thông ngôn nói lớn:

-Yêu cầu đồng bào không được xuống tàu khi chưa có lệnh. Lần lượt từng toa sẽ xuống và đi qua trạm kiểm soát, hành lý để trên tàu không được mang theo.

Sĩ quan Pháp Duy đã quen mắt vì nhiều lần nhìn thấy họ trên hè phố Hà Nội nhưng cán bộ Việt Minh thì đây là lần đầu xuất hiện bằng xương bằng thịt. Trong thập niên năm mươi, những học sinh ở tuổi mười lăm như Duy cũng đã có những tưởng tượng lãng mạn về những người đi kháng chiến, các "bộ đội cụ Hồ" và sự tưởng tượng nào cũng dễ thất vọng. Anh đứng đó, da hơi vàng, hình như cố làm vẻ cau có rồi tự nhiên gật gật đầu mặc dù không ai hỏi anh điều gì. Chiếc nón cối quá lớn so với khuôn mặt choắt choeo càng làm vẻ nghiêm nghị của anh trở nên hài hước. Duy biết mình vô lý khi muốn anh cao hơn người sĩ quan Pháp, khoan thai tự tin hơn kẻ thù hôm trước của mình. Nhưng Duy vẫn muốn thế, Duy ghét Pháp, Duy không muốn thấy hình ảnh tương phản mặc dù đứng ra cái tương phản ấy mới là cái đáng tự hào. Có thể chính con người Việt Nam nhỏ thó ấy đã từng dí súng vào một viên sĩ quan Pháp nào đó, trong giao thông hào Điện Biên Phủ, hô "Đưa tay lên!".

Thật ra Việt Minh đã tiếp thu Hà Nội từ hôm 11 tháng 10 nhưng thời gian ấy Duy còn liệt giường, cái ngõ Nhà Đo của Duy lại quá xa

những đường phố lớn để cả những tiếng ồn ào cũng không nghe thấy, nói gì được thấy bộ đội. Duy chỉ được nghe chị Khanh đi xem về phê bình vồn vện năm chữ: "Bộ đội cụ Hồ, chán chết!"

Trong toa im không một tiếng động lớn, đứng ra chỉ có vài tiếng thì thảo. Duy nghe sau lưng Duy có tiếng gất khẽ: "Mẹ làm gì mà cuống lên thế. Mình đi theo đúng "hiệp định", còn có "quốc tế" mà!".

Duy nhìn qua cửa toa. Những toa trước người ta xô đẩy nhau xuống, xếp thành hàng đi qua một hàng rào kẽm gai hẹp lối nhỏ những người. Đứng riêng một góc là một toán người ngoại quốc, người thương phục, người quân phục. Tiếng thì thảo sau lưng Duy lại nổi lên:

-Ủy Hội Kiểm Soát Đình Chiến đây! Có cả Ấn Độ nữa, mẹ đừng sợ!

-Thì tao có sợ gì đâu. Nhưng còn bỏ anh, tiếc của về quê bán nhà, mà đã thấy ra đâu. Giời ơi, nhà với cửa, còn mua với bán gì nữa! Mồ mà ông cha còn bỏ nữa là.

-Đã hết thời gian ba trăm ngày đâu.

-Ở đây mà "thời gian". Trong quê, người ta chặt đầu như củ chuối ấy, "quốc tế" đâu chả thấy.

Đến lượt toa Duy xuống tàu. Đè nắm tay Duy hỏi khẽ:

-Con đi được không?

Duy gật đầu, chập choạng đi theo mẹ và chị, trong cảm giác hụt hững của một người mới ốm dậy. Quãng đường ngắn không quá hai trăm thước cũng làm Duy mệt nhoài, tất cả những hình ảnh loáng thoáng qua đi, trình giấy, khám người, tiếng phân trần, gất gong...

Gần hai tiếng sau, con tàu lại hú tiếng còi ra đi, hướng về Hải Phòng nơi vẫn còn những chiếc máy bay cất cánh vào Nam và những đoàn tàu há mồm chờ sẵn.

Lên tàu, đè ép Duy ăn vài thìa cháo, miệng Duy nhặt thếch, mắt diu lại buồn ngủ trong khi những tiếng nói to tiếng hơn bắt đầu ồn lên trong toa tàu.

(còn tiếp)

Phân ưu

Viết & Đọc năm qua đã mất đi hai tiếng lòng nhân thế:
Tâm Thanh cùng Dương Kiên:

Thiên nga chiều xuống bay trời biếc

Mùa gặt hư vô thâu một mình

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến của nhị vị anh linh.



thư cho nhau

Ban Thực Hiện Đặc San Viết & Đọc chân thành cảm ơn quý bạn Viết, bạn Đọc cùng các Văn - Thi sĩ, Họa Sĩ, Nhạc sĩ góp mặt trong số này.

Và cùng với việc đóng góp các sáng tác còn là sự đón nhận nồng nhiệt của quý độc giả, sự khích lệ của quý thân hữu và đặc biệt sự ủng hộ tài chánh cho việc ấn loát số vừa qua của quý vị: Hà Ngọc Anh 200Kr, Xuân Lan Thị Trần 300Kr, Ninh Thị Mỹ Trần 100Kr, Nguyệt Minh Trần Thị 200Kr, Trần văn Nho 200Kr, Bùi Thị Thoa 500K, Diễm Thanh 200Kr, Tâm Phương 200Kr, Tô Thị Bảy – Trần Văn Tập 200Kr

Ước mong mọi công sức của chúng ta sẽ được gói trọn trong Đặc San Viết & Đọc Xuân Bính Thân 2016, một món quà trao cho nhau trong ngày đầu Năm Mới.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn và kính chúc toàn thể quý vị Năm Mới an khang thịnh vượng.

Ban Thực Hiện

Về đây với nhau

Thơ : Dương Kiên

Nhạc : Trần Thụy Minh

♩ = 66

Nhẹ, khoan thai



Em về đây với anh, ngồi đây với anh, trong cuộc đời
này... Tay cầm tay thiết tha, ngàn chim hát
ca, ngàn khúc giao hòa. Anh về đây với
em, bờ vai đã quen, vòng tay ân tình.

♩ = 76 Dập dừ



Ta về đây với nhau, ngồi đây với nhau, hàng cau bóng
tre, trong những đêm hè. Giây trâu khuya vắng
vương, mùi dạ lý hương, giọt trắng dầm sương, tóc buông lơ

♩ = 66 Nhẹ, khoan thai



mềm. Em ngồi đây với anh, bờ vai đã
quen, ấm êm tình ta. Anh bình minh đã
Hết
lên diu nhau nhé anh, trong cuộc đời này...